

NGÔ QUANG THIÊN
NGUYỄN KIỀU OANH



ĐỘT PHÁ 9⁺

MÔN
NGŨ VĂN

KÌ THI VÀO LỚP 10 THPT



Hỗ trợ giải đáp thắc mắc

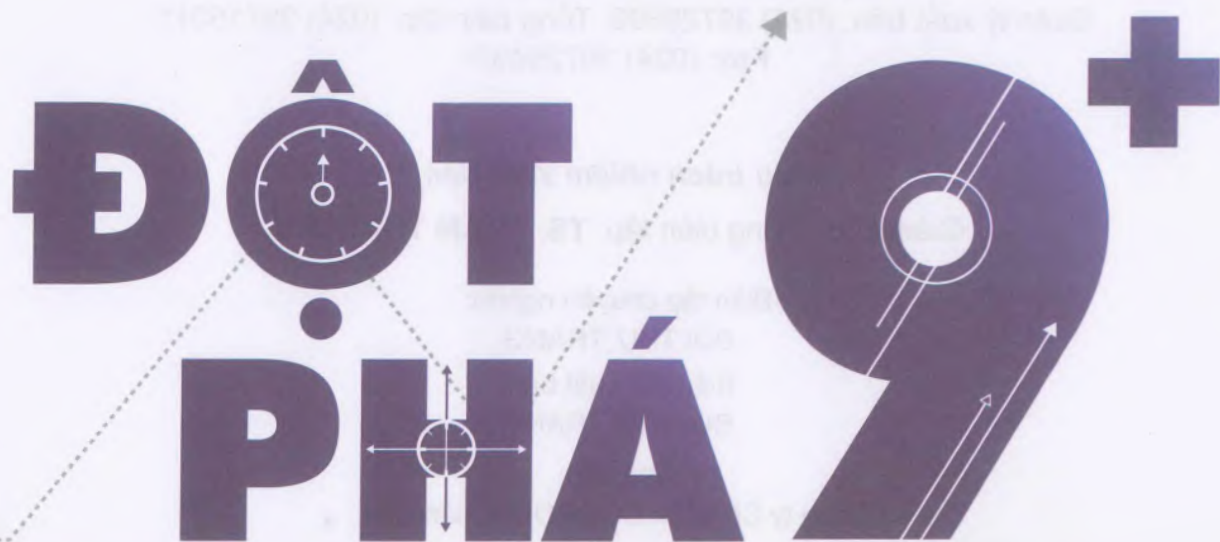


Video hỗ trợ sách



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Ngô Quang Thiện - Nguyễn Kiều Oanh



MÔN

NGŨ VĂN

KÌ THI VÀO LỚP 10 THPT

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng chuỗi - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: Biên tập: (024) 39714896;

Quản lý xuất bản: (024) 39728806; Tổng biên tập: (024) 39715011;

Fax: (024) 39729436

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: **TS. PHẠM THỊ TRÂM**

Biên tập chuyên ngành:

BÙI THU' TRANG

Biên tập xuất bản:

BÙI THU' TRANG

Chế bản:

Công ty Cổ phần CCGROUP Toàn Cầu

Trình bày bìa:

Công ty Cổ phần CCGROUP Toàn Cầu

Đối tác liên kết:

CÔNG TY CỔ PHẦN CCGROUP TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 10 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

SÁCH LIÊN KẾT

ĐỘT PHÁ 9+ MÔN NGỮ VĂN

KỲ THI VÀO LỚP 10 THPT

Mã số: 2L - 1219 PT2018

In 5.000 cuốn, khổ 19 x 26cm tại Công ty CP in Ngọc Trâm

Địa chỉ: Số 107, E8, TT Thanh Xuân Bắc, P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

Số xác nhận ĐKXB: 4734-2018/CXBIPH/07 - 402/ĐHQGHN, ngày 17/12/2018

Quyết định xuất bản số: 1499 LK-XH/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 18/12/2018

In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2019.



LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới những người đã dành thời gian, trí tuệ, tâm huyết để cuốn sách này ra đời.

Xin cảm ơn nhãn hiệu CCBook với những bạn trẻ tài năng, sáng tạo và nhiệt tình đã hỗ trợ chúng tôi rất nhiều trong quá trình hoàn thiện cuốn sách.

Xin cảm ơn các bạn độc giả đã lựa chọn cuốn sách này. Chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp, phản hồi từ các bạn để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.

Xin chân thành cảm ơn!

Nhóm tác giả

Học Văn vừa khổ vừa khó

Kiến thức Tiếng Việt vừa dài vừa khó. Các biện pháp tu từ, các phép liên kết, các phong cách ngôn ngữ... dễ nhầm lẫn, thật đáng sợ!



Học tác phẩm văn học hay lắm. Nhưng cuối kì hệ thống lại để ôn thi thì bài này cứ chồng lên bài kia, ý này lẫn vào ý kia, mình “đơ” thật luôn huhu...



Có biết bao nhiêu dạng nghị luận xã hội, mình biết bắt đầu thế nào bây giờ?

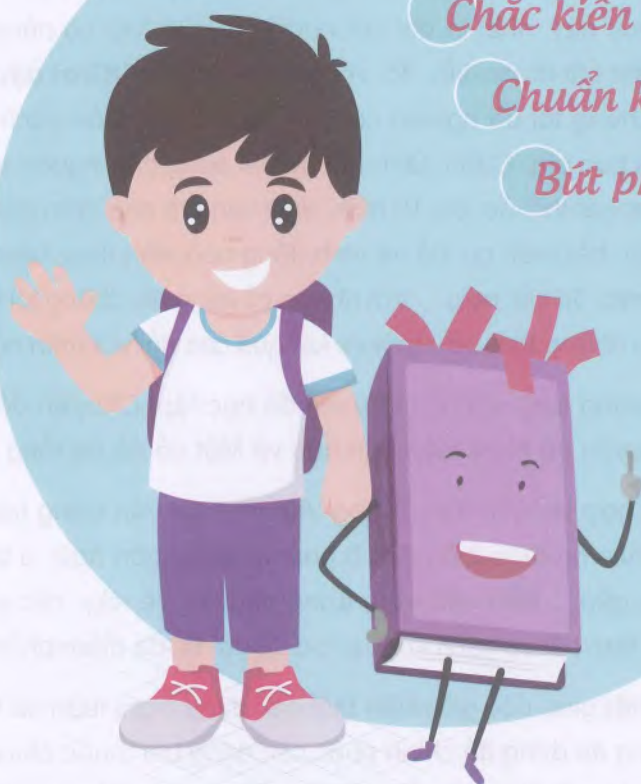


Đồng hành cùng CBook Ngữ văn

Chắc kiến thức

Chuẩn kỹ năng

Bứt phá, thành công



1. CUỐN SÁCH NÀY ĐEM ĐẾN ĐIỀU GÌ?

Các em học sinh thân mến!

Kì thi vào lớp 10 là một trong những dấu mốc, bước ngoặt quan trọng trên con đường học vấn của các em. Đây sẽ là bước đà, là nền móng quan trọng để các em có thể đưa con thuyền của mình hòa vào đại dương tri thức, cập bến thành công.

Cùng với môn Toán, môn Ngữ văn là một trong những môn thi bắt buộc, nòng cốt của mọi kì thi, trong đó có kì thi vào 10. Để tối ưu hóa điểm số bài thi môn học này, các em cần có kiến thức sâu kĩ về cả Tiếng Việt, Tập làm văn và Văn bản. Đồng thời, các em cần trang bị cho mình kĩ năng làm bài thi đối với từng dạng câu hỏi, từng dạng đề. Tuy nhiên, môn Ngữ văn với đặc thù dung lượng kiến thức lớn, số lượng các tác phẩm nhiều, yêu cầu vận dụng cao... khiến cho việc chinh phục môn học này, nhất là đối với những bạn không có năng khiếu trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Nắm bắt được điều đó, với phương châm ***"Khơi dậy đam mê, trải nghiệm thực tế"***, CCBook chúng tôi đã nghiên cứu và cho ra đời cuốn sách (...) - một người bạn đồng hành tin cậy của các em. Cuốn sách không chỉ cung cấp nguồn tri thức cần thiết, đầy đủ để các em chinh phục bài thi vào lớp 10 môn Ngữ văn mà còn đem đến một cách học mới mẻ, cách tiếp cận gần gũi, bắt mắt, cụ thể và sinh động hóa kiến thức bằng hệ thống Sơ đồ tư duy, Sơ đồ khối đa hình thức, đa sắc màu... Với những cố gắng đó, chúng tôi mong rằng, cuốn sách sẽ đem đến cho các em những tình cảm mới và kết quả cao đối với môn học này.

Cuốn sách gồm ba phần tương ứng với bốn chuyên đề học tập: Chuyên đề Đọc hiểu; Chuyên đề Nghị luận xã hội; Chuyên đề Nghị luận văn học và Một số đề thi tổng hợp.

Chuyên đề Đọc hiểu tổng hợp lại kiến thức Tiếng Việt và Làm văn trong toàn chương trình theo từng hệ thống như 6 phương thức biểu đạt, 6 phong cách ngôn ngữ, 6 thao tác lập luận, 10 biện pháp tu từ thường gặp... Bên cạnh đó, trong chuyên đề này, các em sẽ nắm được một số lỗi hay mắc phải khi làm bài và cách khắc phục để đạt tối đa điểm phần Đọc hiểu.

Chuyên đề Nghị luận xã hội giúp đọc giả nhận biết các dạng Nghị luận xã hội thường gặp và những "công thức" dễ dàng áp dụng để chinh phục các dạng bài thuộc chuyên đề này. Điểm nhấn của chuyên đề là tổng hợp "bí kíp" làm bài, chỉ ra những nhầm lẫn, sai lệch thường mắc phải và cách khắc phục theo từng dạng đề.

Chuyên đề Nghị luận văn học đem đến cho các em những kiến thức chi tiết, cụ thể nhất về các tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 9. Với mỗi tác phẩm, chúng tôi sẽ hệ thống lại thành những vấn đề trọng tâm để khoanh vùng tri thức và tiết kiệm thời gian học tập. Trong mỗi vấn đề, chúng tôi sơ đồ hóa, sinh động hóa kiến thức để khơi nguồn cảm xúc, khắc sâu trí nhớ, tạo hứng thú học tập. Đồng thời, triển khai nội dung thành các ý chính ngắn gọn, cô đúc; cung cấp đoạn văn mẫu với nhiều ngữ liệu liên hệ, tạo ra chiều sâu cho bài viết của các em.

Phần cuối cùng, chúng tôi tổng hợp 20 đề thi vào 10 môn Ngữ văn mới nhất của các tỉnh, thành phố năm 2018 - 2019 với hai mục đích: cập nhật, giúp các em tiếp cận gần nhất cấu trúc đề thi của nhiều khu vực, nhiều tỉnh thành và rèn luyện kĩ năng làm bài thi tổng hợp.

2. LỘ TRÌNH CHINH PHỤC KÌ THI VÀO LỚP 10 MÔN NGỮ VĂN

*** Những yếu tố để đạt điểm cao trong kì thi vào lớp 10 môn Ngữ văn:**

80

Thể hiện đầy đủ trên 80% nội dung kiến thức đề bài yêu cầu.



Với câu hỏi yêu cầu nhận biết, các em cần trình bày ngắn gọn, chính xác, tránh dài dòng.



Với câu hỏi yêu cầu thể hiện quan điểm cá nhân, các em cần trình bày rõ ràng, lập luận chặt chẽ.



Câu nghị luận, các em cần đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn, bài văn; xác định đúng và triển khai mạch lạc vấn đề nghị luận; chính tả, dùng từ, đặt câu chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt; bài làm có tính sáng tạo, hấp dẫn.



Một số điểm cộng:

- + Hình thức trình bày.
- + Mở bài và Kết bài ấn tượng, độc đáo.
- + Bài văn sử dụng những “câu văn có cánh”, những đoạn bình giảng, liên hệ tạo ra chiều sâu cho bài viết.



VỀ ĐÍCH

TĂNG TỐC

**VƯỢT
CHƯỚNG
NGẠI VẬT**

**KHỞI
ĐỘNG**

* Lộ trình chinh phục:

BƯỚC 1: KHỞI ĐỘNG

Các em cần chuẩn bị cho mình:

- Thái độ: luôn tạo cho bản thân một tâm thế cầu tiến, nỗ lực, suy nghĩ tích cực và đặt mục tiêu cụ thể cho từng khoảng thời gian. Hãy nghiêm khắc với chính mình!
- Kiến thức: cuốn Đột phá 9+ môn Ngữ văn kì thi vào lớp 10 sẽ là một người hướng dẫn viên, một người bạn đồng hành nhiệt tình, tài năng, có đầy đủ những yếu tố để cùng bạn chinh phục đỉnh cao tri thức. Hãy tuyệt đối tuân thủ những gì mà người hướng dẫn viên này yêu cầu nhé!
- Kỹ năng: luôn luôn tư duy, tiếp thu và luyện tập là “kim chỉ nam” cho hành động rèn kỹ năng của các em.

BƯỚC 2: VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT

Lộ trình vượt chướng ngại vật của chúng ta như sau: Nghị luận văn học → Đọc hiểu → Nghị luận xã hội.

Về bản chất, phần Nghị luận văn học chiếm khoảng 50% tổng điểm của toàn bài thi. Bởi thế, các em có thời gian luyện tập nhiều hơn, chú trọng hơn vào phần quan trọng này.

Đọc hiểu là chướng ngại vật thứ hai, chiếm khoảng 30% tổng điểm. Để vượt qua chướng ngại vật này, các em cần nắm chắc trong tay những kiến thức về Tiếng Việt, Tập làm văn và một số kỹ năng cần thiết khác.

Nghị luận xã hội là chướng ngại vật cuối cùng, chiếm khoảng 20% tổng điểm. Sở dĩ, chúng tôi sắp xếp chuyên đề này ở phần cuối để các em có thời gian cập nhật những sự kiện tiêu biểu mang tính thời sự và bổ sung vào kho tàng dẫn chứng của mình, tạo nên tính thuyết phục cho phần thi Nghị luận xã hội.

BƯỚC 3: TĂNG TỐC

Tăng tốc là quá trình các em đã có trong mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết, đầy đủ. Hãy vẽ lại những sơ đồ tư duy, những sơ đồ khối để khắc sâu trí nhớ, tăng cường tính hệ thống trong tư duy. Song hành với việc này, các em hãy làm đẹp cho ngôn ngữ bằng cách tìm đọc những cuốn chuyên sâu về cả ba chuyên đề, tìm và ghi lại những câu văn hay, những đoạn bình giảng “có cánh”, giàu hình ảnh và biến chúng thành “tài sản riêng” trong hành trang của mình nhé!

BƯỚC 4: VỀ ĐÍCH

Đây là giai đoạn nước rút của kì thi. Các em hãy bắt tay vào việc tìm hiểu và luyện tập các dạng đề thi vào lớp 10 môn Ngữ văn và căn thời gian làm bài thật chính xác, phù hợp cho mỗi câu.

Bước vào kì thi với tâm thế tự tin, chủ động và bản lĩnh. Hãy ghi tên mình trên mỗi bước đường thành công của kì thi vào lớp 10 môn Ngữ văn, các em nhé!

Chúc các em thành công!

Nhóm tác giả

mục lục

CHƯƠNG 1: CHUYÊN ĐỀ ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Phần 1: Giới thiệu chung về phần Đọc – hiểu văn bản	2
Bài 1. Cấu trúc phần Đọc – hiểu	2
Bài 2. Yêu cầu phần Đọc – hiểu	5
Phần 2. Một số kiến thức trọng tâm	8
Bài 1. Trọng tâm kiến thức Tiếng Việt	8
Bài 2. Văn bản	27
Bài 3. Tập làm văn	40
Phần 3. Phương pháp làm câu hỏi Đọc – hiểu	47
Bài 1. Một số phương pháp chung	47
Bài 2. Phương pháp làm các dạng câu hỏi đọc - hiểu	50

CHƯƠNG 2: CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Phần 1. Giới thiệu chung về Nghị luận xã hội	54
Bài 1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của nghị luận xã hội	54
Bài 2. Một số yêu cầu khi viết đoạn văn Nghị luận xã hội	56
Phần 2. Phương pháp viết đoạn văn nghị luận xã hội	57
Bài 1. Các hình thức lập luận	57
Bài 2. Các thao tác lập luận của đoạn văn nghị luận xã hội	62
Bài 3. Các kiểu đoạn văn nghị luận xã hội	64

CHƯƠNG 3: CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Phần 1. Giới thiệu chung về Nghị luận văn học	76
Phần 2. Hướng dẫn Đọc – hiểu một số tác phẩm văn học	79
<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>	79
<i>Truyện Kiều</i>	93
<i>Chị em Thúy Kiều</i>	98
<i>Cảnh ngày xuân</i>	104
<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>	109
<i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>	118
<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>	126
<i>Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh</i>	134
<i>Đồng chí</i>	139

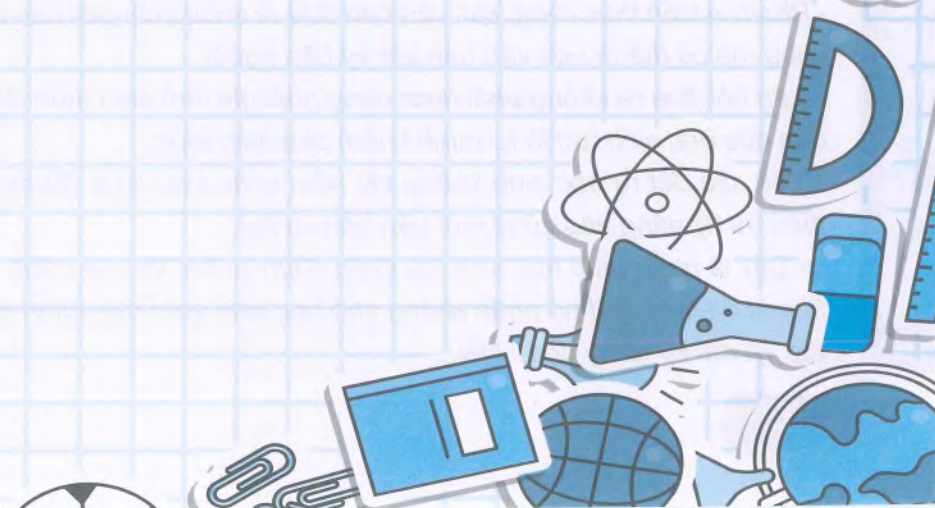
<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>	151
<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>	159
<i>Ánh trăng</i>	168
<i>Làng</i>	178
<i>Tiếng nói của văn nghệ</i>	186
<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>	192
<i>Cổ hương</i>	204
<i>Chiếc lược ngà</i>	212
<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>	221
<i>Viếng lăng Bác</i>	230
<i>Sang thu</i>	237
<i>Những ngôi sao xa xôi</i>	244
<i>Nói với con</i>	251
<i>Mây và sóng</i>	259
<i>Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang</i>	263
<i>Bố của Xi-mông</i>	266
<i>Con chó Bắc</i>	271
<i>Bắc Sơn</i>	276
Phần 3. Phương pháp viết bài cho một số dạng đề Nghị luận văn học	280
Bài 1. Dạng đề phân tích, cảm nhận một đối tượng văn học.....	280
Bài 2. Dạng đề liên kết các đối tượng văn học	282

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ ĐỀ THI TỔNG HỢP

CHƯƠNG 1

CHUYÊN ĐỀ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

123





GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHẦN ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

BÀI 1: CẤU TRÚC ĐỌC - HIỂU

I. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM

1. Vị trí



Là phần bắt buộc trong đề thi



Chiếm 30% tổng số điểm bài thi



Ảnh hưởng trực tiếp đến điểm số và kết quả bài thi

2. Đặc điểm

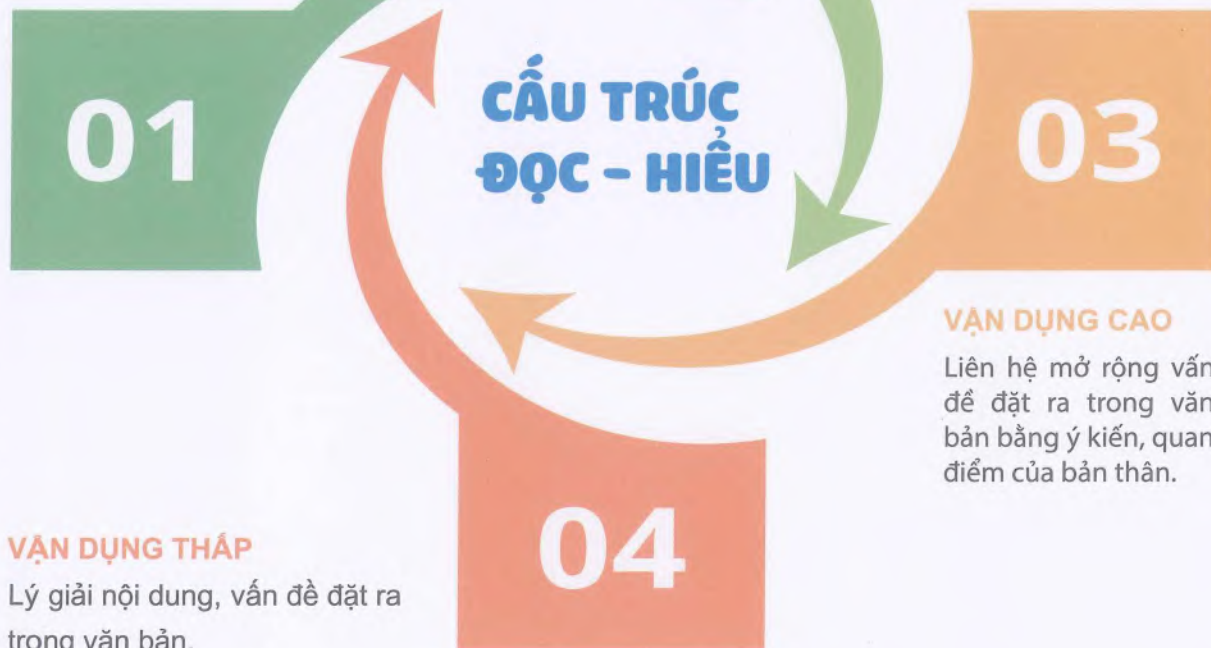
- Đây là phần tích hợp kiến thức văn bản, tiếng Việt và tập làm văn nên khối lượng kiến thức khá lớn.
 - Phạm vi kiến thức rộng, các văn bản đưa ra không chỉ giới hạn trong các văn bản ở sách giáo khoa mà có thể là một văn bản bất kỳ bên ngoài.
 - Câu hỏi đưa ra không phải dưới dạng phải ghi nhớ kiến thức đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản của học sinh tức là tự mình khám phá kiến thức.
 - Yêu cầu đặt ra học sinh không chỉ nắm chắc kiến thức đã học mà phải biết vận dụng kiến thức và kỹ năng vào xử lý một văn bản cụ thể.
- ⇒ Đây là phần giúp học sinh cải thiện điểm số bài thi của mình nhưng cũng dễ khiến các em bị mất điểm vì một bộ phận không nhỏ học sinh xem nhẹ phần đọc - hiểu, không chú trọng ôn tập và rèn kỹ năng đọc - hiểu.

II. CẤU TRÚC

NHẬN BIẾT

Chủ yếu hướng tới khả năng tái hiện và nhận diện các đơn vị kiến thức đã học trong một văn bản.

01



VẬN DỤNG THẤP

Lý giải nội dung, vấn đề đặt ra trong văn bản.

04

THÔNG HIỂU

Lý giải một số đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản trên cơ sở kiến thức đã học.

02

03

VẬN DỤNG CAO

Liên hệ mở rộng vấn đề đặt ra trong văn bản bằng ý kiến, quan điểm của bản thân.

- Nhận biết về văn bản:

- + Thể loại của văn bản: các phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ khoa học, báo chí, chính luận, nghệ thuật, hành chính, sinh hoạt).
- + Đề tài, nhan đề, chủ đề, tóm tắt được các nội dung của văn bản.
- + Các phương thức biểu đạt của văn bản (phương thức tự sự, biểu cảm, thuyết minh...).
- + Các thao tác lập luận (thao tác phân tích, bình luận, chứng minh, bác bỏ...).

- Thông hiểu văn bản:

- + Cảm nhận được những đặc sắc, nổi bật của văn bản: từ ngữ, hình ảnh, chi tiết quan trọng, đặc sắc, các biện pháp tu từ...
- + Hiểu được ý nghĩa hàm ẩn của văn bản.

- Vận dụng thấp: lý giải nội dung, vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Vận dụng cao:
 - + Liên hệ mở rộng một vấn đề nào đó từ văn bản bằng suy nghĩ, ý kiến của mình.
 - + Vận dụng văn bản để trình bày phương hướng, biện pháp giải quyết một vấn đề cụ thể của cuộc sống, của xã hội.

Cấu trúc này được thể hiện trong đề thi của mỗi tỉnh có sự khác nhau nhất định, có thể được chia làm từ 2 đến 4 câu hỏi và điểm số cũng có sự dao động nhất định trong khoảng từ 2 đến 3 điểm. Nhưng nhìn chung, điểm số cho phần này trong đề thi các tỉnh đều chiếm 30% tổng điểm số toàn bài.

BÀI 2: YÊU CẦU PHẦN ĐỌC - HIỂU

I. MỤC ĐÍCH ĐỌC - HIỂU

1. Thế nào là đọc - hiểu

Đọc - hiểu là hoạt động đọc và giải mã các tầng ý nghĩa của văn bản thông qua khả năng tiếp nhận của mỗi người. Đọc - hiểu là tiếp xúc với văn bản, hiểu được nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn, các biện pháp nghệ thuật, thông hiểu các thông điệp tư tưởng, tình cảm của người viết và giá trị tự thân của hình tượng nghệ thuật. (Dẫn theo Lê Thị Quỳnh Sen)

Đọc - hiểu không đồng nghĩa với tái hiện kiến thức. Nghĩa là đọc hiểu không chú trọng vào việc ghi nhớ kiến thức mà chú trọng vào năng lực vận dụng kiến thức đã học vào khám phá và giải mã văn bản thông qua một số câu hỏi nhất định.

Văn bản đọc hiểu được đưa ra đề thi thường là hai dạng: văn bản văn học hoặc văn bản nhật dụng. Thông qua các văn bản đọc - hiểu này học sinh thể hiện không chỉ kiến thức và kỹ năng mà cả sự sáng tạo của mình.

2. Mục đích của bài đọc - hiểu

Mức độ ghi nhớ kiến thức

Mức độ thông hiểu kiến thức

Khả năng vận dụng kiến thức

Khả năng diễn đạt, trình bày

Khả năng đọc - hiểu sáng tạo

- Đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức của học sinh: đây không phải là nội dung được chú trọng trong phần đọc hiểu. Hiện nay phần ghi nhớ kiến thức thường là câu hỏi đơn giản mà không quá nặng nề.
- Đánh giá mức độ nắm bắt và hiểu các đơn vị kiến thức.
- Đánh giá kỹ năng vận dụng kiến thức vào khám phá văn bản.
- Đánh giá kỹ năng diễn đạt, trình bày.
- Đánh giá sự chủ động và sáng tạo trong quá trình lĩnh hội văn bản.

II. NHỮNG YÊU CẦU ĐỌC - HIỂU

1. Yêu cầu chung



Nắm vững kiến thức liên quan



Nhận diện, phân loại được câu hỏi theo phạm vi kiến thức



Nắm được phương pháp, cách thức làm các dạng câu hỏi này



Làm được những bài tập vận dụng

2. Một số lưu ý khi làm bài đọc - hiểu



Để bài làm đạt kết quả cao, ngoài việc nắm vững kiến thức và làm chủ văn bản thì cần lưu ý một số điểm về kĩ năng và phương pháp sau:

- Về trình bày: Trình bày khoa học, không nên tẩy xóa, viết chèn dòng trong bài; dùng các kí hiệu thống nhất với đề bài.

- Về nhận diện câu hỏi: Đọc kĩ yêu cầu đề để xác định nội dung câu hỏi từ đó bám sát vào để xác định những nội dung cần làm sáng tỏ cho câu hỏi.

- Về cách trả lời: Văn bản đọc hiểu thường không dài nên yêu cầu đọc kỹ văn bản để chọn câu trả lời cho phù hợp. Các em cần đọc lướt để tìm chủ đề hoặc ý chính, đọc kĩ để tìm chi tiết, thông tin. Câu trả lời cần trực tiếp, ngắn gọn, chính xác, đầy đủ. Hỏi gì trả lời đó, không trả lời thừa.

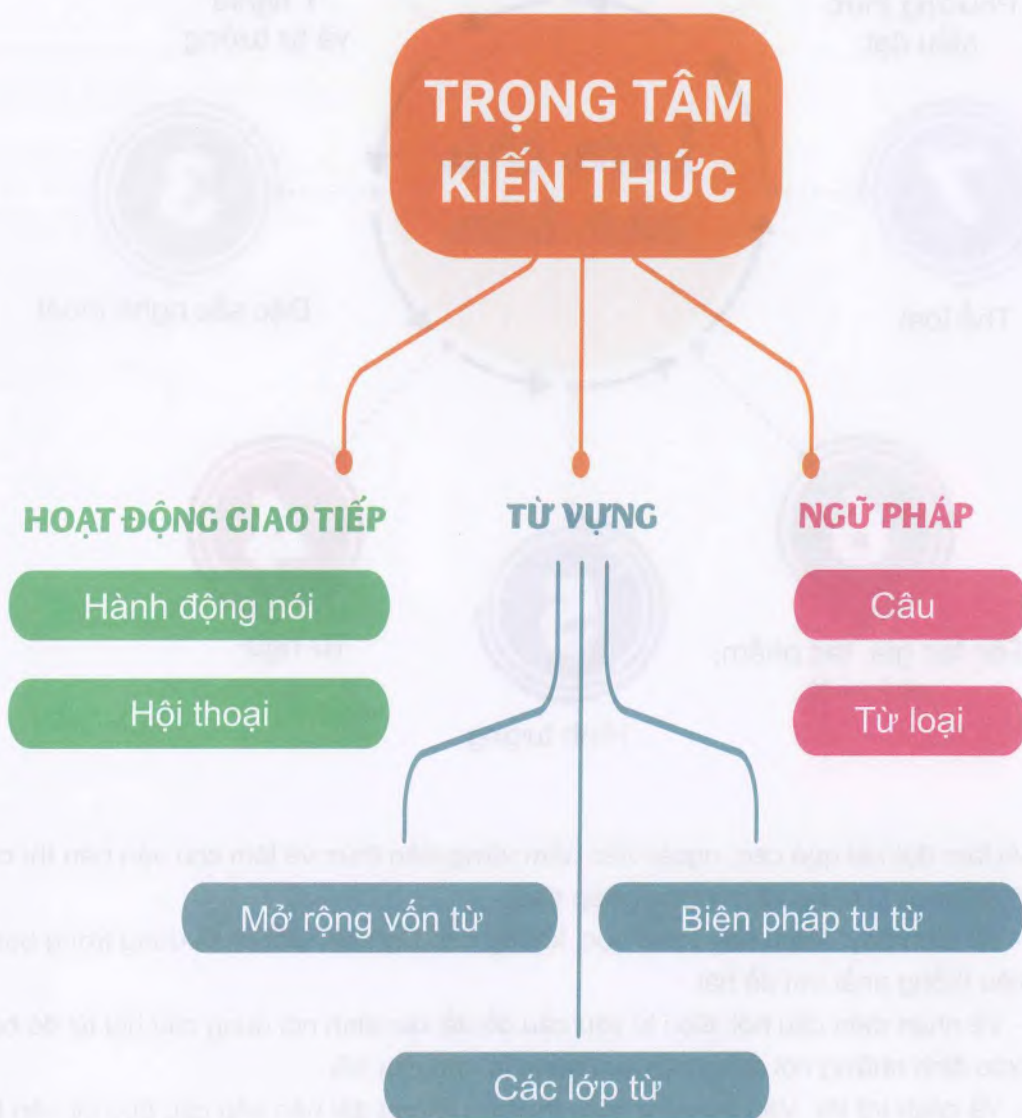
- Thời gian làm phần Đọc - hiểu khoảng từ 20 đến 30 phút.



MỘT SỐ KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

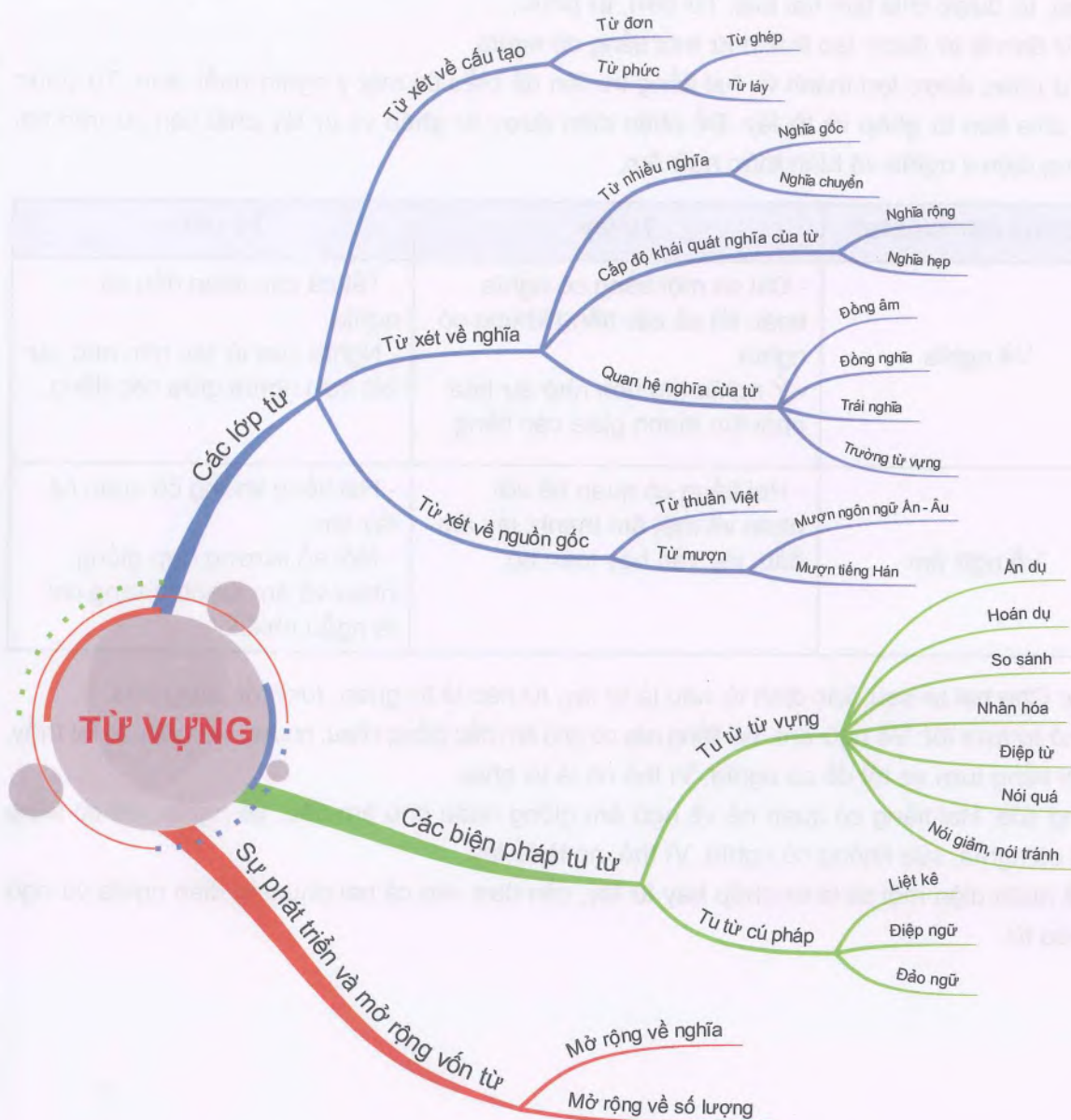
BÀI 1: TRỌNG TÂM KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

I. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC



II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Từ vựng



1.1. Các lớp từ

* Từ xét về cấu tạo

Từ là đơn vị nhỏ nhất được tạo lên từ tiếng và luôn luôn biểu thị một ý nghĩa nào đó. Xét về cấu tạo, từ được chia làm hai loại: Từ đơn, từ phức.

- Từ đơn là từ được tạo thành từ một tiếng có nghĩa.

- Từ phức được tạo thành từ hai tiếng trở lên để biểu thị một ý nghĩa nhất định. Từ phức được chia làm từ ghép và từ láy. Để nhận diện được từ ghép và từ láy phải căn cứ trên hai phương diện ý nghĩa và hình thức ngữ âm.

Phương diện so sánh	Từ láy	Từ ghép
Về nghĩa	- Chỉ có một tiếng có nghĩa hoặc tất cả các tiếng không có nghĩa. - Ý nghĩa tạo nên nhờ sự hòa phối âm thanh giữa các tiếng.	- Tất cả các tiếng đều có nghĩa. - Nghĩa của từ tạo nên nhờ sự kết hợp nghĩa giữa các tiếng.
Về ngữ âm	- Hai tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm thanh: láy âm đầu, láy vần hay toàn bộ.	- Hai tiếng không có quan hệ láy âm. - Một số trường hợp giống nhau về âm thanh nhưng chỉ là ngẫu nhiên.

Ví dụ: Cho hai từ sau, xác định từ nào là từ láy, từ nào là từ ghép: *tươi tốt, sáng sửa.*

- *Ta có từ tươi tốt:* Về ngữ âm, hai tiếng này có phụ âm đầu giống nhau; nhưng về nghĩa, ta lại thấy, cả hai tiếng tươi và tốt đều có nghĩa. Vì thế nó là từ ghép.

- *Sáng sửa:* Hai tiếng có quan hệ về ngữ âm giống nhau phụ âm đầu; về nghĩa, chỉ có tiếng sáng có nghĩa, sửa không có nghĩa. Vì thế, nó là từ láy.

⇒ Để nhận diện một từ là từ ghép hay từ láy, cần dựa vào cả hai phương diện nghĩa và ngữ âm của từ.



Từ nhiều nghĩa

- Nghĩa gốc: là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
- Nghĩa chuyển: nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.



Quan hệ nghĩa của từ

Từ đồng âm

- Là những từ có nghĩa trái ngược nhau.
- Tạo sự đối lập tương phản.

Từ trái nghĩa

- Là những từ có nghĩa trái ngược nhau.
- Tạo sự đối lập tương phản.



Cấp độ khái quát nghĩa của từ

- Nghĩa rộng: phạm vi nghĩa của nó bao hàm phạm vi nghĩa của từ khác
- Nghĩa hẹp: phạm vi nghĩa của nó bị bao hàm bởi một từ khác.
- Một từ có thể có nghĩa rộng với từ này nhưng hẹp với từ khác.

Từ đồng nghĩa

- Có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.
- Có hai loại từ đồng nghĩa hoàn toàn và những từ đồng nghĩa không hoàn toàn.

Trường từ vựng

- Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.
- Một trường từ vựng có thể bao hàm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.
- Một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng.

* Từ xét theo nguồn gốc

- Từ thuần Việt: Là những từ do cha ông ta tạo ra. Ví dụ: chết, già, đàn bà.
- Từ mượn: Là những từ của ngôn ngữ nước ngoài được vay mượn vào ngôn ngữ của chúng ta để biểu thị những sự vật, hiện tượng,... mà tiếng của chúng ta không có từ thích hợp để biểu thị.

+ Từ mượn ngôn ngữ Ấn - Âu.

+ Từ mượn tiếng Hán: Chiếm 70% số lượng từ mượn của tiếng Việt.

⇒ Khi sử dụng từ mượn nước ngoài cần lưu ý tiếp thu văn hóa nhưng vẫn phải giữ gìn bản sắc dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

* Một số lớp từ khác

- Từ địa phương và biệt ngữ xã hội.

+ Từ ngữ địa phương: là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định.

Ví dụ:

+ Từ địa phương Bắc Bộ: U (mẹ), giò (trời)...

+ Từ địa phương Trung Bộ: mô (nào, chỗ nào), tề (kia), răng (thế nào, sao), rứa (thế),...

+ Từ địa phương Nam Bộ: heo (lợn), thơm (dứa), ghe (thuyền),...

+ Biệt ngữ xã hội: là những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt trong một số phạm vi giao tiếp giữa một lớp người có cùng một đặc điểm xã hội nhất định (nghề nghiệp, tôn giáo, tín ngưỡng,...).

- Thuật ngữ:

+ Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.

+ Về nguyên tắc, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

+ Mỗi ngành khoa học thường có một hệ thống thuật ngữ đặc thù.

+ Thuật ngữ không có tính biểu cảm.

- Từ tượng thanh và từ tượng hình:

+ Từ tượng thanh: Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.

+ Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái cụ thể, sinh động của sự vật.

⇒ Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động và có giá trị biểu cảm cao.

1.2. Các biện pháp tu từ

* Các biện pháp tu từ từ vựng

a) So sánh

1) Khái niệm: So sánh là đối chiếu hai hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn.

2) Cấu tạo của biện pháp so sánh

- A là B:

“Người ta là hoa đất”

(Tục ngữ)

“Quê hương là chùm khế ngọt”

(Quê hương - Đỗ Trung Quân)

- A như B:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)

- Bao nhiêu.... bấy nhiêu....

“Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu”

(Ca dao)

⇒ Cấu tạo phép so sánh gồm bốn yếu tố:

+ Sự vật để so sánh (A)

+ Sự vật được so sánh (B)

+ Từ chỉ phương diện so sánh: trong

+ Từ so sánh: như, là, bao nhiêu, bấy nhiêu

Tuy nhiên, trong một số trường hợp từ chỉ phương diện so sánh có thể không xuất hiện trong phép so sánh.

3) Các kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng:

“Người là cha, là bác, là anh

Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”

(Sáng tháng Năm – Tố Hữu)

- So sánh không ngang bằng:

“Con đi trăm núi ngàn khe

Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm”

(Bầm ơi – Tố Hữu)

b) Nhân hóa

1) Khái niệm: Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.

2) Các kiểu nhân hóa:

- Dùng những từ vốn gọi người để gọi sự vật: *Chị ong nâu, Ông mặt trời, Bác giun, Chị gió,...*

- Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật:

“Heo hút cồn mây súng ngửi trời

(Tây Tiến – Quang Dũng)

“Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì”

(Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm)

- Trò chuyện với vật như với người:

“Trâu ơi ta bảo trâu này”

(Ca dao)

c) Ẩn dụ

1) Khái niệm: Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

2) Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp

+ Ẩn dụ hình thức - tương đồng về hình thức

“Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông”

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

+ Ẩn dụ cách thức – tương đồng về cách thức

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

(Ca dao)

“Về thăm quê Bác làng Sen,

Có hàng râm bụt thấp lên lửa hồng”

(Nguyễn Đức Mậu)

+ Ẩn dụ phẩm chất - tương đồng về phẩm chất

“Thuyền về có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác - chuyển từ cảm giác này sang cảm giác khác, cảm nhận bằng giác quan khác.

“Ngoài thềm rơi chiếc lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng”

(Đêm Côn Sơn – Trần Đăng Khoa)

“Một tiếng chim kêu sáng cả rừng”

(Tức đêm Mười chín – Khương Hữu Dụng)

3) Lưu ý

- Phân biệt ẩn dụ tu từ và ẩn dụ từ vựng:

+ Ẩn dụ tu từ: Có tính lâm thời, thường do các nhà văn sáng tạo nên trong các tác phẩm của mình nên mang tính cá thể, và phải đặt trong từng văn cảnh cụ thể để hiểu ý nghĩa của nó.

+ Ẩn dụ từ vựng: Cách nói quen thuộc, phổ biến, không có/ ít có giá trị tu từ: *cổ chai, mũi đất, tay ghế, tay bí, tay bầu,...* Nó mang tính ổn định và là một phương thức tạo nghĩa mới của từ.

d) Hoán dụ

1) Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

2) Các kiểu hoán dụ thường gặp

+ Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể:

“Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”

(Bài ca vỡ đất – Hoàng Trung Thông)

+ Lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng:

*"Vì sao trái đất nặng ân tình,
Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh"*
(Tố Hữu)

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật:

*"Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay"*
(Việt Bắc - Tố Hữu)

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

*"Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao"*

3) Lưu ý: Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ

- Giống nhau: Đều gọi tên sự vật A bằng sự vật B

- Khác nhau: Về cơ chế

+ Ẩn dụ: Được xây dựng trên cơ sở quan hệ tương đồng. Quan hệ này không tồn tại trong thực tế, mà do suy tưởng của người nói. Nó mang tính lâm thời, tức là chỉ đúng trong văn cảnh đó.

+ Hoán dụ: Thiết lập trên cơ sở quan hệ tương cận, tức là đi đôi, gắn liền với nhau. Quan hệ này tồn tại trong thực tế vì thế nó đúng không chỉ trong văn cảnh tác phẩm mà đúng trong thực tế.

e) Nói quá

- Nói quá là phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

*"Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi"*
(Bình Ngô đại cáo – Nguyễn Trãi)

*"Dân công đổ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay"*
(Việt Bắc - Tố Hữu)

f) Nói giảm, nói tránh

- Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

"Bác đã đi rồi sao Bác ơi!"
(Bác ơi – Tố Hữu)
*"Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác, ngậm ngùi lòng ta"*
(Khóc Dương Khuê – Nguyễn Khuyến)

g) Điệp từ

- Là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ.

- Nhằm nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gọi liên tưởng, cảm xúc...

"Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín" (Thép Mới)

h) Chơi chữ

- Chơi chữ là dựa vào đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

*"Bà già đi chợ Cầu Đông
Xem một que bói lấy chồng lợi chăng
Thầy bói gieo quẻ nói rằng:
Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn"*

(Ca dao)

- Các lỗi chơi chữ thường gặp:

+ Dùng từ ngữ đồng âm.

+ Dùng lỗi nói trại âm (gần âm).

+ Dùng cách điệp âm.

+ Dùng lỗi nói lái.

+ Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.

- Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày, thường trong văn thơ, đặc biệt là trong văn thơ trào phúng, trong câu đối, câu đố,...

* Các biện pháp tu từ cú pháp

a) Liệt kê

- Là sắp xếp, nối tiếp nhau các từ hoặc cụm từ cùng loại với nhau nhằm diễn tả các khía cạnh hoặc tư tưởng, tình cảm được đầy đủ, rõ ràng, sâu sắc hơn đến với người đọc, người nghe.

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật
Này đây hoa của đồng nội xanh rì
Này đây lá của cành tơ phơ phất*

(Xuân Diệu)

b) Điệp ngữ

- Là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một cấu trúc câu có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: Nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản.

*"Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta"*

(Đất nước – Nguyễn Đình Thi)

- Điệp ngữ có nhiều dạng:

+ Điệp ngữ cách quãng:

*"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"*

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

+ Điệp nối tiếp:

"Mai sau
Mai sau
Mai sau
Đất xanh, tre mãi xanh màu tre xanh"
(Tre Việt Nam – Nguyễn Duy)

+ Điệp vòng tròn:

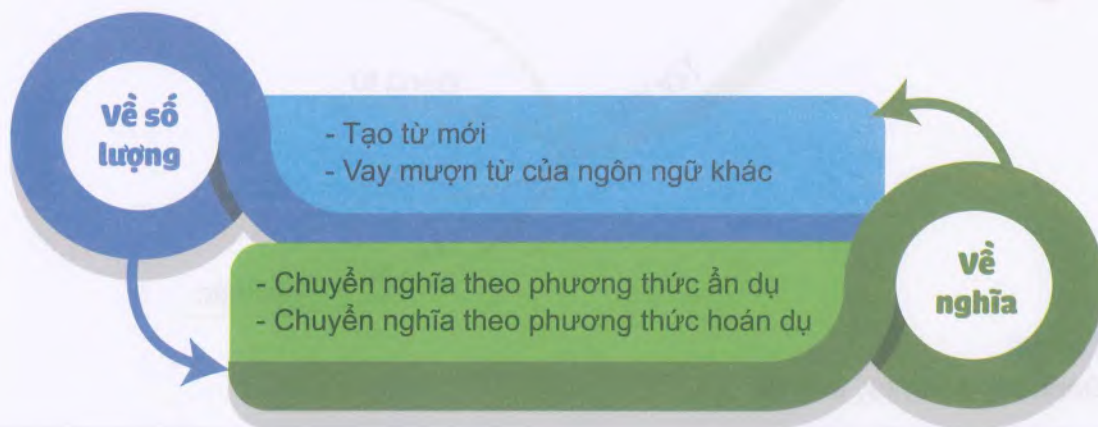
"Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?"
(Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm)

c) Đảo ngữ

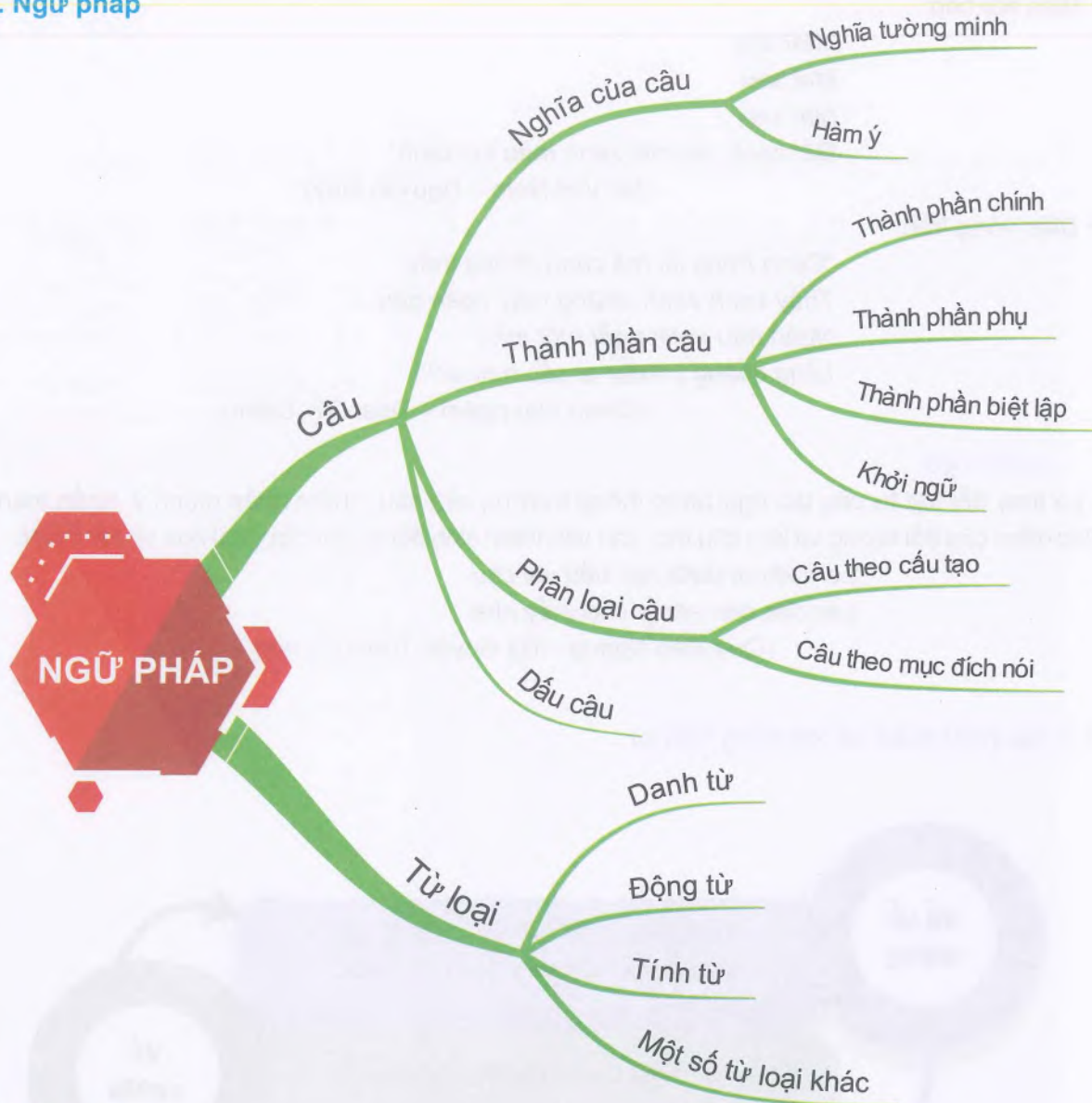
- Là thay đổi trật tự cấu tạo ngữ pháp thông thường của câu, nhằm nhấn mạnh ý, nhấn mạnh đặc điểm của đối tượng và làm câu thơ, câu văn thêm sinh động, gợi cảm, hài hòa về âm thanh,...

"Lom khom dưới núi: tiều vài chú
Lác đác bên sông: chợ mấy nhà"
(Qua Đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan)

1.3. Sự phát triển và mở rộng vốn từ



2. Ngữ pháp



2.1. Từ loại

* Danh từ, động từ, tính từ

Từ loại	Ý nghĩa	Kết hợp	Chức vụ
Danh từ	- Danh từ là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm,... - Danh từ được chia thành hai loại: danh từ chỉ đơn vị; danh từ chỉ sự vật.	Danh từ thường kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước và một số từ xác định đối tượng ở phía sau tạo thành cụm danh từ.	- Thường làm chủ ngữ trong câu. - Có thể làm vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ...

Động từ	- Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật. - Động từ được chia thành hai loại: + Động từ tình thái (thường đòi hỏi có động từ khác đi kèm). + Động từ chỉ hoạt động, trạng thái (không đòi hỏi có động từ khác đi kèm).	- Động từ thường kết hợp với các từ: đã, đang, sẽ, cũng, vẫn, cứ, còn, hãy, đừng, chớ,... ở phía trước. - Động từ kết hợp với danh từ, tính từ ở phía sau.	- Làm vị ngữ trong câu. - Một số trường hợp khác động từ có thể làm chủ ngữ hoặc một số thành phần khác trong câu.
Tính từ	- Tính từ là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái. - Có hai loại tính từ đáng chú ý: + Tính từ chỉ đặc điểm tương đối (có thể kết hợp với từ chỉ mức độ); + Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối (không thể kết hợp với từ chỉ mức độ).	- Tính từ thường kết hợp với những từ chỉ mức độ (rất, khá, lắm,...).	- Thường làm vị ngữ trong câu. - Có thể làm chủ ngữ và tham gia vào một số thành phần khác trong câu.

* Các từ loại khác

a) Số từ

- Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật. Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ. Khi biểu thị thứ tự, số từ thường đứng sau danh từ.
- Cần phân biệt số từ với các danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng: *chục, đôi, tá, trăm, triệu*,... Số từ thường kết hợp những danh từ này để biểu thị số lượng.

Ví dụ: *ba chục, hai trăm, sáu triệu*,...

b) Đại từ

- Dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất,... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.

c) Lượng từ

- Lượng từ là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật một cách khái quát.
- Có thể chia lượng từ thành hai nhóm:
 - + Nhóm chỉ ý nghĩa toàn thể.
 - + Nhóm chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối.

d) Chỉ từ

Chỉ từ là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian hoặc thời gian. Ví dụ: *ngôi nhà kia, quyển sách nọ,...*

e) Phó từ

- Phó từ là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.
- Phó từ gồm hai loại:
 - + Phó từ đứng trước động từ, tính từ thường bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian (*đã, sẽ, đang,...*), mức độ (*hơi, rất, quá,...*), sự tiếp diễn tương tự (*cũng, vẫn, còn,...*), sự phủ định (*không, chưa, chẳng,...*), sự cầu khiến (*hãy, đừng, chớ,...*).
 - + Phó từ đứng sau động từ, tính từ thường bổ sung ý nghĩa về mức độ (*lắm, quá,...*), khả năng (*thường, luôn,...*), kết quả và hướng (*mất, được, ra,...*).

f) Quan hệ từ

- Quan hệ từ được dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả,... giữa các bộ phận của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn.
Ví dụ: *Cái bút của bạn; Tôi học còn nó làm;...*
- Các quan hệ từ có thể sử dụng cùng với nhau tạo thành cặp quan hệ từ (*vì, do, bởi, tại... nên, cho nên... nếu, giá, giá mà... thì... tuy, dù, mặc dù... nhưng...*).

g) Trợ từ

Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá về sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. Ví dụ: *những, có, chính, ngay,...*

h) Tình thái từ

- Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cảm thán, câu cầu khiến và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.
- Một số loại tình thái từ:
 - + Tình thái từ nghi vấn (*à, ư, hử, hả, chẳng,...*);
 - + Tình thái từ cầu khiến (*đi, nào, với,...*);
 - + Tình thái từ cảm thán (*thay, sao,...*);
 - + Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm (*à, né, cơ, mà,...*).

i) Thán từ

- Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi - đáp.
- Thán từ gồm hai loại chính:
 - + Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: *ôi, a, ô hay, than ôi, trời ơi,...*
 - + Thán từ gọi - đáp: *này, ời, vâng.*

2.2. Câu

* Phân loại câu

a) Câu phân theo cấu tạo

- Câu đơn: Là câu chỉ có một thành phần chủ vị làm nòng cốt.

Ví dụ: Tôi đi học

- Câu đặc biệt: Là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ, câu đặc biệt có cấu tạo là một từ hoặc cụm từ làm trung tâm cú pháp của câu.

Ví dụ: **Gió. Mưa.** Tôi vẫn băng băng trên con đường dài tối tăm.

- Câu ghép: Là những câu do hai hoặc nhiều thành phần nòng cốt (chủ vị) không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi thành phần nòng cốt được gọi là một vế câu.

Ví dụ: Gió càng thổi mạnh thì biển càng nổi sóng.

+ Các vế câu ghép được nối bằng hai cách:

i) Dùng các từ có tác dụng nối.

ii) Không dùng từ nối: Giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

b) Câu phân theo mục đích nói

- Câu trần thuật (câu kể).

+ Câu trần thuật là kiểu câu dùng để miêu tả, kể hoặc nêu nhận định, đáng giá, phán đoán... về người, sự vật, sự việc, hiện tượng.

Ví dụ: Ngoài kia, bầu trời trong xanh như ngọc.

+ Dấu hiệu: Câu trần thuật kết thúc bằng dấu chấm (.) và thường có các từ mang ý nghĩa khẳng định hoặc phủ định (có, không, chưa...).

Ví dụ: Hoài không muốn các bạn lo lắng cho sức khỏe của cô.

- Câu nghi vấn (câu hỏi):

+ Câu nghi vấn là kiểu câu dùng để hỏi, tìm hiểu những thông tin chưa biết.

+ Dấu hiệu: Câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?) và có các từ để hỏi (mấy, bao nhiêu, ai, nào, đâu, sao, bao giờ, chưa, gì...).

Ví dụ: Bạn đã ăn cơm chưa?

- Câu cầu khiến (câu khiến):

+ Câu cầu khiến là kiểu câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, mệnh lệnh,... của người nói (người viết) với người khác.

+ Dấu hiệu: Câu nghi cầu khiến kết thúc bằng dấu chấm than (!) hoặc dấu chấm (.) và thường có các từ ngữ thể hiện yêu cầu (hãy, đừng, chớ...).

- Câu cảm thán (câu cảm):

+ Câu cảm thán là kiểu câu dùng để bộc lộ cảm xúc, tình cảm (vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên...) đối với người nghe hoặc sự vật, hiện tượng được nói tới trong câu.

+ Dấu hiệu: Câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm cảm (!) và có các từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc như: ôi, ối, ủa, ái chà, chao ôi,...

Ví dụ: Chao ôi! Thế là mùa xuân mong ước đã về.

* Các thành phần câu

a) Thành phần chính

- Chủ ngữ:

+ Khái niệm: Là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hành động đặc điểm, trạng thái được miêu tả ở vị ngữ. Chủ ngữ thường trả lời cho câu hỏi Ai?, Con gì?, Cái gì?.

+ Đặc điểm: Chủ ngữ thường làm thành phần chính đứng ở vị trí trước vị ngữ trong câu; thường có cấu tạo là một danh từ, đại từ, một cụm danh từ, có khi là một động từ, một tính từ hoặc cụm động từ, cụm tính từ. Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

- Vị ngữ:

+ Khái niệm: Là thành phần chính của câu có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian và trả lời cho các câu hỏi Làm gì?, Làm sao?, Như thế nào?, Là gì?

+ Đặc điểm: Vị ngữ thường là động từ, cụm động từ, tính từ, cụm tính từ, danh từ, cụm danh từ. Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.

b) Thành phần phụ

- Trạng ngữ:

+ Khái niệm: Là thành phần nhằm xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.

+ Vị trí: Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu hay cuối câu; giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết.

+ Công dụng: Trạng ngữ xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác; trạng ngữ nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc.

c) Thành phần biệt lập

– Thành phần biệt lập là thành phần nằm ngoài cấu trúc ngữ pháp của câu, được dùng để diễn đạt thái độ, cách đánh giá của người nói đối với việc được nói đến trong câu hoặc đối với người nghe. Khác trạng ngữ và khởi ngữ, các thành phần biệt lập không có quan hệ trực tiếp với các thành phần khác trong câu.

– Các thành phần biệt lập gồm:

+ Thành phần tình thái: Được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

Thành phần tình thái trong câu có những loại và tác dụng khác nhau, biểu hiện qua những yếu tố tình thái khác nhau. Có yếu tố tình thái gắn với độ tin cậy của sự việc (chắc chắn, chắc hẳn, chắc là, hình như,...); yếu tố gắn với ý kiến của người nói (theo tôi, ý ông ấy,...); yếu tố chỉ thái độ của người nói đối với người nghe (à, ừ, nhỉ, nhé,...).

+ Thành phần cảm thán: Được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận,...).

Ví dụ: **Trời ơi!** Nóng quá!

+ Thành phần gọi - đáp: Được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp.

Ví dụ:

Này, thầy nó ạ. (Kim Lân)

Vâng, mời bác và cô lên chơi. (Nguyễn Thành Long)

+ Thành phần phụ chú: Được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Ví dụ:

Vậy mà hỏi cô Thông - **tên người đàn bà họ nội xa kia** - chỗ ở của mẹ mà, rồi đánh giầy cho mẹ mà, bảo dù sao cũng phải về. (Nguyễn Hồng)

d) Khởi ngữ

- Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Khởi ngữ còn được gọi là đề ngữ hay thành phần khởi ý.

- Trước khởi ngữ có thể thêm những quan hệ từ như về, còn, đối với,...

- Trong quan hệ với các thành phần câu còn lại, khởi ngữ vừa đứng riêng biệt lại vừa gắn bó với các thành phần khác của câu:

+ Quan hệ trực tiếp: Khi khởi ngữ có quan hệ trực tiếp với yếu tố nào đó trong phần câu còn lại thì yếu tố ở khởi ngữ có thể được lặp lại y nguyên hoặc có thể được lặp lại bằng một từ thay thế.

Ví dụ:

Hiểu, tôi cũng hiểu rồi.

+ Quan hệ gián tiếp:

Ví dụ:

Về các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ, chúng ta có thể tin ở tiếng ta, không sợ nó thiếu giàu và đẹp... (Phạm Văn Đồng)

* Biến đổi câu

a) Rút gọn câu

- Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu tạo thành câu rút gọn.

- Câu rút gọn còn được dùng để ngụ ý rằng hành động, tính chất được nêu trong câu là của chung mọi người.

Ví dụ: Học, học nữa, học mãi. (Lê-nin)

b) Tách câu

- Khi sử dụng câu, để nhấn mạnh người ta có thể tách một thành phần nào đó của câu (hoặc một vế câu) thành một câu riêng.

Ví dụ: Đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn. Và làm việc có khi suốt đêm.
(Những ngôi sao xa xôi)

c) Mở rộng câu

- Thêm trạng ngữ cho câu

+ Khi nói hoặc viết, ta có thể thêm trạng ngữ bổ sung ý nghĩa về mặt thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, phương tiện, cách thức... cho câu.

+ Thêm trạng ngữ cho câu giúp cho ý nghĩa của câu được rõ ràng hơn.

- Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu
 - + Khi nói hoặc viết ta có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ vị, làm thành câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.
 - + Các thành phần câu đều có thể cấu tạo bằng cụm chủ vị.

d) Chuyển câu chủ động thành câu bị động

- Câu chủ động: Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hoạt động).
- Câu bị động: Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của người khác hướng vào (chỉ đối tượng của hoạt động).
- Tác dụng của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động (và ngược lại, chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động) ở mỗi đoạn văn đều nhằm liên kết các câu trong đoạn thành một mạch văn thống nhất.
- Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:
 - + Chuyển từ (hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu và thêm các từ **bị** hay **được** vào sau từ (cụm từ) ấy.
 - + Chuyển từ (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động lên đầu câu, đồng thời lược bỏ hoặc biến từ (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành một bộ phận không bắt buộc trong câu.
- Không phải câu nào có các từ **bị**, **được** cũng là câu bị động.

* Nghĩa của câu

- Thành phần nghĩa của câu: Bao gồm nghĩa tường minh và hàm ý.
 - + Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.
 - + Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng người nghe có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.
 - + Hàm ý có thể có trong ngôn ngữ sinh hoạt, báo chí, văn chương, nhưng trong văn bản khoa học, hành chính - công vụ thì không nên dùng hàm ý.
- Yêu cầu khi tạo hàm ý trong câu:
 - + Người nói (viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu.
 - + Người nghe (đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.
- Cách để tạo hàm ý trong câu:
 - + Cố tình vi phạm các phương châm hội thoại và quy tắc xưng hô.

Ví dụ:

Bác có thấy con **lợn cưới** của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vật áo ra, bảo:

Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

(Lợn cưới, áo mới)

Các từ ngữ in đậm vi phạm phương châm về lượng, có hàm ý khoe khoang.

+ Sử dụng hành động nói gián tiếp cũng là một cách để tạo hàm ý.

Ví dụ:

Củ gì thế này? - Bác lái xe hỏi.

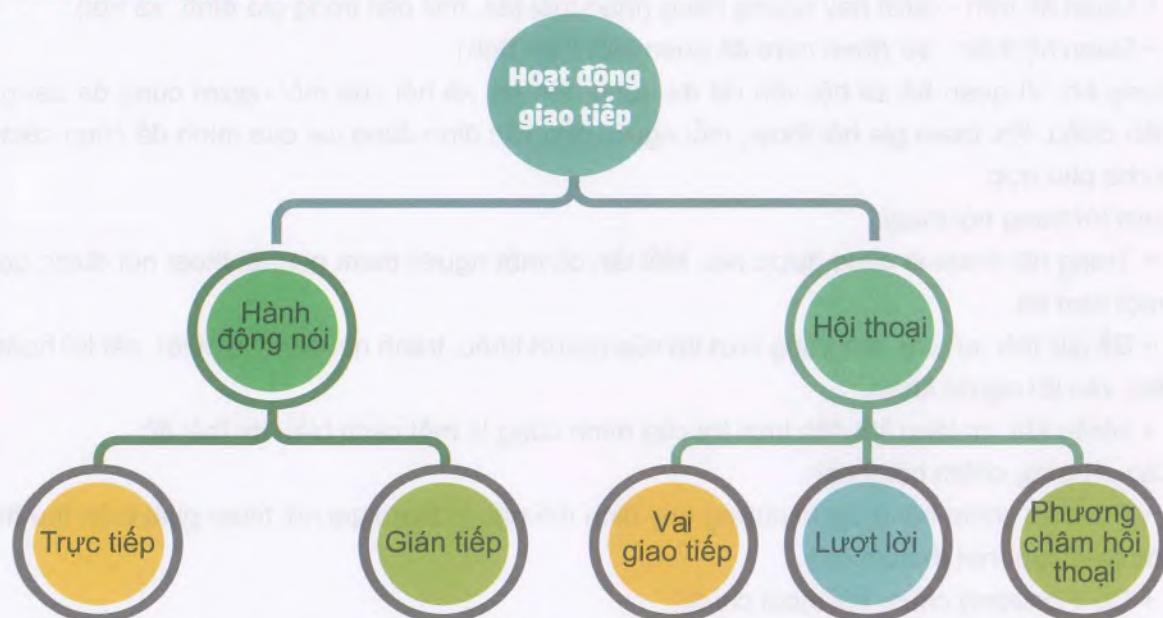
Củ tam thất cháu vừa đào thấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu uống. **Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì?**

(Nguyễn Thành Long)

Câu in đậm là câu hỏi nhưng được dùng với hàm ý khẳng định: Hôm trước bác bảo bác gái vừa ốm dậy nên cháu biểu bác gái để bồi bổ sức khỏe.

- Trong giao tiếp, sử dụng hàm ý có nhiều tác dụng như thể hiện tính lịch sự, tế nhị, đồng thời giúp cho cách diễn đạt trở nên phong phú, linh hoạt.

2.3. Hoạt động giao tiếp



* Hành động nói.

- Khái niệm: Là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

- Các kiểu hành động nói thường gặp:

- + Hành động hỏi.
- + Hành động điều khiển.
- + Hành động hứa hẹn.
- + Hành động trình bày (kể, miêu tả, báo tin...).
- + Hành động bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, giận dữ...).

- Cách thực hiện:

+ Hành động nói trực tiếp: Là hành động nói được thể hiện trực tiếp tương ứng với kiểu câu theo mục đích nói mà nó trình bày.

Ví dụ: Mẹ em đi đâu về, trước đó em không hề biết mẹ đi đâu, em hỏi mẹ: “Mẹ đi đâu về đấy?” thì câu nói của em thực hiện hành động hỏi - hành động hỏi này tương ứng với câu hỏi thì được coi là hành động nói trực tiếp.

+ Hành động nói gián tiếp: Là hành động nói không thể hiện trực tiếp thông qua kiểu câu theo mục đích nói mà nó được suy ra thông qua ngữ cảnh giao tiếp nhất định.

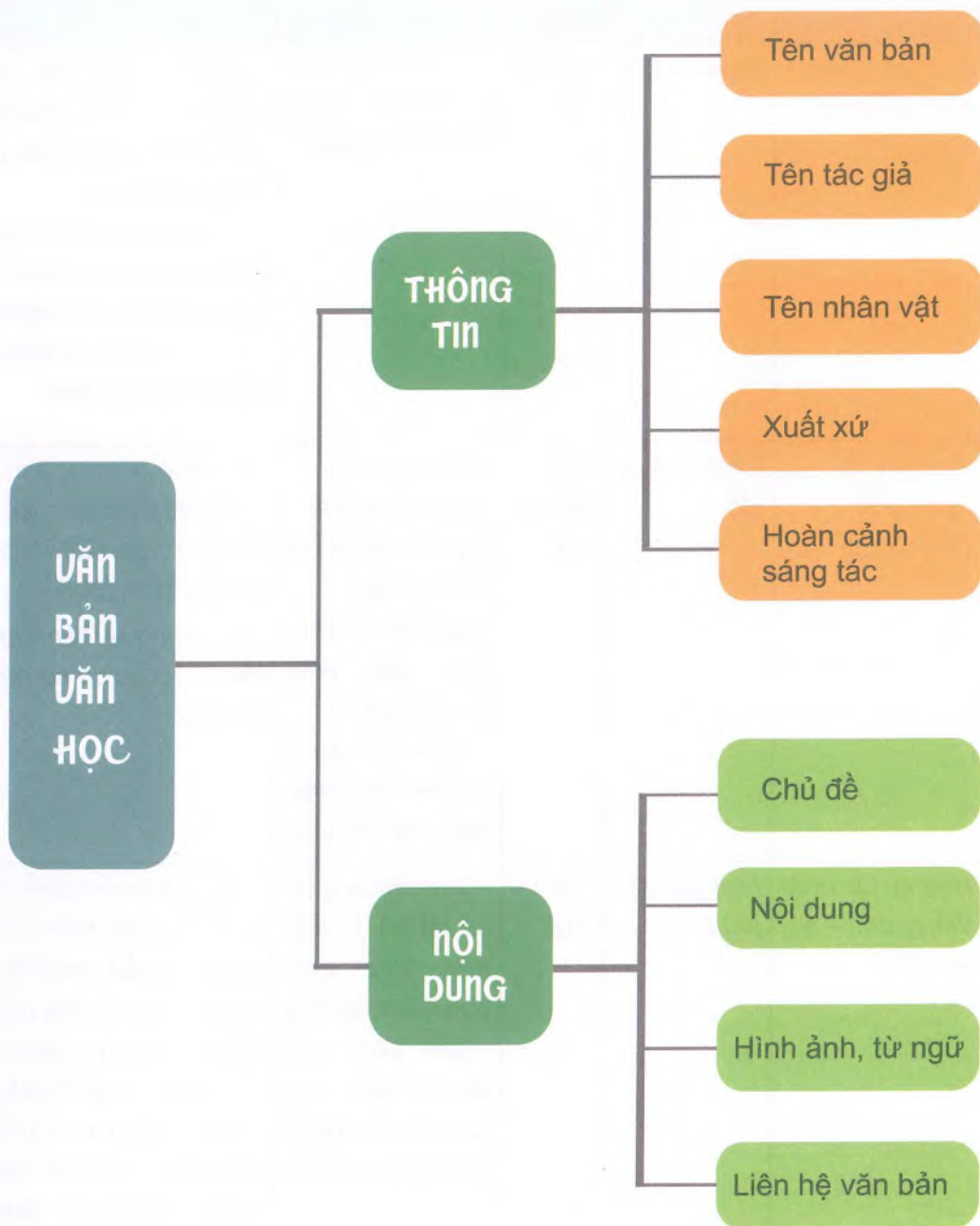
Ví dụ: Hết tiết học, nhưng cô giáo vẫn say sưa giảng bài. Một bạn trong lớp bỗng nói to: “Ôi, đã mười hai giờ rồi, nhanh thật đấy!” câu này là câu cảm thán, nhưng nó không dùng với mục đích cảm thán mà thực hiện hành động nói nhắc nhở cô giáo đã hết giờ và yêu cầu cô cho cả lớp nghỉ.

* Hội thoại.

- Khái niệm: Là hoạt động giao tiếp trong đó vai xã hội (vị trí của người tham gia hội thoại) được xác định bằng các quan hệ xã hội (thân - sơ, trên - dưới,...).
- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại. Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:
 - + Quan hệ trên - dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình, xã hội).
 - + Quan hệ thân - sơ (theo mức độ quen biết thân tình).
- Xưng hô: Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.
- Lượt lời trong hội thoại:
 - + Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.
 - + Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chen vào lời người khác.
 - + Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.
- Các phương châm hội thoại:
 - + Phương châm hội thoại là những quy định mà người tham gia hội thoại phải tuân thủ thì cuộc giao tiếp mới thành công.
 - + Có 5 phương châm hội thoại chính:
 - 1) Phương châm về lượng: Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.
Ví dụ: Dây cà ra dây muống
 - 2) Phương châm về chất: Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.
Ví dụ: Ăn ốc nói mò.
 - 3) Phương châm quan hệ: Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.
Ví dụ: Ông nói gà bà nói vịt.
 - 4) Phương châm cách thức: Khi giao tiếp, cần chú ý nói mạch lạc, ngắn gọn, tránh cách nói mơ hồ.
Ví dụ: Nói ra đầu ra đũa.
 - 5) Phương châm lịch sự: Khi giao tiếp cần tế nhị và thể hiện sự tôn trọng người khác.
Ví dụ: Nói như đâm vào tai
 - + Để giao tiếp thành công, cần nắm vững các phương châm hội thoại. Tuy nhiên, căn cứ vào tình huống giao tiếp cụ thể, cần vận dụng phương châm hội thoại cho phù hợp và linh hoạt. Có nhiều trường hợp người nói cố ý vi phạm một phương châm hội thoại nhằm thực hiện mục đích giao tiếp nào đó.

BÀI 2: VĂN BẢN

I. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC BẰNG SƠ ĐỒ TƯ DUY



II. BẢNG HỆ THỐNG MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VĂN BẢN

STT	Tác phẩm	Tác giả	Năm sáng tác	Xuất xứ	Hoàn cảnh sáng tác
1	Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ	Thế kỷ XVI	- Là một trong 20 truyện trong “Truyền kỳ mạn lục”	- Nhà Lê bắt đầu khủng hoảng, các triều đại phong kiến tranh quyền gây ra nội chiến kéo dài. - Thông qua những câu chuyện kỳ lạ, hoang đường được lưu truyền tác giả phản ánh hiện thực xã hội đương thời.
2	Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh	Phạm Đình Hổ	Đầu thế kỷ XIX	- Trích từ Vũ trung tùy bút là tùy bút viết trong những ngày mưa) được viết vào khoảng đầu đời Nguyễn. - Gồm 88 mẫu chuyện nhỏ viết theo thể tùy bút.	- Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh ghi chép về cuộc sống nơi phủ chúa thời Thịnh Vương Trịnh Sâm. - Đó chính là hiện thực đen tối của lịch sử nước ta thời đó.
3	Hoàng Lê nhất thống chí – hồi thứ XIV	Ngô gia văn phái	Thế kỷ XIX	- Tác phẩm gồm có tất cả 17 hồi, trên đây trích phần lớn hồi thứ mười bốn, viết về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh.	- Ba mươi năm cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX (cuối Lê đầu Nguyễn) nước ta có những biến động lịch sử dữ dội, Nhà Lê suy vi, nhà Thanh xâm lược, Quang Trung dẫn dắt quân Tây Sơn đại phá quân Thanh xâm lược. - “Hoàng Lê nhất thống chí” là một tiểu thuyết lịch sử ghi chép lại chân thực toàn bộ lịch sử giai đoạn này

4	Chị em Thúy Kiều	Nguyễn Du	Đầu thế kỷ XX	- Trích trong Truyện Kiều - Truyện dựa theo cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).	
5	Cảnh ngày xuân				
6	Kiều ở lầu Ngưng Bích				
7	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	Nguyễn Đình Chiểu	Thế kỷ XIX	Trích trong truyện thơ Lục Vân Tiên	- Viết trước khi Pháp xâm lược nước ta. - Thời kỳ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thấm đẫm khát vọng chính nghĩa.
8	Đồng chí	Chính Hữu	1948	- Bài thơ in trong tập thơ Đầu súng trắng treo	- Sau chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông, chiến dịch mà tác giả tham gia chiến đấu. - Sau chiến dịch, vì là rất vất vả, nên ông bị ốm nặng, phải nằm lại điều trị, một đồng chí ở lại tận tâm chăm sóc cho Chính Hữu. - Cảm động trước tấm lòng của người bạn, ông đã viết bài thơ Đồng chí như một lời cảm ơn.
9	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật	1969	- Là tác phẩm thuộc chùm thơ của Phạm Tiến Duật được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969 - 1970 - Sau in trong tập Vàng trắng - Quàng lửa (1).	- Năm 1964, rời mái trường Đại học Sư phạm Hà Nội với tuổi 23, bước vào đời lính chiến đấu và hoạt động cách mạng - Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Người chiến sĩ lái xe dũng cảm, lạc quan và có chút bốc tếu ngang tàng trên tuyến đường huyết mạch Trường Sơn thời đánh Mỹ.

10	Làng	Kim Lân	1948	Tác phẩm được đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948, tại chiến khu Việt Bắc.	Được Kim Lân sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
11	Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận	1958	Bài thơ được in trong tập thơ "Trời mỗi ngày lại sáng"	- Được nhà thơ Huy Cận sáng tác trong chuyến đi thực tế dài ngày tại vùng mỏ Quảng Ninh. - Từ chuyến đi này hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại và dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới
12	Bếp lửa	Bằng Việt	1963	Bài thơ được đưa vào tập Hương cây – Bếp lửa (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.	- Được sáng tác khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài. - Xa nhà, nhớ thương người bà ở quê nhà tác giả đã viết bài thơ này
13	Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	Nguyễn Khoa Điềm	1971	Rút trong tập "Đất nước và khát vọng"	- Được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác năm 1971, khi đang công tác tại chiến khu miền Tây Thừa Thiên.

14	Nói với con	Y Phương	1980		- Bài thơ ra đời vào năm 1980 – khi đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân cả nước nói chung, nhân dân các dân tộc thiểu số ở miền núi nói riêng vô cùng khó khăn, thiếu thốn. - Từ hiện thực khó khăn ấy, nhà thơ viết bài thơ này để tâm sự với chính mình, động viên mình, đồng thời để nhắc nhở con cái sau này.
15	Sang thu	Hữu Thỉnh	1977	- In lần đầu trên báo Văn nghệ. Sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ. Trong tập thơ “Từ chiến hào đến thành phố”, xuất bản năm 1991.	Bài thơ viết vào mùa thu 1977, khi ông tham gia trại viết văn quân đội ở ngoại ô Hà Nội, đây là một trong những mùa thu đầu tiên của người lính vừa bước ra khỏi chiến tranh.
16	Con cò	Chế Lan Viên	1962	Bài thơ “Con cò” được sáng tác năm 1962, in trong tập “Hoa ngày thường – Chim báo bão” (1967)	Bài thơ được sáng tác trong chặng sáng tác thứ hai của Chế Lan Viên mang đậm chất chiết lí và sáng tạo
17	Chiếc lược ngà	Nguyễn Quang Sáng	1966	Rút trong tập truyện cùng tên của tác giả.	Truyện ngắn Chiếc lược ngà được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.

18	Lặng lẽ Sapa	Nguyễn Thành Long	1970	Truyện được in trong tập Giữa trong xanh (năm 1972)	Sáng tác trong chuyến công tác tại Lào Cai giữa mùa hè năm 1970 của tác giả.
19	Những ngôi sao xa xôi	Lê Minh Khuê	1971	Truyện ngắn được đưa vào tuyển tập Nghệ thuật truyện ngắn thế giới xuất bản ở Mĩ.	Viết lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.
20	Viếng lăng Bác	Viễn Phương	1967	In trong tập thơ Như mây mùa xuân (1978)	- Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, Tác giả lần đầu được đến thăm lăng Bác.
21	Ánh trăng	Nguyễn Duy	1978		Sau khi kháng chiến chống Mĩ kết thúc được 3 năm, mọi người đã bắt đầu ngu quên trong hòa bình, bắt đầu rời xa chiến tranh, quên đi quá khứ.
22	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải	1980		- Bài thơ ra đời tháng 11/1980, lúc này, đất nước đã thống nhất, đang xây dựng cuộc sống mới với muôn ngàn khó khăn thử thách - Thanh Hải đang bị bệnh nặng phải điều trị ở Bệnh viện Trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời.

23	Bến quê	Nguyễn Minh Châu	1985	Truyện ngắn Bến quê in trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Minh Châu, xuất bản năm 1985.	- Tác phẩm sáng tác sau 1975, đây là thời kỳ những sáng tác của ông đi theo hướng tìm tòi đổi mới cả về nội dung và nghệ thuật.
24	Phong cách Hồ Chí Minh	Lê Anh Trà	1990	Trích trong Phong cách Hồ Chí Minh cái vĩ đại và cái giản dị, in trong tập Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam năm 1990.	
25	Đấu tranh cho một thế giới hoà bình	G. Market	1986	Trích trong tham luận thanh gươm Đa- mô- clet của Market.	Trình bày tại hội nghị nguyên thủ sáu nước tại Mê-hi-cô lần thứ hai về nguy cơ chiến tranh hạt nhân.
26	Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ của trẻ em.	Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em.	1990	Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp ở Niu Oóc năm 1990	Viết trong bối cảnh cả thế giới quan tâm đến vấn đề về quyền trẻ em
27	Tiếng nói của văn nghệ	Nguyễn Đình Thi		- Văn bản trích trong bài tiểu luận cùng tên. - Văn bản in trong tập Mấy vấn đề văn học, xuất bản năm 1956.	Văn bản được viết ở chiến khu Việt Bắc (1948) - giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp - thời kì đang nỗ lực xây dựng một nền văn nghệ với phương châm: dân tộc - khoa học - đại chúng.

28	Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới	Vũ Khoan		- Đăng trên tạp chí Tia sáng năm 2001 - In vào tập Một góc nhìn của tri thức - Năm 2002	Bài viết ra đời những năm đầu thế kỷ XXI, thời điểm quan trọng trên con đường phát triển và hội nhập.
29	Mây và sóng	Targo	1909	Bài thơ in trong tập Si-su (Trẻ thơ) (1909) và được chính tác giả dịch ra tiếng Anh in trong tập Trăng non (1915)	Bài thơ được viết bằng tình yêu trẻ thơ và gửi gắm vào đó triết lí về tình mẫu tử thiêng liêng
30	Cố hương	Lỗ Tấn	Thế kỷ XX	Là truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập Gào thét (1923)	- Sau hai mươi năm sống xa nhà, tác giả về thăm quê cũ giữa mùa đông lạnh giá. Đây là lần ông về quê để cùng người thân giải quyết chuyện bán nhà, đưa gia đình đến nơi khác làm ăn. - Trước sự thay đổi của cảnh vật và con người ở quê hương tác giả đã viết nên tác phẩm này
31	Con chó Bắc	Jack London	1903	Viết 1903, trích chương 6 của tiểu thuyết Tiếng gọi nơi hoang dã	Tác phẩm là kết quả chuyến đi Klân-đại-cơ tìm vàng của tác giả
32	Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang	Cru-xô - Đe-ni-ơn Đì-phô	1719	Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang trích Chương 10 tiểu thuyết Rô-bin-xơn Cru-xô	Tác phẩm này là tác phẩm mở đầu của phong trào văn học Ánh sáng Tây Âu

33	Những đứa trẻ	Trích Thời thơ ấu - Macxim Goroki.	Thế kỷ XX	Trích trong tiểu thuyết Thời thơ ấu	Đây là một trong những cuốn tự truyện kể về thời thơ ấu của chính tác giả
34	Bố của Xi mông	Guyđơ Mô - pa - xăng	Thế kỷ XIX	In trong tác phẩm cùng tên	là truyện ngắn tiêu biểu phản ánh hiện thực xã hội Pháp cuối thế kỷ XIX
35	Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-Phông-ten	Hi-pô-lit-Ten	1853	Đây là một bài nghị luận văn chương, trích từ chương II, phần II của công trình La-phông-ten và thơ ngụ ngôn của ông, in năm 1853.	Bài luận này tiêu biểu cho những nghiên cứu của La-phông-ten mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc.
36	Bàn về đọc sách	Chu Quang Tiềm	Thế kỷ XX	In trong Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui và nỗi buồn của việc đọc sách được Trần Đình Sử dịch.	Văn bản này là kết quả của quá trình tích lũy kinh nghiệm và dày công nghiên cứu những lời tâm huyết của tác giả.

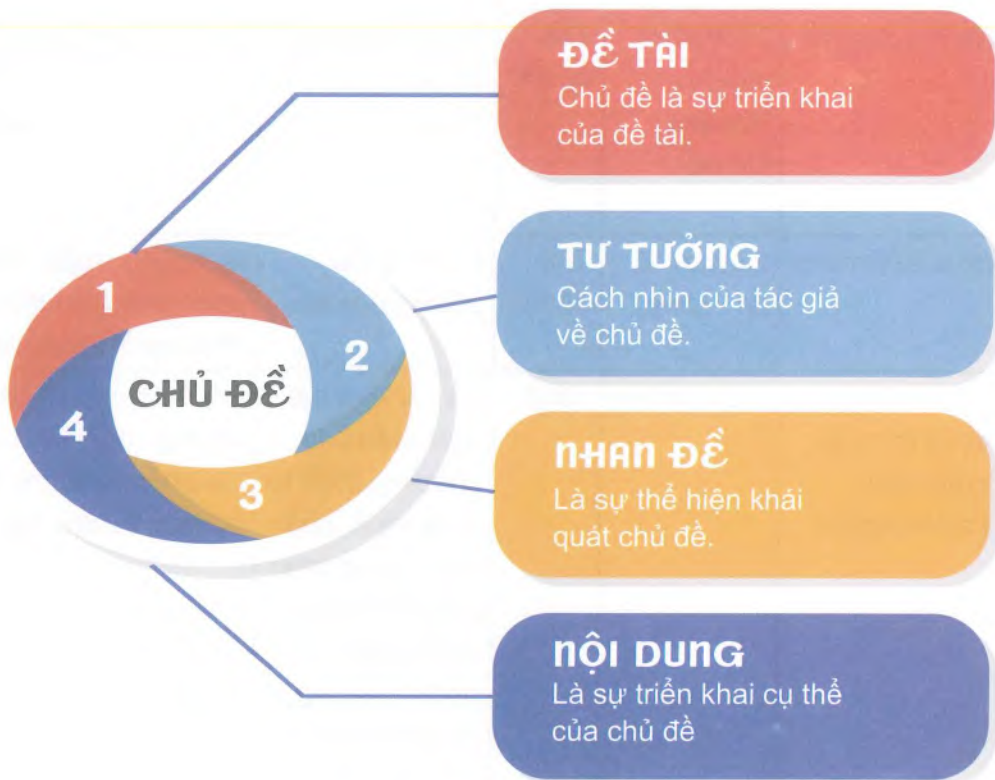
III. HIỂU VĂN BẢN

1. Chủ đề văn bản

1.1. Mối quan hệ giữa chủ đề với đề tài, tư tưởng, nhan đề và nội dung tác phẩm

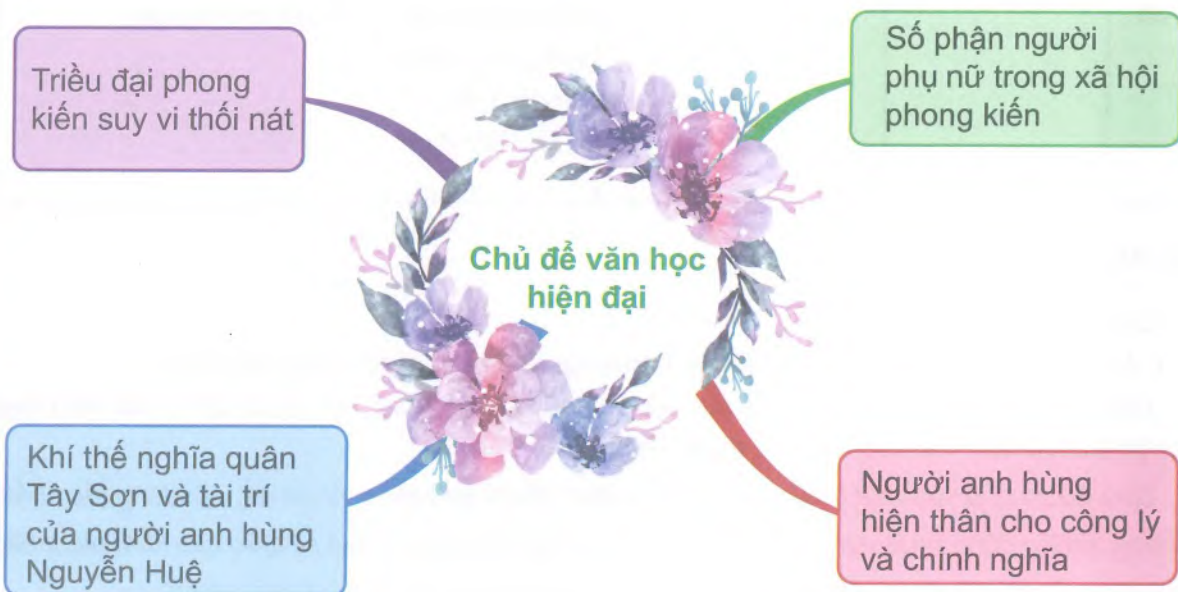
Chủ đề là vấn đề chủ yếu, trung tâm, được nhà văn tập trung soi rọi, tô đậm, nêu lên trong tác phẩm mà nhà văn cho là quan trọng nhất.

Chủ đề có quan hệ mật thiết với các khái niệm đề tài, tư tưởng, nhan đề, nội dung tác phẩm nhưng không đồng nhất với các khái niệm này, vì thế phải phân biệt rõ giữa các khái niệm này với nhau. Dưới đây là sơ đồ mối quan hệ giữa chủ đề với một số khái niệm trên.



1.2. Các chủ đề chính của văn học Việt Nam

- Chủ đề của các tác phẩm văn học trung đại:



- Chủ đề của các tác phẩm văn học hiện đại:



2. Nội dung văn bản

Nội dung văn bản là sự triển khai cụ thể của chủ đề vào trong văn bản. Mỗi đoạn văn bản thường có một nội dung bao trùm, nội dung này thống nhất chủ đề của văn bản.

Câu hỏi về nội dung văn bản trong phần chủ đề thường đề cập tới hai vấn đề:

- Nêu nội dung phản ánh của văn bản:

Ví dụ: "Tôi là con gái Hà Nội, nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, khá mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn"

Trong đoạn văn trên, nhân vật xưng "tôi" là ai? Là người có ngoại hình và tâm hồn như thế nào?

- Nêu cảm xúc tác giả gửi gắm trong văn bản đó:

Ví dụ:

Qua nhân vật ông Sáu trong truyện *Chiếc lược ngà*, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?
- Nêu suy nghĩ cảm nhận của bản thân về văn bản đó:

Ví dụ:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

Đoạn thơ trên gọi cho em suy nghĩ gì về cuộc sống có ý nghĩa của con người?

3. Từ ngữ, hình ảnh trong văn bản

Câu hỏi này thường đặt ra dưới các dạng:

- Chỉ ra từ ngữ, hình ảnh thể hiện một nội dung cụ thể/ nội dung chính của văn bản.

Ví dụ:

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày

Đời sống thiếu thốn của những người lính miêu tả qua chi tiết nào?

- Chỉ ra từ ngữ chứa đựng chủ đề đoạn văn:

Ví dụ:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại trở lên sôi nổi, mạnh mẽ, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước.” Em hãy viết ra những từ, cụm từ thể hiện chủ đề của đoạn văn trên.

- Giải thích từ ngữ, hình ảnh được đưa ra:

Ví dụ 1:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ

Từ “chén đồng” trong câu thơ trên nghĩa là gì?

Ví dụ 2: Em hiểu như thế nào về hình ảnh ngọn lửa trong hai câu thơ sau:

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng

4. Liên hệ văn bản

Liên hệ văn bản trong phạm vi bài đọc hiểu là từ một chi tiết, hình ảnh hay rộng hơn là một nội dung hoặc đề tài được phản ánh trong văn bản cho trước đưa ra tên gọi của một văn bản khác đã được học trong chương trình cũng có chi tiết, hình ảnh hay cùng nói về nội dung hoặc đề tài đó.

Câu hỏi này đòi hỏi các em phải hiểu những thông tin cơ bản của các văn bản đã học và có khả năng liên hệ trong một mức độ nhất định.

Ví dụ:

Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giết mình

Trong chương trình Ngữ văn THCS, các em đã được học một bài thơ của Hồ Chí Minh cũng có hình ảnh “trăng”. Đó là bài thơ nào?

Những câu hỏi đưa ra trong phần đọc hiểu chủ yếu yêu cầu đưa ra thông tin, vì vậy chúng ta chỉ trình bày ngắn gọn, đảm bảo thông tin, không đi vào phân tích.

BÀI 3: TẬP LÀM VĂN

I. CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

1. Khái niệm phương thức biểu đạt

Phương thức biểu đạt là cách thức nhà văn sử dụng để truyền tải được nội dung, tư tưởng, ý kiến của mình tới mọi người.

Mỗi một văn bản có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức biểu đạt, trong đó có một phương thức biểu đạt là chính.

2. Các phương thức biểu đạt



- Một số kiến thức trọng tâm về phương thức biểu đạt

	Khái niệm	Đặc trưng	Ví dụ minh họa
Tự sự	Tự sự là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng kết thúc thể hiện một ý nghĩa.	- Có cốt truyện. - Có nhân vật tự sự, sự việc. - Rõ tư tưởng, chủ đề. - Có ngôi kể thích hợp.	<i>"Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tắt và Cám mỗi đứa một cái giỏ, sai đi bắt tôm, bắt tép và hứa, đứa nào bắt được đầy giỏ sẽ thưởng cho một cái yếm đỏ. Tắt vốn chăm chỉ, lại sợ dì mắng nên mài miết suốt buổi bắt đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cám quen được nuông chiều, chỉ ham chơi nên mãi đến chiều chẳng bắt được gì." (Tắt Cám)</i>
Miêu tả	Là dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người.	Có các câu văn, câu thơ tái hiện lại hình dáng, diện mạo, màu sắc,... của người và sự vật (tả người, tả cảnh, tả tình,...)	<i>"Trăng đang lên. Mặt sông lấp lánh ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím sẫm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát" (Trong cơn gió lốc, Khuất Quang Thụy)</i>
Biểu cảm	Là phương thức dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc	Có các câu văn, câu thơ miêu tả cảm xúc, thái độ của người viết hoặc của nhân vật trữ tình. (Nhớ là cảm xúc của người viết, chứ không hẳn là cảm xúc của nhân vật trong truyện nhé)	<i>Tôi yêu Hà Nội. Một tình yêu còn cào, da diết. Nó thôi thúc tôi trở về, đắm chìm trong cái rét hanh hao và những kỷ niệm ngọt ngào một thuà.</i>
Nghị luận	Là phương thức dùng lí lẽ, lập luận, dẫn chứng để bàn bạc một vấn đề nào đó theo quan điểm của người nói/viết.	- Có luận điểm. - Có luận cứ (lý lẽ, dẫn chứng).	<i>Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại trở nên sôi nổi. Nó biến thành một làn sóng</i>

			vô cùng mạnh mẽ. Nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn. Nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước. (Tinh thần yêu nước của nhân dân ta - Hồ Chí Minh)
Thuyết minh	Là phương thức dùng để cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về một sự vật, hiện tượng cho người đọc, người nghe.	- Chỉ ra đặc điểm riêng, nổi bật của đối tượng. - Cung cấp kiến thức khách quan, chính xác về đối tượng, nhằm mục đích làm người đọc hiểu rõ về đối tượng nào đó.	Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn của hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải..." (Thông tin về ngày Trái đất năm 2000)
Hành chính – công vụ	– Là văn bản điều hành xã hội, có chức năng xã hội. Xã hội được điều hành bằng luật pháp, văn bản hành chính. - Là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lý	- Tính pháp lý - Tính khách quan - Tính khuôn mẫu	Thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng...

Ví dụ:

"Hắn về lần này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng săng đá! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cong cong, hai con mắt gườm gườm trong góm chết! Hắn mặc cái quần nái đen với áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông góm chết! (Chí Phèo – Nam Cao)

Hãy chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên ?

Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên là: tự sự, miêu tả, biểu cảm. Trong đó phương thức biểu đạt chính là tự sự, các yếu tố miêu tả và biểu cảm chỉ làm nổi bật sự kiện Chí Phèo trở về sau bảy tám năm ở tù.

II. MỘT SỐ PHÉP LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

1. Khái niệm

Liên kết là sự nối kết các câu, các đoạn trong văn bản một cách tự nhiên, hợp lí, làm cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu.

2. Phân loại

01

Liên kết chủ đề

02

Liên kết hình thức

2.1. Liên kết chủ đề:

- Là các câu và các đoạn văn cùng hướng tới một chủ đề, làm sáng tỏ chủ đề cần viết.
- Một văn bản không có sự liên kết về mặt chủ đề thì bị gọi là lạc đề.

2.2. Liên kết hình thức (Logic)

* Khái niệm

- Là sử dụng các yếu tố ngôn ngữ tạo nên sợi dây liên hệ giữa các câu văn hoặc đoạn văn trong văn bản.

* Phân loại

a) Phép lặp

- Phép lặp là lặp đi lặp lại yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhau.

- Có ba kiểu phép lặp:

+ Lặp ngữ âm:

Ví dụ:

Đòn gánh / có mấu

Củ ấu / có sừng

+ Lặp từ ngữ:

Ví dụ:

Buổi sáng, Bé dậy sớm ngồi học bài. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt. Nhưng phải cố gắng lắm mới có được thói quen ấy.

+ Lặp cú pháp:

Ví dụ:

Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

b) Phép thế

- Phép thế là cách thay những từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ có ý nghĩa tương đương (cùng chỉ sự vật ban đầu, còn gọi là có tính chất đồng chiếu) nhằm tạo tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng.

- Phân loại:

+ Thế bằng từ ngữ đồng nghĩa.

Ví dụ:

"Nghe chuyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi tưởng tượng đến một **tràng nam nhi**, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. **Tráng sĩ** ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng." (Nguyễn Đình Thi)

+ Thế bằng đại từ.

Ví dụ 2:

"Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. **Đó** là một truyền thống quý báu của ta." (Hồ Chí Minh)

c) Phép liên tưởng

- Phép liên tưởng là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật khác nhau nhưng có liên quan đến nhau, từ cái này mà nghĩ đến cái kia trên cơ sở một mối liên hệ nhất định nào đó hay còn gọi là những từ thuộc cùng một trường liên tưởng.

- Phân loại:

+ Liên tưởng cùng chất:

Ví dụ

Chim chóc cũng đua nhau đến bên hồ làm tổ. Những **con sít** lông tím, mỏ hồng kêu vang như tiếng kèn đồng. Những **con bói cá** mỏ dài lông sặc sỡ. Những **con cuốc đen** trụi truï lên lủ giữa các bụi ven bờ.

+ Liên tưởng khác chất:

Ví dụ:

Nhân dân là bể

Văn nghệ là thuyền

(Tố Hữu)

d) Phép nối

- Phép nối là cách dùng những từ ngữ mang ý nghĩa chỉ quan hệ để liên kết các phần trong văn bản (từ câu trở lên) lại với nhau.

Ví dụ 1:

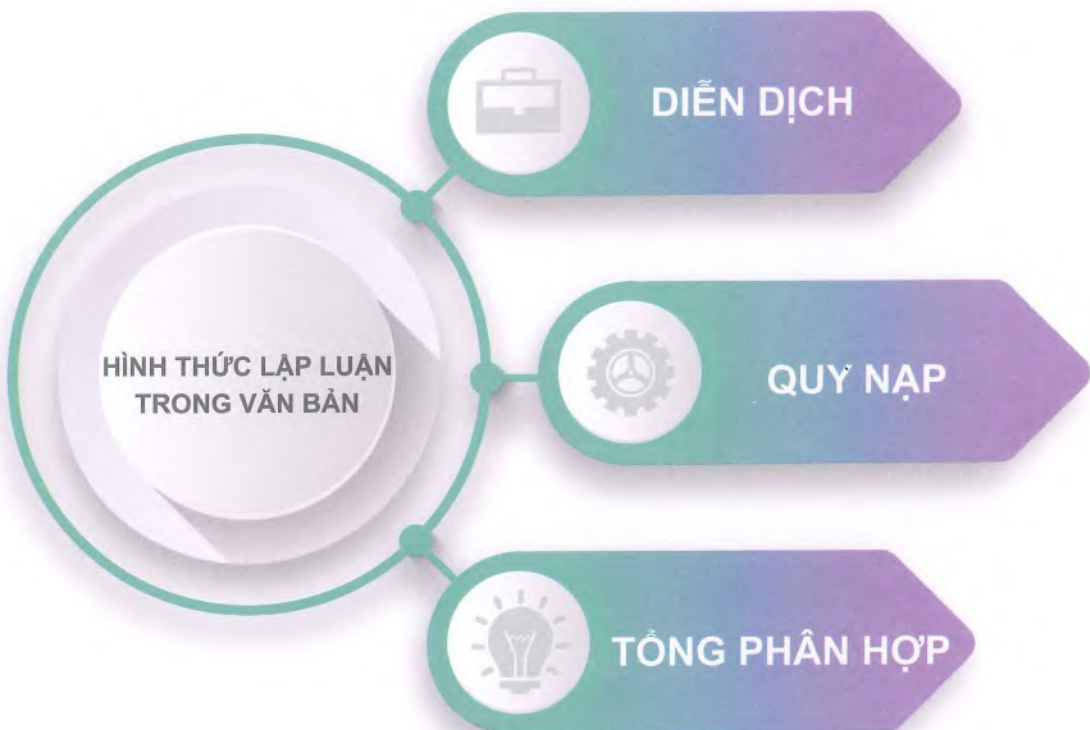
“Nguyễn Trãi sẽ sống mãi trong trí nhớ và tình cảm của người Việt Nam ta. **Và** chúng ta phải làm cho tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Trãi rạng rỡ ra ngoài bờ cõi nước ta.” (Phạm Văn Đồng)

Ví dụ 2:

“Một hồi còi khàn khàn vang lên. **Tiếp theo** là những tiếng bước chân bình bịch, những tiếng khua rộn rã: phu nhà máy rượu bia chạy vào làm.” (Nam Cao)

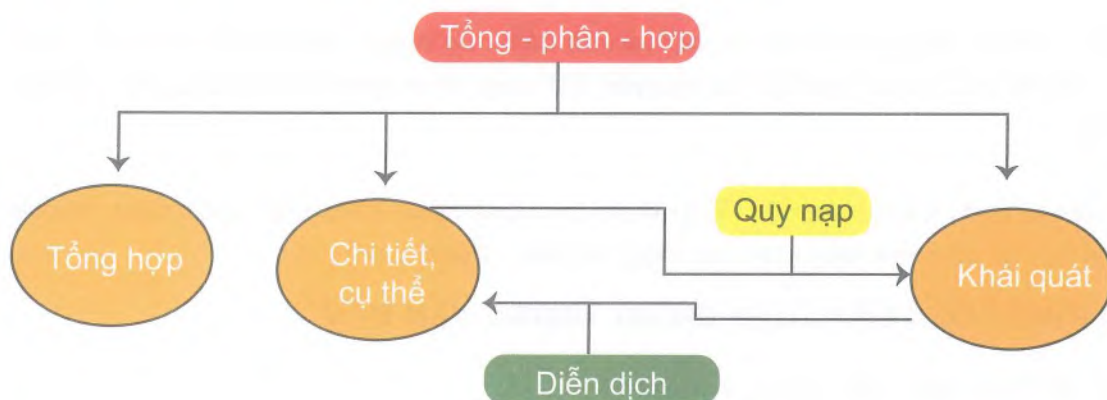
III. CÁC HÌNH THỨC LẬP LUẬN CHÍNH TRONG VĂN BẢN

1. Các hình thức lập luận trong văn bản



- *Diễn dịch*: Câu chủ đặt ở cuối đoạn văn, nội dung đoạn văn được triển khai từ cụ thể đến khái quát.
- *Quy nạp*: Câu chủ đề đặt ở đầu đoạn, nội văn đoạn văn đi từ khái quát đến cụ thể, chi tiết.
- *Tổng - phân - hợp*: Nội dung của đoạn văn triển khai theo mô hình: khái quát - cụ thể - tổng hợp.

2. Mối quan hệ giữa các hình thức lập luận trong văn bản





PHƯƠNG PHÁP LÀM CÂU HỎI ĐỌC - HIỂU

BÀI 1: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHUNG

I. NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC ĐỌC - HIỂU

1

Sử dụng hiệu quả
thời gian học trên lớp

2

Hỏi thầy cô
những chỗ chưa hiểu

3

Ghi chép cẩn thận
những nội dung quan trọng

4

Làm nhiều bài tập
thực hành sau bài học

II. LỘ TRÌNH CHINH PHỤC KIẾN THỨC ĐỌC - HIỂU

01

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

- Kiến thức tiếng Việt
- Kiến thức về văn bản
- Kiến thức về tập làm văn



02

ÔN LUYỆN KIẾN THỨC

- Ôn luyện toàn bộ kiến thức một cách hệ thống
- Nắm chắc tất cả các đơn vị kiến thức quan trọng



03

RÈN LUYỆN KỸ NĂNG

- Làm bài tập thực hành liên quan
- Luyện đề mẫu



III. CÁC BƯỚC LÀM BÀI ĐỌC - HIỂU

Đọc kỹ văn bản, gạch
chân một số từ khóa
và thông tin quan
trọng trong văn bản

Đọc kỹ câu hỏi, xác
định yêu cầu và phân
loại phạm vi kiến thức
đặt ra trong câu hỏi

Xác định thông tin
trong văn bản theo
phạm vi yêu cầu
của mỗi câu hỏi

Viết câu trả lời ngắn
gọn, đúng trọng tâm

BÀI 2:

PHƯƠNG PHÁP LÀM CÁC DẠNG CÂU HỎI ĐỌC - HIỂU

I. MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP VÀ CÁCH KHẮC PHỤC

1. Các lỗi thường gặp

1

Không chắc kiến thức, trả lời sai
lẫn lộn giữa các đơn vị kiến thức

2

Trả lời quá dài dòng, không đúng trọng tâm

3

Phân bố thời gian không hợp lí

2. Cách khắc phục

Nắm chắc kiến thức

- Sử dụng hiệu quả thời gian trên lớp
- Ôn luyện một cách hệ thống
- Tăng cường làm bài tập thực hành

Trình bày đúng trọng tâm

- Xác định rõ yêu cầu, phân loại câu hỏi
- Xác định phạm vi kiến thức trọng tâm câu hỏi
- Trình bày ngắn, rõ ràng, đủ ý

Phân phối thời gian hợp lý

- Thời gian tối đa 20 - 25 phút
- Câu dễ làm trước, khó làm sau

II. PHƯƠNG PHÁP LÀM CÁC DẠNG CÂU HỎI ĐỌC - HIỂU

1. Câu hỏi nhận biết

- Câu hỏi thường ra về xác định đề tài, thể loại, phương thức biểu đạt, phong cách ngôn ngữ, chỉ ra các biện pháp tu từ, các chi tiết chính, ... trong văn bản; nhận biết các thông tin được thể hiện, phản ánh trực tiếp trong văn bản; diễn đạt hoặc mô tả lại nội dung của văn bản bằng ngôn ngữ của mình.

- Mục đích chính của câu này là tái hiện kiến thức. Vì thế, khi trình bày cần lưu ý:

- + Hỏi đâu đáp đó.
- + Ngắn gọn, trực tiếp.

2. Câu hỏi thông hiểu

- Câu hỏi này thường yêu cầu nêu chủ đề hoặc nội dung chính của văn bản; sắp xếp, phân loại được thông tin trong văn bản; kết nối, đối chiếu, lý giải, mối quan hệ của các thông tin để lý giải nội dung của văn bản; cắt nghĩa, lý giải nội dung, hiệu quả các biện pháp tu từ, các chi tiết, các sự kiện thông tin... có trong văn bản; dựa vào nội dung văn bản để lý giải hoặc giải quyết các tình huống, các vấn đề trong văn bản.

- Khi làm câu hỏi này cần lưu ý:

Bám sát ngữ liệu

Diễn giải ngắn gọn

Trình bày theo
gạch đầu dòng

3. Câu hỏi vận dụng

- Câu hỏi này thường yêu cầu viết một câu văn hoặc một đoạn văn (5 câu) trình bày quan điểm riêng của cá nhân về văn bản theo yêu cầu của đề bài, vận dụng ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản để giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống, thể hiện được những trải nghiệm của bản thân.

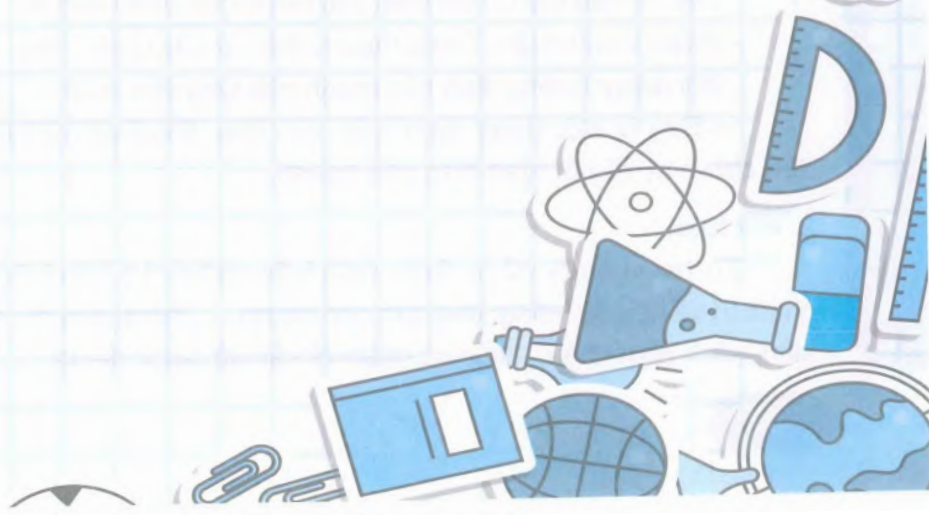
- Lưu ý khi làm câu hỏi này:

- + Bám sát ngữ liệu.
- + Quan điểm đưa ra rõ ràng.
- + Trình bày khái quát, ngắn gọn, đủ ý.

CHƯƠNG 2

CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

123





GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

BÀI 1: KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. KHÁI NIỆM

1. Ví dụ

Ví dụ 1: *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật đọc lên cho ta có cảm giác hơi dài, đôi chỗ tưởng như thừa nhưng chính điều đó đã tạo lên nét độc đáo, mới lạ. Trước hết, nhan đề làm nổi bật hình ảnh trong toàn bài thơ đó là những chiếc xe không kính hay chính là hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh. Qua đó ta thấy được sự am hiểu, gần bó hiện thực cuộc sống chiến trường của tác giả. Hai chữ “bài thơ” đã cho ta thấy rõ cách khai thác, cách nhìn nhận hiện thực cuộc sống của tác giả: không chỉ viết về những chiếc xe không kính hay hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà chủ yếu nói về chất thơ từ hiện thực ấy - chất thơ của tuổi trẻ của những người lính lái xe: hiên ngang, lạc quan, dũng cảm. Như vậy, nhan đề bài thơ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* đã góp phần làm nổi bật chủ đề thể hiện cảm xúc ngợi ca tự hào của tác giả về những chiến sĩ lái xe.

Xét ví dụ 1 ta thấy:

- Vấn đề bàn luận: Nhan đề *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.
- Nội dung: Làm sáng tỏ ý nghĩa nhan đề bài thơ.

⇒ Đây là một dạng Nghị luận văn học, tiểu loại nghị luận về một vấn đề của một tác phẩm văn học cụ thể.

Ví dụ 2: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”*

(*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*, SGK Ngữ văn 7, tập 2)

Xét ví dụ 2 ta thấy:

- Vấn đề bàn luận: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- Phạm vi bàn luận: Trong thực tế lịch sử của nước nhà.
- Nội dung: Khẳng định sức mạnh của lòng yêu nước.

⇒ Đây là một dạng Nghị luận văn học, tiểu loại nghị luận về một vấn đề liên quan đến chính trị xã hội, đạo đức con người.

2. Kết luận

Từ hai ví dụ ta rút ra được nghị luận xã hội: Là bàn luận về các vấn đề liên quan đến chính trị xã hội, đời sống, đạo đức con người,... Thông qua đó, người viết bày tỏ quan điểm, ý kiến, cách nhìn nhận,... của cá nhân về vấn đề được đặt ra.

II. PHÂN LOẠI

Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

- Bàn về những hiện tượng, vấn đề nổi bật trong đời sống, xã hội và có những tác động nhất định đối với cộng đồng.

- Ví dụ: Tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, bạo lực học đường, tai nạn giao thông,...

Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học

- Bàn về vấn đề thuộc tư tưởng, đạo đức, lối sống con người.

- Ví dụ: Lòng nhân ái, vị tha, tình mẫu tử, tình thầy trò, "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "thất bại là mẹ thành công",...

Nghị luận về một hiện tượng đời sống, xã hội

- Bàn về những thông điệp mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm. Có thể là về tư tưởng đạo lí hoặc về hiện tượng đời sống xã hội.

Ví dụ: Suy nghĩ về tình yêu quê hương, đất nước qua hai câu thơ "Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn" (*Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên)

III. ĐẶC ĐIỂM

Luận điểm

- Tư tưởng, quan điểm, ý kiến,... đặt ra trong bài hướng tới giải quyết những vấn đề liên quan đến thực tiễn cuộc sống.
- Diễn đạt rõ ràng, nhất quán và cụ thể.

Luận cứ

(lí lẽ, dẫn chứng)

- Chân thực, tiêu biểu, sinh động, và được rút ra từ hiện thực đời sống.
- Cần sự linh hoạt trong nhận thức vấn đề của người viết.
- Thể hiện ý kiến cá nhân của người viết.

Lập luận

Rõ ràng, hợp lí, thống nhất của mỗi theo một bố cục dạng nghị luận xã hội.

BÀI 2: MỘT SỐ YÊU CẦU KHI VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. KHÁI NIỆM ĐOẠN VĂN

- Đoạn văn là một tập hợp câu. Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức:

- + Nội dung: các câu trong đoạn văn cùng đi triển khai một chủ đề chung.
- + Hình thức: bắt đầu bằng chữ viết hoa, lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm, xuống dòng.

II. NHỮNG LƯU Ý KHI VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1

Biết phân bổ thời gian hợp lí (dành khoảng 15 đến 25 phút cho một bài viết tùy vào yêu cầu về dung lượng).



2

Đọc kĩ đề để xác định đúng yêu cầu. Tránh nhầm lẫn giữa viết đoạn văn và bài văn.



3

Đảm bảo đủ cấu trúc và hình thức của một đoạn văn nghị luận xã hội:

- Có đủ ba phần:
Nêu vấn đề, triển khai vấn đề và kết thúc vấn đề (nếu gần hết thời gian mà chưa viết xong cũng kết thúc vấn đề ngay để đảm bảo cấu trúc bài làm).
- Không xuống dòng sau khi kết thúc mỗi phần.



5

Biết chắt lọc dẫn chứng (nên sử dụng những câu chuyện, sự kiện, nhân vật,... tiêu biểu trong cuộc sống).

4

Biết vận dụng linh hoạt các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,...), các thao tác lập luận (giải thích, chứng minh, bình luận,...) kết hợp sử dụng các yếu tố biểu cảm để bài viết sinh động và hấp dẫn hơn.

6

Trang bị cho mình vốn kiến thức về đời sống qua việc quan sát, thu thập và ghi nhớ thông tin.

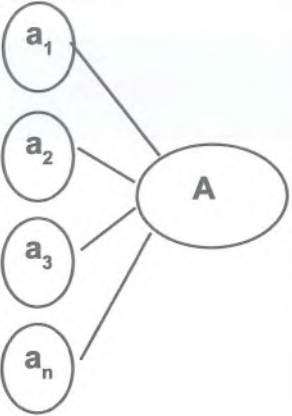
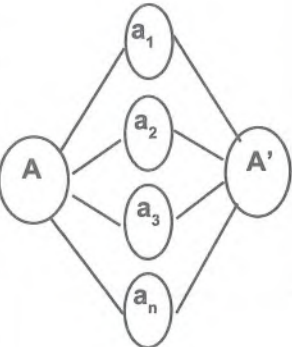


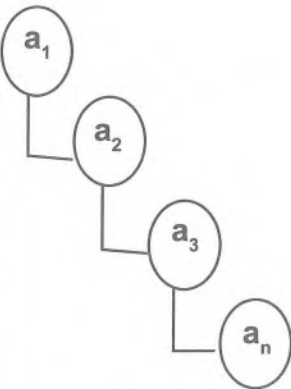


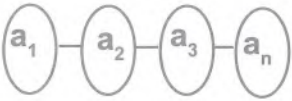
PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

BÀI 1: CÁC HÌNH THỨC LẬP LUẬN

Cách thức trình bày	Nội dung	Mô hình	Ví dụ minh họa
Diễn dịch	- Là cách trình bày đi từ ý khái quát đến ý cụ thể. - Câu mang ý khái quát (câu chủ đề) đứng ở đầu đoạn văn. Những câu còn lại trong đoạn làm nhiệm vụ triển khai, làm sáng rõ ý của câu chủ đề.	<pre>graph LR; A((A)) --- a1((a1)); A --- a2((a2)); A --- a3((a3)); A --- an((an));</pre>	Tình yêu thương là tình cảm tốt đẹp mà con người dành cho nhau (A). Đó là những nét đẹp bình dị, trong sáng của lòng nhân hậu, cao thượng, vị tha và công lí (a1). Đó có thể là tình cảm gia đình, tình bằng hữu, tình yêu lứa đôi, tình người nói chung (a2). Yêu thương chính là khi ta cảm thông, quan tâm, giúp đỡ người có cảnh ngộ khó khăn trong cuộc sống, yêu mến và trân trọng những người có phẩm chất đạo đức tốt, tình cảm cao đẹp (a3). (Phan Danh Hiếu chủ biên, <i>Bí quyết viết đoạn văn nghị luận xã hội theo định hướng đề thi mới</i>, NXB Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh)

Quy nạp	- Là cách trình bày đi từ những ý cụ thể, ý nhỏ để rút ra ý tổng quát, ý lớn. - Câu mang ý tổng quát (câu chủ đề) đứng ở cuối đoạn văn, chốt lại nội dung chính của toàn đoạn. Những câu bên trên làm nhiệm vụ triển khai nội dung.		Nhiều bạn trẻ đang tuổi ăn, tuổi học bỏ ngang mọi thứ để tập trung sức lực và tiền của bám theo thần tượng “trên từng cây số” (a1). Để có tiền mua vé xem thần tượng biểu diễn, nhiều bạn không ngần ngại làm việc xấu như cướp bóc thậm trí là “bán dâm” (a2). Cảnh tượng chen chúc, dấm đạp, khóc lóc ở sân bay để đón thần tượng cũng không còn quá xa lạ đối với mọi người (a3). Cuồng thần tượng một cách mù quáng đã để lại vô vàn hệ lụy đáng tiếc trong giới trẻ ngày nay (A).
Tổng - Phân - Hợp	- Là cách trình bày đi từ ý chung đến ý cụ thể và được kết lại bằng một câu mang tính khái quát cao. - Câu mở đoạn và kết đoạn sẽ là những câu mang ý tổng quát.		Bệnh vô cảm đang dần trở thành một vấn nạn trong xã hội ngày nay (A). Vô cảm là sự thờ ơ, dửng dưng của con người trước mọi sự việc, vấn đề trong cuộc sống (a1). Họ ngoảnh mặt làm ngơ khi nhìn thấy kẻ gian móc túi người khác; họ lạnh lùng đứng xem và cầm máy quay khi chứng kiến một vụ tai nạn giao thông; họ lờ đi những chuyện gian lận, hối lộ mà họ biết rõ mồn một;...(a2) Vô cảm chính là

	- Câu mở đoạn làm nhiệm vụ dẫn dắt, giới thiệu nội dung, những câu tiếp sẽ triển khai cụ thể nội dung và câu kết đoạn là chốt lại vấn đề.		dấu hiệu của sự hèn nhát, nhu nhược, ích kỉ,...(a3) Bệnh vô cảm ngày càng lan rộng trong cộng đồng, chúng ta cần phải có những hành động kịp thời để đẩy lùi những nguy hại mà nó sẽ đem đến cho cuộc sống con người (A').
Móc xích	Là cách trình bày ý nọ có sự móc nối với ý kia (câu sau phát triển, giải thích ý của câu trước. Câu sau liên kết, móc nối với câu trước qua việc lặp lại một vài từ ngữ của câu trước).		Lòng dũng cảm là một đức tính đáng quý và cần thiết ở mỗi người (a1). Đây là đức tính đáng quý bởi nó giúp con người ta trở nên mạnh mẽ, không run sợ trước cái xấu, cái ác (a2). Cái xấu, cái ác chính là những con người, việc làm gây nguy hại cho xã hội, cộng đồng (a3). Những nguy hại đó sẽ để lại những hậu quả vô cùng nặng nề mà chúng ta không lường được (a4).

Song hành	Là cách trình bày các câu ngang nhau (không có câu nào bao chứa câu nào). Các câu trong đoạn văn sẽ cùng phối hợp với nhau để làm sáng tỏ nội dung cần truyền đạt.	 <pre> graph LR a1((a₁)) --- a2((a₂)) a2 --- a3((a₃)) a3 --- an((a_n)) </pre>	Lòng vị tha là sự cao thượng, nhân ái trước lỗi lầm của người khác (a1). Lòng hiếu thảo là sự tôn trọng, yêu thương của con cháu đối với ông bà, cha mẹ hay cả với những người không có quan hệ ruột thịt (a2). Lòng biết ơn là sự ghi nhớ và trân trọng những gì mình nhận được từ người khác (a3). Lòng kiên trì là sự nỗ lực, cố gắng không ngừng nghỉ để theo đuổi và hoàn thành mục tiêu mà mình đã đề ra (a4).
-------------------------	---	---	---



“Tôi không thể thay đổi hướng gió, nhưng tôi có thể thay đổi con đường tôi đi để đạt được đến nơi mà tôi muốn.”

(Danh ngôn)



BÀI 2: CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN CỦA ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Thao tác so sánh là thao tác đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng với nhau để thấy rõ điểm giống và khác. Qua đó thấy được giá trị của từng sự vật, hiện tượng.

**SO
SÁNH**

Thao tác bác bỏ là dùng những dẫn chứng xác thực để phản bác lại một ý kiến, quan điểm chưa thực sự đúng đắn.

BÁC BỎ

Thao tác phân tích là phân nhỏ, bóc tách vấn đề để thấy được bản chất, giá trị của vấn đề nghị luận.

**PHÂN
TÍCH**

GIẢI THÍCH

Thao tác giải thích là dùng lí lẽ cắt nghĩa hiện tượng, các từ ngữ, thuật ngữ,... khó hiểu có trong đề bài được đưa ra để người nghe, người đọc hiểu rõ bản chất vấn đề.

CHỨNG MINH

Thao tác chứng minh là dùng những lí lẽ, dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ ý kiến, quan điểm,... của cá nhân liên quan đến vấn đề nghị luận và thuyết phục mọi người tin vào điều đó.

BÌNH LUẬN

Thao tác bình luận là nhận xét, đánh giá tính đúng - sai, tốt - xấu của vấn đề; thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân trước vấn đề nghị luận.

BÀI 3: CÁC KIỂU ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ

I. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

Đề tài nghị luận về một tư tưởng đạo lí rất phong phú và thường được đề cập qua những câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... Bao gồm:

- Nhận thức (lí tưởng, ước mơ, ý chí,...): “Lao động bao giờ cũng là cơ sở cho cuộc sống con người và cho văn hóa” A. Makarenko, “Đừng mong đợi thấy thế giới sáng sủa, nếu bạn không thay đôi kính đen” T. Eliot ...
- Phẩm chất đạo đức, tính cách: Lòng nhân ái, vị tha, dũng cảm. khiêm tốn...
- Lối sống của con người: “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Giấy rách phải giữ lấy lề”, tình mẫu tử, tình đồng đội, tình thầy trò,...

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1

Nêu vấn đề:

Dẫn trực tiếp vào vấn đề cần bàn luận.

2

Triển khai vấn đề:

- Giải thích: từ cụ thể đến khái quát.
- Phân tích, bàn luận: Nêu biểu hiện, ảnh hưởng, nguyên nhân... của vấn đề.
- Đánh giá: Đánh giá tính đúng, sai; tốt, xấu... của vấn đề. Thể hiện rõ ràng quan điểm của mình.
- Liên hệ bản thân.

3

Tổng kết lại vấn đề.

III. VÍ DỤ MINH HỌA

Viết đoạn văn (độ dài khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình mẹ trong cuộc đời mỗi người.

(Đề thi vào lớp 10 năm 2018-2019 tỉnh Sóc Trăng).

Gợi ý đáp án

1. Nêu vấn đề.

2. Triển khai vấn đề:

a) Giải thích

- Mẹ là người sinh thành và nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn, trưởng thành.
- Mẹ hi sinh và dành tình yêu thương vô điều kiện với mỗi người con.

b) Phân tích, bàn luận

- Tình mẹ đối với mỗi người:
 - + Mẹ là người mang nặng, đẻ đau, nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn.
 - + Mẹ dạy ta học ăn, học nói, học những điều hay lẽ phải trong cuộc đời.
 - + Lớn lên, mỗi lần vấp ngã trong cuộc đời, mẹ dang tay che chở.
 - + Mẹ dõi theo từng bước ta đi trong cuộc đời “Con dù lớn vẫn là con của mẹ/ Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con”.
- Nhiệm vụ, bổn phận của mỗi đứa con:
 - + Thấu hiểu sự hi sinh của mẹ.
 - + Luôn chăm ngoan, học giỏi, nghe lời cha mẹ.
 - + Sống hiếu thảo, yêu thương, phụng dưỡng cha mẹ khi về già.

c) Đánh giá

- Phê phán những kẻ bất hiếu, không nghe lời cha mẹ.

d) Liên hệ bản thân

3. Kết thúc vấn đề

B. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

I. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

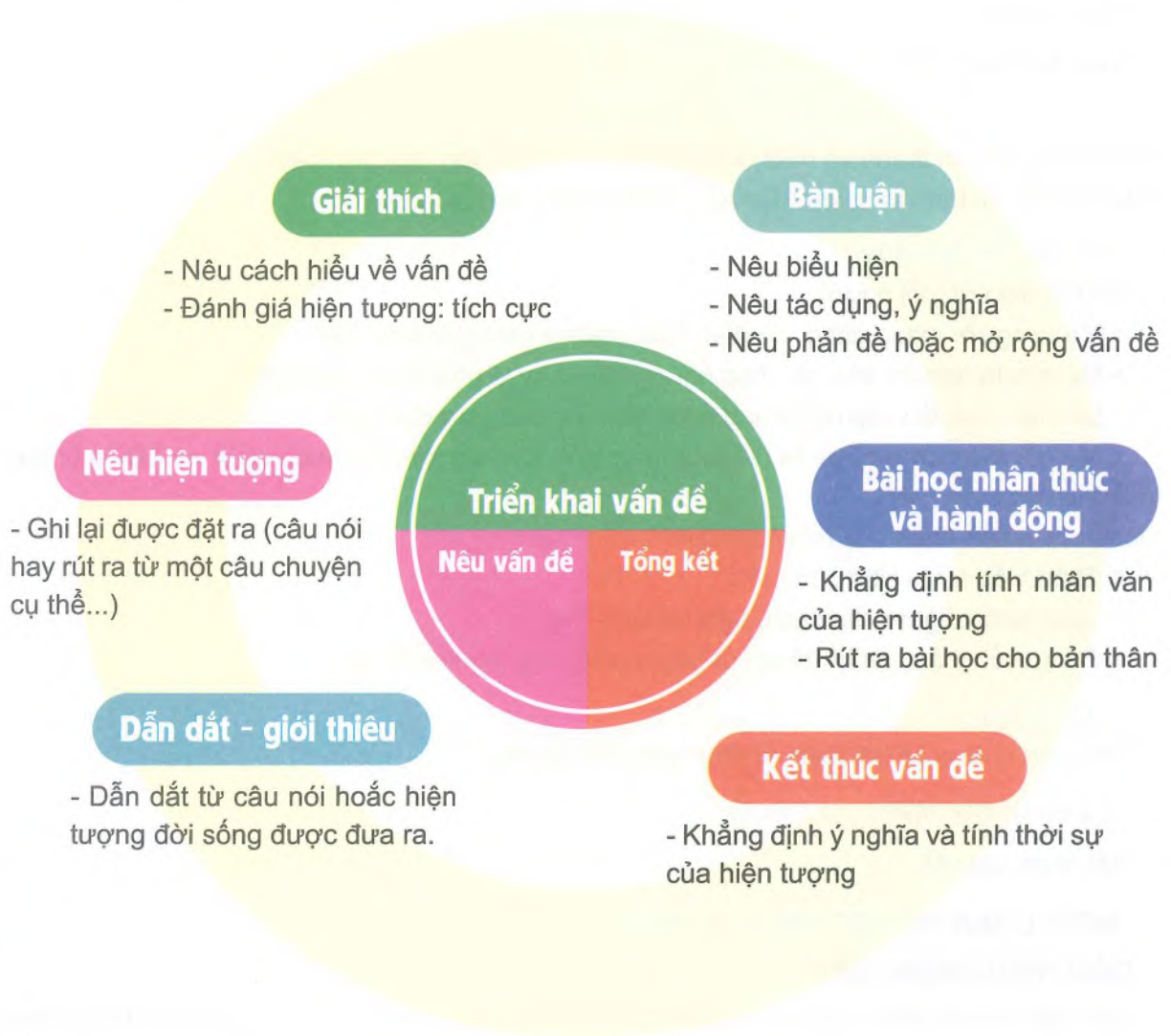
- Nghị luận về một hiện tượng đời sống là bàn bạc về một hiện tượng đang diễn ra trong thực tế đời sống xã hội mang tính chất thời sự, thu hút sự quan tâm của nhiều người (như ô nhiễm môi trường, nếp sống văn minh đô thị, tai nạn giao thông, bạo hành gia đình, lối sống thờ ơ vô cảm, đồng cảm và chia sẻ...). Đó có thể là một hiện tượng tốt hoặc xấu, đáng khen hoặc đáng chê.

- Để làm tốt kiểu bài này, học sinh cần phải hiểu hiện tượng đời sống được đưa ra nghị luận có thể có ý nghĩa tích cực hay tiêu cực, cũng có hiện tượng vừa tích cực vừa tiêu cực... Do vậy, cần căn cứ vào yêu cầu cụ thể của đề xác định bố cục cũng như nội dung cụ thể cho bài viết.

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Chúng ta cần xác định rõ, hiện tượng đời sống được đưa ra là tích cực hay tiêu cực. Từ đó xây dựng dàn ý phù hợp cho bài viết của mình.

1. Nghị luận về một hiện tượng đời sống tích cực



* Ví dụ minh họa

“Cuộc sống là nguyên liệu thô, chúng ta là những nghệ nhân. Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta”.

Suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Gợi ý đáp án

1) Mở bài

- Dẫn dắt vào vấn đề.
- Nêu vấn đề.

2) Thân bài

a) Giải thích

- Giải thích từ ngữ:

+ Cuộc sống là nguyên liệu thô: Chỉ những bộn bề phức tạp của cuộc sống mà mỗi người phải trải qua trong đời khi sống.

+ Nghệ nhân: con người có tài năng nghệ thuật, có con mắt thẩm mỹ.

+ Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta: Từ nguyên liệu cuộc sống, mỗi người sẽ tạo nên tác phẩm cuộc đời của mình.

- Nội dung câu nói: Câu nói khẳng định và đề cao vai trò quyết định của mỗi cá nhân đối với cuộc sống của chính mình. Chính thái độ sống, năng lực sống của bản thân sẽ làm nên giá trị, ý nghĩa cuộc sống của mỗi người.

b) Bàn luận

- Cuộc sống là nguyên liệu thô, chúng ta là những nghệ nhân:

+ Cuộc sống luôn mang trong mình những bộn bề, phức tạp: nó bao chứa trong đó cả những khó khăn và thuận lợi, thử thách lẫn cơ hội, thành công và thất bại, khổ đau gần kề hạnh phúc...

+ Cuộc sống của chúng ta như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào hành động và cách nhìn của chúng ta.

+ Mỗi người phải đối mặt với vấn đề riêng trong cuộc sống của chính họ.

⇒ Cuộc đời của chúng ta chính là sản phẩm nghệ thuật được nhào nặn từ đôi tay của chúng ta.

- Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta:

+ Nếu chúng ta sống một cách chủ động và tích cực, biết gạt bỏ những cái xấu, tận dụng và phát huy những điều tốt đẹp, biến khó khăn, thử thách thành cơ hội thì ta sẽ có một tác phẩm cuộc đời tuyệt đẹp.

+ Nếu buông xuôi và phó mặc, bị động và để cuộc sống trôi đi, khi ấy tác phẩm cuộc đời của mỗi chúng ta chỉ là những vật thể xấu xí.

- Mở rộng, phản đề:

+ Tác phẩm cuộc đời của mỗi người còn chịu sự tác động không nhỏ của hoàn cảnh khách quan.

+ Phê phán thái độ sống hưởng thụ, ỷ lại, chờ đợi sự ban phát từ người khác.

c) Bài học nhận thức và hành động

- Nhận thức: Chỉ có bản thân chúng ta mới tạo ra số phận cho mình".

- Hành động:

+ Luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thiện bản thân.

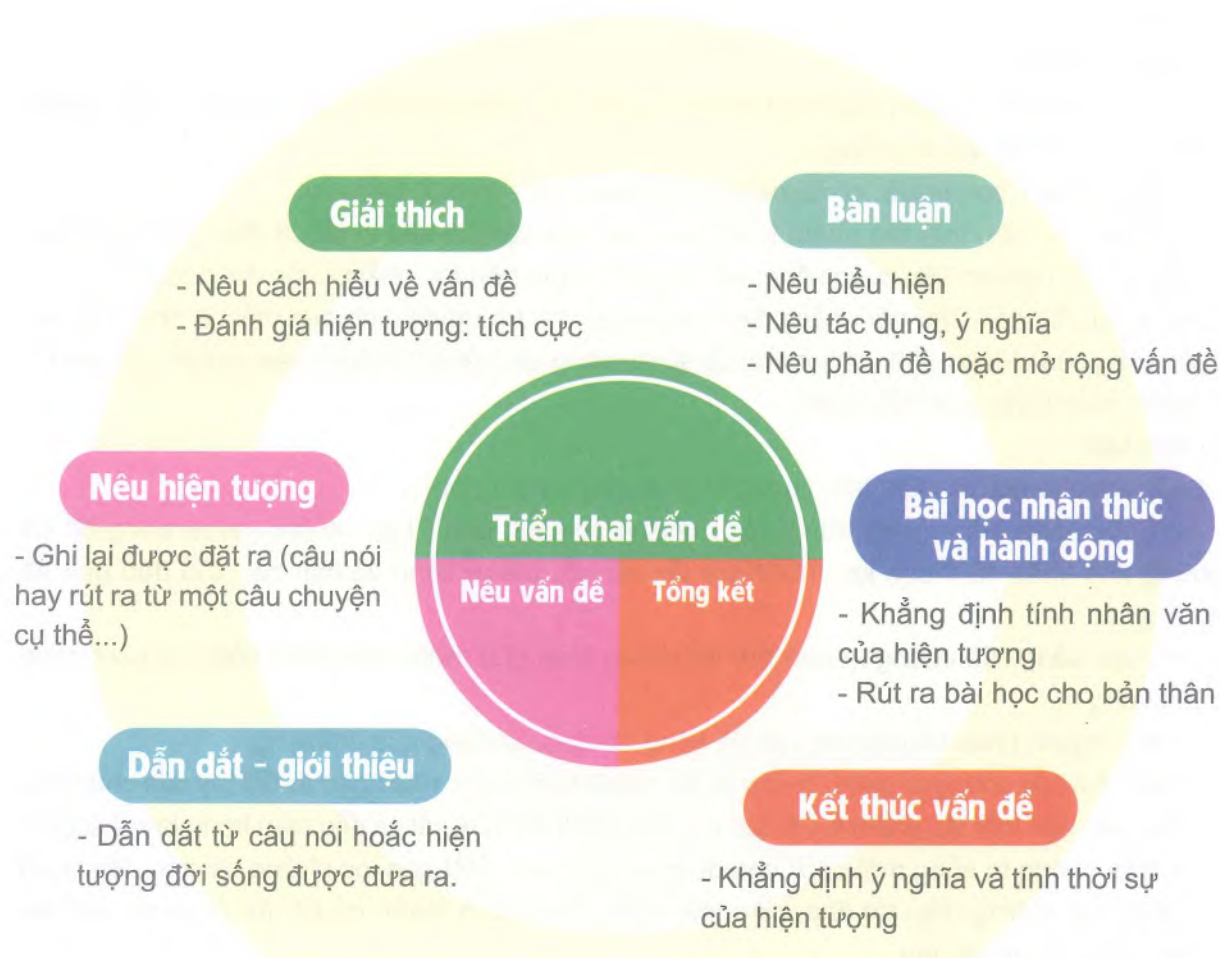
+ Mỗi người phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có lí tưởng, có ước mơ.

3. Kết bài

- Tổng kết lại vấn đề.

- Nêu ý nghĩa của vấn đề đặt ra.

2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống tiêu cực



* Ví dụ minh họa

Hãy viết một bài văn nghị luận phát biểu ý kiến của anh (chị) về vấn đề sau: *Hiện tượng sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng trong thế hệ trẻ hiện nay.*

Gợi ý đáp án

1) Giới thiệu vấn đề

- Dẫn dắt giới thiệu vấn đề bàn luận.
- Nêu khái quát nội dung vấn đề bàn luận.

2) Triển khai vấn đề

a) Giải thích hiện tượng

- Vô cảm là không có cảm giác, không có tình cảm, không xúc động trước một sự vật, hiện tượng, một vấn đề gì đó trong đời sống. Bệnh vô cảm là căn bệnh của những người không có tình yêu thương, sống dửng dưng trước nỗi đau của con người, xã hội, nhân loại...
- Hiện tượng sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng trong thế hệ trẻ hiện nay là biểu hiện tiêu cực trong đời sống của giới trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước. Hiện tượng này thu hút mối quan tâm và gây ra nhiều bức xúc cho xã hội.

b) Bàn luận

- Thực trạng của lối sống thờ ơ vô cảm:

+ Hiện đang rất phổ biến ở nhiều học sinh, thanh niên: sống ích kỷ, ham chơi, chỉ biết đòi hỏi, hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, xã hội.

+ Dửng dưng với những người xung quanh và cả những người thân của mình.

- Nguyên nhân:

+ Xã hội phát triển, nhiều các loại hình vui chơi giải trí. Nền kinh tế thị trường khiến con người coi trọng vật chất, sống thực dụng hơn.

+ Do phụ huynh nuông chiều con cái, không định hướng đúng về nhân cách và ứng xử cho con.

+ Thiếu quan tâm tới việc giáo dục hoàn thiện cả về tri thức và tâm hồn.

+ Lối sống hưởng thụ, không biết chia sẻ, quan tâm đến người khác.

- Hậu quả:

+ Ích kỷ, vô trách nhiệm, vô lương tâm, chỉ biết sống cho mình mà không quan tâm đến người thân và những người xung quanh.

+ Không biết cảm thông, chia sẻ, yêu thương với những cảnh ngộ bất hạnh trong cuộc đời.

+ Không hiểu được những giá trị thực sự của cuộc sống.

+ Đời sống khô cằn, thiếu tình yêu và hạnh phúc.

- Biện pháp:

+ Giáo dục thế hệ trẻ về những giá trị của cuộc sống bằng chính hành động thực tiễn của chúng ta.

+ Nhắc nhở, điều chỉnh hành vi một cách đúng đắn cho thanh thiếu niên.

+ Hãy làm giàu tâm hồn bằng các tác phẩm văn chương nghệ thuật hoặc tích cực tham gia vào những phong trào, những hoạt động mang ý nghĩa xã hội rộng lớn...

+ Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Mình vì mọi người, mọi người vì mình thì chắc chắn mọi bi kịch của số phận sẽ lùi xa.

+ Câu chuyện Các Mác trong một lần trò chuyện cùng con gái: khi con gái hỏi điều gì làm cho ba quan tâm nhất? Mác đã trả lời: Tất cả những gì liên quan đến con người đều không xa lạ đối với ba. Quả thật, phải có sự quan tâm sâu sắc và tình thương yêu nhân loại vô bờ bến

thì Mác mới viết được những tác phẩm bất hủ để bệnh vực giai cấp bị bóc lột trong xã hội tư bản đầy áp bức, bất công.

c) Bài học nhận thức và hành động

- Nhận thức: sống trong đời sống cần có tình yêu thương, biết quan tâm chia sẻ với người thân, với cộng đồng; không nên sống thờ ơ, vô cảm, ích kỉ.

- Bài học hành động:

+ Mỗi học sinh cần xác định đúng nhiệm vụ học tập và tu dưỡng đạo đức, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

+ Hãy quan tâm giúp đỡ những người thân, bạn bè.

+ Hãy chia sẻ những gì mình có thể cho những cuộc đời bất hạnh quanh ta để trái tim và cuộc sống này tràn ngập yêu thương.

3) Tổng kết

- Tổng kết vấn đề.

- Nêu ý nghĩa và giá trị thực tiễn của vấn đề.

C. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

1. Đối tượng

- Là một vấn đề xã hội nào đó được đặt ra trong tác phẩm văn học.

- Vấn đề xã hội có thể lấy từ hai nguồn: Tác phẩm văn học đã học trong chương trình hoặc một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn mà học sinh chưa được học.

2. Lưu ý

- Dạng đề này liên quan và xuất phát từ tác phẩm văn học, nhưng mục đích chính là yêu cầu người viết bàn bạc, nghị luận về một vấn đề xã hội, đạo lí, tư tưởng, nhân sinh, hiện tượng đời sống...

- Cần phân biệt dạng bài này với dạng nghị luận văn học, trọng tâm của nghị luận văn học là vấn đề liên quan đến nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học; trọng tâm đề nghị luận xã hội về tác phẩm văn học là vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm đó.

- Phải đọc kỹ văn bản để nắm được vấn đề nghị luận mà văn bản đặt ra, từ đó làm cơ sở để viết bài.

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

- Đọc kỹ văn bản.

- Xác định rõ vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản.

- Tìm ý.

- Triển khai viết bài theo các bước trong sơ đồ sau:



III. VÍ DỤ MINH HỌA

1. Đề bài

Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt được vào bên trong cơ thể một con trai. Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai. Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát.

Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...

(Theo *Lớn lên trong trái tim của mẹ* - Bùi Xuân Lộc - NXB Trẻ, 2005)

Hãy viết một đoạn văn nghị luận bày tỏ những suy nghĩ về bài học từ cuộc sống em rút ra từ câu chuyện trên.

2. Gợi ý đáp án

1) Giới thiệu vấn đề

- Giới thiệu khái quát về nội dung câu chuyện.
- Nêu vấn đề được đặt ra trong câu chuyện.

2) Triển khai vấn đề

a) Giải thích

- Hạt cát: Biểu tượng cho những khó khăn và những biến cố bất thường... có thể xảy đến với con người bất kì lúc nào.
- Con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát... biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp: Biểu tượng cho con người biết chấp nhận thử thách để đứng vững, biết vượt lên hoàn cảnh. ⇒ Tạo ra những thành quả đẹp cống hiến cho cuộc đời...
- Câu chuyện ngắn gọn nhưng trở thành bài học sâu sắc về thái độ sống tích cực. Phải có ý chí và bản lĩnh, mạnh dạn đối mặt với khó khăn gian khổ, học cách sống đối đầu và dũng cảm, học cách vươn lên bằng nghị lực và niềm tin...

b) Bàn luận

- Khẳng định câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc với mỗi người trong cuộc đời:
 - + Những khó khăn, trở ngại vẫn thường xảy ra trong cuộc sống, luôn vượt khỏi toan tính, dự định của con người. Vì vậy, mỗi người phải đối mặt, không được bi quan, buông xuôi, đầu hàng số phận...
 - + Khó khăn trở ngại chính là điều kiện để con người đứng vững, tôi luyện bản lĩnh hình thành cho mình nghị lực, niềm tin, sức mạnh và làm tiền đề cho những thành công, hạnh phúc sau này... (như con trai cũng đã cố gắng nỗ lực, không tổng được hạt cát ra ngoài thì nó đối phó bằng cách tiết ra chất dẻo bọc quanh hạt cát...).
 - + Chính khó khăn, trở ngại đã giúp con người nhận ra khả năng của mình, tin tưởng vào khả năng của bản thân ⇒ cơ hội để mỗi người khẳng định mình.
- Bởi vậy con người cần tin tưởng vào khả năng của bản thân, tự quyết định cuộc sống của mình bằng sự nỗ lực cố gắng, dũng cảm vượt qua thử thách khó khăn, có những suy nghĩ hành động tích cực; biết hướng về phía trước con người sẽ sống có ý nghĩa và trưởng thành hơn... (*Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...*).
- (Dẫn chứng về những con người vượt lên số phận làm đẹp cho cuộc đời...).
- + Nếu không dám đương đầu và vượt qua khó khăn thử thách con người sẽ gục ngã (như con trai lúc ban đầu bị hạt cát lọt vào trong cơ thể của nó gây ra cho nó rất nhiều khó chịu và đau đớn...).

c) Bài học

- Cuộc sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng, cũng thuận buồm xuôi gió... Khó khăn, thử thách luôn là quy luật của cuộc sống mà con người phải đối mặt...
- Phải có ý thức sống và phấn đấu, không được đầu hàng, không được gục ngã mà can đảm đối đầu, khắc phục nó để tạo nên thành quả cho cuộc đời, để cuộc sống có ý nghĩa...
- Phê phán những người có lối sống hèn nhát, buông xuôi, đầu hàng, đổ lỗi cho số phận...
- Liên hệ rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân...

3) Tổng kết

- Khái quát lại vấn đề và ý nghĩa của vấn đề đặt ra.

D. MỘT SỐ LƯU Ý KHI VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. CÁC BƯỚC ĐỂ VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI



II. MỘT SỐ LƯU Ý KHI VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. Các kỹ năng cần có



2. Một số lỗi cần tránh

* Các lỗi thường gặp

- Về nội dung:

- + Không xác định được các dạng đề trong nghị luận xã hội.
- + Không xác định đúng trọng tâm vấn đề nghị luận.
- + Luận điểm không rõ ràng.
- + Luận điểm và luận cứ không có sự liên kết.
- + Trình bày lan man, không làm nổi bật vấn đề nghị luận.
- + Chưa biết cách viết phần mở và kết đoạn.
- + Áp dụng cứng nhắc các bước viết bài.
- + Bài viết lên gân, thiếu sự truyền cảm và thiên về rao giảng đạo lý.
- + Trong bài nghị luận về vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học, phần nghị luận văn học lấn át nghị luận xã hội.

- Về trình bày:

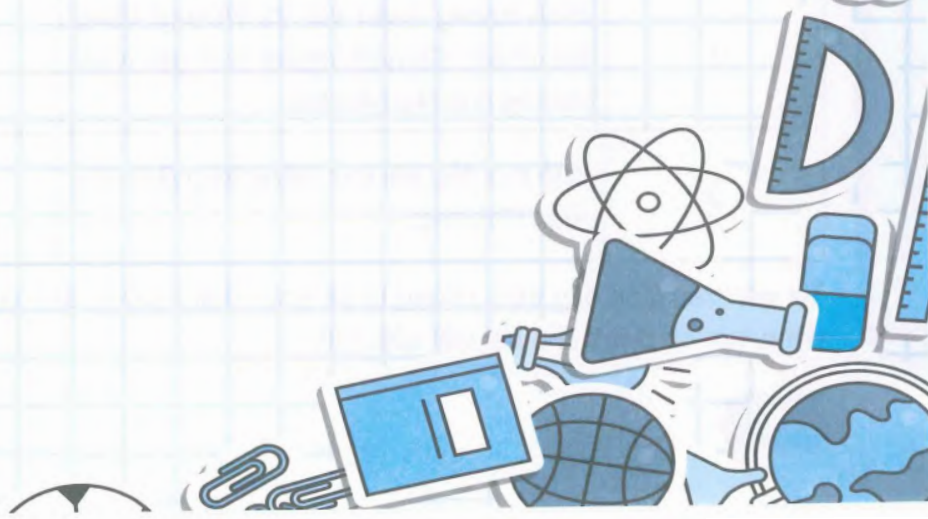
- + Bố cục không rõ ràng.
- + Lặp từ, lặp ý.
- + Viết không đúng dung lượng yêu cầu.

* Cách khắc phục

- Phân biệt và nhận diện các dạng nghị luận.
- Đọc kỹ ngữ liệu, câu hỏi và phân tích yêu cầu của đề trước khi làm.
- Xác định rõ hệ thống luận điểm, luận cứ cho bài viết và bám sát vào hệ thống luận điểm, luận cứ đó để triển khai bài viết.
- Phần nêu vấn đề phải đánh trúng vào trọng tâm vấn đề không lan man, dài dòng và nêu luôn luận điểm cho bài viết. Luận điểm trình bày ngắn gọn, xúc tích, tốt nhất trong khuôn khổ một câu văn. Phần kết luận tổng kết một cách ngắn gọn nội dung bài viết.
- Trình bày ngắn gọn, có trọng tâm, tập trung vào làm rõ vấn đề.
- Dẫn chứng sử dụng có chọn lọc, nên sử dụng khoảng hai dẫn chứng trong bài viết.
- Trình bày trong dung lượng cho phép của đề, không ngắn quá hay dài quá.
- Kiểm tra lại bài để tránh lỗi dùng từ và diễn đạt.

CHƯƠNG 3

CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC





GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC



1 THẾ NÀO LÀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Nghị luận là phương thức nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, ý nghĩa nào đó đối với các sự việc, hiện tượng bằng hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng, lí lẽ.

Nghị luận văn học là một dạng bài có sử dụng phương thức nghị luận. Trong đó, đối tượng được bàn đến là những vấn đề nằm trong tác phẩm văn học. Đó có thể là hình tượng nhân vật, tình huống truyện, nội dung và nghệ thuật của một đoạn thơ hay một chi tiết nghệ thuật... Cấu trúc của đề Nghị luận văn học thường bao gồm có hai phần: nội dung hỏi và lệnh hỏi. Ở phần nội dung hỏi, người ra đề sẽ cung cấp những thông tin cần thiết (một nhận định, một chi tiết, một đoạn thơ...) để phân vùng kiến thức và xác định đối tượng cho học sinh. Phần lệnh hỏi sẽ đưa ra yêu cầu của đề.

Ví dụ 1:

Phân tích hình tượng nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm

Chuyện người con gái Nam Xương (Trích Truyền kì mạn lục) – Nguyễn Dữ.

Ví dụ 2: Cảm nhận đoạn thơ sau:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”*

(Viếng lăng Bác - Viễn Phương)

Cấu trúc đề như sau:

VÍ DỤ	NỘI DUNG HỎI	LỆNH HỎI
1	Hình tượng nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ.	Phân tích
2	Khổ thơ đầu bài thơ <i>Viếng lăng Bác</i> của Viễn Phương.	Cảm nhận

Từ việc xác định cấu trúc, chúng ta sẽ hoàn thành bước đầu của phần tìm hiểu đề và tìm ý, đồng thời có được cho bài viết của mình.



CÁC DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Trong kì thi vào 10 môn Ngữ văn, phần Nghị luận văn học thường có hai dạng đề chính:

DẠNG ĐỀ
PHÂN TÍCH,
CẢM NHẬN MỘT
ĐỐI TƯỢNG
VĂN HỌC



DẠNG ĐỀ
LIÊN KẾT
CÁC ĐỐI TƯỢNG
VĂN HỌC



NHỮNG YÊU CẦU KHI LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

YÊU CẦU VỀ MẶT HÌNH THỨC

Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: **Mở bài** giới thiệu được vấn đề, **Thân bài** triển khai được vấn đề, **Kết bài** khái quát được vấn đề.

1

Vận dụng, kết hợp hài hòa các thao tác lập luận.

2

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.

3

Có lối diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

4

YÊU CẦU VỀ MẶT NỘI DUNG

1

Xác định đúng vấn đề nghị luận.

2

Nội dung triển khai rõ ràng, mạch lạc.

3

Hệ thống luận điểm, luận cứ logic, làm sáng tỏ vấn đề.

4

Tùy theo từng dạng đề, từng đối tượng mà các em xác định phương pháp triển khai cho phù hợp.



HƯỚNG DẪN ĐỌC - HIỂU MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Văn bản

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Trích *Truyện kì mạn lục*)

Nguyễn Dữ

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Chưa rõ năm sinh, năm mất.
- Quê: Hải Dương.
- Ông là học trò giỏi của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.
- Sống ở thế kỉ XVI khi triều đình nhà Lê khủng hoảng.
- Sự nghiệp sáng tác: “Truyện kì mạn lục” (ghi chép tản mạn những truyện kì lạ được lưu truyền).

Tác phẩm

- *Chuyện người con gái Nam Xương* là truyện ngắn được trích trong *Truyện kì mạn lục*.
- Truyện được viết bằng chữ Hán.
- Mượn cốt truyện dân gian *Vợ chàng Trương*.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nhân vật Vũ Nương

2

Nhân vật Vũ Nương

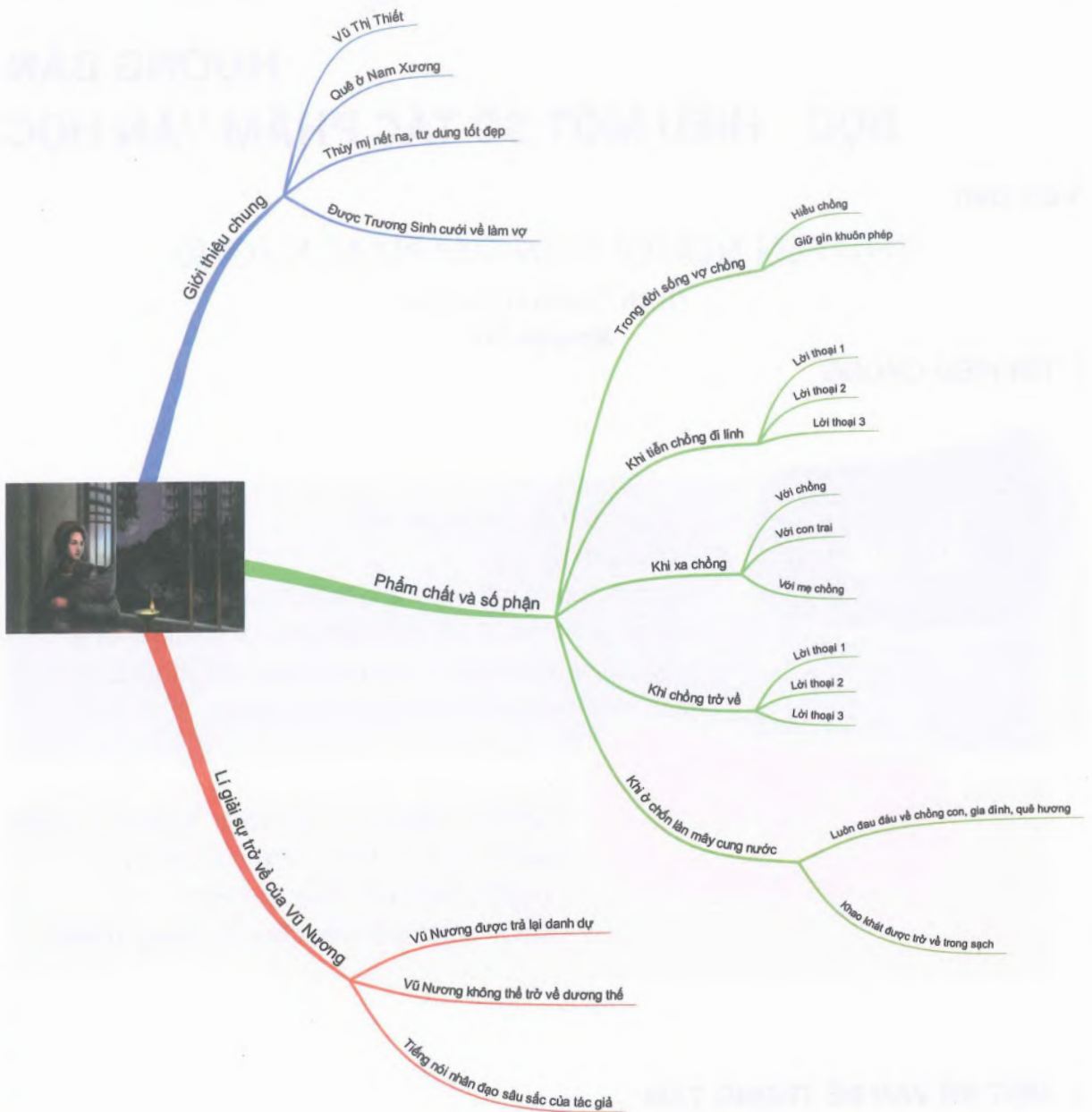
3

Nhân vật Vũ Nương

4

Nhân vật Vũ Nương

1. VẤN ĐỀ 1: NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	DÀN BÀI THAM KHẢO
1. Giới thiệu chung - Vũ Nương tên thật là Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương. - Nàng là người con gái “thùy mị, nét na lại thêm tư dung tốt đẹp”. - Mến vì lẽ đó, Trương Sinh là con hào phú làng bên “xin mẹ trăm lạng vàng” hỏi cưới nàng về làm vợ.	Chuyện kể về cuộc đời oan nghiệt của Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương. Nếu như số phận người phụ nữ trong văn học đương thời hiện lên đầy thương cảm như lời ca dao than thân: <i>“Thân em như giếng giữa làng Người khôn rửa mặt, kẻ phàm rửa chân”</i> thì Vũ Nương lại được tác giả ưu ái, trân trọng ngợi ca với những phẩm chất tốt đẹp. Đó là người con gái “tính tình thùy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp”. Mến vì lẽ đó, Trương Sinh là con hào phú ở làng bên “xin mẹ trăm lạng vàng” hỏi cưới nàng về làm vợ. Cuộc hôn nhân của Vũ Nương xuất hiện vồn vện trong một vài câu văn. Nàng không được lựa chọn và quyết định hạnh phúc của cuộc đời mình. Lời kể của tác giả khiến ta liên tưởng đến cảnh nàng Kiều hiếu nghĩa bán mình cho Mã Giám Sinh để chuộc cha: <i>“Cò kè bớt một thêm hai Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm”</i> Thúy Kiều, Vũ Nương hay bất kì người phụ nữ nào trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ “Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô” đều như vậy. Họ không có quyền được kiếm tìm và chọn lựa hạnh phúc cho chính bản thân mình. Dù là người “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai” như Thúy Kiều, dù là người con gái “thùy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp” như Vũ Nương thì hạnh phúc đều bị quy đổi ra “trăm lạng vàng”, thứ vật chất ngoài thân. Họ như một tấm hàng mua bán nơi kẻ chợ người đông tựa lời ca dao xót xa, đau đớn: <i>“Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?”</i> Tuy vậy, Vũ Nương vẫn chấp nhận thích nghi với

2. Những phẩm chất tốt đẹp và số phận oan khuất của Vũ Nương

a. Trong đời sống vợ chồng

- Vũ Nương là một người vợ hiền
- Biết tính chồng gia trưởng, nàng luôn “giữ gìn khuôn phép, không để lúc nào vợ chồng phải đến nỗi thất hòa”.

b. Khi tiễn chồng đi lính

- Lời thoại 1:

- + Vũ Nương là người vợ yêu thương chồng, chỉ mong chồng bình an trở về, không mong vinh hoa phú quý.
- + Vũ Nương là người phụ nữ thức thời, thoát khỏi những mê lầm của biết bao người phụ nữ đương thời trót ăn phải “bả vinh hoa”.

- Lời thoại 2:

Vũ Nương đồng cảm, lo lắng cho những gian truân mà chồng phải chịu đựng nơi chiến trường.

Tuy vậy, Vũ Nương vẫn chấp nhận thích nghi với hoàn cảnh để tỏa rạng những vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ phong kiến. Trong đời sống vợ chồng, Vũ Nương là người vợ hiền. Biết tính chồng gia trưởng, nàng luôn “*giữ gìn khuôn phép, không để lúc nào vợ chồng phải đến nỗi thất hòa*”. Những phẩm cách tốt đẹp của nàng được thể hiện đặc biệt khi gặp những biến cố trong cuộc đời.

Cuộc xum họp chưa được bao lâu, Trương Sinh bị bắt đi lính. Dù là con nhà hào phú trong làng nhưng ít học nên chàng Trương vẫn trong danh sách tòng quân. Ngày tiễn chồng ra trận, Vũ Nương thể hiện tình yêu thương khôn xiết của một người vợ với chồng. Nàng rằng: “*Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ. Chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi*”. Cùng trong hoàn cảnh ấy nhưng người chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn (bản diễn Nôm Đoàn Thị Điểm) lại mê lầm ăn phải thứ “*bả vinh hoa*”, khuyên chồng ra trận lập công danh, vinh hiển trở về để khi tuổi xuân trôi đi trong cô lẻ, đốn đau, nàng lại cất lên tiếng khóc đầy ai oán, xa xót:

“Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương liễu

Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong”

Thế mới hay, Vũ Nương là một người phụ nữ thức thời. Nàng đã vượt qua khỏi những cám dỗ của lợi danh tầm thường, vượt qua được mê lầm của biết bao người phụ nữ đương thời. Nàng lắng lo cho những gian truân mà chồng phải chịu đựng nơi chiến trường cát bụi: “*Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường, giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có mà mùa dưa chín quá kì khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng*”. Không dừng

+ Lời thoại 3:

Vũ Nương trực tiếp thể hiện nỗi nhớ, tình cảm dành cho chồng.

c. Khi xa chồng

- Với Trương Sinh: Nàng là người vợ chung thủy.
- Với bé Đản: Nàng là một người mẹ yêu thương con hết mực. Hằng đêm, nàng thường trở vào chiếu bóng của mình trên tường và nói với con đó là cha Đản để khỏa lấp đi sự thiếu vắng của Trương Sinh.

lại ở nỗi lo lắng khắc khoải, Vũ Nương còn trực tiếp nói lên nỗi lòng, nỗi nhớ của mình khi xa chồng. Tiễn chồng đi khi nàng đang mang trong mình đứa con đầu lòng nên từng câu, từng từ nhắn gửi đều vang lên tha thiết từ tâm khảm người phụ nữ thủy mị: *"Nhìn trăng soi thành cũ lại sửa soạn áo rét gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình thương người đất thú. Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng"*.

Trong quãng thời gian đằng đẵng xa chồng, Vũ Nương một mình chăm sóc mẹ chồng, nuôi dạy con thơ. Nàng kết tụ những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ trong xã hội xưa mà ta đã từng bắt gặp trong không ít những sáng tác cùng thời:

*"Nay một thân nuôi già dạy trẻ
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao"*

hay:

*"Có con phải khổ vì con
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng"*

Những lời ngợi ca của Nguyễn Dữ cất lên sâu sắc, ý nhị khi ông đặt Vũ Nương vào trong nhiều mối quan hệ. Với chồng, nàng là một người phụ nữ thủy chung, son sắt. Nỗi nhớ chồng trải dài mênh mông ra khắp không gian, khắc khoải, đằng đẵng trong thời gian, tâm tưởng: *"Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi"* là nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào nguôi quên. Nàng lấy nỗi nhớ làm điểm tựa cảm xúc để không sa vào chốn *"ngõ liễu tường hoa"*. Với bé Đản, nàng lại là một người mẹ yêu thương con hết mực. Thương con lớn lên thiếu vắng bóng hình người cha, nàng trở vào chiếu bóng của mình trên tường để khỏa lấp đi những câu hỏi thơ dại của con trẻ và tự băng lại vết thương nỗi nhớ trong lòng.

- Với mẹ chồng:

+ Vũ Nương là người con dâu hiếu thảo. Khi bà lâm trọng bệnh, Vũ Nương hết lòng chăm sóc, cứu chữa, lễ bái thần phật tứ phương như đối với cha mẹ đẻ của nàng.

+ Lời trăng trối của người mẹ chồng đặt trong bối cảnh xã hội phong kiến đã một lần nữa khẳng định sâu sắc phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ họ Vũ.

d. Khi chồng trở về

Với mẹ chồng, Vũ Nương là một người con dâu hiếu thảo. Nàng chăm sóc mẹ chồng như cha mẹ đẻ của mình. Vì nhớ thương con, bà mẹ chồng lâm bệnh, ốm đau. Nàng lo thuốc thang, lễ bái thần Phật, chạy chữa tứ phương, lấy lời *"ngọt ngào, khôn khéo khuyên lơn"* nhưng vì bệnh nặng, người mẹ chồng vẫn không qua khỏi. Đặt trong bối cảnh mối quan hệ mẹ chồng và nàng dâu khó dung hòa như lời dân gian tụng:

"Mất tiền mua mâm, đâm cho thủng

Mất tiền mua thúng, đựng cho mòn"

thì sự ghi nhận, lời trăng trối của người mẹ chồng chính là lời ngợi ca đáng trân quý dành cho Vũ Nương. Bà đã dành những lời chúc tốt lành với tình cảm triu mến, chân thành cho người con dâu như chính những gì Vũ Nương xứng đáng được nhận hưởng theo quan niệm *"Ở hiền gặp lành"* của nhân dân ta: *"Sau này trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt. Xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ"*. Có thể nói, trong quãng thời gian ở gần chồng hay xa chồng, Vũ Nương đều là một người phụ nữ tiết hạnh, người con hiếu nghĩa, người mẹ giàu tình yêu thương. Nàng là hiện thân điển hình cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa.

Sau ba năm đi lính, Trương Sinh mãn hạn tòng quân trở về. Những tưởng, bao tháng ngày cơ cực, nhưng nhớ đặng đặng sẽ không còn nữa, Vũ Nương sẽ được yên bề hạnh phúc bên chồng con, sẽ không phải trải qua những đêm với *"Khắc giờ đằng đẵng như niên/ Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa"* nữa. Nào ngờ ngày chồng trở về lại là ngày khởi nguồn bi kịch của người con gái Nam Xương.

Hay tin mẹ mất, Trương Sinh bế con ra thăm mộ mẹ. Câu hỏi ngây thơ của bé Đản đã khiến

- Lời thoại 1:

Vũ Nương phân trần, thanh minh, khấn khoản cầu xin chồng đừng nghi oan nhưng Trương Sinh vẫn không tin vợ.

- Lời thoại 2:

Vũ Nương bày tỏ nỗi thất vọng khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ, nàng mang trong mình nỗi hàm oan như nhức.

Trương Sinh sinh nghi, nổi lòng ghen tuông với vợ. Về nhà, Trương Sinh mắng nhiếc, nghi ngờ vợ thất tiết, cư xử thô lỗ, vũ phu, mặc cho xóm làng khuyên can, giải thích. Vũ Nương bèn cất lên lời phân trần, thanh minh trong đau đớn, xót tủi. *"Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa từng bén gót. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Xin chàng đừng nghi oan cho thiếp"*. Vũ Nương đã dùng đến thân phận nghèo khó để giải bày, điều mà nàng đã cố gắng san bằng khoảng cách trong bao nhiêu năm chung sống bằng chính đức hạnh của mình. Trong lời thanh minh vừa có sự giải bày, vừa có sự khấn khoản xin cầu chồng đừng nghi oan. Bằng sự cố gắng trong đau đớn, Vũ Nương mong muốn hàn gắn, cứu vãn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Thế nhưng, Trương Sinh nào nghe lí lẽ đúng sai, Vũ Nương rơi vào tâm trạng thất vọng, khổ đau: *"Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió, khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, còn đâu có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa?"*. Vũ Nương đã bày tỏ nỗi thất vọng khi không hiểu tại sao mình lại bị đối xử tàn nhẫn, bất công đến như vậy. Nàng đã mất đi thứ hạnh phúc mà mình gìn giữ, mong chờ trong bao năm xa cách. Tình cảm đơn chiếc thủy chung đã bị người chồng chà đạp lên mà chẳng có một lí do nào chính đáng. Trong lời nói của người con gái đáng thương hiện lên một loạt những hình ảnh thể hiện sự chia xa, cách lìa. Kỉ vật hạnh phúc chẳng còn vẹn nguyên, mây

- Lời thoại 3:

Không thể tồn tại song hành với nỗi oan khuất nhuốc nhơ, Vũ Nương tắm gội sạch chay rồi ra bến Hoàng Giang, ngửa cổ lên trời mà than. Tiếng than khóc là lời nguyện của Vũ Nương trước khi từ bỏ cuộc sống.

e. Khi ở dưới thủy cung, chốn "làng mây cung nước"

mưa vốn chung lối nay lạc đường khuất nẻo, sen trong ao như nhuộm màu tâm trạng để buồn rĩ xót xa, liễu trước gió chẳng còn sức sống để đong đưa gọi mời... Bức tranh tâm cảnh cứ vậy hiện lên rõ nét nỗi buồn vọng của Vũ Nương. Khi nỗi buồn không được cảm thông, khi nỗi lòng không được thấu tỏ và nỗi oan khuất không được hóa giải, Vũ Nương đành mượn dòng nước Hoàng Giang xiết chảy để rửa nỗi oan nhục. Nàng tắm gội sạch chay, chạy ra bến sông và cất lên lời nguyện rằng: *"Kể bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Châu, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ".* Lời nguyện, lời trăng trối của Vũ Nương như một mũi kim đâm vào trái tim nhân đạo của biết bao thế hệ độc giả. Đó là giọt nước mắt cảm thông, thương xót cho người phụ nữ tiết hạnh phải chịu oan khuất. Hành động trầm mình xuống sông tự vẫn là hành động quyết liệt cuối cùng, chất chứa nỗi tuyệt vọng đến cay đắng của nàng. Có người cho rằng, giá như Vũ Nương dừng để sự tức giận, đau đớn nhất thời chi phối thì có lẽ, thời gian sẽ chữa lành vết thương oan nhục và nàng được sống với chồng, với con. Nhưng không! Hành động của Vũ Nương là một hành động mang đậm tính lí trí cao của con người trọng danh dự và giàu phẩm hạnh.

Chuyện người con gái Nam Xương khép lại ở đây đã đủ để khiến người đọc ám ảnh, day dứt. Nhưng bằng ngòi bút đầy nhân đạo của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo ra những chi tiết hoang

- Vũ Nương được các nàng tiên rẽ nước cho xuống thủy cung ở động rùa.

- Lời nói của Vũ Nương với Phan Lang cho thấy, nàng là một người luôn đau đáu về chồng con, gia đình, quê hương.

- Nàng mong mỏi được trở về tạ từ Trương Sinh, bèn nhờ Phan Lang nhắn gửi tới chồng.

- Vũ Nương hiện về giữa sông bên đàn giải oan nhưng nàng chỉ nói lời tạ từ rồi biến mất.

3. Lí giải kết truyện và làm rõ ý nghĩa tư tưởng, giá trị nhân đạo mà nhà văn gửi gắm trong truyện ngắn *Chuyện người con gái Nam Xương*

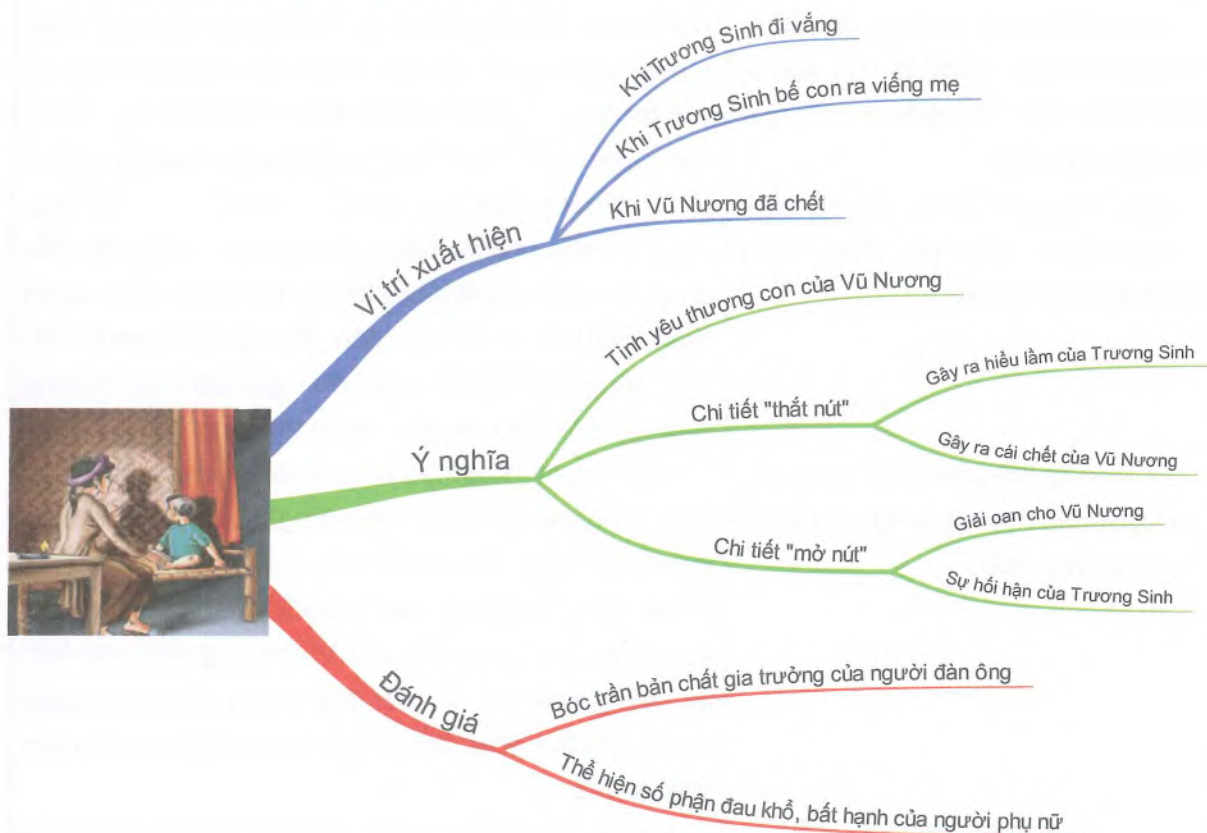
đường, kì ảo, đặc trưng của truyện truyền kì để mở ra cho nhân vật một con đường sống. Đó là sự xuất hiện của Phan Lang, Linh Phi, người con gái áo xanh, động rùa dưới thủy cung, chốn "*làng mây cung nước*"...

Vũ Nương sau khi gieo mình xuống bến Hoàng Giang đã được các nàng tiên rẽ nước cho xuống thủy cung và có một cuộc sống mới. Ở đây, nàng được gặp lại Phan Lang, người cùng làng, ân nhân cứu mạng của Linh Phi. Dù ở chốn làng mây cung nước, ở một thế giới khác không còn những oan trái, bất công nhưng Vũ Nương vẫn luôn đau đáu một tác lòng về quê hương, về phần mộ tổ tiên, về gia đình, chồng con ở trần thế. Khi Phan Lang khuyên nàng nên trở về, Vũ Nương vẫn suy nghĩ cho danh dự của chồng, gia đình nhà chồng. Nàng biết được chồng đã hiểu ra cơ sự, oan khuất đã tỏ tường bèn nhờ Phan Lang nhắn với Trương Sinh lập đàn giải oan để mình trở về. Trên sông nước khói sóng, đàn giải oan mà Trương Sinh lập bên bến Hoàng Giang đã sáng đèn ba ngày ba đêm, Vũ Nương hiện về từ phía xa, trên chiếc kiệu hoa, đằng sau có nhiều võng lọng. Nàng đứng ở phía xa mà nói vọng vào: "*Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa*" rồi biến mất trong lớp khói sương ảo mờ. Lời tạ từ của Vũ Nương như một bản án chung thân mà vị quan tòa lương tâm của người chồng đã định đoạt. Đồng thời, là lời nhắn gửi sâu sắc của tác giả.

Với tài năng của mình, Nguyễn Dữ hoàn toàn có thể xoay chuyển ngòi bút, đưa Vũ Nương trở về với cuộc sống dương thế, xum họp gia đình như mô-típ những câu chuyện cổ tích Việt Nam. Nhưng tấm lòng nhân đạo thấm thía, xúc động lòng người của nhà văn không cho phép ông làm điều ấy. Ông đã trả lại danh dự, tiết hạnh cho người con gái đáng thương nhưng không thể đi ngược lại với quy luật của xã hội. Qua chi tiết này, Nguyễn Dữ không chỉ xót xa, đồng cảm với số phận người phụ nữ mà còn muốn gửi gắm một tiếng nói lên án xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ,

chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc chính đáng của con người, lên án chiến tranh phi nghĩa chia cách lứa đôi, lên án thói gia trưởng, ít học của một bộ phận đàn ông trong xã hội... Chừng nào còn những hiện tượng ấy thì chừng đó còn những bi kịch thương tâm như người con gái Nam Xương.

2. VẤN ĐỀ 2: CHI TIẾT CHIẾC BÓNG



1. Giới thiệu sự xuất hiện của chi tiết chiếc bóng

- Lần thứ nhất: Ngày Trương Sinh đi lính, chiếc bóng xuất hiện hằng đêm trong câu chuyện của mẹ con Vũ Nương. Khi bé Đản thắc mắc, Vũ Nương đã chỉ lên chiếc bóng của mình trên tường để khỏa lấp đi nỗi nhớ chồng, sự

Chi tiết chiếc bóng trong *Chuyện người con gái Nam Xương* xuất hiện ba lần. Lần đầu tiên, chiếc bóng xuất hiện trong thời gian Trương Sinh biệt ngoại biên ải, Vũ Nương ở nhà một mình chăm sóc mẹ chồng, nuôi dạy con thơ. Hằng đêm, trước sự thắc mắc của đứa con trai bé bỏng, Vũ Nương bèn chỉ lên chiếc bóng trên tường và nói đó là cha Đản để khỏa lấp đi sự thiếu vắng bóng hình người cha và cũng để vui đi nỗi nhớ chồng triền

thiếu thốn tình cảm, bóng hình người cha của con trai.

- Lần thứ hai: Chiếc bóng xuất hiện một lần nữa trong lời kể của bé Đản khi Trương Sinh mãn hạn trở về, đưa con ra mộ mẹ.

- Lần thứ ba: Chiếc bóng xuất hiện lần cuối khi Vũ Nương đã chết. Một đêm ngồi bên ngọn đèn, bé Đản lại chỉ lên chiếc bóng trên tường và nói với Trương Sinh đó chính là người đàn ông thường đến với mẹ hằng đêm.

2. Ý nghĩa

- Chiếc bóng xuất hiện lần đầu tiên thể hiện tình yêu thương con vô bờ của Vũ Nương.

- Lần thứ hai, chiếc bóng xuất hiện như một tình tiết “thắt nút”, đẩy mâu thuẫn lên đỉnh điểm, gây ra sự nghi ngờ vô lí của Trương Sinh và cái chết oan khuất của Vũ Nương.

- Lần thứ ba, chiếc bóng lại là chi tiết “mở nút” cho câu chuyện, hóa giải nỗi hăm oan của Vũ Nương.

3. Đánh giá

Chiếc bóng là chi tiết nghệ thuật bóc trần bản chất gia trưởng, ít học của Trương Sinh. Đồng thời là cái cớ để tác giả thể hiện sự bất công, đau khổ mà người phụ nữ phải gánh chịu trong xã hội phong kiến.

miên, đằng đằng, khắc khoải trong lòng nàng. Chiếc bóng lúc này gắn liền với tình yêu thương con vô bờ của người mẹ Vũ Nương.

Lần thứ hai, chiếc bóng xuất hiện gián tiếp, qua lời kể của người con trai. Khi mãn hạn trở về, Trương Sinh bế con ra mộ viếng mẹ. Chiếc bóng xuất hiện với tư cách “là cha Đản” khiến cho Trương Sinh nghi ngờ sự chung thủy của vợ. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc Trương Sinh mắng nhiếc, đuổi đánh Vũ Nương khiến nàng phải trầm mình xuống bến Hoàng Giang tự vẫn. Chiếc bóng xuất hiện như một tình tiết “thắt nút” câu chuyện, đẩy mâu thuẫn lên đỉnh điểm.

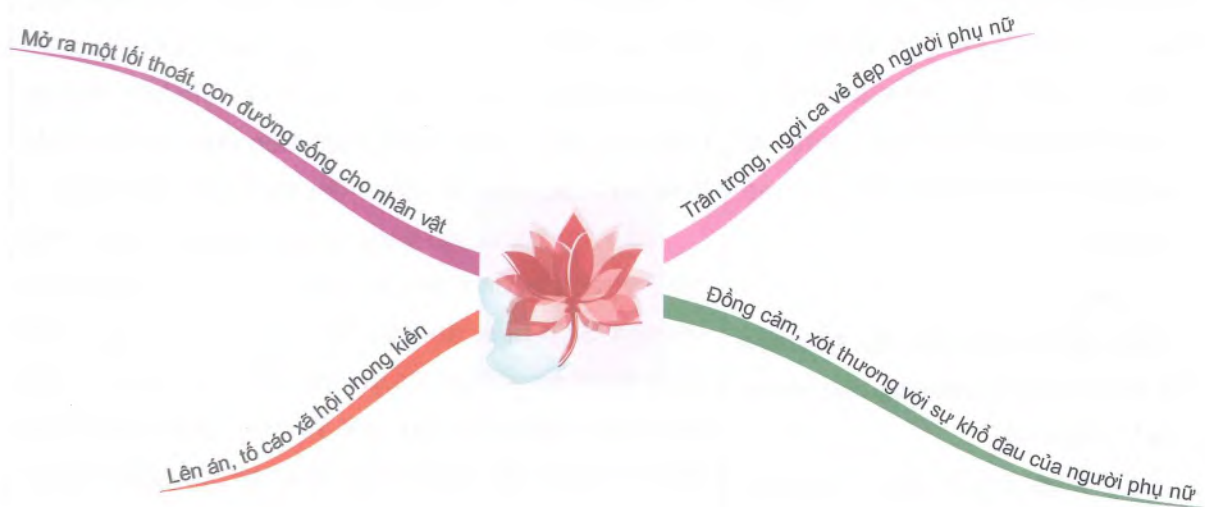
Lần thứ ba, chiếc bóng trở lại mang ý nghĩa “mở nút”, vừa giải oan cho Vũ Nương, vừa khiến cho Trương Sinh phải ân hận, ăn năn. Đó là trong một đêm, dưới ngọn đèn khuya, bé Đản lại chỉ lên chiếc bóng trên tường và nói với Trương Sinh đó là cha Đản, là người đàn ông mà bé đã nhắc đến ngày trước.

Chiếc bóng là một chi tiết nghệ thuật mang nhiều giá trị. Trước hết, nó đã góp phần tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện. Đồng thời, nó đã bóc trần bản chất gia trưởng, ít học của Trương Sinh và là cái cớ để tác giả thể hiện sự bất công, đau khổ mà người phụ nữ phải gánh chịu trong xã hội phong kiến.

3. VẤN ĐỀ 3: GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO

Giá trị nhân đạo là một giá trị cơ bản của những tác phẩm văn học chân chính được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn với nỗi đau của những con người, những cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống. Đồng thời, nhà văn còn thể hiện sự nâng niu, trân trọng với những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào của cuộc đời.

Những biểu hiện của giá trị nhân đạo trong *Chuyện người con gái Nam Xương*:



- Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ.

- Đồng cảm, xót thương với số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Lên án xã hội phong kiến bất công chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người.

Qua sự ứng xử của Vũ Nương trong mọi tình huống, mọi mối quan hệ, tác giả đã thể hiện sự trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Đó là một vẻ đẹp toàn diện từ ngoại hình đến phẩm cách. (Xem phần a và b của vấn đề 1).

Qua việc phản ánh thân phận đau khổ, éo le của Vũ Nương, tác giả đã cất lên tiếng nói đồng cảm, xót thương với những gì mà người phụ nữ phong kiến phải gánh chịu. Đó là gánh nặng tư tưởng, là hạnh phúc mỏng manh, là số nhờ phận gửi...

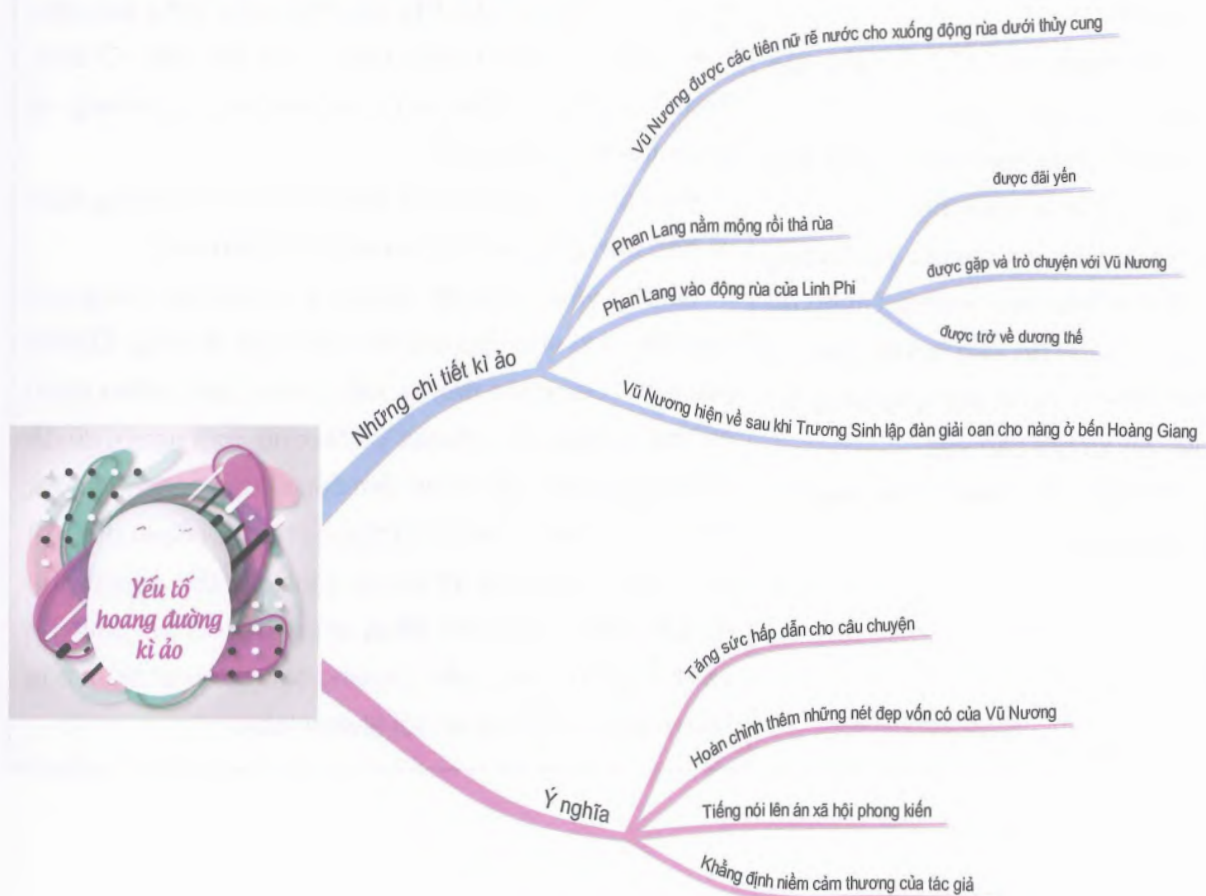
Đồng thời, tiếng nói nhân đạo của tác giả cất lên thẳm thía khi ông gián tiếp lên án xã hội phong kiến bất công, chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người. Vũ Nương hay biết bao người phụ nữ khác

- Mở ra cho nhân vật một lối thoát, một con đường sống.

kiến đều mang một kiếp sống nhỏ bé, mong manh, bấp bênh, nổi chìm. Ngay cả hạnh phúc của cuộc đời cũng là món hàng có thể dùng “trăm lạng vàng” mua về, ngay cả danh dự và cuộc sống của bản thân cũng không thể tự gìn giữ, quyết định...

Những chi tiết mang yếu tố hoang đường, kì ảo đã mở ra cho nhân vật một lối thoát. Vũ Nương đã thoát khỏi cuộc sống trần thế đầy oan khiên. Dù đã được giải oan nhưng nàng sẽ không thể trở về bởi đó là quy luật xã hội: Chừng nào còn tồn tại xã hội bất công, trọng nam khinh nữ thì chừng ấy còn những số phận bị kịch như Vũ Nương.

4. YẾU TỐ HOANG ĐƯỜNG, KÌ ẢO



a. Những chi tiết kì ảo

- Vũ Nương được các tiên nữ rẽ nước cho xuống động rùa dưới thủy cung.
- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.
- Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi yến, được gặp và trò chuyện với Vũ Nương; được trở về dương thế.
- Vũ Nương hiện về sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng ở bến Hoàng Giang.

b. Ý nghĩa

- Tăng sức hấp dẫn, li kì cho câu chuyện.
- Thể hiện lẽ sống “Ở hiền gặp lành” của nhân dân ta.
- Hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của Vũ Nương.
- Kết truyện với chi tiết Vũ Nương hiện về bên bến Hoàng Giang đã trả lại danh dự cho người phụ nữ bạc mệnh, đồng thời góp tiếng nói lên án xã hội sâu sắc.
- Khẳng định niềm cảm thương của tác giả.

Chuyện người con gái Nam Xương sử dụng yếu tố hoang đường, kì ảo để sáng tạo ra những chi tiết nghệ thuật đắt giá, thể hiện tài năng và tấm lòng nhân đạo của tác giả.

Bắt đầu từ cái chết bi thảm của Vũ Nương nơi bến Hoàng Giang, Vũ Nương được các tiên nữ rẽ nước cho xuống động rùa dưới thủy cung. Không giống với *Vợ chàng Trương*, tác giả đã mở ra cho nhân vật một con đường sống và đó cũng là căn nguyên, khởi nguồn cho việc Vũ Nương được giải oan sau này.

Phan Lang là sợi dây nối giữa cõi thực và cõi tiên. Những sự kiện trong cuộc đời của nhân vật này cũng là một chuỗi hoang đường, kì ảo. Đầu tiên là việc nằm mộng rồi thả rùa thần - vợ vua biển Nam Hải. Sau đó, Phan Lang được Linh Phi báo đáp, cứu sống sau trận chết đuối và mời xuống thủy cung đãi yến. Ở đây, Phan Lang được gặp và trò chuyện với Vũ Nương và được trở về dương thế.

Nhờ có sự giúp đỡ của Phan Lang, Vũ Nương hiện về bên đàn giải oan, nói lời tạ từ rồi biến mất.

Những yếu tố hoang đường, kì ảo đã làm tăng sức hấp dẫn, li kì cho câu chuyện, thể hiện lẽ sống “Ở hiền gặp lành” của nhân dân ta. Đồng thời, hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của Vũ Nương, một người dù đã ở thế giới khác, vẫn quan tâm đến chồng con, nhà cửa, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự. Kết thúc truyện, tác giả đã trả lại danh dự cho người phụ nữ bạc mệnh, góp một tiếng nói lên án xã hội sâu sắc và khẳng định niềm cảm thương đối với sự bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

TRUYỆN KIỀU

Nguyễn Du

1

Tác giả

2

Tóm tắt

3

Nội dung

4

Nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1: TÁC GIẢ NGUYỄN DU

TIỂU SỬ

Nguyễn Du (1765 - 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên; quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học.

CUỘC ĐỜI

GIA ĐÌNH

Bên nội:

Gia đình phong kiến quyền quý, dòng họ có truyền thống văn chương khoa bảng.

Bên ngoại:

Xứ Kinh Bắc hào hoa, cái nôi của những làn điệu dân ca, quan họ, của văn hóa nghệ thuật dân tộc.

THỜI ĐẠI

Nguyễn Du gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX. Đây là giai đoạn lịch sử đầy biến động, với hai đặc điểm nổi bật: Chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, bão táp phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn Lê, Trịnh, Nguyễn, quét sạch hai mươi vạn quân Thanh xâm lược.

CON NGƯỜI



Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc. Cuộc đời từng trải, đi nhiều, tiếp xúc nhiều đã tạo cho Nguyễn Du một vốn sống phong phú và niềm thông cảm sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

SỰ NGHIỆP



Sự nghiệp văn học của Nguyễn Du gồm các tác phẩm lớn bằng chữ Hán và chữ Nôm. Chữ Hán có ba tập, gồm 243 bài. Sáng tác chữ Nôm xuất sắc nhất là *Đoạn trường tân thanh*, thường gọi là *Truyện Kiều*

Truyện Kiều

Gia biến và lưu lạc



- Gia đình gặp biến, Kiều bán mình, nhờ Thúy Vân trả nghĩa cho Kim.
- Mã Giám Sinh đưa Kiều vào lầu xanh của Tú Bà. Kiều bị Sở Khanh lừa, buộc phải tiếp khách.
- Kiều được Thúc Sinh cứu khỏi lầu xanh nhưng lại rơi vào tay Hoạn Thư.
- Kiều bỏ trốn, được sư Giác Duyên giúp đỡ, sau lại bị Bạc Bà, Bạc Hạnh bán vào lầu xanh.
- Kiều được Từ Hải cứu khỏi lầu xanh.
- Từ Hải mắc mưu Hồ Tôn Hiến, Kiều tự vẫn ở sông Tiền Đường.
- Kiều được sư Giác Duyên cứu lần hai và nương nhờ cửa Phật.



Gặp gỡ và đính ước

- Thúy Kiều sống yên ấm bên gia đình.
- Thúy Kiều gặp gỡ và đính ước với Kim Trọng.



Đoàn tụ

- Kim Trọng tìm Kiều và đưa nàng trở về.
- Kim - Kiều tái hợp nhưng không sống đời vợ chồng.

3. VẤN ĐỀ 3: GIÁ TRỊ NỘI DUNG CỦA *TRUYỆN KIỀU*

01

Truyện Kiều là bài ca tự do và khát khao công lý

02

Truyện Kiều là tiếng nói hiểu đời

03

Truyện Kiều là giọt nước mắt khóc thương cho số phận con người đau khổ

04

Truyện Kiều là bản cáo trạng đánh thép đối với các thế lực đen tối

4. VẤN ĐỀ 4: GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA TRUYỆN KIỀU

01

Nghệ thuật xây dựng và miêu tả tâm lí nhân vật

02

Nghệ thuật tự sự và trữ tình bằng thơ lục bát

03

Đỉnh cao của nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ và thể thơ dân tộc



CHỊ EM THÚY KIỀU

(Trích Truyện Kiều)

Nguyễn Du

1

Vị trí đoạn trích

2

Vẻ đẹp của Thúy Vân

3

Vẻ đẹp của Thúy Kiều

4

Nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1: VỊ TRÍ ĐOẠN TRÍCH

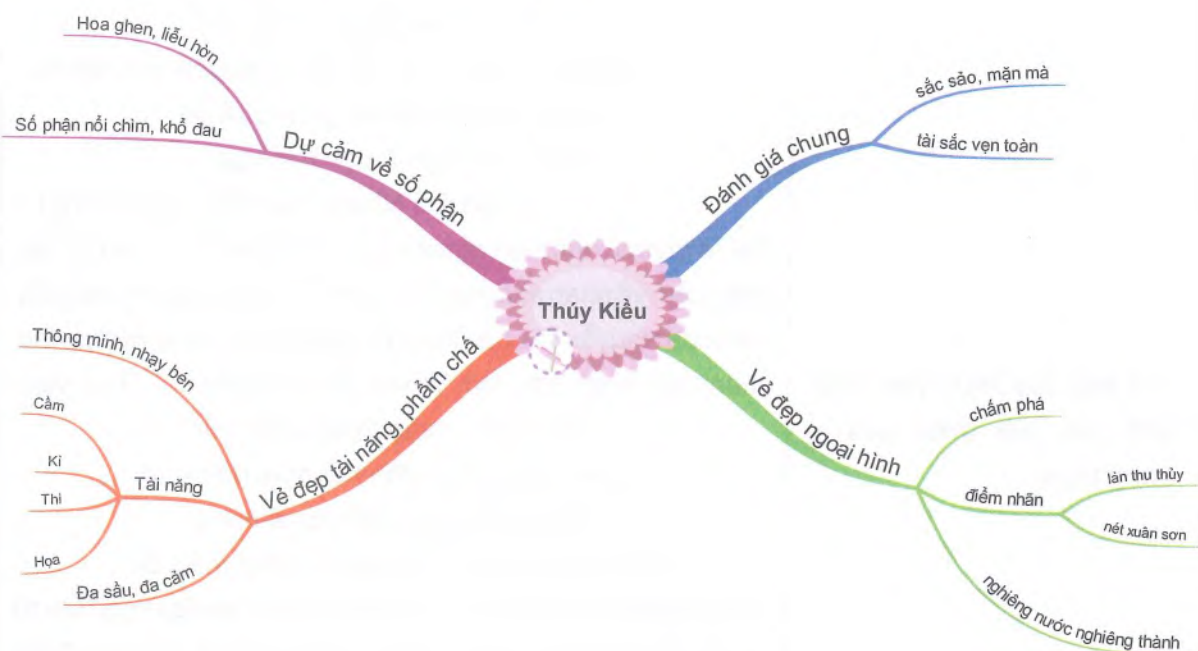
Đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* nằm ở phần đầu của tác phẩm, từ câu 15 đến câu 38. Với bút pháp ước lệ tượng trưng, đoạn trích đã khắc họa rõ nét chân dung của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân. Đồng thời, ca ngợi vẻ đẹp, tài năng con người và cất lên tiếng nói dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh.

2. VẤN ĐỀ 2: VẸ ĐẸP CỦA THÚY VÂN



- Những nét đẹp của Thúy Vân: + khuôn trăng đầy đặn + nét ngài nở nang + hoa cười + ngọc thốt + tóc + làn da - Dự cảm về số phận: + Thiên nhiên cảm mến, ngưỡng mộ “<i>thua</i>”, “<i>nhường</i>” + Số phận yên bình, tốt lành.	Đó là khuôn mặt “<i>đầy đặn</i>” phúc hậu của người con gái xuân thì, là nét mày “<i>nở nang</i>” cân đối, là tiếng cười trong sáng như ngọc, lời nói tiết hạnh, đoan trang... Với những nét đẹp hài hòa, cân đối ấy, thiên nhiên tạo vật như cũng cảm mến, ngưỡng mộ: “<i>Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da</i>” Hai động từ “<i>thua</i>” và “<i>nhường</i>” xuất hiện trong câu thơ cùng với những hình ảnh thiên nhiên - biểu tượng cho chuẩn mực cái đẹp phong kiến như một dự cảm tốt lành, yên bình cho cuộc đời người em gái Thúy Vân.
--	--

3. VẤN ĐỀ 3: VẼ ĐẸP CỦA THÚY KIỀU



- Đánh giá chung:

+ *Sắc sảo, mặn mà*

+ Tài sắc vẹn toàn

+ So sánh với Thúy Vân

- Về đẹp ngoại hình:

+ Khắc họa qua nghệ thuật chấm phá, điểm nhãn.

+ Miêu tả đôi mắt với *"làn thu thủy", "nét xuân sơn"*.

+ Thành ngữ *"nghiêng nước nghiêng thành"*.

Tả Vân như vậy là đã đẹp, đã hay, dừng lại như thế là vẹn. Những dòng thơ còn lại, tác giả dành để miêu tả tài sắc, phẩm hạnh của người chị:

"Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn"

Thì ra, đảo thứ tự miêu tả là dụng ý của nhà thơ. Ông đã khéo léo sử dụng thủ pháp đòn bẩy để đem đến cho độc giả ấn tượng sâu sắc hơn về nhân vật chính của thiên truyện – nàng Thúy Kiều. Về đẹp của Kiều được khái quát qua hai từ *"sắc sảo", "mặn mà"*. Đó là nét đẹp của sự thông minh, nhanh nhẹn và chân thật, đầm thắm. Không dừng lại ở vẻ đẹp, bức chân dung Thúy Kiều còn hiện lên với những nét vẽ về tài năng, phẩm hạnh. Dẫu *"mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười"* nhưng so với Thúy Vân, tài sắc của Kiều *"lại là phần hơn"*.

"Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"

Nghệ thuật chấm phá, điểm nhãn của Nguyễn Du trong trích đoạn này đã trở nên điêu luyện hơn bao giờ hết. Chỉ với hai câu thơ, dung mạo tuyệt sắc của Kiều đã hiện lên đầy ấn tượng. Đó là hình ảnh đôi mắt – cửa sổ tâm hồn. Đôi mắt của Kiều được ví như làn nước mùa thu trong ngần, thanh sáng. Đôi mắt ấy long lanh như tiếng khóc, nụ cười của thời xuân thì đang bùng thức. Đôi mắt trong ngần là biểu tượng của một tâm hồn thanh khiết. Nét ngài trên gương mặt phúc hậu của người em gái Thúy Vân *"nở nang"*, đầy đặn thì từng đường nét trên gương mặt người chị Thúy Kiều lại sắc nét vô cùng. Trên đôi mắt long lanh là nét ngài thanh tú như dáng núi mùa xuân. Tất cả tạo nên một vẻ đẹp hoàn mĩ cho đôi mắt, điểm chấm phá tuyệt bút của Nguyễn Du. Vẻ đẹp *"sắc sảo, mặn mà"* ấy không tròn trịa, hài hòa như Thúy Vân mà ở một tầm cao mới khiến cho thiên nhiên phải đổ kị, hờn tức. Những động từ không còn là *"thua"*, là *"nhường"* nữa mà mang sắc thái ganh ghét rõ rệt. Những cánh hoa rộ nở để làm tươi màu nhân thế, điểm sắc trần gian, những cành liễu yếu điệu như làm duyên làm dáng, tình tự với gió trong sắc mướt xanh rì rào vốn là biểu tượng tuyệt vời của tạo hóa.

- Dự cảm về số phận:

+ *"hoa ghen", "liễu hờn"*

+ Số phận nổi chìm, khổ đau

- Vẻ đẹp tài năng, phẩm chất:
- + Thông minh, nhạy bén
- + Tài năng lí tưởng ở cả bốn tứ tài chuẩn mực phong kiến: cầm, kì, thi, họa.
- + Đặc biệt là tài đàn đã trở thành một “nghề riêng”.
- + Tâm hồn đa sầu, đa cảm.

Vậy mà giờ đây, trước nhan sắc của Kiều, chúng trở nên mờ nhạt nên “*hoa ghen*”, “*liễu hờn*” âu cũng là cơ trời. Tả vẻ đẹp của Thúy Kiều, ngòi bút nhân đạo của nhà văn như đang dự cảm về một kiếp phận lênh đênh, nổi chìm, “*hồng nhan bạc mệnh*” như ông đã khái quát trong một câu thơ:

“Lạ gì bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen”

Nghệ thuật chấm phá, điểm nhãn là chỉ gợi, không tả quá sâu kĩ nên những hình dung về Thúy Kiều chưa thực toàn diện. Bởi thế, đến đây, nhà thơ liên tục khẳng định vẻ đẹp tuyệt sắc của nhân vật:

“Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”

Thành ngữ “*nghiêng nước nghiêng thành*” được sử dụng thật đặc địa. Vẻ đẹp của Kiều cuối cùng cũng được cụ thể hóa. Đó là nét đẹp kiều sa, mĩ lệ, có thể khiến cho thành trì, quốc gia chao đảo như Lý phu nhân trong tích cổ. Thế nhưng, còn tuyệt vời hơn thế, nhan sắc này chỉ có ở Kiều, trước nay chưa từng xuất hiện người thứ hai. Bởi thế, tiếng nói dự cảm đầy xa xót cứ song hành ngân lên, không biết, Kiều sẽ sống thế nào trong bể đời vốn “*Thiên địa phong trần, hồng nhan đa truân*” này. Không dừng lại ở việc ngợi ca dung mạo nhân vật, Nguyễn Du còn đặc biệt chú ý đến việc khắc họa tài năng và tâm hồn của người con gái họ Vương:

“Thông minh vốn sẵn tính trời

...

Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân”

Tài năng của Kiều đã đạt tới mức lí tưởng khi có sự kết hợp của cả bốn tứ tài trong chuẩn mực tài năng phong kiến: cầm, kì, thi, họa. Nguyễn Du đã rất dụng công khi dành cho tài năng của Kiều những cách miêu tả tài tình: “*vốn sẵn tính trời*”, “*pha nghề thi họa*”, “*đủ mùi ca ngâm*”, “*làu bạc*”, “*ăn đứt*”... Câu chữ chất chứa lời ngợi ca, ngưỡng mộ mà nổi lắng lo cứ chờn vờn trong tâm trí của “*nhà thơ nhân văn chủ nghĩa*”. Tài năng của Kiều khiến ta liên tưởng đến người cung nữ trong khúc ngâm ai oán của Nguyễn Gia Thiều:

- Đánh giá chung: + Sắc sảo, mặn mà + Tài sắc vẹn toàn + So sánh với Thúy Vân	<i>“Câu cẩm tú đàn anh họ Lý Nét đàn thanh bạc chị chàng Vương”</i> Người cung nữ ấy cũng bạc mệnh, đón đau khi có sắc, có tài nhưng bị rơi vào cảnh tuổi xuân trôi đi trong lẻ loi cô độc, sầu tủi. Thiên đàn “Bạc mệnh” mà Kiều sáng tác khiến cho lòng người ngân lên những ai oán, dằng xé, thương cảm dường như cũng là một dấu hiệu chẳng lành về tương lai của Kiều. Người nghe nào nề hay tác giả cảm thương khi không thể giơ cánh tay cứu lấy người con gái tài sắc ra khỏi bể hồng trần oan nghiệt?
---	---

4. VẤN ĐỀ 4: NGHỆ THUẬT



Ước lệ, tượng trưng

Miêu tả vẻ đẹp của con người bằng những chuẩn mực vẻ đẹp thiên nhiên



Điểm nhãn

Gọi lên vẻ đẹp con người bằng nghệ thuật miêu tả đôi mắt - cửa sổ tâm hồn



Thủ pháp đòn bẩy

Tả Thúy Vân trước để làm nổi bật lên vẻ đẹp ngoại hình và tài năng, phẩm chất của Thúy Kiều.

CẢNH NGÀY XUÂN

(Trích Truyện Kiều)

Nguyễn Du

1

Vị trí tác phẩm

2

Khung cảnh ngày xuân

3

Khung cảnh lễ hội

4

Cảnh chị em Kiều du xuân trở về

1. VẤN ĐỀ 1: VỊ TRÍ ĐOẠN TRÍCH

Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* thuộc phần đầu (Gặp gỡ và đính ước) của *Truyện Kiều*, từ câu 39 đến câu 56. *Cảnh ngày xuân* hiện lên ngay sau khi tác giả miêu tả vẻ đẹp, tài năng và phẩm chất của chị em Thúy Kiều, Thúy Vân. Đoạn trích đã khắc họa thành công khung cảnh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân và mơ hồ dự cảm về những biến cố sắp xảy ra trong cuộc đời Thúy Kiều.

2. VẤN ĐỀ 2: KHUNG CẢNH NGÀY XUÂN



Hình ảnh



Ánh sáng



Màu sắc



Nghệ thuật

Kiến thức trọng tâm	DÀN BÀI THAM KHẢO
- Bức tranh thiên nhiên ngày xuân hiện lên với những hình ảnh tươi tắn, trong sáng: + Những cánh én chao liệng + Những bông hoa lê trắng tinh khôi + Những thảm cỏ xanh mướt trên mặt đất - Ánh sáng ngày xuân chan hòa, rực rỡ. - Màu sắc xanh non, tươi mới, giàu sức sống.	Đoạn trích nằm ở phần đầu của “Truyện Kiều”, khi ba chị em Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan cùng đi tảo mộ và trả hội. Bức tranh mùa xuân hiện lên với những đường nét tươi tắn, trong sáng của thiên nhiên, với không khí nhộn nhịp, tươi vui của lễ hội tháng ba. <i>“Ngày xuân con én đưa thoi</i> <i>Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”</i> Bức tranh thiên nhiên ngày xuân hiện lên với những cánh én chao liệng giữa bầu trời quang đãng. Những đàn én lúc bay bổng trên cao, lúc sà xuống thấp tạo thành một điệu luân vũ êm đềm và quyến rũ. Mùa xuân như được chúng đàn dệt, thêu thùa để ngày càng đến gần rực rỡ. Những nhịp cánh mạnh mẽ, khỏe khoắn của loài chim gọi mùa cho thấy, mùa xuân đang trong những ngày tròn đầy, viên mãn nhất. Thật vậy! Bức tranh tả cảnh ngày xuân càng rõ nét hơn với màu ánh sáng chan hòa, lộng lẫy: “Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”. Những ngày xuân đã trôi đi được sáu chục ngày rồi, bây giờ đang là thời điểm tháng ba và ánh sáng vẫn rực rỡ chiếu tỏa. Nền cảnh của bức tranh xuân cũng bởi thế mà hiện lên rõ nét hơn, tươi sáng hơn. <i>“Cỏ non xanh tận chân trời</i> <i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”</i> Bức tranh thiên nhiên tươi trẻ được người nghệ sĩ tài hoa đổ một sắc xanh non từ chân mây tới mặt đất. Vẫn là màu cỏ xanh non như trong thơ Nguyễn Trãi “Cỏ xanh như khói bến xuân tươi” nhưng trong trích đoạn này, ta cảm nhận được sự sống như nối tiếp nhau trỗi dậy, trải dài bất tận vào trong không gian bao la. Có lẽ, sức ám ảnh của câu thơ đã khiến cho Hàn Mặc Tử, thi sĩ của thể kỉ sau đã liên tưởng tới những “Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời” khi miêu tả “Mùa xuân chín” của mình. Hai câu thơ cất lên khiến độc giả liên tưởng đến những hình ảnh gần gũi trong thi ca cổ: <i>“Phương thảo liên thiên bích</i> <i>Lê chi sở điểm hoa”</i>

- Nghệ thuật miêu tả gợi cảm, tả cảnh tài tình.	(Cỏ thơm liền với trời xanh/ Trên cành lê có mấy bông hoa). Cảnh đẹp dường như tĩnh lại để lưu giữ hương sắc xuân thì. Cũng là cảnh vật ấy, màu sắc ấy nhưng trong hai câu thơ của mình, Nguyễn Du lại khiến cho cảnh vật trở nên hài hòa về màu sắc với từ “trắng”. Từ “trắng” làm định ngữ cho cảnh lê khiến cho bức tranh mùa xuân gợi ấn tượng khác lạ. Đây là điểm nhấn làm nổi bật thần thái của câu thơ. Màu xanh non của cỏ cộng hưởng với sắc trắng của hoa lê tạo nên sự hài hòa tuyệt diệu, biểu hiện tài năng nghệ thuật của tác giả. Tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật miêu tả gợi cảm cùng với cách dùng từ ngữ và nghệ thuật tả cảnh tài tình, tạo nên một khung cảnh ngày xuân tinh khôi, khoáng đạt, thanh khiết, giàu sức sống.
--	--

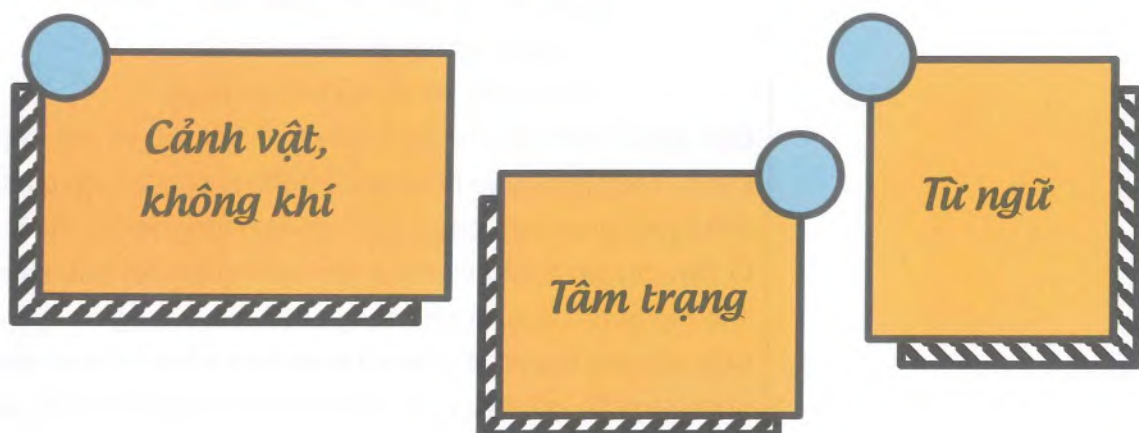
3. VẤN ĐỀ 3: KHUNG CẢNH LỄ HỘI



- Miêu tả hoạt động trong ngày xuân: + Lễ tảo mộ + Hội đạp thanh	Mùa xuân không chỉ là mùa khởi đầu trong một năm là mùa cây cối đâm chồi nảy lộc, tâm hồn con người phơi phới mà còn là mùa có nhiều lễ hội diễn ra nhiều nhất, trong thơ của Nguyễn Du, đó là khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh, tám câu thơ tiếp theo tả cảnh tảo mộ tưng bừng, náo nhiệt: <i>“Thanh minh trong tiết tháng ba Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh Gần xa nô nức yến anh Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân</i>
---	---

- Không khí rộn ràng của lễ hội mùa xuân được gợi lên bởi hàng loạt các từ ghép tính từ, danh từ, động từ: + Từ ghép danh từ: <i>yến anh, chị em, tài tử, giai nhân.</i> + Từ ghép động từ: <i>sắm sửa, dập dìu.</i> + Từ ghép tính từ: <i>gần xa, nô nức.</i> - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ, tạo nhịp điệu thơ, miêu tả tinh tế...	<i>Dập dìu tài tử giai nhân</i> <i>Ngựa xe như nước, áo quần như nêm</i> <i>Ngổn ngang gò đống kéo lên</i> <i>Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay”</i> Bức tranh hiện lên hai hoạt động: lễ tảo mộ và hội đập thanh. Tác giả đã đưa ta về với lễ nghi, phong tục tập quán của người phương Đông. Lễ tảo mộ là hướng về cội nguồn, tổ tiên, truyền thống văn hóa tâm linh tri ân với quá khứ. Tảo mộ là đi viếng và sửa sang phần mộ của người thân. Còn “hội đập thanh” là cuộc du xuân trên đồng cỏ xanh của những trai tài, gái sắc, nam thanh nữ tú. Nguyễn Du đã gọi về không khí lễ hội bằng nghệ thuật sử dụng hệ thống từ ngữ điêu luyện. Trong tám câu thơ, ta có thể bắt gặp một chuỗi danh từ, động từ, tính từ để cùng hòa điệu vào bản nhạc mùa xuân nơi đây. Nếu những danh từ sóng đôi “yến anh”, “chị em”, “tài tử”, “giai nhân” và hệ thống tính từ “gần xa”, “nô nức”, “ngổn ngang”... gợi lên không khí đông vui từ rất nhiều người tham gia lễ hội thì những động từ như “dập dìu”, “sắm sửa” lại gợi lên không khí nháo nhật, rộn ràng của lễ hội tháng ba. Trên phong nền bức tranh này, tác giả còn miêu tả một nét đẹp của nền văn hóa lâu đời trong ngày Tết thanh minh, đó là rắc thoi vàng mã, đốt giấy tiền để tưởng nhớ người thân đã khuất: <i>“Ngổn ngang gò đống kéo lên</i> <i>Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay”</i> Nhịp điệu thơ 2/4 và 4/4 thoáng gợi ra một nét phảng phất buồn tiếc. Phải chăng đó là tấm lòng tri ân thành kính của đại thi hào Nguyễn Du đối với những người đã khuất? Dưới ngòi bút miêu tả tinh tế của nhà thơ, lễ và hội trong tiết thanh minh, con người và cảnh vật, người còn sống và người đã thác... là một sự giao hòa độc đáo.
--	--

4. CẢNH CHỊ EM KIỀU DU XUÂN TRỞ VỀ



- Cảnh vật, không khí: cảnh chiều tàn, ánh sáng yếu ớt, không khí man mác buồn.

- Hệ thống từ láy diễn tả tâm trạng: *tà tà, thanh thanh, nao nao*

- Tâm trạng con người: nuối tiếc, *thơ thần*, đâu đó là niềm dự cảm về những biến cố sắp xảy đến...

Đoạn thơ khép lại bằng những câu thơ man mác buồn của buổi chiều tàn, khi ba chị em trở về từ ngày hội:

*"Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang"*

Không còn là ánh sáng "*thiếu quang*" rục rờ như ở bốn câu thơ đầu mà ở đây, ánh sáng đã yếu ớt, nhạt dần. Đây cũng là lúc chị em Kiều từ biệt ngày hội xuân rộn ràng để quay trở về cảm xúc "*chiều tà*" đầy nuối tiếc, lưu luyến trong tâm hồn. Cảnh vật dường như cũng bởi thế mà "*nhạt màu*", "*bay hương*". Những biến chuyển của thiên nhiên và lòng người đều thể hiện qua tâm trạng giai nhân đa sầu, đa cảm bằng những từ láy "*tà tà*", "*thanh thanh*", "*nao nao*". Cảnh vật như dự cảm một nỗi niềm, một bước ngoặt trong cuộc đời người tài nữ tựa chiếc cầu nhỏ bắc ngang trước ghềnh trong câu thơ cuối.

Với nghệ thuật miêu tả điêu luyện, Nguyễn Du đã khắc họa nên bức tranh ngày xuân truyền thống đầy tinh tế. "*Cảnh ngày xuân*" mở ra bằng một khung cảnh thanh khiết, chan hòa, rục rờ, tươi mát và khép lại với nỗi băng khuâng, xao xuyến đượm màu sắc dự cảm của người thiếu nữ đôi tám.

KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)



Tình cảnh lẻ loi, cô đơn của Thúy Kiều



Nỗi lòng của Thúy Kiều



Tâm trạng buồn bã bao trùm không gian và thời gian



Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình

1. VẤN ĐỀ 1: TÌNH CẢNH LẺ LOI, CÔ ĐƠN CỦA THÚY KIỀU

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
Hoàn cảnh cô đơn, cay đắng của Thúy Kiều được khắc họa một cách rõ nét trong tám câu thơ đầu: - Thúy Kiều bị Tú Bà giam giữ ở lầu Ngưng Bích, hoàn toàn tách biệt với thế giới bên ngoài: + Hai chữ “khóa xuân” đã nói rõ tình cảnh của nàng. + Không gian: đẹp nhưng mệnh mông, hoang vắng và lạnh lẽo. + Thời gian chiều tối, gợi buồn. - Nghệ thuật + Liệt kê, đối lập tương phản “non xa”/ “trăng gần” + Từ láy “bát ngát” ⇒ Gợi không gian rộng ngợp, vắng lặng không một bóng người.	Sáu câu đầu đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, Nguyễn Du đã vẽ lên bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích qua cái nhìn đầy tâm trạng của Thúy Kiều. Hai từ “khóa xuân” trong câu đầu tiên cho ta thấy tình của Kiều lúc này: Nàng bị Tú Bà giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Không gian hiện lên ở đây là không gian mệnh mông, hoang vắng. Từ trên lầu cao, nàng phóng tầm mắt ra thế giới tự nhiên, trước mắt nàng là dãy núi mờ xa, trên đầu là một tấm trăng lạnh lẽo, xung quanh là bốn bề bát ngát với cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia. Từ láy “bát ngát” gợi lên không gian mệnh mông rộng ngợp gợi cảm giác lầu Ngưng Bích chơi vơi giữa mệnh mông trời đất. Cái lầu chơi vơi ấy giam hãm một số phận con người. Cảnh ở đây là cảnh thực nhưng cũng có thể là cảnh mang tính ước lệ để gợi lên sự mệnh mông rộng ngợp

- Tâm trạng trống trải, cô đơn:
 + Nàng đau đớn, tủi nhục cho thân phận của mình: “Bẽ bàng mây sớm đèn khuya”.
 + Nỗi niềm chua xót, tan nát của Kiều “như chia tấm lòng”.
 ⇒ Bút pháp chấm phá đặc sắc, khung cảnh làm nền cho Kiều thổ lộ tâm tình. Thiên nhiên rộng lớn mà con người nhỏ bé, đơn côi.

của không gian, qua đó làm nổi bật tâm trạng cô đơn của Kiều, không chỉ cảm nhận về không gian Kiều còn cảm nhận về thời gian “mây sớm đèn khuya” diễn tả thời gian tuần hoàn khép kín. Sáng và khuya, ngày và đêm Kiều thui thủi một mình nơi đất khách quê người, nàng rơi vào cảnh cô đơn tuyệt đối khiến nàng cảm thấy bẽ bàng:

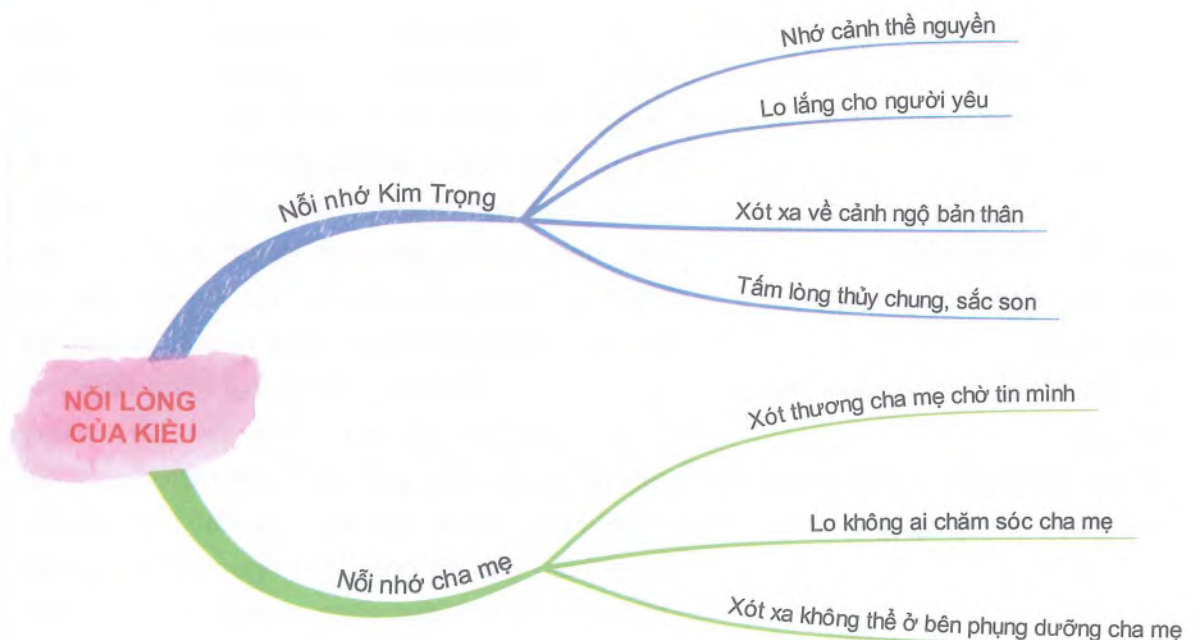
“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”

Nhà thơ dùng từ “*bẽ bàng*” để diễn tả nỗi xấu hổ tủi thẹn của Kiều. Nàng buồn vì cảnh hoang vắng, buồn vì mối tình đầu dang dở khiến lòng như bị xé: “*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*” và tủi hổ về thân phận của chính mình lúc này.

Như vậy từ cảnh vật ở lầu Ngưng Bích, sáu câu thơ đầu Nguyễn Du đã khắc họa sâu sắc tâm trạng cô đơn, vô vọng của Thúy Kiều.

2. VẤN ĐỀ 2: NỖI LÒNG CỦA KIỀU



Trước không gian rộng lớn mênh mông và sự cô đơn bẽ bàng, Thúy Kiều nhớ về những người thân ở quê nhà, đó là Kim Trọng, đó là cha mẹ già yếu

- Nhớ Kim Trọng:

+ Nhớ cảnh thề nguyện.

+ Nghĩ đến hiện tại Kim Trọng cũng đang mong ngóng mình.

+ Liên tưởng đến thân phận “*bên trời góc bể bơ vơ*” của mình.

+ Hướng về người yêu với tấm lòng thủy chung, son sắc nhưng cũng ê chề, xót xa vì tình cảnh hiện tại

- Nhớ thương cha mẹ già:

+ Lo lắng cha mẹ ngóng chờ tin tức của mình.

+ Lo lắng ai chăm sóc cha mẹ già yếu.

+ Xót xa không thể ở bên phụng dưỡng cha mẹ già.

⇒ Trong cảnh ngộ khi ở lầu Ngưng Bích, Kiều là người đáng thương nhất nhưng nàng vẫn quên mình để nghĩ đến người yêu, nghĩ đến cha mẹ. Qua đó chứng tỏ Kiều là con người thủy chung hiếu nghĩa, đáng trân trọng.

Trong hoàn cảnh cô đơn nơi đất khách quê người, tâm trạng của Kiều chuyển từ buồn sang nhớ. Kiều nhớ người yêu, nhớ cha mẹ. Nỗi nhớ ấy được Nguyễn Du miêu tả xúc động bằng những lời độc thoại nội tâm của chính nhân vật.

Trước hết, Kiều nhớ đến Kim Trọng bởi trong cơn gia biến, Kiều đã phải hi sinh mối tình đầu đẹp để để cứu gia đình, Kiều đã phản nào “*đền ơn sinh thành*” cho cha mẹ. Vì thế trong lòng Kiều, Kim Trọng là người mất mát nhiều nhất, nỗi đau ấy cứ vò xé tâm can Kiều khiến Kiều luôn nghĩ đến Kim Trọng: “*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng - Tin sương luống những rày trông mai chờ*”. Chữ *tưởng* ở đây có nghĩa là hồi tưởng, nhớ lại. Nhớ về Kim Trọng là nhớ về người yêu nên bao giờ Kiều cũng nhớ về lời thề đôi lứa. “*Chén đồng*” là chén rượu thề nguyện, đồng lòng, đồng dạ mà Kiều và Kim Trọng đã uống dưới ánh trăng vàng vạc. Trăng kia vẫn còn, chén rượu thề nguyện chưa ráo mà nay tình duyên đã chia cắt đột ngột. Câu thơ như có nhịp thổn thức của trái tim yêu thương đang rỉ máu. Nhớ về Kim Trọng đau đớn hình dung là cảnh ở Liêu Dương xa xôi cách trở, Kim Trọng không hề hay biết Kiều đã bán mình chuộc cha mà vẫn hướng về Kiều chờ tin mà uống công vô ích. Càng nhớ chàng bao nhiêu thì Kiều càng thương cho số phận mình bấy nhiêu: “*Bên trời góc bể bơ vơ - Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*”. Thương thân mình bơ vơ bên trời, góc bể, càng nuôi tiếc cho mối tình đầu. Câu thơ “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*” có thể hiểu là tấm son của Kiều đã bị hoen ố nàng không

còn là một thiếu nữ phòng khuê nhưng cũng có thể hiểu "tấm son" là tấm lòng chung thủy, son sắc của nàng dành cho Kim Trọng chẳng bao giờ nguôi ngoai. Đặt trong hoàn cảnh cô đơn, Kiều đã tạm để tấm lòng mình lắng xuống và nhớ đến Kim Trọng. Đó là sự vị tha và tấm lòng chung thủy của nàng.

Chưa vui nổi nhớ người yêu, tâm can Kiều lại càng chùng chất nỗi nhớ thương cha mẹ, nếu khi nhớ tới Kim Trọng nàng *"tưởng"* thì lúc nhớ về cha mẹ nàng xót xa: *"Xót người tựa cửa hôm mai"* Kiều xót xa khi bố mẹ đã già yếu mà ngày ngày vẫn tựa cửa ngóng tin con, nàng còn xót xa bởi mình không tự tay chăm sóc được cha mẹ và hiện thời ai là người chăm nom. Thành ngữ *"Quạt nồng ấp lạnh"* điển cố *"sân lai"*, *"gốc tử"* đều nói lên tâm trạng nhớ thương tấm lòng hiếu thảo của Kiều. Nhớ về cha mẹ còn tưởng tượng ra cảnh giờ đây quê nhà đã đổi thay, mà sự đổi thay khiến nàng lo lắng nhất là *"Có khi gốc tử đã vừa người ôm"* nghĩa là cha mẹ mỗi ngày thêm một già yếu nàng thì chẳng thể nào chăm sóc. Cụm từ *"cách mấy nắng mưa"* vừa nói được thời gian xa cách qua bao mùa mưa nắng vừa nói lên sự tàn phá của tự nhiên, của nắng mưa đối với con người và cảnh vật, lần nào nhớ về cha mẹ Kiều cũng *"nhớ ơn chín chữ cao sâu"* và luôn ân hận day dứt vì đã phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Nỗi nhớ của nàng được gửi gắm vào chiều dài thời gian, chiều sâu không gian bởi vậy mà càng thêm sâu xa. Dù trong hoàn cảnh đầy cay đắng,

bề bàng nhưng trái tim Kiều đầy yêu thương nhân hậu vị tha. Nàng là người tình thủy chung, là người con rất mực hiếu thảo.

Qua tám câu thơ trên, Nguyễn Du đã khắc họa thành công và thật xúc động nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ của Thúy Kiều, qua đây cho thấy, Kiều không chỉ là một cô gái tài sắc vẹn toàn mà còn là người thủy chung hiếu nghĩa.

3. VẤN ĐỀ 3: NỖI BUỒN BAO TRÙM KHÔNG GIAN



Điệp ngữ

buồn trông



Nghệ thuật

miêu tả nội tâm

- Điệp ngữ “*buồn trông*” được lặp lại bốn lần tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc diễn tả nỗi buồn đang dâng lên lớp lớp trong lòng Kiều. Cảnh vật thiên nhiên qua con mắt của Kiều gợi nỗi buồn da diết:

+ Cánh buồm thấp thoáng lúc ẩn lúc hiện nơi cửa bể chiều hôm gợi hành trình lưu lạc mờ mịt không biết đâu là bến bờ.

+ Cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa gợi thân phận nhỏ bé, mỏng manh, lênh đênh trôi dạt trên dòng đời vô định không biết đi đâu về đâu.

+ Nội cỏ rầu rầu trải rộng nơi chân mây, mặt đất gợi cuộc sống ảm đạm, bi thương, vô vọng kéo dài không biết đến bao giờ.

+ Hình ảnh “*gió cuốn mặt duềnh*” và âm thanh ầm ầm của tiếng sóng “*kêu quanh ghé ngổi*” gợi tâm trạng lo sợ hãi hùng như báo trước, chỉ ngay sau lúc này, dông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều.

- Nghệ thuật:

+ Biện pháp ẩn dụ.

+ Hệ thống câu hỏi tu từ.

+ Từ láy “*thấp thoáng*”, “*xa xa*”, “*man mác*”, “*rầu rầu*”, “*xanh xanh*”, “*ầm ầm*”...

⇒ Tác giả lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần; màu sắc từ nhạt đến đậm; âm thanh từ tĩnh đến động; nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Toàn là hình ảnh về sự vô định, mong manh, sự dạt trôi, bế tắc, sự chao đảo nghiêng đổ dữ dội.

Tám câu thơ cuối là những vần thơ có sức ám ảnh nhất của đoạn trích, diễn tả thành công “*nỗi lòng tê tái*” của Kiều trong những ngày đầu tiên của kiếp đoạn trường.

Hai tiếng “*buồn trông*” được lặp lại bốn lần trong đoạn trích, vừa như gói trọn tâm thế của Kiều “*trước lầu Ngưng Bích*”, vừa tạo nhịp điệu đều đều, buồn thương cho đoạn thơ. Ở nơi “*khoá xuân*”, Kiều chỉ biết lấy thiên nhiên làm điểm tựa, và từ điểm tựa đó nàng nhận thức về số kiếp của mình. Tầm nhìn của nàng trước hết hướng ra xa, vì nơi xa đó là nhà nàng, là nơi có những người thân yêu nhất:

“*Buồn trông cửa bể chiều hôm,*

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”

Không gian xa rộng, quạnh hiu nơi cửa bể như càng làm nổi rõ hơn thân phận nhỏ bé, cô đơn của Kiều. Không gian ấy cộng hưởng cùng thời gian “*chiều hôm*” - thời khắc gợi nhớ, gợi buồn - khiến như thấm sâu hơn vào tâm hồn người con gái nơi xứ lạ nỗi niềm xót xa. Giữa khung cảnh ấy, trái tim cô đơn, tâm hồn trống vắng cần lắm một hơi ấm, một sự hiện diện của sự sống. “*Thuyền*” chính là hình ảnh biểu tượng cho sự sống con người. Nhưng đó là sự hiện hữu mờ mờ, như có như không, được diễn tả qua hai từ “*thấp thoáng*”, “*xa xa*”. Sự xuất hiện mờ ảo của cánh buồm không làm cho khung cảnh thêm thân mật, ấm áp mà càng gợi sầu, gợi cảm giác cô liêu cho con người. Không tìm thấy sự sẻ chia từ nơi cửa biển xa xăm, Kiều hướng tầm mắt về “*ngọn nước*” gần mình hơn: “*Buồn trông ngọn nước mới sa - Hoa trôi man mác biết là về đâu?*”. Giữa dòng nước, cánh hoa trôi man mác như gợi nhắc thân phận cảnh bèo trôi dạt của người trong cảnh. Câu hỏi tu từ như xoáy vào tâm hồn người đọc. Thân phận cánh hoa hay chính là những trần trở,

xót xa cho số kiếp mỏng manh, phiêu bạt của Kiều? Hai tiếng “về đâu” cuối câu thơ với thanh không càng tạo cảm giác xa vắng, vô định, như tương hợp với tâm thế hiện thời của Kiều. Tìm đến với thiên nhiên đó mong sao với bớt mối sầu chất chứa trong lòng nhưng càng nhìn cảnh, tâm trạng lại càng rối bời. Dường như nước gợi lên sự lạnh lẽo, bất định, chảy trôi nên Kiều tìm về với bờ cỏ xanh, với mặt đất:

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu”.

Nhưng cỏ cũng mang tâm trạng buồn thương của người: “rầu rầu”. Đâu còn là “cỏ non” xanh tận chân trời trong tiết thanh minh khi Kiều còn sống những ngày tháng “*Êm đềm trướng rủ màn che*”. Cảnh nơi xứ lạ như thấu cảm nỗi niềm của Kiều nên nhuộm màu tâm tư của kiếp người phiêu bạt. Nỗi “rầu rầu” ấy tràn ngập, lan toả khắp không gian:

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh cái nhìn bao quát từ “*chân mây*” xa xăm đến “*mặt đất*” gần gũi, tất cả đều “một màu xanh xanh”. Nó khác lắm cái sắc xanh tràn ngập nhựa sống của tiết trời mùa xuân. Màu xanh của không gian nơi lầu Ngưng Bích là màu xanh gợi buồn. Nỗi buồn của người pha vào cảnh vật, mang theo bao tái tê. Không gian trở nên rợn ngợp, cô liêu. Sự vắng lặng bao trùm cảnh vật càng tô đậm tiếng lòng thổn thức của người trong cảnh. Kiều cảm thấy cần một tiếng vọng của sự sống con người nhưng đáp lại nàng chỉ có những thanh âm hào hùng của thiên nhiên:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh.

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”

Gió thổi, nước trôi... tất cả đều gợi sự chảy trôi, như thân phận “*Bên trời góc bể bơ vơ*” của nàng Kiều. Âm thanh của tiếng sóng ầm ầm như tiếng gào thét của lòng người trong cảnh ngộ bế bång, tê tái. Tầm nhìn của Kiều hướng từ xa về gần, từ cao đến thấp, mong mỏi kiếm tìm một sự đáp vọng.

Thanh âm duy nhất đáp lại nàng là tiếng sóng “*ầm ầm*” - “*kêu quanh ghé ngồ*”. Nó không làm cho không gian vang động hơn mà càng khắc sâu thêm tâm trạng đau đớn lẫn dự cảm lo âu về tương lai của Kiều. Xót xa biết bao, đớn đau biết bao! Chỉ có thiên nhiên bên nàng, sẽ chia “*tấm lòng*” với nàng. Đó chính là thời khắc Kiều thấm thía nhất nỗi niềm tự thương thân.

Đoạn thơ không chỉ khắc họa thành công nỗi lòng xót xa, tâm trạng bế bång của Kiều mà còn cho ta thấy nghệ thuật tả cảnh ngụ tình bậc thầy của đại thi hào dân tộc. Âm hưởng của những câu thơ này sẽ vang vọng mãi trong tâm trí người đọc.

VẤN ĐỀ 4: NGHỆ THUẬT TẢ CẢNH NGỤ TÌNH



- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: Tả cảnh vật để bộc lộ những tưởng cảm xúc và suy nghĩ của mình về một vấn đề. Đây là thủ pháp của thơ ca trung đại.

- Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là đoạn trích tiêu biểu thể hiện bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

+ Trong đoạn đầu, thiên nhiên mang nỗi buồn phảng phất từ lòng người lan truyền sang rồi từ cảnh vật xoáy vào lòng người thành nỗi xót xa và nhớ thương da diết.

+ Điệp khúc buồn trông (8 câu thơ cuối): Thiên nhiên biểu đạt nội tâm nhân vật, tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này.

⇒ *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là một trong những đoạn trích miêu tả tâm trạng nhân vật Kiều đặc sắc và thành công, mà tiêu biểu là bút pháp tả cảnh ngụ tình.

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là nghệ thuật dùng phương pháp tả cảnh vật qua đó người viết bộc lộ những cảm xúc và suy nghĩ của mình về một vấn đề v.v... Đây là biện pháp thường thấy của những tác phẩm mang dấu ấn thơ ca trung đại.

Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là đoạn trích tiêu biểu thể hiện bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du để thể hiện tâm trạng Kiều. Trong sáu câu đầu, thông qua bức tranh thiên nhiên và cảnh ngộ của Thúy Kiều, tác giả đã đưa vào những câu thơ của mình một nỗi buồn miên man, phảng phất từ lòng người lan truyền sang cảnh vật, rồi từ cảnh vật xoáy vào lòng người. Để rồi những nỗi nhớ thương, xót xa của Kiều về đêm thề nguyện hẹn ước với Kim Trọng, về cha mẹ, và cay đắng cho chính thân phận mình được bộc lộ ra ở những câu sau. Điệp khúc buồn trông trong tám câu thơ cuối là đoạn tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất trong bài thơ. Thiên nhiên biểu đạt nội tâm nhân vật, tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này. Mỗi điệp ngữ *buồn trông* lại diễn tả một khung cảnh, một nỗi buồn cảnh ngộ khác nhau. Nỗi buồn cứ chồng chất như sóng xô ngập lòng Kiều. *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là một trong những đoạn trích miêu tả tâm trạng nhân vật Kiều đặc sắc và thành công, mà tiêu biểu là bút pháp tả cảnh ngụ tình bậc thầy của tác giả Nguyễn Du.

LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

(Trích *Lục Vân Tiên* - Nguyễn Đình Chiểu)

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) sinh ở làng Tân Khánh, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định, cả cuộc đời ông sáng ngời nhân nghĩa, tinh thần yêu nước thương dân.
- Cuộc đời riêng đầy bi kịch: bị mù, công danh dở dang...
- Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của đất nước ta trong những năm dài đau thương nửa sau thế kỉ XIX.

- Truyện *Lục Vân Tiên* là một tác phẩm tiêu biểu, độc đáo của Nguyễn Đình Chiểu, gồm 2082 câu thơ lục bát (có dị bản dài 2246 câu thơ lục bát).
- Tác phẩm viết bằng chữ Nôm, nội dung thấm đẫm tư tưởng nhân nghĩa.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Tính truyền bá đạo lý

2

Hình tượng Lục Vân Tiên

3

Vẻ đẹp của Kiều Nguyệt Nga

4

Chất liệu dân gian trong đoạn trích

1. VẤN ĐỀ 1: TÍNH TRUYỀN BÁ ĐẠO LÝ

1

Sử dụng mô típ truyện dân gian

2

Hình tượng người quân tử

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

- Sử dụng mô - típ truyện dân gian:
- + Sử dụng kết cấu truyện dân gian.
- + Kết thúc truyện có hậu.
- + Gửi gắm khát vọng ở hiền gặp lành.
- Hình tượng người quân tử làm việc nghĩa:
- + Người quân tử xả thân vì nghĩa là hiện thân cho tính truyền bá đạo lý.
- + Giúp đỡ người khác không màng danh lợi và không trông chờ trả ơn.

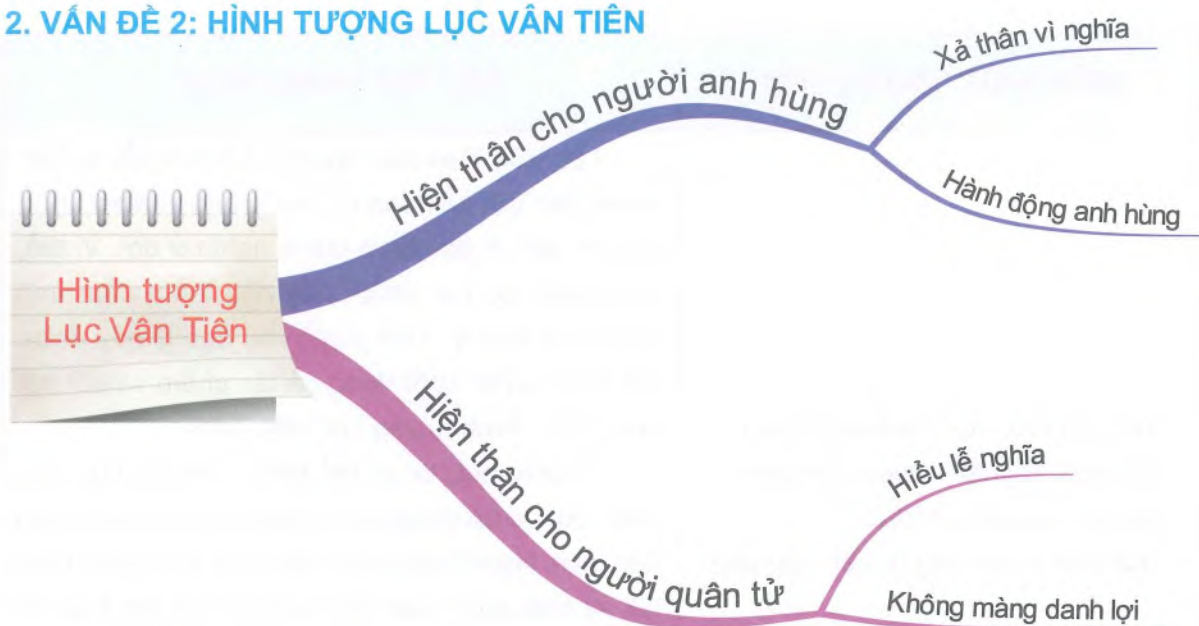
BÀI VIẾT THAM KHẢO

Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu là một truyện thơ gửi gắm toàn bộ tư tưởng và khát vọng của tác giả về đạo lý và chính nghĩa ở đời. Vì thế, trong toàn bộ tác phẩm này đều thấm đẫm tính truyền bá đạo lý. Tính truyền bá đạo lý này được thể hiện xuyên suốt trong cả tác phẩm và nổi bật trong đó là hình tượng Lục Vân Tiên.

Trước hết, ta có thể thấy, “*Truyện Lục Vân Tiên*” có mô típ truyện khá giống với mô típ truyện dân gian: Người hiền lành, tốt bụng bị kẻ gian hãm hại và cuối cùng bao giờ cũng là một kết thúc có hậu, người tốt thì được trời thương còn kẻ gian ác bị trừng phạt. Đó chính là khát vọng của tác giả và của dân gian ta về chân lý ở đời. Việc lựa chọn mô típ dân gian tạo nên hiệu quả đặc biệt cho việc truyền bá đạo lý của tác giả. Tính truyền bá đạo lý trong truyện *Lục Vân Tiên* được thể hiện đặc biệt rõ nét ở hình tượng Lục Vân Tiên. Lục Vân Tiên là đại diện tiêu biểu cho hình tượng người quân tử xả thân vì nghĩa: cứu Kiều Nguyệt Nga khỏi toán cướp. Nhưng hơn thế Lục Vân Tiên giúp người không màng đến danh lợi và sự báo đáp: “*Nhớ câu kiến ngãi bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*” và “*Làm ơn há dễ trông người trả ơn*”. Lục Vân Tiên là hiện thân cho hình tượng người anh hùng, quân tử, là nơi Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm khát vọng đạo lý và chính nghĩa ở đời.

Tính truyền bá đạo lý là một trong những dụng ý quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu khi xây dựng kết cấu cũng như nhân vật trong *Lục Vân Tiên*. Tính truyền bá đạo lý cho ta thấy rõ hơn con người và khát vọng của người chí sĩ yêu nước.

2. VẤN ĐỀ 2: HÌNH TƯỢNG LỤC VÂN TIÊN



- Người anh hùng, quân tử trong xã hội xưa:

+ Người anh hùng là người phải làm việc nghĩa, ra tay cứu giúp kẻ bị nạn, lớn hơn nữa là giúp vua, giúp đời, có tài kinh bang tế thế, góp phần giúp thiên hạ thái bình.

+ Người quân tử theo quan niệm phong kiến là người có phong thái cao, có đạo đức với các tiêu chuẩn như “*nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*”.

- Lục Vân Tiên hiện thân cho người anh hùng trong xã hội xưa:

+ Hoàn cảnh gặp nạn của Kiều Nguyệt Nga.

“*Lục Vân Tiên*” là một truyện thơ Nôm điển hình của Nguyễn Đình Chiểu. Hình ảnh người anh hùng Lục Vân Tiên là nhân vật trung tâm của truyện và được thể hiện khí phách nhất có lẽ là ở đoạn trích: “*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*”.

Theo tiêu chuẩn đạo đức phong kiến, người quân tử là người có phong thái cao, có đạo đức với các tiêu chuẩn như “*nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*” còn người anh hùng là người phải làm việc nghĩa, ra tay cứu giúp kẻ bị nạn, lớn hơn nữa là giúp vua, giúp đời, có tài kinh bang tế thế, góp phần giúp thiên hạ thái bình. Lục Vân Tiên hiện lên trong đoạn trích vừa có hành động của một người anh hùng lại vừa có khí phách của bậc quân tử. Từ biệt tôn sư về đi thi, giữa đường lại gặp phải chuyện bất bình, Lục Vân Tiên không ngại ra tay tương trợ:

+ Sự xuất hiện của Lục Vân Tiên và sự chuẩn bị của chàng trước trận chiến: thô sơ, nhanh gọn, bất ngờ,...

+ Cảnh Vân Tiên đánh cướp: sự oai hùng của Vân Tiên khi đánh cướp (so sánh với Triệu Tử Long).

- Lục Vân Tiên hiến thân cho bậc quân tử:

+ Hiểu lễ nghĩa, hiểu câu *nam nữ thọ thọ bất thân*.

+ Tấm lòng trọng nghĩa làm ơn không mong trả ơn.

⇒ Khẳng định về vẻ đẹp của vị anh hùng trong lòng nhân dân. Nguyễn Đình Chiểu quả đã xây dựng ở Lục Vân Tiên một khí chất của vị anh hùng tài đức mà nhân dân ta vẫn hằng mong ước.

“*Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.*” Sự việc diễn ra thật bất ngờ, nhanh chóng bởi Vân Tiên chỉ là người qua đường thấy bất bình thì chẳng tha. Chàng dường như không kịp suy nghĩ, không lo đến an nguy của bản thân mà cứ thế xông vào dẹp tan lũ cướp cứu người. Chàng không hề biết trong kiêu là nàng Kiều Nguyệt Nga xinh đẹp con quan, không toan tính thiệt hơn, làm việc tốt xuất phát từ đáy lòng. Trước quân thù đông đảo cùng với một tên tướng hung dữ “*mặt đỏ phừng phừng*” chàng vẫn không hề nao núng: “*Vân Tiên tả đột hữu xung - Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang*”. Ta thấy hiện lên hình ảnh một người anh hùng đội trời đạp đất có sức mạnh và tài năng hơn người được so sánh như Triệu Tử Long - một vị anh hùng tiêu sái, dũng mãnh đang phá vòng Đương Dang. Đúng là khí phách của một chàng trai Nam Bộ cương trực, có phần liều lĩnh, thấy lũ cướp hoành hành hại dân là không giấu nổi sự tức giận của một đấng nam nhi mà ra tay dẹp lũ lâu la.

Sau khi dẹp xong “*lũ kiến chòm ong*”, Vân Tiên mới hỏi thăm đến người trong xe. Nghe được tiếng kêu than cảm tạ của cô hầu gái, Vân Tiên có lẽ đã đoán ra người ngồi trên xe là một tiểu thư nên chàng can ngăn: “*Khoan khoan ngồi đó chớ ra/ Nàng là phận gái ta là phận trai.*” Chỉ một câu nói này thôi, chàng thư sinh họ Lục đã để lại ấn tượng về một người đọc sách thánh hiền, bậc quân tử hiểu rõ đạo lí nam nữ thụ thụ bất thân. Đó cũng tỏ ra là tôn trọng vị tiểu thư khuê các trong xe. Rồi chàng hỏi han sự tình về người con gái chưa thấy mặt kia. Cảm tạ trước ơn cứu mạng cùng sự ngay thẳng của Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga có ý đền ơn cho trọn.

Nhưng ngay từ đầu, chàng ra tay dẹp cướp là xuất phát từ lòng hiệp nghĩa, chứ đâu có ý nghĩ mong sẽ được lợi lộc gì, vì vậy Lục Vân Tiên cũng

không có ý nhận báo đáp nên đã từ chối thẳng thừng: “*Vân Tiên nghe nói liền cười/ Làm ơn há để trông người trả ơn?...Nhớ câu kiến ngãi bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.*”

Người anh hùng này làm ơn nhưng không mong nhận ơn, chàng coi việc mình làm là chính đáng không so đo thiệt hơn, coi danh vọng tiền bạc chỉ là phù phiếm vô nghĩa. Chàng là sĩ tử nhưng lại có khí phách hành hiệp trượng nghĩa của những kiếm khách hào hiệp. Tiếng cười sảng khoái của chàng chính là đã thể hiện chí khí của một nam tử hán đại trượng phu đáng khâm phục.

Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được khắc họa thần tình. Cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và cách ứng xử của chàng rất đẹp, mang phong thái người anh hùng, người tráng sĩ xưa. Chúng ta không thể nào quên một Vân Tiên quả cảm, nhân hậu, chí khí trong sáng tác của Cự Đồ Nguyễn Đình Chiểu.

3. VẤN ĐỀ 3: VẼ ĐẸP CỦA KIỀU NGUYỆT NGÀ



Nhân vật Kiều Nguyệt Nga được khắc họa thông qua đối thoại giữa nàng và Lục Vân Tiên:

- Là một tiểu thư khuê các, có học thức, hiểu lễ nghĩa:
 - + Xưng hô khiêm nhường, phải phép.
 - + Trình bày sự việc một cách mực thước.
 - + Đề cao việc đền ơn, trả nghĩa với ân nhân của mình.
 - + Hành động phải đạo với người giúp đỡ mình.
 - Là người con hiếu thuận:
 - + Vâng lời cha mẹ, tuân thủ đạo đức phong kiến nghiêm ngặt.
 - + Bất chấp gian nan để thực hiện ý nguyện của cha mẹ.
 - Là một người có tài:
 - + Đối đáp với Lục Vân Tiên.
 - + Làm thơ ứng biến cùng với Lục Vân Tiên.
- ⇒ Có thể thấy người con gái này “tài sắc vẹn toàn”, đoan trang thực nữ nhưng cũng đầy tài hoa, học thức.

Trong *Truyện Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu, không chỉ xây dựng thành công chân dung nhân vật Lục Vân Tiên. Mà bên cạnh nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga cũng được nhà thơ khắc họa một cách sinh động, chân thực, đặc biệt là thông qua đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*. Trong chuyến đi về miền Hà Khê, Kiều Nguyệt Nga đã phải đối mặt với một mối nguy hiểm lớn từ đám “hung đồ”.

Thân gái yếu ớt không thể làm gì hơn nên khi bị bọn hung đồ chặn cướp thì nàng đã rất hoảng loạn, sợ hãi. Tuy nhiên, khi được những hành động nghĩa hiệp, nhân nghĩa của Lục Vân Tiên cứu giúp thì những lời nói, hành động sau đó của Kiều Nguyệt Nga đã bộc lộ được phẩm chất đoan trang, dịu dàng, có học thức của một tiểu thư khuê các:

*“Trước xe quân tử tạm ngồi
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa*

...

*Hà Khê qua đó cũng gần
Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng”*

Trước ơn cứu mạng của Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga tha thiết muốn được đền ân và tỏ mong muốn mời Vân Tiên về nhà cùng mình để tiện bề báo đáp “*Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng*”.

Qua lời nói của Nguyệt Nga ta cũng thấy một con người đầy chính nghĩa, đề cao tư tưởng “*đền ơn, trả nghĩa*” đối với ân nhân của mình: “*Xin cho tiện thiếp lạy rồi mới thưa*”. “*Lạy - thưa*” là hành động được xem là rất “*phải đạo*” thể hiện được những suy nghĩ sâu sắc, chu đáo của nàng. Vốn là một tiểu thư đài các, nhưng Nguyệt Nga tự xưng mình là “*tiện thiếp*”, thể hiện sự chuẩn mực, nề nếp và sự khiêm nhường, từ tốn. Qua những đoạn đối đáp với Lục Vân Tiên, ta không chỉ thấy Kiều Nguyệt Nga là người dịu dàng,

lễ phép, chuẩn mực mà còn thấy đây là một cô gái rất có hiếu: “*Làm con đâu dám cãi cha/ Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành*”. Nàng là một người con gái hết mực đoan trang, dịu dàng; một người con có hiếu, luôn vâng lời cha. Hình tượng Kiều Nguyệt Nga có thể coi là một hình mẫu lí tưởng của người con gái trong xã hội phong kiến xưa nét na, hiền thực, có học thức và cũng là một người con có hiếu.

Cũng trong cuộc đối đáp với Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga thể hiện được tài năng văn thơ hết mực tài hoa, tinh tế.

*“Nguyệt Nga ứng tiếng xin hầu
Xuống tay liền tả tám câu năm vần”*

Có thể thấy người con gái này “*tài sắc vẹn toàn*”, đoan trang thực nữ nhưng cũng đầy tài hoa, học thức tinh thông.

Bằng những ngôn ngữ giản dị mà mộc mạc, Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng lên bức chân dung người thiếu nữ Kiều Nguyệt Nga đầy chân thực, gần gũi với những nét đẹp mang đậm dấu ấn của người phụ nữ Việt Nam thủy mị, đoan trang, hiếu thảo, trọng ân nghĩa.

4. CHẤT LIỆU DẪN GIAN TRONG ĐOẠN TRÍCH



Trong văn bản này, chất liệu dân gian được thể hiện trên bốn phương diện sau:

- Kết cấu trình tự thời gian.
- Thể thơ lục bát.
- Cốt truyện theo mô típ truyện cổ tích.
- Ngôn ngữ giản dị, kết hợp giữa tự sự và trữ tình.

⇒ Chính việc sử dụng đậm đặc chất liệu dân gian đã khiến tác phẩm này mang hơi thở đời sống, truyền tải một cách tự nhiên những đạo lí của cuộc sống, phản ánh ước vọng của tác giả đối với nhân vật của mình và của cả con người nói chung.

Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu là một truyện thơ được tác giả sử dụng đậm đặc chất liệu dân gian.

Thứ nhất, về kết cấu, truyện thơ này kết cấu theo trình tự thời gian. Đây là kiểu kết cấu thường thấy trong truyện cổ tích. Tình tiết câu chuyện mạch lạc, rõ ràng. Bằng kiểu kết cấu này, sẽ thuận lợi hơn khi chuyển tải truyện này theo hình thức “*kể thơ*”, “*nói thơ*”, người đọc người nghe dễ theo dõi hơn. Truyện có giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh, sau đó trình bày theo trình tự sự kiện nào diễn ra trước kể trước, sự kiện nào diễn ra sau kể sau.

Thứ hai, về thể thơ, truyện sử dụng thể thơ lục bát. Đây là thể thơ của người Việt, do những người dân lao động sáng tạo lên và gắn liền với những sáng tác dân gian. Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng tài tình thể thơ này trong sáng tác của mình.

Về cốt truyện, truyện thơ này gắn với cốt truyện của truyện cổ tích (có biến cố; kết thúc có hậu).

Về ngôn ngữ, tác giả sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói và đậm chất địa phương. Về nghệ thuật xây dựng nhân vật, đoạn trích miêu tả nhân vật chủ yếu qua hành động, cử chỉ. Lối miêu tả nhân vật như vậy gần với văn học dân gian, phù hợp trong việc thể hiện rõ tính cách nhân vật (chia làm hai phe hiệp nghĩa và gian tà). Nhân vật có lời nói, hành động, cử chỉ trở nên sinh động, gần gũi. Truyện cũng có sự kết hợp nhuần nhuyễn tự sự và trữ tình thường gặp trong truyện thơ dân gian.

Chính việc sử dụng đậm đặc chất liệu dân gian đã khiến tác phẩm này mang hơi thở đời sống, truyền tải một cách tự nhiên những đạo lí của cuộc sống, phản ánh ước vọng của tác giả đối với nhân vật của mình và của cả con người nói chung.

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

(Hồi thứ mười bốn - Ngô gia văn phái)

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Ngô Gia văn phái là trường phái văn học của đại gia đình họ "Ngô Thì - một danh gia vọng tộc lừng lẫy ở làng Tả Thanh Oai, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây dưới thời Lê Trịnh.
- Các tác giả nổi tiếng của dòng họ này là: Ngô Thì Ước, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Hường, Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du, v.v...

- Hoàng Lê nhất thống chí có nghĩa là ghi chép sự nghiệp thống nhất đất nước của nhà Lê.
- Tác phẩm được viết dưới hình thức một cuốn tiểu thuyết chương hồi (có 17 hồi) kể lại những biến cố lịch sử sôi động của thời kỳ này.
- Hồi 14 của tác phẩm ghi lại sự kiện Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh và sự sụp đổ không cưỡng nổi của triều đại Lê - Trịnh.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Phân biệt tiểu thuyết lịch sử và lịch sử

2

Hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung

3

Sự thâm hại của quân tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Tông

4

Nghệ thuật trần thuật

1. VẤN ĐỀ 1: PHÂN BIỆT TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ



Kiến thức trọng tâm	DÀN BÀI THAM KHẢO
- Giống nhau - Khác nhau	<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> là một tiểu thuyết lịch sử, nó có những mặt tương đồng nhưng cũng có những khác biệt rõ nét so với lịch sử: - Điểm giống nhau: Tiểu thuyết lịch sử hay lịch sử đều tái hiện lại những sự kiện, biến cố có thật trong lịch sử dân tộc. - Điểm khác nhau: + Lịch sử: Tái hiện lịch sử một cách khách quan nhất theo trình tự diễn biến thời gian, sự kiện. + Tiểu thuyết lịch sử: Lấy yếu tố lịch sử làm vấn đề cốt lõi, có tái hiện lại lịch sử nhưng thông qua lăng kính người viết. Tiểu thuyết là thể loại có sử dụng yếu tố hư cấu và tiểu thuyết lịch sử cũng có thể có những chi tiết hư cấu. Với tiểu thuyết lịch sử, yếu tố lịch sử được tái hiện một cách sinh động hơn, được giải mã và mang giá trị văn học cao.

2. VẤN ĐỀ 2: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI ANH HÙNG ÁO VẢI QUANG TRUNG



- Yêu nước, thương dân:
- + Nghe tin giặc đến, định kéo quân đi ngay.
- + Khẳng định chủ quyền dân tộc.
- + Nêu cao truyền thống đánh giặc giữ nước.

Trong hồi thứ XIV của *Hoàng Lê nhất thống chí*, Quang Trung đã được xây dựng như một bức tượng đài lẫm liệt về một vị vua - một người anh hùng tài đức vẹn toàn.

Trước hết, Quang Trung hiện lên là một vị vua yêu nước, thương dân. Nếu Lê Chiêu Thống là một ông vua hèn hạ, sẵn sàng bán nước để cứu vãn cái ngai vàng sắp sụp đổ của mình thì Quang Trung là một vị vua đầy khí phách. Khi nghe tin quân Thanh kéo sang thôn tính nước ta, vua Quang Trung *"giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay"*. Khi nói chuyện với quân lính, ông khẳng định chủ quyền của dân tộc *"đất nào sao ấy"*, chỉ rõ tội ác và âm mưu xâm lược của giặc, nêu cao truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta từ thời Bà Trưng, kêu gọi tướng sĩ *"đồng tâm hiệp lực để dựng nên công lớn"*.

Vua Quang Trung còn là người có trí tuệ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng. Ông rất sáng suốt trong việc nhận định thời cuộc, ông không chỉ tính sẵn *"phương lược tiến đánh"* mà còn tính sẵn cả kế hoạch ngoại giao sau khi chiến thắng để *"dẹp việc binh đao"*; sáng suốt

- Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén:

+ Nhận định rõ thời cuộc.

+ Không chỉ tính sẵn phương lược tiến đánh mà tính cả kế ngoại giao.

+ Sáng suốt, nhạy bén trong việc dùng binh.

trong việc xét đoán và dùng người, khen chê đúng người đúng việc. Lời phủ dụ quân lính của ông như một bài hịch ngắn, ý tứ chặt chẽ, sâu xa, có tác dụng khích lệ lòng yêu nước của nghĩa quân. Quang Trung đặc biệt sáng suốt, nhạy bén trong việc dùng binh: Cuộc hành binh thần tốc do nhà vua chỉ huy cho đến nay vẫn làm chúng ta không khỏi kinh ngạc. Chỉ trong 5 ngày, ông vừa tuyển quân, vừa tổ chức đội ngũ, duyệt binh, vừa hành quân đi bộ từ Huế ra Thăng Long, ông hoạch định trong 7 ngày sẽ vào ăn mừng chiến thắng ở Thăng Long, nhưng chỉ mới 5 ngày, quân Thanh đã đại bại, quân Tây Sơn thắng lợi lẫy lừng. Tài dụng binh như thần đã chứng tỏ trí tuệ phi thường của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.

Vua Quang Trung còn được khắc họa là một người có ý chí, hành động mạnh mẽ, quyết đoán. Từ đầu đến cuối đoạn trích, ông luôn là một con người hành động, quả quyết với ý chí quyết tâm cao. Từ khi nghe tin giặc kéo đến, chỉ trong vòng một tháng, nhà vua đã làm được biết bao nhiêu việc: *"tế cáo trời đất"*, lên ngôi vua, hành quân đánh giặc... Mới khởi binh đánh giặc đã hẹn chắc ngày mừng chiến thắng.

- Mạnh mẽ, quyết đoán:

+ Hành động với ý chí quyết tâm cao.

+ Hoàn thành mọi việc trong thời gian ngắn.

+ Mới khởi binh đã hẹn ngày mừng chiến thắng.

Vua Quang Trung hiện lên trong văn bản là một người có tài dụng binh như thần. Cuộc hành quân thần tốc của nghĩa quân Tây Sơn do vua Quang Trung chỉ huy chỉ diễn ra trong vòng năm ngày, vừa hành quân, vừa đánh giặc. Hành quân xa liên tục nhưng quân đội không hề mệt mỏi, rã rời mà *"cơ nào đội ấy vẫn chỉnh tề, từ quân đến tướng, hết thấy cả năm đạo quân đều vâng mệnh lệnh, một lòng một chí quyết chiến quyết thắng"*. Đó là nhờ tài năng quân sự lỗi lạc ở người cầm quân. Ông cũng tổ chức các trận đánh hợp lí, ít hao tổn binh lực: Trận Hạ Hồi không cần đánh cũng thắng; trận Ngọc Hồi nhanh chóng giành được thành.

Quang Trung còn được khắc họa là một vị anh hùng Ông là một vị tổng chỉ huy trực tiếp trên chiến trường: vừa vạch kế hoạch tác chiến, vừa tổ chức quân sĩ,

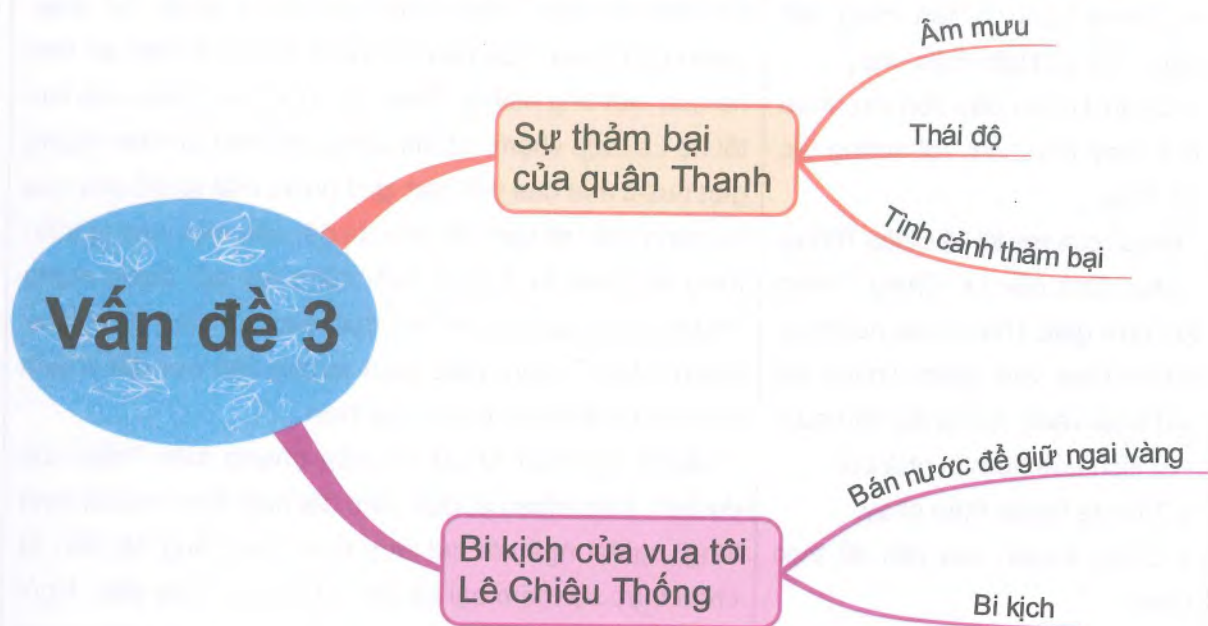
- Oai phong, lẫm liệt:
- + Thân chinh ra chiến trường, trực tiếp chỉ huy.
- + Cưỡi voi xông pha trận mạc.

tự mình thống lĩnh một đạo quân, một mũi tiến công, thân chinh cưỡi voi đi đốc thúc, xông lên phía trước... Đối lập với Lê Chiêu Thống đề hèn, hoàng đế Quang Trung quyết hi sinh tính mạng để giành lại vận mệnh dân tộc là một hình ảnh cao đẹp về sự quên mình vì nghĩa lớn. Hình ảnh Quang Trung cưỡi voi xông pha giữa trận mạc, áo bào sạm khói súng, thống soái ba quân hiệp đồng tiến đánh tứ phía thành Thăng Long khiến quân giặc kinh hồn bạt vía bỏ chạy tháo mạng... là một hình ảnh đầy chất thơ. Khung cảnh chiến trường với khí thế thừa thắng tiến công rộng khắp của quân Tây Sơn càng tôn lên vẻ đẹp của vị tổng chỉ huy tài giỏi, anh hùng.

Vua Quang Trung trong đoạn trích là hình ảnh ngời sáng của một vị anh hùng, tiêu biểu cho sức mạnh quật cường của dân tộc Việt Nam. Hình tượng vua Quang Trung để lại trong lòng chúng ta niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân ta, cho ta thêm yêu thêm quý và biết ơn những người đã có công lớn với đất nước.

3. VẤN ĐỀ 3:

SỰ THÂM BẠI CỦA QUÂN TƯỚNG NHÀ THANH VÀ VUA TÔI LÊ CHIÊU THỐNG



* Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh

- Âm mưu của quân tướng nhà Thanh khi đưa quân sang nước ta:

+ Mượn gió bẻ măng, nhân cơ hội xâm lược nước ta.

+ Biến nước ta thành quận, huyện của chúng.

- Thái độ của bọn quân Thanh khi sang nước ta:

+ Kiêu căng, tự phụ

+ Chủ quan, không nắm được tình hình.

+ Mải vui chơi, chè chén mà không đề phòng.

- Tình cảnh thảm bại:

+ Hạ Hồi bị đánh úp, vác khí giới đầu hàng.

Hồi thứ mười bốn trong “Hoàng Lê nhất thống chí” là thước phim tư liệu cụ thể, sinh động về sự thảm bại của quân tướng nhà Mãn Thanh trong lịch sử xâm lược nước ta. Mãn Thanh đưa quân vào nước ta mượn tiếng là giúp nhà Lê dẹp yên các cuộc khởi nghĩa nhưng thực chất là mượn gió bẻ măng, hòng chiếm đất nước ta, biến nước ta thành một quận, huyện. Tôn Sĩ Nghị là một tướng bất tài nhưng kiêu căng, tự phụ, chủ quan, khinh địch. Quân tướng nhà Thanh sang ta chỉ mải vợ vét, ăn chơi, vì thế, chúng phải đón nhận những hậu quả tất yếu. Kết cục là, Hạ Hồi, Ngọc Hồi và Thăng Long bị đánh úp, chúng không kịp trở tay, ai nấy rụng rời sợ hãi, vác khí giới đầu hàng. Sầm Nghi Đống phải thắt cổ tự vẫn, Tôn Sĩ Nghị cụp đuôi bỏ chạy còn binh lính thì dày xéo lên nhau mà chết. Đây là một kết cục nhục nhã ê chề cho quân cướp nước.

+ Ngọc Hồi thất thủ, Sầm Nghi Đống thất cố tự vẫn.

+ Thăng Long bị tấn công bất ngờ, Tôn Sĩ Nghị tháo chạy.

+ Quân Thanh dày xéo lên nhau mà chạy trốn, xác rơi xuống tắc cả sông.

* Bi kịch của vua tôi Lê Chiêu Thống:

- Mục đích của Lê Chiêu Thống khi đưa giặc Thanh vào nước ta: muốn dựa vào quân Thanh để giữ ngai vàng, bất chấp hậu quả.

- Bi kịch của vua tôi nhà Lê:

+ Trốn ra ngoài tháo chạy.

+ Cướp thuyền của dân để tháo chạy.

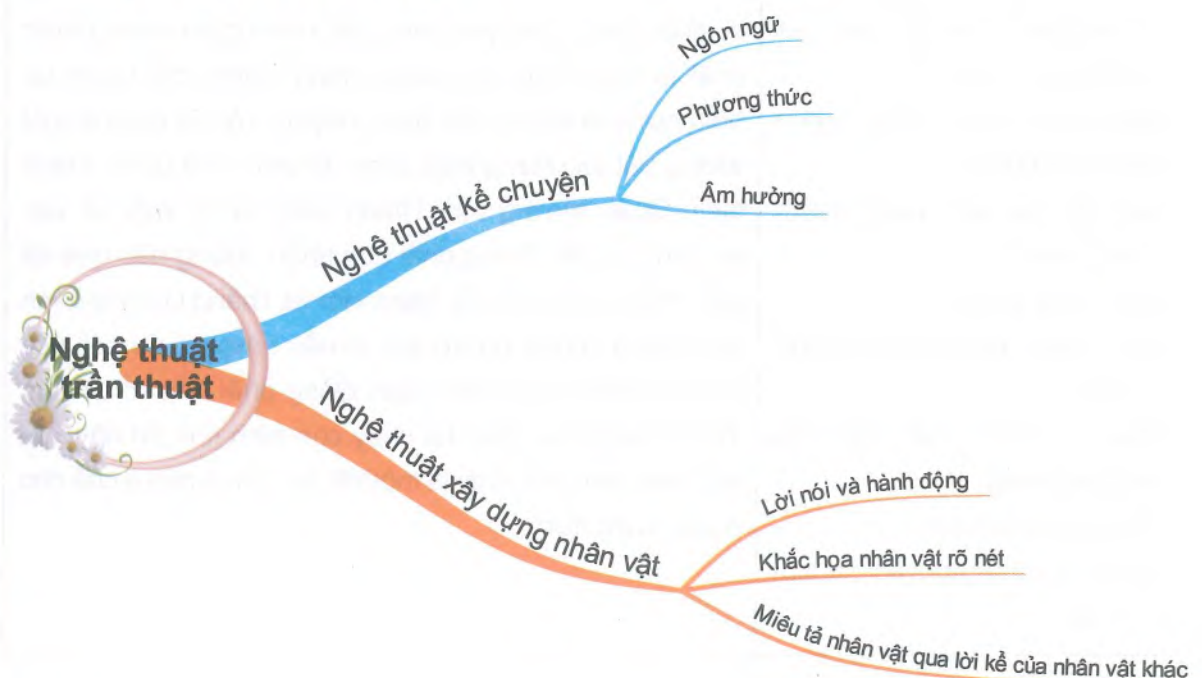
+ Cạo đầu, tết tóc đuôi sam, gieo nắm tro tàn nơi đất khách.

Cùng với sự thảm bại của quan quân Tôn Sĩ Nghị là bi kịch của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân.

Chi tiết Lê Chiêu Thống “đưa thái hậu ra ngoài”, bỏ chạy, cướp cả thuyền của dân để thoát thân thể hiện sự hèn hạ của một ông hoàng. Đoạn tả cuộc tháo chạy của vua tôi họ Lê nhịp chậm, có khi dừng lại miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt của thổ hào, giọt nước mắt tủi hổ của vua tôi càng thấy rõ hơn kết thúc bi đát của một vương triều từng rất thịnh trị. Họ Lê cuối cùng tuy giữ được mạng nhưng phải cạo đầu, kết tóc đuôi sam ăn mặc giống như người Mãn Thanh, gieo nắm xương tàn nơi đất khách tưởng như không có gì bi đát hơn.

Bằng ngòi bút tự sự cổ điển nhưng luôn “hàm súc dư ba”, ít lời nhiều ý, đan xem cái hiện thực có khi lạnh lùng, nghiệt ngã với cái lãng mạn bay bổng đã diễn tả chân thực sự thảm bại và tâm lí hỗn loạn của giặc. Ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa tâm trạng ngậm ngùi trước sự sụp đổ của một vương triều và sự hủ hê, sung sướng khi viết lên bản hùng ca của dân tộc.

4. NGHỆ THUẬT TRẦN THUẬT



- Nghệ thuật kể chuyện:

+ Ngôn ngữ kể chuyện cụ thể, sinh động.

+ Kết hợp kể chuyện với miêu tả.

+ Tạo âm hưởng riêng phù hợp không khí từng đoạn từng đoạn:

Khi thì nhanh mạnh, hối hả; khi thì chậm rãi.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Xây dựng nhân vật qua lời nói và hành động.

+ Các hành động của nhân vật được chọn lọc giúp khắc họa rõ nét nhân vật.

+ Miêu tả nhân vật qua lời kể, nhận xét của nhân vật khác.

Những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích này thể hiện trên hai phương diện: nghệ thuật kể chuyện và nghệ thuật xây dựng nhân vật.

Về nghệ thuật kể chuyện, văn bản này thành công đặc biệt ở sử dụng ngôn ngữ kể chuyện cụ thể, sinh động thông qua việc kết hợp chặt chẽ giữa phương thức tự sự với miêu tả. Không những ghi lại những sự kiện lịch sử diễn biến qua từng mốc thời gian cụ thể, tác giả còn miêu tả kĩ từng trận đánh tiêu biểu cũng như chiến lược và cách ứng phó của mỗi bên. Trong văn bản này ta đặc biệt lưu ý cách tạo âm hưởng và nhịp điệu của tác giả. Trong đoạn đầu, khi miêu tả không khí chiến trận, nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả, vừa giúp khắc họa khí thế của quân ta và sự thảm bại của quân giặc. Trong đoạn sau, âm hưởng có phần ngậm ngùi, chua xót nhịp điệu chậm hơn thể hiện sự tủi hổ của vua tôi nhà Lê và sự bùi ngùi, xót xa của người viết.

Về nghệ thuật miêu tả nhân vật, tác giả tập trung khắc họa nhân vật qua lời nói và hành động. Có thể thấy xuyên suốt trong văn bản này là hình tượng người anh hùng Quang Trung. Tài năng, khí chất của nhân vật này thể hiện thông qua cách ông ứng xử trước một loạt tình huống và sự kiện. Ngoài ra, tác giả còn xây dựng hình tượng nhân vật thông qua chính lời nhận xét và lời kể của các nhân vật khác. Quang Trung nổi bật nên trong tác phẩm bởi những lời nhận xét của chính quân Thanh và quân nhà Lê về ông: “tướng từ trên trời xuống”. Hay khi khắc họa sự hèn hạ và bất tài của quân Thanh và vua quan nhà Lê, tác giả không hề có bất cứ một từ ngữ nào nhận xét về việc đó mà để cho chính nhân vật tự bộc lộ thông qua hành động của chính bản thân bọn chúng.

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH

(Trích *Vũ trung tùy bút* - Phạm Đình Hổ)

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Phạm Đình Hổ (1768 - 1839) tên chữ là Tùng Niên hoặc Bình Trực, hiệu Đông Dã Tiều, tục gọi Chiêu Hổ, người Đan Loan, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương. Ông sống vào thời buổi đất nước loạn lạc nên muốn ẩn cư. Đến thời Minh Mạng nhà Nguyễn, vua vời ông ra làm quan. Ông đã mấy lần từ chức, rồi lại bị triệu ra. Phạm Đình Hổ để lại nhiều công trình biên soạn, khảo cứu có giá trị thuộc đủ các lĩnh vực: văn học, triết học, lịch sử, địa lí... tất cả đều bằng chữ Hán.

Tác phẩm

- *Vũ trung tùy bút* (Tùy bút viết trong ngày mưa) là một tác phẩm đặc sắc của Phạm Đình Hổ, được viết khoảng đầu đời Nguyễn (đầu thế kỉ XIX). Tác phẩm gồm 88 mẩu chuyện nhỏ, viết theo thể tùy bút, hiểu theo nghĩa là ghi chép tùy hứng, tản mạn, không cần hệ thống, kết cấu gì. Ông bàn về các thứ lễ nghi, phong tục, tập quán,... ghi chép những việc xảy ra trong xã hội lúc đó... Tất cả những nội dung ấy đều được trình bày một cách giản dị, sinh động và rất hấp dẫn.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Phân biệt truyện và tùy bút

2

Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan hầu cận đại thần

3

Sự tham lam những quyền của quan lại trong phủ Chúa

4

Nghệ thuật kể chuyện

1. VẤN ĐỀ 1: PHÂN BIỆT TRUYỆN VÀ TÙY BÚT



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	DÀN BÀI THAM KHẢO
- Tùy bút: + Ghi chép về con người, sự việc có thật. + Mang tính chủ quan, không gò bó theo hệ thống kết cấu và giàu chất trữ tình. + Tác giả bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, đánh giá của mình về hiện thực được phản ánh. - Truyện: + Phản ánh hiện thực thông qua số phận con người cụ thể. + Hầu hết truyện đều có cốt truyện, nhân vật. + Hệ thống chi tiết nghệ thuật phong phú, đa dạng.	Tùy bút và truyện là hai thể loại có văn xuôi, nhưng mỗi thể loại lại có những đặc trưng riêng: - Tùy bút: ghi chép về những con người, những sự việc cụ thể có thực. Qua đó tác giả bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, đánh giá của mình. Sự ghi chép ở đây là theo cảm hứng chủ quan, không gò bó theo hệ thống kết cấu, lối ghi chép của tùy bút giàu chất trữ tình. - Truyện phản ánh hiện thực cuộc sống thông qua số phận con người cụ thể, có cốt truyện, có nhân vật. Cốt truyện được triển khai, nhân vật được khắc họa nhờ một hệ thống chi tiết nghệ thuật phong phú, đa dạng, và cả những chi tiết tưởng tượng, hoang đường.

2. VẤN ĐỀ 2:

THÓI ĂN CHƠI XA XỈ CỦA CHÚA TRỊNH VÀ CÁC QUAN HẦU CẬN ĐẠI THẦN



- Thú chơi đèn đuốc:
 - + Xây dựng cung điện, đình đài liên miên để làm chỗ mua vui.
 - + Những cuộc dạo chơi diễn ra thường xuyên.
 - + Huy động không biết bao kẻ hầu người hạ.
 - + Bày nhiều trò giải trí lố lăng và tốn kém.
- Thú chơi cây cảnh:
 - + Tìm và cướp đoạt những vật quý trong thiên hạ.
 - + Huy động cả một cơ binh để mang một cây đa lớn từ Trung Quốc về.
 - + Phủ chúa trông như chốn bến bể đầu non.
- Đánh giá của tác giả:
 - + Âm thanh nơi phủ chúa ghê rợn, ma quái.
 - + Dự cảm chuyện bất thường, sự biến động.

Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh đã tái hiện một cách chân thực thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và bọn triều thần. Chúa có thú chơi đèn đuốc vô cùng sa hoa. Chúa cho xây dựng nhiều cung điện, đình đài ở khắp nơi để thỏa thú chơi đèn đuốc, ngắm cảnh đẹp của mình. Ý thích đó không biết bao nhiêu cho vừa vì việc xây dựng đình đài cứ liên miên, hao tiền tốn của. Ngoài ra, chúa còn cho tìm thu, thực chất là cướp đoạt những của quý trong thiên hạ: “những loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian” về tô điểm nơi phủ chúa. Chúa còn lấy cả một cây đa to, cành lá rườm rà, rễ dài đến vài trượng từ bên Bắc chở qua sông đem về, phải một cơ binh hàng trăm người mới khiêng nổi. Trong phủ bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bến bể đầu non. Ở đây, tác giả kể lại một cách chân thực và tỉ mỉ thói ăn chơi xa xỉ nơi phủ chúa. Đồng thời, ở cuối của đoạn văn này, ta thấy tác giả miêu tả âm thanh nơi phủ chúa. Đó là âm thanh ghê rợn, bí hiểm, ma quái trước một cái gì đang tan tác đau thương, chứ không phải trước cảnh đẹp yên bình, phồn thực. Nó như báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đại.

3. VẤN ĐỀ 3: SỰ THAM LAM NHỮNG NHIỀU CỦA QUAN LẠI TRONG PHỦ CHÚA

Cướp ngày

Cướp đêm

*Vừa ăn cắp,
vừa la làng*

- Cướp ngày:

+ Dò xem nhà nào có đồ vật quý hiếm.

+ Biên ngay hai chữ “phụng thủ”.

- Cướp đêm:

+ Đêm đến, sai quân lính lên vào đem về.

+ Phá nhà, hủy tường để đem đi.

- Vừa ăn cắp, vừa la làng:

+ Vu cho giấu vật cung phụng.

+ Dọa nạt, tống tiền.

Sự tham lam, những nhiều của bọn quan lại trong phủ chúa mà cụ thể ở đây là bọn hoạn quan được tác giả kể lại một cách cụ thể. Bọn hoạn quan hậu cần trong phủ chúa rất được sủng ái, bởi thế chúng hoành hành, tác oai, tác quái. Thủ đoạn của chúng là thủ đoạn vừa ăn cướp, vừa la làng. Chúng mượn tiếng phục theo lệnh ra ngoài dọa dẫm, dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “*phụng thủ*” (dâng chúa). Đêm đến lên ra thành, sai lính đem về, có khi phá nhà hủy tường để đưa cây hoặc non bộ đi. Dọa nạt tống tiền bằng cách vu cho là giấu vật cung phụng. Đây là thái độ những nhiều, ngang ngược của bọn hoạn quan cung giám “*nhờ gió bẻ măng*”, ý thế nhà chúa mà ngang nhiên hoành hành, tác oai tác quái, giờ trò bịp bợm, dùng mọi thủ đoạn để dọa dẫm lấy tiền cướp của của nhân dân. Điều bất công vô lí ở đây là những tên hoạn quan đó vừa vơ vét tích đầy túi tham, vừa được tiếng miễn cán trong việc nhà chúa. Chúng đã khiến cho dân chúng quanh vùng phải rơi vào một cuộc sống bất ổn, cơ cực, khi thì phải bỏ của ra để kêu oan, khi thì phải tự mình đập bỏ núi non bộ, chặt cây cảnh để tránh tai vạ... Từ đây ta có thể thấy rõ hơn bộ mặt của chính quyền phong kiến đương thời và sự mục ruỗng thối nát đang trên bờ vực sự suy vong của vương triều Lê - Trịnh.

4. NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN

Ghi chép chân thực, sinh động, giàu chất trữ tình, giọng điệu khách quan

Các chi tiết miêu tả chọn lọc, đắt giá, giàu sức thuyết phục, tả cảnh đẹp tỉ mỉ nhưng lại nhuộm màu sắc u ám, mang tính dự báo

Thủ pháp liệt kê giúp khắc họa một cách cụ thể, sinh động bộ mặt của triều đại phong kiến đương thời

Kể cả sự việc của chính gia đình mình để tăng thêm tính chân thực

- Ghi chép chân thực, sinh động, giàu chất trữ tình, giọng điệu khách quan.

- Các chi tiết miêu tả chọn lọc, đắt giá, giàu sức thuyết phục, tả cảnh đẹp tỉ mỉ nhưng lại nhuộm màu sắc u ám, mang tính dự báo.

- Kể cả sự việc của chính gia đình mình để tăng thêm tính chân thực.

- Thủ pháp liệt kê giúp khắc họa một cách cụ thể, sinh động bộ mặt của triều đại phong kiến đương thời.

⇒ Giúp phơi bày bộ mặt thối nát của chế độ phong kiến đương thời qua đó kín đáo bày tỏ thái độ căm phẫn của tác giả với bọn quan lại trong phủ chúa.

Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh đã cho ta thấy những thành công của Phạm Đình Hổ ở thể loại tùy bút. Với sự ghi chép chân thực, sinh động, giàu chất trữ tình và thủ pháp liệt kê sử dụng một cách đắt giá qua các chi tiết miêu tả chọn lọc, giàu sức thuyết phục, tác giả đã làm rõ bộ mặt của chính quyền Lê- Trịnh: vua và quan đều chỉ lo vui chơi, quan thì nịnh hót, những nhiều dân lành còn nhân dân vô cùng cực khổ. Bằng giọng điệu khách quan tác giả vừa tái hiện được chân thực hiện thực xã hội vừa kín đáo thể hiện thái độ căm phẫn với chế độ đương thời và cũng ngầm thông báo sự sụp đổ của chính quyền Lê - Trịnh là một lẽ tự nhiên không thể tránh khỏi.

ĐỒNG CHÍ

Chính Hữu

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Chính Hữu tên khai sinh là Trần Đình Đắc, sinh năm 1926, tại thành phố Vinh, Nghệ An, quê Cần Lộc, Hà Tĩnh.
- Ông tham gia cách mạng năm 1946 và hoạt động mạnh trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật phục vụ kháng chiến.

Tác phẩm

- Bài thơ *Đồng chí*, sáng tác vào đầu năm 1948, sau khi Chính Hữu đã cùng đồng đội tham gia chiến dịch Thu đông 1947, đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc.
- Bài thơ nói về tinh thần đồng chí, đồng đội thấm thiết sâu nặng của những người lính cách mạng và hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Ý nghĩa nhan đề

2

Tinh thần đồng chí
đồng đội

3

Hình tượng người lính

4

Bức tượng đài
về người lính

1. VẤN ĐỀ 1: Ý NGHĨA NHAN ĐỀ

Khái quát chủ đề, tư tưởng văn bản

Chỉ những người cùng chung chí hướng, lý tưởng

Sức mạnh của tình đồng chí

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
Ý nghĩa nhan đề bài thơ: - Khái quát chủ đề, tư tưởng mà bài thơ hướng tới - Đồng chí chỉ những con người cùng chung lý tưởng, chí hướng. - Đồng chí còn dùng để chỉ những người cùng đồng cam, cộng khổ. - Tình đồng chí keo sơn gắn bó chính là sức mạnh tinh thần giúp những người lính vượt qua khó khăn gian khổ để chiến đấu và chiến thắng. - Tình đồng chí là cảm hứng dồi dào của thơ ca thời kháng chiến chống Pháp.	Đối với mỗi tác phẩm, nhan đề không chỉ thể hiện đề tài mà còn gắn với chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa nội dung tác phẩm. Nhan đề bài thơ <i>Đồng chí</i> không chỉ có ý nghĩa viết về những con người cùng chung lý tưởng, chí hướng, cùng làm một đơn vị, cơ quan; mà sâu sắc hơn, ông muốn viết về tình đồng đội, về những con người đồng cảnh, đồng cam cộng khổ, đồng sức chung lòng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Chính nhà thơ đã từng tâm sự: <i>"Những năm đầu cách mạng từ "đồng chí" mang ý nghĩa thiêng liêng và máu thịt vô cùng. Nơi khó khăn, cuộc sống của người này trở nên cần thiết với người kia. Một người có thể thay thế cho gia đình, cho cha mẹ, vợ con đối với một người khác. Hơn nữa, họ còn bảo vệ nhau trước mũi súng của kẻ thù, cùng nhau đi qua cái chết, chống lại cái chết, cùng nhau thực hiện một lý tưởng cách mạng"</i>. Tình đồng chí, đồng đội là chỗ dựa tinh thần để người lính tồn tại, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, để chiến đấu và chiến thắng. Tình cảm cao đẹp này đã trở thành nguồn cảm hứng lớn nhất, dồi dào nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ sau này. Đây cũng là nội dung bao trùm lên toàn bộ bài thơ.

2. VẤN ĐỀ 2: TÌNH ĐỒNG CHÍ ĐỒNG ĐỘI THIÊNG LIÊNG

Cùng chung hoàn cảnh xuất thân

Thấu hiểu về hoàn cảnh của nhau

Cùng chung mục đích chiến đấu

Kề vai sát cánh chiến đấu

Cùng chia sẻ tâm tư, tình cảm

Trở thành bạn tri kỷ

Đồng cam cộng khổ

Sức mạnh to lớn vượt qua khó khăn

- Cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính:

+ Tình đồng chí của người lính bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân.

+ Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:

+ Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn.

+ Hai tiếng “Đồng chí” vang lên là một điểm sáng tạo, một nét độc đáo thật giản dị và mang ý nghĩa vô cùng thiêng liêng trong thơ ca kháng chiến.

⇒ Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp

Nhắc đến *Đồng chí* của Chính Hữu là nhắc đến tình cảm đồng chí, đồng đội tha thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Qua những hình ảnh chân thực nhưng giàu tính lãng mạn, tác giả đã cho ta hiểu rõ hơn về tình đồng chí và sức mạnh của nó trong thời kháng chiến chống Pháp.

Trước hết, vẻ đẹp tình đồng chí được thể hiện ở sự tương đồng nhau về hoàn cảnh xuất thân, cùng chung mục tiêu chiến đấu và gắn bó với nhau trở thành đôi bạn tri kỉ:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”*

Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành, đã cho thấy những người lính, họ đều xuất thân từ những người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả và nghèo khó. Thành ngữ “*nước mặn đồng chua*”, gợi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt. Còn cụm từ “*đất cày lên sỏi đá*” lại gợi lên trong lòng người đọc về một vùng đồi

dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong kháng chiến.

- Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí:

+ Tình đồng chí của người lính Cách mạng được biểu hiện qua sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau.

+ Là đồng chí của nhau, họ cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ.

+ Ba câu cuối là bức tượng đài sừng sững về tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng.

⇒ Tình đồng chí đồng đội đã truyền cho họ hơi ấm, niềm tin và sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, hướng tới chiến thắng.

núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. Đó là xuất phát điểm về hoàn cảnh xuất thân và cuộc sống của những chàng trai nông dân nghèo khó, lam lũ, cực nhọc. Và cũng nhờ có điểm chung gặp gỡ giống nhau ấy, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ sự đồng cảm, hữu ái giai cấp, tạo tiền đề làm nên tình đồng chí, đồng đội, gắn bó keo sơn. Đang quen tay cuốc, tay cày nhưng khi đất nước có giặc ngoại xâm, những người nông dân như vươn lên trở thành tráng sĩ. Họ cùng nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, lời vẫy gọi thiết tha của đất nước thân thương đang lâm nguy, họ gác lại tất cả mà vác ba lô, vác súng ra chiến trường, chiến đấu. Vì thế, họ lại gặp chung một lí tưởng cách mạng, một mục tiêu chiến đấu thiêng liêng: Tình yêu tổ quốc và niềm khát khao đất nước được hòa bình, độc lập.

“Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”

Qua thời gian năm tháng, trong hoàn cảnh khắc nghiệt của khói lửa chiến tranh, những người lính đã xích lại gần nhau, coi nhau như anh em, ruột thịt:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí!”

Tình cảm đồng chí ấy được chấp cánh bởi lí tưởng và khát vọng cao đẹp của tình yêu đất nước. Và cũng từ đó, tình đồng chí bắt đầu nảy nở và trở nên bền chặt, keo sơn trong chiến đấu và cuộc sống có chiến tranh. Hình ảnh thơ sóng đôi, gọi nên tình cảm gắn bó keo sơn của người lính cách mạng. Trong chiến tranh: *“Súng bên súng”* họ cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ. Trong cuộc sống nơi hòn tên, mũi đạn, họ *“đầu sát bên đầu”*, *“đêm rét chung chăn”*, gắn bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi những lúc thiếu thốn về vật chất (chung chăn) và sự khắc nghiệt, dữ dội của tiết trời, khí hậu (sương muối, mưa rừng). Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để

xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với nhau mà vượt lên gian khó, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà lịch sử đang giao phó. Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “*tri kỉ*” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng. Trong bảy câu thơ mở đầu, người đọc nhận ra cách xưng hô “*anh – tôi*” trong mỗi dòng thơ có những sắc thái biểu cảm khác nhau cho thấy quá trình phát triển về mặt tình cảm của tình đồng chí, đồng đội của người lính: Ban đầu với hai câu đầu, hai đại từ nhân xưng “*anh – tôi*” chỉ dùng để gọi, giao tiếp của hai con người ở hai thế giới hoàn toàn khác biệt (một người vùng biển; một người vùng cao); tiếp đó, hai câu thơ tiếp, “*anh – tôi*” đã gặp gỡ mà quen biết nhau khi cùng chung lí tưởng và mục tiêu chiến đấu, nhưng vẫn chỉ là “*đôi người xa lạ*”. Cuối cùng, qua thời gian năm tháng đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, họ đã biến sự xa lạ thành thân quen, biến thân quen thành đôi bạn tri kỉ, tri âm. Từ một cá nhân riêng lẻ nhưng sau dần đã trở thành một khối thống nhất và đoàn kết mạnh mẽ không tách rời. Vì thế, hai tiếng “*Đồng chí!*” được gieo giữa bài thơ vừa có ý nghĩa khép lại đoạn thơ mở đầu, vừa có tính chất mở ra để kết nối đoạn thơ tiếp theo. Đồng thời nó như một lời hô gọi thiêng liêng, trầm hùng và xúc động của những người lính trong chiến tranh và trong tranh đấu. Đó là một câu thơ đặc biệt như là một lời kết luận cho những lí lẽ, cơ sở mà tác giả đưa ra để làm “*minh chứng*” cho quá trình phát triển hình thành của tình đồng chí. Không dừng lại ở đó, vẻ đẹp tình đồng chí còn được tác giả khắc họa qua những biểu hiện bình thường, giản dị nhưng lại tạo nên sức mạnh to lớn. Sức mạnh ấy trước hết được tạo nên ở sự thấu hiểu. Họ sẵn sàng chia sẻ cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau:

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

Chúng ta thấy, cả ba câu thơ chỉ xuất hiện đại từ xưng hô “*anh*” mà không phải “*tôi*”. Điều đó cho thấy lời thơ là lời nói hộ, bộc lộ hộ những tâm tư tình cảm của người bạn mình. Đó là nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ người thân yêu nơi hậu phương của người lính. Và qua cách nói hộ ấy, người đọc thấy được tình cảm đồng đội, đồng chí hiện lên thật sâu đậm, họ hiểu bạn mình cũng như hiểu chính mình vậy. Vì thế cho nên, lời thơ cũng chính là bộc bạch chân thành của chính nhân vật trữ tình “*tôi*” về tâm tư của mình. Không chỉ chia sẻ với nhau những chuyện riêng tư, nỗi nhớ nhung về quê hương, người thân, người lính còn sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau trong lúc hoạn nạn khó khăn. Và “*tôi*” với “*anh*” hai cá thể riêng biệt nay đã hòa với nhau làm một, trở thành một cặp đồng chí gắn bó với nhau:

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.”*

Đầu tiên, người lính chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật quái ác – những cơn sốt rét ghê gớm. Hình ảnh: “*Ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi*” là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Vì thế các anh phải cắn răng chịu đựng, tự lực, tự cường mà vượt qua. Nhưng khi mắc bệnh, những người lính lại nhận được sự chăm sóc tận tình, chu đáo của những người bạn, người đồng đội nên căn bệnh dù có quái ác nhưng vẫn không thể quật ngã được họ. Từ “*với*” trong cụm từ “*anh với tôi*” đã diễn tả sự sẻ chia của

người lính đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét.

Cuối cùng biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng chí là họ cùng chung một chiến hào. Chiến hào là nơi giáp mặt với kẻ thù, là nơi sự sống và cái chết chỉ kề nhau trong gang tấc. Vì thế tình đồng chí được tôi luyện trong thử thách gian lao:

“Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.”

Đó là khoảng thời gian “*đêm nay*” rất cụ thể với khung cảnh “*rừng hoang – sương muối*” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt nhưng những người lính vẫn “*đứng cạnh bên nhau*” để “*chờ giặc tới*”. Chính sức mạnh của tình đồng chí đã làm cho người lính vượt lên trên hiện thực khắc nghiệt. Các từ gần nghĩa “*cạnh – bên*” cho thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết, gắn bó luôn có nhau của những người lính. Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả.

Với một ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm, lời thơ giản dị mà giàu sức tạo hình; giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, thiết tha, Chính Hữu đã tái hiện thật xúc động vẻ đẹp tình đồng chí của những người lính cụ Hồ trong chiến tranh. Mặc dù chiến tranh đã lùi về quá khứ nhưng hình ảnh những anh lính vệ quốc quân mãi mãi in sâu vào trong tâm thức người Việt và mãi trở thành ngọn nguồn cảm hứng bất tận cho thơ ca dân tộc.

3. VẤN ĐỀ 3: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH



- Họ là những người nông dân mặc áo lính:

+ Họ là người nông dân áo vải, từ những vùng quê nghèo khó “*nước mặn đồng chua*”, “*đất cày lên sỏi đá*”... vào cuộc chiến đấu gian khổ.

+ Chấp nhận cuộc sống quân ngũ đầy thiếu thốn: “*Áo rách vai*”, “*quần có vài mảnh vá*”, “*chân không giày*”; gian khổ: “*cười buốt giá*” “*sốt run người*”...

- Họ có mục đích, lý tưởng cao đẹp:

+ Lý tưởng chung đã khiến họ từ mọi phương trời xa lạ tập hợp lại trong hàng ngũ quân đội cách mạng.

+ Mục đích:

Tất cả vì tổ quốc quê hương và những người thân ở quê nhà.

- Tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn:

+ Tình đồng chí giúp người lính vượt lên mọi khó khăn gian khổ.

Chính Hữu là nhà thơ tiêu biểu, trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp lần hai. “Đồng chí” là một trong những thi phẩm xuất sắc, điển hình, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Chính Hữu. Bài thơ là bức chân dung đẹp về người lính cụ Hồ.

Những người lính hiện lên trước hết, là những người nông dân mặc áo lính, những chàng trai nông dân áo vải lam lũ, nghèo khó trên khắp mọi miền đất nước và chứa chan tinh thần yêu nước, trách nhiệm với quê hương dân tộc:

“*Quê hương anh nước mặn đồng chua*
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”

Khi tổ quốc lâm nguy, họ đã sẵn sàng gác lại tất cả những gì quý giá nhất, thân thiết nhất nơi làng quê để ra đi chiến đấu:

“*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.”

Từ “*mặc kệ*” đã cho thấy sự quyết tâm ra đi của những người lính; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui của thời thơ ấu

+ Giúp họ chia sẻ, cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi lòng của nhau.

+ Tình cảm gắn bó thắm lặn mà cảm động.

- Vẻ đẹp tâm hồn của những người chiến sĩ: Lãng mạn và lạc quan.

⇒ Hình tượng người lính được thể hiện qua các chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng mà giàu sức biểu cảm, hướng về khai thác đời sống nội tâm. Vẻ đẹp của người lính trong bài thơ tiêu biểu cho vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp.

cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước. Bởi họ ý thức được trách nhiệm của mình khi tổ quốc lâm nguy. Điều đó cho thấy lòng yêu nước mạnh mẽ, sâu sắc của họ. Và chính quê nhà là động lực mạnh mẽ, thôi thúc và tiếp bước cho họ vươn lên mà mạnh mẽ, trưởng thành, vì sự nghiệp chung lớn lao của đất nước, dân tộc.

Những người lính nông dân áo vải ấy đã trải qua biết bao nhiêu gian lao, thiếu thốn tột cùng, những cơn sốt rét run người hành hạ, trang phục phong phanh giữa mùa đông buốt giá:

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

...Thương nhau tay nắm lấy bàn tay."

Hình ảnh: "*Ớn lạnh, sốt run người, uớt mồ hôi*" là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Đó là nỗi ám ảnh kinh hoàng của người lính trong chiến tranh, đã hành hạ họ, khiến họ tiều tụy, xanh xao, màu da vàng vọt, tóc thì rụng hết... Nhưng cũng chính vì thế mà họ gắn bó và yêu thương nhau hơn. Và chỉ có tình yêu thương, sự đùm bọc lẫn nhau của những người lính là thuốc bổ tinh thần, giúp họ cùng nhau cộng hưởng, sẻ chia mà vươn lên chiến thắng chính mình. Không dừng lại ở đó, người lính còn phải đối diện với cả sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất: "*Áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày*". Nhưng trong hoàn cảnh ấy, những người lính vệ quốc, họ đã chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau bằng những hành động chân thành: "*Miếng cười buốt giá*", "*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*". Chính nụ cười đã xoá tan đi cái lạnh lẽo của đêm đông giá rét. Họ đùa vui trong gian khổ thiếu thốn. Cùng động viên nhau qua ánh mắt nụ cười. Dù đó chỉ là nụ cười gượng gạo trong "*buốt giá*" nhưng vẫn chứa chan tình cảm, cho thấy được sự lạc quan mạnh mẽ của họ trong cuộc sống chiến đấu. Còn hành động "*tay nắm lấy bàn tay*" là một cử chỉ rất cảm

động và cần thiết vào lúc này. Họ đã truyền cho nhau hơi ấm của tình thương, cùng dắt tay nhau tiến lên phía trước, vì mục tiêu lí tưởng cách mạng lớn lao: Vì hòa bình dân tộc.

Những người lính trong gian lao nhưng vẫn hiện lên với dáng vẻ chủ động và tâm hồn lãng mạn bay bổng qua ba câu thơ cuối. Đó là khoảng thời gian “*đêm nay*” rất cụ thể với khung cảnh “*rừng hoang – sương muối*” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt. Tuy nhiên, người lính vẫn đứng cạnh bên nhau để “*chờ giặc tới*”. Động từ “*chờ*” cho thấy được tư thế chủ động và hết sức đề cao cảnh giác của người lính trong khi làm nhiệm vụ. Nghệ thuật tương phản đối lập được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lán át cả không gian toàn cảnh của người lính. Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, dưới cái nhìn lãng mạn hóa của Chính Hữu, ánh trăng như đang treo ở đầu mũi súng. Hình ảnh “*súng – trăng*” được đặt cạnh bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng: Giữa thực tại – mơ mộng; chiến tranh – hòa bình; chiến sĩ – thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính, họ vừa là chiến sĩ lại vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu.

Tóm lại, bài thơ *Đồng chí* là một bài thơ hay, độc đáo viết về người lính cụ Hồ. Có thể nói, bài thơ là một bức tượng đài người nông dân mặc áo lính rất đẹp, tráng lệ, hào hùng của thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.

4. VẤN ĐỀ 4: BỨC TƯỢNG ĐÀI VỀ NGƯỜI LÍNH

*Tình đồng chí,
đồng đội*

- Sát cánh bên nhau đối mặt với khắc nghiệt của thời tiết.
- Sát cánh bên nhau thực hiện nhiệm vụ.

*Tượng đài
về người lính*

- Chủ động đối mặt với khó khăn thử thách.
- Tâm hồn lãng mạn, có cái nhìn độc đáo và thi vị trước thiên nhiên, cảnh vật.

Ba câu thơ cuối tuy ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa. Nó đã dựng lên bức tượng đài sừng sững về người lính:
- Bức tượng đài về tình đồng chí, đồng đội:

+ Họ cùng nhau sẽ chia khó khăn ở chiến trường.

+ Họ cùng sát cánh bên nhau trong lúc thực hiện nhiệm vụ.

+ Cái nắm tay vừa thể hiện tình cảm thấm thiết, vừa là động lực tạo nên sức mạnh to lớn cho họ.

- Bức tượng đài về người lính:

+ Trước khó khăn và hiểm nguy họ đối mặt với một tư thế đầy chủ động.

+ Trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhưng tâm hồn họ vẫn hướng về cái đẹp, tự do.

+ Hình ảnh “đầu súng trăng treo” mang tính biểu tượng cao.

⇒ Chân dung người chiến sĩ mộc mạc, khỏe khoắn, đơn sơ, hào hùng.

Ba câu thơ cuối bài *Đồng chí* của Chính Hữu là bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội, là biểu tượng cao đẹp về cuộc đời người chiến sĩ:

*“Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”.*

Nổi lên trên cảnh rừng đêm hoang vắng, lạnh lẽo là hình ảnh người lính “*đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*”. Đó là hình ảnh cụ thể của tình đồng chí sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét của rừng đêm, giữa cái căng thẳng của những giây phút “*chờ giặc tới*”. Đó là khoảng thời gian “*đêm nay*” rất cụ thể với khung cảnh “*rừng hoang – sương muối*” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt. Tuy nhiên, người lính vẫn đứng cạnh bên nhau để “*chờ giặc tới*”. Động từ “*chờ*” cho thấy được tư thế chủ động và hết sức đề cao cảnh giác của người lính trong khi làm nhiệm vụ. Nghệ thuật tương phản đối lập được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lấn át cả không gian toàn cảnh của người lính. Chính sức mạnh của tình đồng chí đã làm cho người lính vượt lên trên hiện

thực khắc nghiệt đó. Các từ gần nghĩa “*cạnh – bên*” cho thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết, gắn bó luôn có nhau của những người lính. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả. Câu kết là một hình ảnh thơ rất đẹp: “*Đầu súng trăng treo*”. Đây là một hình ảnh tả thực nhưng cũng là liên tưởng độc đáo của tác giả. Về ý nghĩa của hình ảnh này có thể hiểu: Đêm khuya, trăng tà, cả cánh rừng ngập chìm trong sương muối. Trăng lơ lửng trên không, chiếu ánh sáng qua lớp sương mờ trắng, đục. Bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống theo. Trong khi đó, người chiến sĩ khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo trên đầu súng. “*Trăng*” là biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, là sự sống thanh bình. “*Súng*” là hiện thân cho cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh. Súng và trăng, cứng rắn và dịu hiền. Súng và trăng, chiến sĩ và thi sĩ. Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau vời vợi nay lại gắn kết bên nhau trong cảm nhận của người chiến sĩ: trăng treo trên đầu súng. Như vậy, sự kết hợp hai yếu tố hiện thực và lãng mạn đã tạo nên cái vẻ đẹp độc đáo cho hình tượng thơ. Và phải chăng, cũng chính vì lẽ đó, Chính Hữu đã lấy hình ảnh làm nhan đề cho cả tập thơ của mình – tập *Đầu súng trăng treo* – như một bông hoa đầu mùa trong vườn thơ cách mạng.

Đoạn kết của bài thơ thật đẹp! Nó đã tạc vào thơ ca hiện đại chân dung người chiến sĩ mộc mạc, đơn sơ mà khỏe khoắn, hào hùng.

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Phạm Tiến Duật

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Phạm Tiến Duật sinh năm 1941, quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Là nhà thơ quân đội, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Phạm Tiến Duật được biết đến là một giọng thơ trẻ trung, hào hùng, hồn nhiên và phơi phới.

Tác phẩm

- Bài thơ về Tiểu đội xe không kính sáng tác vào năm 1969 trên con đường chiến lược Trường Sơn; in trong tập thơ *Vàng trắng - Quảng lửa*.
- Bài thơ ca ngợi những chiến sĩ lái xe thời đánh Mỹ: dũng cảm, ngoan cường, lạc quan yêu đời ...

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Ý nghĩa nhan đề bài thơ

2

Hình ảnh những chiếc xe không kính

3

Hình tượng người lính trong kháng chiến chống Mỹ

4

Chất liệu hiện thực và ngôn ngữ thơ

1. VẤN ĐỀ 1: Ý NGHĨA NHAN ĐỀ

Dung lượng: Dài.

Từ ngữ “bài thơ”- chất thơ của hiện thực.

Hình ảnh độc đáo “xe không kính”.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Ý nghĩa nhan đề bài thơ được thể hiện qua một số phương diện sau: + Dung lượng: Dài, nhiều chỗ tưởng như thừa. + Hình ảnh độc đáo: “Xe không kính.” + Từ ngữ: “<i>Bài thơ</i>” nhấn mạnh chất thơ của hiện thực. ⇒ Nhan đề độc đáo, mới lạ, vừa thể hiện được hiện thực khốc liệt vừa bật lên chất thơ lãng mạn từ hiện thực ấy.	<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> là một nhan đề độc đáo mới lạ. Sự độc đáo của nhan đề thể hiện ngay trong chính dung lượng khá dài mà đôi khi người ta tưởng có những chi tiết thừa của nó, nhưng thực chất đó là dụng ý của tác giả. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật rõ hình ảnh của toàn bài: Những chiếc xe không kính. Hình ảnh này là một phát hiện thú vị của tác giả về hiện thực khốc liệt của chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn. Đặc biệt là hai chữ “<i>bài thơ</i>” được tác giả sử dụng đã cho thấy chất thơ vút lên từ hiện thực, từ tâm hồn hào hoa lãng mạn, lạc quan yêu đời của người lính - tuổi trẻ Việt Nam giữa khói bom lửa đạn với đầy niềm tự hào, chiến đấu và chiến thắng. Nhan đề bài thơ là sự hòa quện giữa chất liệu hiện thực với chất thơ, lãng mạn của cuộc đời người lính.

2. VẤN ĐỀ 2: HÌNH ẢNH NHỮNG CHIẾC XE KHÔNG KÍNH



Hình ảnh tả thực



Phát hiện độc đáo

Hình ảnh những chiếc xe không kính là một hình ảnh thơ độc đáo:

- Đây là một hình ảnh thơ tả thực:

+ Hình ảnh xe cộ, tàu thuyền được đưa vào thơ thường mang tính tượng trưng.

+ Hình ảnh những chiếc xe không kính là hình ảnh thực: Xe vận tải sử dụng trong kháng chiến chống Mỹ.

+ Những chiếc xe không kính giúp khắc họa hiện thực khốc liệt của chiến trường.

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là một phát hiện độc đáo đầy chất thơ:

+ Vừa là chất liệu hiện thực vừa thể hiện được chất thơ trên nền hiện thực đó.

+ Là phong nền để những người lính lái xe hiện lên nổi bật.

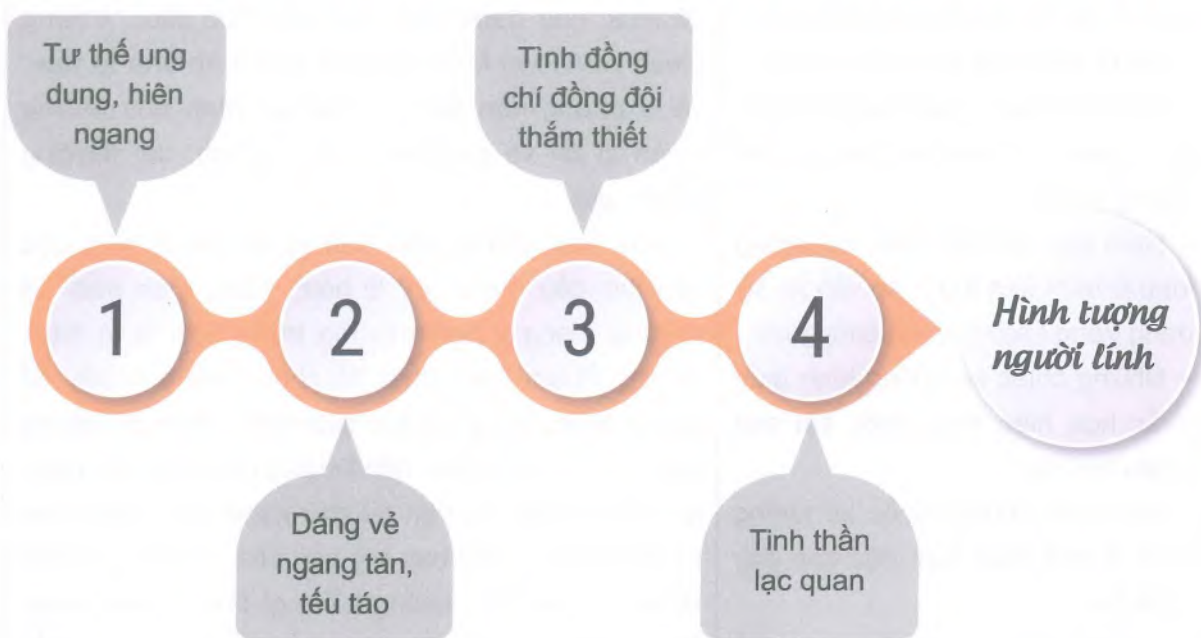
⇒ Đây là một phát hiện độc đáo và đầy sáng tạo của tác giả. Nó không chỉ giúp người đọc hình dung về hiện thực chiến trường mà còn làm nổi bật lên vẻ đẹp của những người chiến sĩ lái xe.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật đã khắc họa được một hình ảnh độc đáo: “*Những chiếc xe không kính*”. Đây là một hình ảnh tả thực và là phong nền làm nổi bật lên hình ảnh những chiến sĩ lái xe quả cảm, tinh nghịch, coi thường hiểm nguy.

Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ đều được “*mĩ lệ hóa*”, “*lãng mạn hóa*” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Nhưng Phạm Tiến Duật đã chọn hình ảnh này để làm chất liệu trong bài thơ của mình. Những chiếc xe không kính của Phạm Tiến Duật là một hình ảnh thực, là những chiếc xe vận tải chở hàng hoá, đạn dược ra mặt trận bị máy bay Mỹ bắn phá, kính xe vỡ hết. Hình ảnh này vốn không hiếm gì trong chiến tranh. Nó giúp phơi bày hiện thực đến trần trụi của chiến trường. Bom đạn không chỉ làm vỡ kính xe, bom đạn còn làm cho những chiếc xe biến dạng: không có đèn, không có mui thùng xe có xước. Những chiếc xe không kính đã được Phạm Tiến Duật phát hiện và sáng tạo thành hình tượng thơ độc đáo của thời chống Mỹ. Tác giả đã phát hiện chất thơ trên nền hiện thực khốc liệt vốn có của chiến tranh. Chất thơ ấy toát lên từ chính những người lính, chủ nhân của những chiếc xe, những chàng trai lãng mạn, vui tươi, ngang tàn và luôn lạc quan.

“*Những chiếc xe không kính*” không chỉ cho ta thấy hiện thực dữ dội về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua. Mà qua đây, ta còn thấy được hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch của tác giả Phạm Tiến Duật.

3. VẤN ĐỀ 3: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ



Hình tượng người lính được hiện lên trong bài thơ qua bốn phương diện sau:

Tư thế ung dung

- Những chiếc xe không kính là phong nền cho hình ảnh những người lính lái xe.
- Đối mặt với hiện thực bằng một thái độ ung dung, chủ động, không chút lo âu, hốt hoảng.
- Thiên nhiên như ủa vào buồng lái xoa dịu khó khăn, vất vả của người chiến sĩ.
- Cái nhìn lãng mạn trước hiện thực khốc liệt.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính là một trong những bài thơ tiêu biểu của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Bài thơ đã dựng lên bức tượng đài sừng sững về người chiến sĩ lái xe - những con người sôi nổi, trẻ trung, anh dũng - hiện thân của một thế hệ anh hùng.

Hình ảnh những người lính hiện lên gắn liền với hình những chiếc xe không kính: "*Không có kính không phải vì xe không có kính - Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi*". Những chiếc xe không kính chính là phong nền đầy chân thực về hiện thực chiến trường cho hình ảnh những người lính lái xe hiện lên nổi bật và rõ nét. Họ luôn ở tư thế ung dung, hiên ngang, oai hùng mặc dù trải qua muôn vàn thiếu thốn, gian khổ: "*ung dung, nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*". Có thực sự ung dung nhìn đất, nhìn trời không chút lo âu hốt hoảng trước bom đạn cận kề thì anh chiến sĩ trẻ của chúng ta mới có thể nhìn và thấy đến đủ đầy như thế. Anh từ nhìn thấy gió, nhìn thấy con đường

Dáng vẻ ngang tàn

- Đối mặt với khó khăn gian khổ bằng thái độ hài hước, hóm hỉnh.
- Vượt lên trên khó khăn gian khổ bằng tiếng cười ngạo nghễ.

Tinh đồng chí

- Cái nắm tay đặc biệt của những người lính.
- Cùng chia sẻ cuộc sống khó khăn gian khổ nơi chiến trường.
- Chung lý tưởng chiến đấu và giải phóng miền Nam.

Tinh thần lạc quan

- Bất chấp mọi hiểm nguy luôn tiến về phía trước.
- Có niềm tin vững chắc vào chiến thắng.
- Trái tim tràn đầy nhiệt huyết, yêu đời, yêu cuộc sống.

đến nhìn thấy cả sao trời và cánh chim... từ buồng lái đã vỡ hết kính chắn gió, gió vào xoa mắt đắng. Làn gió đã ùa vào như thể làm giảm đi vị đắng nơi khoe mát. Mắt đắng vì mắt đã thức nhiều đêm để lái xe liên tục từ đêm này sang đêm khác. Tất cả thế giới bên ngoài ấy đã ùa vào buồng lái của anh với tốc độ làm chóng mặt. Con đường cũng vì thế như chạy ngược về phía người lái và trở thành "*con đường chạy thẳng vào tim*". Đó là cái nhìn đậm chất lãng mạn, chỉ có ở những con người can đảm, vượt lên trên những thử thách khốc liệt của cuộc sống chiến trường. Lối sử dụng điệp từ cùng với nhịp thơ dồn dập, giọng khỏe khoắn, tràn đầy niềm vui gợi đến nhịp tiếng bánh xe bon bon chạy trên đường dài và tâm thế vui tươi sẵn sàng đón nhận hiểm nguy của những người lính. Trong tư thế hiên ngang chủ động đó, người chiến sĩ lái xe còn hiện lên với dáng vẻ ngang tàn, tếu táo: "*Không có kính ừ thì có bụi/ Bụi phun tóc trắng như người già/ Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc/ Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*" Dường như, những khó khăn vất vả ở chiến trường không làm lung lay ý chí của những người lính. Họ vượt lên trên tất cả những khó khăn cực khổ đó bằng một tiếng cười ngạo nghễ. Qua đây ta thấy rõ tinh thần lạc quan, yêu đời và vui nhộn ở những con người trẻ tuổi này. Chính điều đó đã giúp họ vượt lên trên khó khăn thử thách. Nổi bật trong hình ảnh người chiến sĩ lái xe còn là tinh đồng đội thắm thiết, thiêng liêng. Đó là sợi dây vô hình nối kết mọi người trong hoàn cảnh hiểm nguy, cận kề cái chết: "*Những chiếc xe từ trong bom rơi... Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*". Dẫu cuộc sống nơi chiến trường từ cái ăn, cái ngủ đều có tính tạm bợ, nhiều gian khổ: "*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời/ Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*" nhưng tất cả họ cùng chung lý tưởng chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và tin tưởng vào tương lai tươi sáng.

Niềm tin ấy được truyền qua những cái bắt tay và tiếng cười làm lên sức mạnh phi thường cho những người lính.

Tuy bị bom đạn Mĩ làm cho biến dạng: *Không có kính, không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước* nhưng chiếc xe ấy vẫn chạy vì miền Nam phía trước, nghĩa là vẫn băng băng ra tiền tuyến. Tác giả đã lí giải về điều ấy thật bất ngờ mà cũng chí lí: *Chỉ cần trong xe có một trái tim*. Đó là trái tim nồng nàn yêu nước, sôi nổi yêu đời, một trái tim dũng cảm và trái tim của một niềm tin tất thắng của những người chiến sĩ lái xe.

Tóm lại, bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật đã thành công trong việc khắc hoạ hình tượng những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn đầy cam go thử thách, một lực lượng tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Cuộc kháng chiến chống Mĩ đã thành công hơn ba mươi năm qua nhưng hình tượng tiêu biểu của một thế hệ trẻ lạc quan yêu đời, hồn nhiên, coi thường thiếu thốn gian khổ, sôi nổi, đầy quyết tâm chiến đấu vì miền Nam ruột thịt ngày nào vẫn chưa mờ phai trong lòng mỗi người Việt Nam chúng ta...

4. CHẤT LIỆU HIỆN THỰC VÀ NGÔN NGỮ THƠ

Chất liệu hiện thực

Xe không kính
Người lính

Ngôn ngữ giọng điệu

Tự nhiên
Giàu tính khẩu ngữ

Chất liệu hiện thực trong bài thơ được tác giả khai thác với những hình ảnh, mới mẻ, độc đáo. Chất liệu hiện thực ấy được tác giả thể hiện bằng một ngôn ngữ thơ tự nhiên, giàu tính khẩu ngữ.

Chất liệu hiện thực của bài thơ được thể hiện trên một số phương diện sau:

- Hoàn cảnh: Cuộc kháng chiến chống Mỹ năm 1969.
- Hình ảnh những chiếc xe không kính trên những cung đường ở chiến trường.
- Hình ảnh người lính chân thực, không tô vẽ.
- Chất thơ chất lãng mạn toát lên từ tâm hồn những người lính.

Về Ngôn ngữ, giọng điệu bài thơ cần lưu ý một số đặc điểm sau:

- Từ ngữ được sử dụng như trong lời nói hằng ngày.
- Có nhiều câu như bê nguyên cả khẩu ngữ vào.
- Giọng thơ tự nhiên, bổ bã, đậm chất lính.

⇒ Cách khai thác hiện thực và sử dụng ngôn ngữ thơ đã tạo ra chất riêng, độc đáo cho bài thơ.

Một trong những thành công của *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* chính là ở cách tác giả khai thác chất liệu hiện thực về cuộc sống ở chiến trường. Đặc biệt là cách tác giả thể hiện chất liệu ấy bằng ngôn ngữ hết sức tự nhiên và giàu tính khẩu ngữ. Chính sự kết hợp hài hòa giữa chất liệu hiện thực và ngôn ngữ thơ ấy đã tạo lên thành công cho bài thơ.

Chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống chiến trường được tác giả khai thác ở đây chính là hoàn cảnh khốc liệt của cuộc chiến chống Mỹ cứu nước năm 1969. Nổi bật trong hiện thực ấy là hình ảnh chiếc xe trần trụi đúng như những chiếc xe ở chiến trường (*tiểu đội xe không kính, bom giật, bom rung, kính vỡ, không kính, không mui, không đèn,...*), không màu mè, tô vẽ. Và hình ảnh người lính được khắc họa trong bài thơ cũng là những con người ngang tàn, dũng mãnh, dí dỏm vui tươi như trong chính cuộc đời thực. Cuộc sống ở chiến trường của người lính cũng được tác giả miêu tả một cách chân thực không hề tô vẽ: *Mặt lấm cười ha ha / Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi / Bếp dựng giữa trời / Chung bát đĩa / Vỡng mắc chông chênh*. Nhưng trong hiện thực ấy, ta vẫn thấy toát lên chất thơ, chất lãng mạn ở chính tâm hồn, ý chí và niềm tin của những người lính.

Chất liệu hiện thực ấy được tác giả thể hiện bằng một ngôn ngữ, giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên. Từ ngữ dùng như cách nói thường: *Ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo, phì phèo châm điếu thuốc, chưa cần rửa, chưa cần thay...* Có những câu thơ như bê từ khẩu ngữ vào: *"Không có kính không phải vì xe không có kính - Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi"*. Giọng thơ tự nhiên, bổ bã rất lính: *Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc - Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*. Tất cả những điều đó tạo ra một chất riêng, dí dỏm, lạc quan cho *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.

Tóm lại, bằng việc khai thác chất liệu hiện thực độc đáo và sử dụng một ngôn ngữ thơ giàu tính khẩu ngữ, tác giả đã mang đến cho chúng ta một cách nhìn khác về những người lính ở chiến trường: Có gian khổ, có hi sinh nhưng hơn hết cả ý chí và niềm tin mạnh mẽ của họ vào tương lai phía trước.

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Huy Cận

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Huy Cận (1919-2005), tên đầy đủ là Cù Huy Cận, quê quán: Tỉnh Hà Tĩnh.
- Là nhà thơ nổi tiếng từ phong trào Thơ mới với tập thơ *Lửa thiêng* (1940).
- Là nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ hiện đại Việt Nam từ sau năm 1945:

- + Trước Cách mạng tháng Tám, thơ ông giàu chất triết lí, thấm thía bao nỗi buồn, tràn ngập cái sầu nhân thế.
- + Sau Cách mạng, thơ Huy Cận dạt dào niềm vui, là bài ca vui về cuộc đời, là bài thơ yêu thiên nhiên, con người và cuộc sống.

Tác phẩm

- Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958).
- Bài thơ là sự nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Cảm hứng chủ đạo
và tư tưởng

2

Khúc hát ra khơi

3

Khúc tráng ca
về lao động

4

Khúc ca khai hoàn

1. VẤN ĐỀ 1: CẢM HỨNG VÀ TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Cảm hứng của bài thơ: + Cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ + Cảm hứng về con người ⇒ Hai nguồn cảm hứng này thống nhất với nhau thông qua kết cấu và hệ thống thi ảnh của bài. - Tư tưởng tác giả gửi gắm: + Ngợi ca vẻ đẹp, sự giàu có của thiên nhiên, đất nước. + Ngợi ca khí thế lao động của con người trong thời kỳ mới. + Khát vọng làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước.	Bài thơ có hai nguồn cảm hứng lớn, song hành, hài hòa và trộn lẫn vào nhau. Đó là cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về con người lao động trong cuộc sống mới. Sự thống nhất của hai nguồn cảm hứng ấy được thể hiện qua kết cấu và hệ thống thi ảnh trong bài. Về kết cấu, thời gian của bài thơ là nhịp tuần hoàn của vũ trụ (từ lúc hoàng hôn đến lúc bình minh) cũng là thời gian hoạt động của đoàn thuyền đánh cá (từ lúc ra khơi đến khi trở về). Không gian của bài thơ là một không gian lớn lao, kỳ vĩ với trời, biển, trăng, sao, sóng, gió; cũng là không gian của cảnh lao động. Thông qua việc miêu tả cảnh lao động đánh cá của người ngư dân vùng biển Hạ Long, bài thơ ngợi ca vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, sự giàu có của biển khơi; ngợi ca khí thế lao động hăng say, yêu đời của người lao động mới đã được giải phóng, đang làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước.

2. VẤN ĐỀ 2: KHÚC HÁT RA KHƠI



Khung cảnh thiên nhiên

Điểm nhìn
Thời gian
Không gian
Nghệ thuật

Hình ảnh người dân chài

Khỏe khoắn
Đầy khí thế

Khúc ca khát vọng

Thiên nhiên thuận hòa
Lao động thắng lợi

Tám câu đầu của bài thơ đã tái hiện lại khung cảnh ra khơi của đoàn thuyền. Đây là khúc ca đầy cảm hứng của những người dân làng chài.

- Khung cảnh hoàng hôn - thời điểm đoàn thuyền đánh cá ra khơi.

+ Điểm nhìn của tác giả: Trên con thuyền đang ra khơi hướng về phía Tây, thấy mặt trời xuống biển.

+ Hình ảnh so sánh: *Mặt trời - như hòn lửa*.

+ Nhân hóa kết hợp + ẩn dụ: *Sóng đã cài then đêm sập cửa*.

- Hình ảnh người dân chài đầy hứng khởi trên phong nền thiên nhiên kỳ vĩ.

- Khúc hát khỏe khoắn về khát vọng của những người dân chài.

+ Thiên nhiên vũ trụ là phong nền cho con người.

Mở đầu bài thơ là cảnh đoàn thuyền ra khơi lúc hoàng hôn:

"Mặt trời xuống biển như hòn lửa

...

Câu hát căng buồm cùng gió khơi."

Bốn câu thơ có kết cấu gọn gàng, cân đối như một bài tứ tuyệt: Hai câu đầu tả cảnh, hai câu sau nói về con người. Cảnh và người tương như đối lập song lại hòa hợp, cảnh làm nền để cho hình ảnh con người nổi bật lên như tâm điểm của một bức tranh. Hai câu thơ đầu là khung cảnh hoàng hôn trên biển, cũng là thời điểm đoàn thuyền đánh cá ra khơi:

"Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then, đêm sập cửa".

"*Mặt trời xuống biển*", nhà thơ đã lấy điểm nhìn từ trên con thuyền đang ra khơi, giữa biển khơi nhìn về hướng Tây nơi bờ bãi. Mặt trời xuống biển nhưng dường như không tàn lụi, không tắt. Nó như hòn lửa - một quả cầu lửa - đỏ rực, khổng lồ chìm vào đáy nước đại dương. Biển cả bao la như nòng ấm hẳn lên. Phép tu từ so sánh: Mặt trời được ví với hòn lửa đem đến cho bức tranh hoàng hôn một vẻ đẹp rực rỡ,

+ Từ “*lại*” diễn tả nhịp điệu lao động không ngừng nghỉ.

+ Âm hưởng, nhịp điệu khỏe khoắn thể hiện khí thế lao động sôi nổi, hăng say.

+ Tiếng hát thể hiện khí thế và khát vọng của người dân làng chài.

⇒ Bức tranh về thiên nhiên kỳ vĩ và con người lao động khỏe khoắn, hăng say.

tráng lệ, và âm áp chứ không hiu hắt, ảm đạm như trong thơ cổ. Phép nhân hóa, ẩn dụ “*Sóng đã cài then đêm sập cửa*” giúp người đọc cảm nhận thiên nhiên, vũ trụ, biển cả như đi vào trạng thái tĩnh lặng, nghỉ ngơi, thư giãn. Vũ trụ giờ đây như một ngôi nhà khổng lồ. Những lượn sóng dài như chiếc then cài, còn màn đêm đang buông xuống là cánh cửa. Hình ảnh thơ cho thấy thiên nhiên, vũ trụ bao la mà gần gũi với con người - biển cả hay đó cũng chính là ngôi nhà thân thuộc của mỗi ngư dân.

Thiên nhiên vũ trụ là cái phong, cái nền cho con người xuất hiện:

“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi.”

Hình ảnh, nhạc điệu trong câu thơ diễn tả khí thế khỏe khoắn, phấn chấn của những người lao động: Khẩn trương làm việc bất kể ngày đêm. Đoàn thuyền lại ra khơi, tuần tự, nhịp nhàng như cái nhịp sóng không bao giờ ngừng nghỉ. Chữ “*lại*” trong câu thơ đã diễn tả điều đó. “*Câu hát căng buồm cùng gió khơi*” là hình ảnh ẩn dụ mang tính chất khoa trương.

Tiếng hát khỏe khoắn tiếp sức cho gió làm căng cánh buồm. Tiếng hát ấy, làm nổi bật khí thế hồ hởi của người lao động trong buổi xuất quân chinh phục biển cả... Tiếng hát ấy còn thể hiện niềm mong ước của người đánh cá: Mong ước một chuyến ra khơi đánh bắt được thật nhiều hải sản, nhiều cá tôm giữa sự giàu đẹp của biển khơi:

“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,

...Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”

Tám câu thơ đã vẽ lên trước mắt chúng ta một bức tranh lao động khỏe khoắn, vui tươi tràn ngập âm thanh và rực rỡ sắc màu.

3. VẤN ĐỀ 3: KHÚC TRÁNG CA VỀ LAO ĐỘNG

Con thuyền mang tầm vóc vũ trụ

1

Người lao động trong tư thế làm chủ

2

Thiên nhiên giàu có, hòa chung nhịp lao động với con người

3

Con người trong cuộc chạy đua với thời gian và thiên nhiên

4

Thiên nhiên hiện lên giàu có và tươi đẹp còn con người hài hòa với bức tranh thiên nhiên ấy với khí thế của những con người lao động thời kỳ mới, làm chủ cuộc đời, làm chủ biển trời quê hương.

- Hình ảnh con thuyền kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ, chinh phục tự nhiên.

- Hình ảnh người lao động ngang tầm với chiều kích của thiên nhiên vũ trụ trong tư thế làm chủ.

- Thiên nhiên hiện lên giàu có nhưng cũng không kém phần lãng mạn và thơ mộng qua những liên tưởng đầy thú vị của tác giả.

- Thiên nhiên như hòa chung nhịp lao động của con người, cùng con người lao động.

- Con người trong hành trình chạy đua với thời gian chinh phục thiên nhiên, nhưng hoạt động của con người và thiên nhiên vẫn rất nhịp nhàng, nhất quán.

Cảm hứng lãng mạn giúp nhà thơ phát hiện vẻ đẹp của cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển trong đêm trăng với niềm vui phơi phới, khỏe khoắn khi con người làm chủ cuộc đời, làm chủ biển trời quê hương.

Cảnh đoàn thuyền lướt sóng ra khơi, từng luồng cá bủa lưới vây giăng mang vẻ đẹp vừa hoành tráng, vừa thơ mộng:

"Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng"

... Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng".

Con thuyền vốn nhỏ bé trước biển trời bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ mang tầm vóc vũ trụ. Thuyền có gió làm bánh lái, có trăng làm cánh buồm, lướt giữa mây cao với biển bằng, giữa mây trời và sóng nước. Chủ nhân con thuyền - những người lao động cũng trở nên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế làm chủ. Hình ảnh con người đã hòa nhập với chiều kích rộng lớn của thiên nhiên vũ trụ. Không chỉ vậy, họ còn nổi bật ở vị trí trung tâm - ra tận khơi xa dò bụng biển, tìm luồng cá, dàn đan thế trận, bủa lưới vây giăng. Đoàn thuyền đánh cá băng băng lướt sóng, bủa vây điệp trùng. Công việc lao động trên biển

- Hình ảnh người dân chài hiện lên rần rỏi với thành quả lao động tuyệt vời.

⇒ Khúc tráng ca hào hùng nhưng cũng không kém phần lãng mạn ngợi ca sự giàu có của thiên nhiên và hơn hết là ngợi ca người lao động với khát vọng chinh phục thiên nhiên và tạo dựng cuộc sống của mình.

như là một cuộc chiến đấu chinh phục thiên nhiên. Người lao động làm việc với tất cả lòng dũng cảm, sự hăng say, trí tuệ nghề nghiệp, tâm hồn phơi phới. Bức tranh lao động được điểm tô bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo:

“Cá nhụ cá chim cùng cá đé

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.

Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe”

Thủ pháp liệt kê kết hợp với sự phối sắc tài tình qua việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc “*đen hồng, vàng chóe*”... đã tạo nên một bức tranh sơn mài nhiều màu sắc, ánh sáng, lung linh huyền ảo như trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên. Mỗi loài cá là một kiểu dáng, một màu sắc: “*Cá nhụ cá chim cùng cá đé/ Cá song lấp lánh đuốc đen hồng*” làm nên sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Như có một hội rước đuốc trong lòng biển đêm sâu thẳm. Mỗi khi: “*Cái đuôi em quẫy*”, trăng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên. Người xưa thường nói: “*Thi trung hữu họa*” nghĩa là trong thơ có hình có ảnh. Quả đúng như thế, mỗi loài cá ở đây là bức kí họa thần tình. Chúng đâu chỉ là sản phẩm vô tri được đánh bắt bởi bàn tay con người. Với họ - những người ngư dân này - cá là bạn, là “em”, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mĩ cho thi ca. Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh. Nhìn bầy cá bơi lội, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm:

“Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”

Bằng nghệ thuật ẩn dụ kết hợp nhân hóa, biển cả như một sinh thể sống động. Tiếng sóng vỗ dạt dào dâng cao hạ thấp là nhịp thở trong đêm của biển. Thế nhưng nhà thơ lại viết “*Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long*”. Thật ra là sóng biển đu đưa rì rào va đập vào mạn thuyền. Trăng, sao phản chiếu ánh sáng xuống

nước biển, mỗi khi sóng vỗ nhịp tường như có bàn tay của sao trời đang “lùa nước Hạ Long”. Đó là sự độc đáo, mới lạ trong sáng tạo nghệ thuật. Có thể nói, bằng tâm hồn hết sức tinh tế, tác giả đã cảm nhận được hơi thở của thiên nhiên, vũ trụ. Chính không khí say sưa xây dựng đất nước của những năm đầu khôi phục và phát triển kinh tế là cơ sở hiện thực của những hình ảnh lãng mạn trên. Bút pháp lãng mạn, trí tưởng tượng phong phú của tác giả đã sáng tạo nên những hình ảnh đẹp khiến công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên:

“Ta hát bài ca gọi cá vào

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao

Biển cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”

“Gõ thuyền” là công việc thực của người đánh cá, nhưng cái độc đáo ở đây là trăng trắng được nhân hóa, tham gia lao động cùng con người. Người dân chài hát bài ca gọi cá, bài ca về lòng biết ơn mẹ biển giàu có, nhân hậu.

Sao mờ, đêm tàn cũng là lúc người dân chài kéo lưới kịp trời sáng. Cảnh kéo lưới, bắt cá được miêu tả vừa chân thực, vừa đầy chất thơ với không khí khẩn trương, gấp gáp:

“Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng

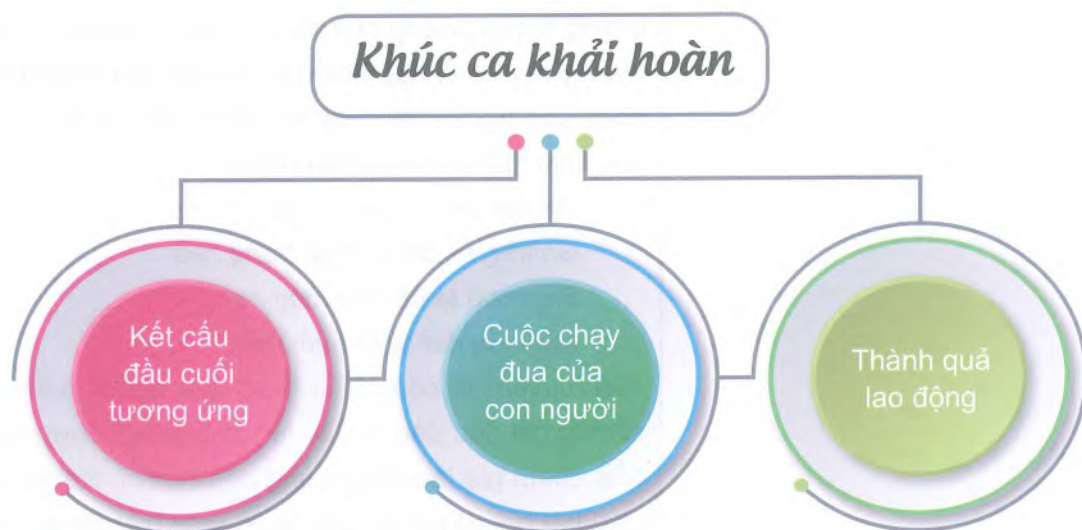
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.”

Có thể nói, cảnh lao động đánh cá trên biển như bức tranh sơn mài rực rỡ. Người kéo lưới là trung tâm của cảnh được khắc họa rất độc đáo với thân hình gân guốc, chắc khỏe cùng thành quả thu về “vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông”. Màu hồng của bình minh làm ấm sáng bức tranh lao động. Thiên nhiên và con người cùng nhịp nhàng trong sự vận hành của vũ trụ.

Tóm lại đoạn thơ trên là một khúc tráng ca hào hùng nhưng cũng không kém phần lãng mạn ngợi ca sự giàu có của thiên nhiên và hơn hết là ngợi ca người lao động với khát vọng chinh phục thiên nhiên và tạo dựng cuộc sống của mình.

4. VẤN ĐỀ 4: KHÚC CA KHẢI HOÀN



- Kết cấu đầu cuối tương ứng: Bắt đầu bằng tiếng hát và kết thúc cũng bằng tiếng hát.

⇒ Khúc ca khải hoàn đầy niềm vui

- Khúc ca khải hoàn:

+ Nhân hóa: “Đoàn thuyền - chạy đua” thể hiện tư thế chủ động chinh phục thiên nhiên vũ trụ.

+ Cuộc chạy đua giữa con thuyền và mặt trời.

+ Hình ảnh nhân hóa: mặt trời đội biển: Thời gian một ngày mới.

+ Mất cá huy hoàng: Thành quả lao động, một tương lai tươi sáng đang chờ đợi ở phía trước.

Bài thơ kết thúc bằng khung cảnh đoàn thuyền đánh cá thắng lợi trở về trong bình minh rực rỡ, tráng lệ.

Ngay từ khổ thơ đầu, hình ảnh người lao động đã song hành cùng tiếng hát. Khổ thơ cuối điệp lại cấu trúc của đoạn mở đầu bài thơ nhưng cảm xúc mạnh hơn. Nghĩa là nó giống như là điệp khúc của một khúc ca khải hoàn ngập tràn niềm vui chiến thắng giữa con người với thiên nhiên. Phép tu từ nhân hóa: “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời” cho thấy tư thế chủ động chinh phục biển trời, vũ trụ của người ngư dân. Đoạn thơ như dựng lên một cuộc đua tốc độ giữa con thuyền và mặt trời. Hai đối thủ này cách xa nhau bởi nó được nhắc đến ở đầu mút của bài thơ. Kết quả là con người chiến thắng nhờ vào tiếng hát

⇒ Khúc ca khái quát hoàn toàn với thành quả lao động rục rờ và niềm tin vào một tương lai tươi sáng ở phía trước của những con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời.

tâm hồn lao động hăng say, phơi phới, và tinh thần lạc quan làm chủ thiên nhiên, làm chủ số phận.

Điểm nhìn của tác giả ở khổ cuối là điểm nhìn linh hoạt, chính điểm nhìn này giúp tác giả hoàn thiện bức tranh hoành tráng về lao động. Hai câu trên “*câu hát.. mặt trời*” cái nhìn của tác giả là cái nhìn của một trọng tài đang nhìn đoàn thuyền, hướng về đoàn thuyền thấy đoàn thuyền lướt tới hối hả, căng tràn nhựa sống bởi tiếng hát ngập tràn. Nếu khổ thơ đầu, mặt trời xuống biển báo hiệu hoàng hôn thì ở khổ cuối lại là mặt trời đội biển - là ngày mới bắt đầu - ngày mới với thành quả lao động bội thu và niềm tin yêu phấn chấn. Câu thơ kết bài vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa khiến người đọc liên tưởng tới một tương lai tươi sáng, huy hoàng: “*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*”. Ngày mới bắt đầu - thành quả lao động trải dài muôn dặm phơi - một cuộc đời mới đang sinh sôi, phát triển... Tác giả sử dụng kết cấu đầu cuối tương ứng khi nhắc lại các hình ảnh thơ trên, một lần nữa ca ngợi thiên nhiên giàu đẹp, con người lao động khoẻ khoắn, lạc quan ở tư thế làm chủ, lao động ngày đêm làm giàu đẹp hơn cho cuộc sống, cho quê hương, đất nước.

Với hình thức thơ thất ngôn cổ điển cân đối và sang trọng, âm hưởng lãng mạn và hùng tráng, đoạn thơ đã mang đến cho khúc ca của mình cảm hứng ngợi ca thiên nhiên giàu đẹp đầy sức sống và bàn tay lao động kì diệu của con người.

ÁNH TRẮNG

Nguyễn Duy

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Nguyễn Duy, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948.
- Quê quán: Thanh Hóa.
- Là cây bút sôi nổi trong lớp nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ cứu nước và tiếp tục bền bỉ sáng tác.
- Năm 2007, được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

- Sáng tác vào năm 1978, tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Là tác phẩm được tặng giải A của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1984.
- Bố cục: 2 phần.
 - + Ba khổ đầu: Mối quan hệ giữa vàng trắng và con người trong quá khứ và hiện tại.
 - + Ba khổ sau: Tình huống bất ngờ gặp lại vàng trắng và sự kiểm điểm nghiêm khắc của tác giả.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nhan đề "Ánh trắng"

2

Mối quan hệ giữa vàng trắng và con người

3

Tình huống bất ngờ gặp lại ánh trắng và sự suy ngẫm của con người

4

Mối quan hệ giữa vàng trắng và con người

1. VẤN ĐỀ 1: NHAN ĐỀ “ÁNH TRẮNG”

Gợi kỉ niệm đẹp

Soi rọi lương tâm

Khơi gợi và kết nối
hình ảnh trung tâm là “trắng”

TRỌNG TÂM KIẾN THỨC	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Tính biểu tượng sâu sắc + Gợi kỉ niệm đẹp để, gắn bó với con người. + Ẩn dụ chỉ sự soi rọi vào lương tâm để từ đó mỗi người tự nhìn nhận, đánh giá về sự thiếu sót, vô tình của mình. - Khơi gợi và kết nối được hình ảnh trung tâm là trắng trong dòng hồi ức, cũng như đóng vai trò giữ mạch cảm xúc cho toàn bài. ⇒ Cô đúc, hàm ý, bao chứa được nội dung tư tưởng cũng như thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải tới độc giả.	Nhan đề “Ánh trắng” cô đúc, hàm ý, bao chứa được nội dung tư tưởng trong toàn bài thơ cũng như thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải tới độc giả. Đây là hình ảnh có tính biểu tượng rất rõ nét và sâu sắc, là hình ảnh để gợi nhắc về những kỉ niệm gian khổ mà tươi đẹp trong quá khứ, sự gắn bó giữa vàng trắng với con người. Bên cạnh đó, ta cũng cần tìm hiểu thêm rằng tại sao tác giả không đặt nhan đề là “vàng trắng” mà lại là “ánh trắng”? Nếu đặt là “vàng trắng” thì nó là một hình ảnh rất rõ ràng - được nhân cách hóa để trở thành một người bạn tri kỉ. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở việc giới thiệu hình ảnh vàng trắng là người bạn tri kỉ thôi thì chưa đủ. Phải là “ánh trắng” thì mới chạm tới được tầng sâu tư tưởng của tác giả muốn gửi gắm. “Ánh trắng” đó là thứ ánh sáng không chói lóa như ánh mặt trời, chỉ là ánh sáng dịu nhẹ, mờ ảo nhưng chiếu rọi vào lương tâm con người, ẩn dụ để nhắc nhở con người nhìn nhận và sửa chữa thiếu một cách từ tốn và đầy khoan dung. Hơn thế nữa, việc lấy “ánh trắng” làm nhan đề còn có tác dụng khơi gợi và kết nối được hình ảnh trung tâm là “trắng” dọc

suốt bài thơ; đồng thời đóng vai trò giữ mạch cảm xúc cho toàn tác phẩm.

Nhan đề “Ánh trăng” đáp ứng đúng tiêu chí của thơ ca: “lời ít ý nhiều”. Từ nhan đề cô đọng, ngắn gọn mà đặt ra biết bao câu hỏi, suy ngẫm đa dạng và phong phú cho độc giả. Như vậy, ta nhận thấy được giá trị của bài thơ đã được nhà thơ khẳng định và khơi gợi ngay từ nhan đề một cách tinh tế và thực sự sâu sắc.

2. VẤN ĐỀ 2. MỐI QUAN HỆ GIỮA VÀNG TRẮNG VÀ CON NGƯỜI

Mối quan hệ với con người trong quá khứ



- Trăng gần bó, đồng hành cùng con người trong những năm tháng gần bó:
 - + Hồi nhỏ...
 - + Hồi chiến tranh...
- Nghệ thuật:
 - + Điệp từ “hồi” gợi lại quá khứ.
 - + Liên từ “với” khiến cho kí ức hiện về liền mạch.
 - + Nhân hóa “vàng trăng thành tri kỉ” nhấn mạnh sự gần bó của vàng trăng với con người.



Mối quan hệ với con người ở hiện tại

- Trăng bị con người lãng quên.
- Nghệ thuật nhân hóa: vàng trăng “như người dưng qua đường” đã thể hiện sinh động mối quan hệ hiện tại của vàng trăng với con người. Đó là mối quan hệ xa lạ, không quen biết.

TRỌNG TÂM KIẾN THỨC	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Trăng với con người trong quá khứ <i>Hồi nhỏ sống với đồng với sông rồi với bể hồi chiến tranh ở rừng vàng trăng thành tri kỉ</i> <i>Trần trụi với thiên nhiên hồn nhiên như cây cỏ ngỡ không bao giờ quên cái vầng trăng tình nghĩa</i> - Vàng trăng gắn bó với con người: từ tuổi thơ hồn nhiên cho đến những năm tháng chiến tranh gian khổ. + Trăng gắn bó với quá khứ, là người bạn tri kỉ + Con người trân trọng, ý thức được sự nghĩa tình của trăng: “ngỡ không bao giờ quên/ cái vầng trăng tình nghĩa”. - Nghệ thuật: + Liên từ “với” ⇒ Diễn tả độc đáo kỉ niệm quá khứ tràn về. + Nhân hóa vầng trăng thành tri kỉ.	Hai khổ đầu là dòng hồi ức, tự sự lại của tác giả về mối quan hệ gắn bó giữa vầng trăng với con người. Nhớ lại ngày xưa, từ khi còn là một cậu bé gắn bó với đồng quê hương lúa, thả mình chan hòa với thiên nhiên: sống với đồng, với trăng, với bể... thì trăng đã là một người bạn tri kỉ song hành thuở thiếu thời. Ba hình ảnh: đồng, trăng, bể chỉ sự tăng cấp độ rộng lớn và bao la dần của tự nhiên. Nhà thơ đã sử dụng điệp từ tăng cấp: “với” và không viết hoa đầu dòng: <i>“Hồi nhỏ sống với đồng với sông rồi với bể”</i> như một sự liệt kê, dàn trải ra được những thứ gắn liền với bản thân mình hồi còn nhỏ. Đồng lúa, rồi đến sông, rồi đến bể mênh mang rộng lớn, quan trọng hơn là theo suốt quá trình lớn lên đó của nhà thơ luôn có sự có mặt của vầng trăng tri kỉ. Sau này, khi đi bộ đội gia nhập quân ngũ, tham gia chiến trường, vầng trăng vẫn tiếp tục làm người bạn đồng hành trong những năm tháng chiến tranh, vẫn vẹn nguyên sự tri kỉ như năm xưa: <i>“hồi chiến tranh ở rừng vàng trăng thành tri kỉ.”</i> Vầng trăng đã được nhân cách hóa để trở thành một tri kỉ. Tri kỉ là từ được dùng để chỉ những người bạn có sự gắn bó, đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu và chân thành dành cho nhau. Chính nhà thơ cũng cảm nhận được và thấy trân trọng, biết ơn sự gắn bó, “đồng cam cộng khổ” của vầng trăng tròn. Thật may mắn khi có được vầng trăng làm người bạn tri kỉ của cuộc đời!

2. Trăng và con người ở hiện tại

*“Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dưng qua đường”.*

Hai câu thơ tiếp theo:

*“Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ”*

cho thấy được sự trong trẻo của một tâm hồn trong sáng, ngây thơ. Lúc đó, tâm hồn còn trinh nguyên, chưa bị tác động bởi bất kỳ một yếu tố hoàn cảnh nào. Hai tính từ “trần trụi” và “hồn nhiên” được đảo lên đầu câu nhấn mạnh rõ được điều này. Con người khi ấy giản đơn chân thành, quý trọng tình nghĩa, vẫn cứ gắn bó và tri kỉ với những thứ đã và đang song hành với mình. Nhà thơ sẽ tưởng như chẳng bao giờ quên được người bạn đáng quý này:

*“ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa.”*

Tuy nhiên, việc sử dụng từ “ngỡ” ngay từ đầu câu đã dự báo và thông báo cho chúng ta một sự thật ở hiện tại, đối lập với quá khứ. Tưởng rằng sẽ không bao giờ như thế mà lại như thế. Vàng trắng khi xưa, vàng trắng với đồng, sông, bể; vàng trắng với thời kì gian khổ trong bom đạn chiến tranh nay đã bị gạt sang một bên, chìm vào sự quên lãng. Người bạn tri kỉ năm nao giờ thành một người xa lạ.

Như vậy ở hai khổ đầu này, nhà thơ Nguyễn Duy không những hồi tưởng lại kỉ niệm quá khứ cùng vàng trắng mà còn có cả sự dự báo về sự đổi thay của con người đối với vàng trắng.

Từ khi chuyển về thành phố thì thái độ và tình nghĩa của con người với người bạn tri kỉ năm xưa đã bị thay đổi theo hướng tiêu cực. Nó đã được nhà thơ Nguyễn Duy thừa nhận và tự sự lại:

- Hoàn cảnh để con người và vàng trắng trở nên xa cách: “từ hồi về thành phố/ quen ánh điện cửa gương”.

⇒ Hoàn ảnh khách quan tác động con người bùng tỉnh, suy ngẫm.

- Nghệ thuật: tiếp tục với biện pháp nhân hóa, coi trắng như “như người đứng qua đường” → diễn tả độc đáo, sinh động mối quan hệ hiện tại giữa con người với trắng.

*“Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người đứng qua đường”*

Ta nhận thấy một sự đối lập quá lớn, giữa nơi thành thị xa hoa lộng lẫy sáng trưng bởi ánh đèn, cửa gương trong những cửa hiệu nhà hàng và ánh đèn được thấp sáng từ những ô cửa, với hình ảnh làng quê nông thôn tịch mịch trong luồng ánh sáng yếu ớt, huyền ảo của vàng trắng tự nhiên. Con người ta nhanh chóng thích nghi và quen dần với môi trường sống ở thành thị, quen dần với “ánh điện, cửa gương” mà quên đi có những thứ đã gần bó và tồn tại cùng ta suốt một thời nghèo khó. Bảo rằng trắng mất đi, không còn tồn tại nữa là một nhẽ để cho ta quên lãng, bởi sự bận bịu, xô bồ của cuộc sống nhưng ở đây trắng vẫn đường hoàng tồn tại, xuất hiện thường xuyên “vàng trắng đi qua ngõ” nhưng nhà thơ lại vô tình, hững hờ, “như người đứng qua đường”. Một sự đối lập hiện lên rõ nét giữa thời bây giờ - hiện tại và khoảng thời gian quá khứ. Trước đó, thân thiết, gần bó, nghĩa tình, tri kỉ. Bây giờ - xa cách, lạnh lùng. Thủ pháp đối lập ý đã được sử dụng hiệu quả giữa khổ thơ thứ tư này với hai khổ đầu tiên để nhấn mạnh được sự vô cảm của con người.

3. VẤN ĐỀ 3. TÌNH HUỐNG BẤT NGỜ GẶP LẠI ÁNH TRẮNG VÀ SỰ SUY NGẪM CỦA CON NGƯỜI



Tình huống: mất điện
⇒ gặp lại ánh trăng.



Tâm trạng:
+ Ngạc nhiên.
+ Nhớ về kỉ niệm trong quá khứ.
+ “rưng rưng”



Tự suy ngẫm, kiểm điểm về sự vô tâm, ích kỉ của bản thân

1. Tình huống bất ngờ gặp lại ánh trăng

*“Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn – đỉnh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn”.*

- Tình huống gặp lại trăng: mất điện.
⇒ Tình thế bất ngờ, phù hợp cho sự xuất hiện của trăng.

Ngỡ tưởng như mọi việc cứ thế trôi đi, chìm dần vào quên lãng nếu như nhà thơ không rơi vào một hoàn cảnh bất ngờ: mất điện.

*“Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn - đỉnh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn”*

Đây là một tình thế bất ngờ và rất phù hợp cho sự xuất hiện của trăng. Cả thành phố bị chìm vào bóng tối. Những ánh đèn điện sáng rực lung linh nay đã bị tắt, phòng buyn - đỉnh (những tòa nhà cao tầng, hiện đại) tối om. Sống trong bóng tối, con người dường như bí bách và muốn thật nhanh hòa mình ra ngoài để hít thở khí trời tự nhiên. Hành động “vội bật tung cửa sổ” đã diễn tả rất đúng và chân thực sự bức bí, ngột ngạt, oi bức của con người, lúc này họ cần ngay sự “giải thoát” cứu nguy, cứu rỗi lại sự sáng khoái trong tâm hồn của họ. Đây cũng chính là hoàn cảnh để cho nhà thơ gặp lại người bạn cũ tri kỉ năm nao: “đột ngột vầng trăng tròn”. Con người thì thay đổi như thế nhưng vầng trăng dường như vẫn giữ nguyên những phẩm chất đẹp đẽ như xưa. Hình ảnh: “vầng trăng tròn” có một giá trị nghệ thuật nhân văn to lớn. Vầng trăng tròn là vầng trăng đẹp, tròn vành vạnh, cân đối. Dường như trăng không giống như con người - nhanh chóng quên

2. Sự suy ngẫm và kiểm điểm nghiêm khắc của con người trước vàng trắng

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng.”*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình”.*

- Trước tình huống bất ngờ, nhà thơ nhớ lại kỉ niệm quá khứ tươi đẹp với trăng với biết bao kỉ niệm ulla về.
 - Nghệ thuật nhân hóa “mặt nhìn mặt”, “trăng cứ tròn vành vạnh”, “im phăng phắc”.
- ⇒ Nhân cách hóa vàng trắng, sự đối mặt trực diện khiến cho nhà thơ buộc phải suy ngẫm, kiểm điểm lại chính bản thân mình.

lãng những thứ từng tồn tại, gắn bó. Hình ảnh trăng tròn hay là sự vẹn nguyên về phẩm chất và tình cảm dành cho con người, không hề nhạt phai với con người. Xưa thế nào thì nay vẫn như thế: chung thủy, vẹn tình! Vàng trắng tri kỉ gắn bó đến mức chỉ cần nhìn vàng trắng là nguyên một mảng kí ức đều ulla về.

Nhà thơ bật tung cửa sổ, ngửa mặt lên hít khí trời dịu mát bắt gặp “trăng”. Hai “người” đối diện với nhau, nhìn nhau sau khoảng thời gian đã lâu không gặp. Câu thơ “ngửa mặt lên nhìn mặt” được nhà thơ sử dụng thật đắc địa. Là mặt nhìn “mặt” chứ không phải là mặt nhìn ánh trăng hay vàng trắng. Nghệ thuật nhân hóa để nhân cách hóa trăng là một con người thực thụ, có tâm hồn và tình cảm hẳn hoi, trong một tư thế ngang hàng đối chất với con người. Tính từ “rưng rưng” đã nói được lên cảm xúc thái độ của nhà thơ lúc này. Ban đầu đột ngột gặp người bạn tri kỉ năm xưa, nhà thơ như hơi ngạc nhiên sau đó là rưng rưng, tự trào lại những kỉ niệm, những hình ảnh quen thuộc thân thương để rồi xúc động, vẫn cảm nhận được sự gắn bó tự thưở xưa:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng.”*

Đây là lời tâm sự, suy ngẫm của con người về thái độ, cách ứng xử đối với vàng trắng nói riêng và cách đối nhân xử thế trong cuộc sống nói chung. Một lần nữa hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh” cho thấy được tình cảm trước sau như một của vàng trắng. Trước sự thay đổi tiêu cực của con người, dường như vàng trắng không hề oán trách. Vàng trắng bao dung, độ lượng bỏ qua mọi điều sơ suất

đáng trách của con người. Con người tự nhận ra mình sai, mình vô tâm vô tình.

Chi tiết “ánh trăng im phăng phắc” là ánh trăng không oán trách, không giận dữ con người hay ánh trăng đang giận hờn và kiểm điểm nghiêm khắc con người? Đối diện trước trăng, con người giật mình là thổn thức nỗi lòng và đưa ra suy ngẫm về cách sống của chính mình trong cuộc sống.

Sự vô tâm vô tình của con người chưa chắc đã phải là do cố ý, có khi chỉ là sự vô tình, bởi sự tác động của thời buổi xã hội nhưng qua hoàn cảnh đặc biệt gặp lại ánh trăng, nhà thơ đã gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về sự vô tâm, quên lãng quá khứ của con người. Dù cố ý hay vô ý, con người vẫn thật đáng trách! Qua đó chúng ta thấy được việc trở thành một kẻ bội bạc, vô tình đôi khi rất dễ dàng. Muốn không rơi vào cạm bẫy đó thì cần phải luôn tỉnh táo, luôn tâm niệm về một thái độ và lối sống tích cực, tình nghĩa.

4. VẤN ĐỀ 4. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Hình ảnh ánh trăng giàu tính tượng trưng

Dòng tự sự chân thực đi theo mạch cảm xúc tuyến tính

Giọng thơ chậm rãi, đầy tâm sự

Hình thức câu thơ, khổ thơ đặc biệt

- Hình ảnh ánh trăng giàu tính tượng trưng, biểu cảm
- Dòng tự sự chân thực đi theo mạch cảm xúc tuyến tính: quá khứ đến hiện tại.
- Giọng điệu trầm, chậm rãi, chứa đựng tâm tư, nỗi lòng của tác giả, giải bày.
- Thơ 5 chữ, chỉ có từ đầu khổ viết hoa, còn lại xuống dòng không viết hoa
→ sự liền mạch, dòng chảy của câu chuyện đầy sự trăn trở.

Góp phần làm nên thành công của bài thơ, không thể không nói đến đặc sắc nghệ thuật có trong bài.

Đầu tiên phải nói đến hình ảnh của vầng trăng, ánh trăng xuyên suốt mạch bài thơ, mang tính biểu tượng, khơi gợi nhiều giá trị bài học nhân văn sâu sắc. Thể thơ năm chữ ngắt nhịp nhanh, nhưng lại kết hợp với giọng điệu trầm, chậm rãi chứa đựng những tâm tư và giải bày.

Thể thơ năm chữ, chỉ có chữ đầu tiên ở đầu mỗi khổ viết hoa, còn lại mỗi câu thơ được ngắt xuống dòng nhưng không viết hoa đã tạo sự liền mạch cho bài thơ, tái hiện lại như một câu chuyện nhỏ với nỗi suy tư trăn trở triền miên. Mạch cảm xúc xuôi theo dòng tự sự với thời gian kể lại hợp lí: nhớ lại về quá khứ rồi quay ngược trở về hiện tại khiến cho bài thơ thật chân thực và lôi cuốn độc giả.

LÀNG

Kim Lân

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Kim Lân (1920 – 2007), tên khai sinh Nguyễn Văn Tài.
- Quê quán: Từ Sơn – Bắc Ninh.
- Bắt đầu sáng tác từ Cách mạng chống Pháp.
- Sở trường: cây bút truyện ngắn.
- Đề tài: am hiểu, gắn bó với cuộc sống ở nông thôn nên hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và con người làng quê.
- Năm 2001, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

- Hoàn cảnh sáng tác: được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1948.
- Văn bản truyện đang học trong SGK đã được bỏ lược phần đầu (giới thiệu vì sao ông phải đi tản cư và cái tính thích khoe làng của ông).

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nhan đề và tình huống truyện

2

Diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai

3

Ý nghĩa hình tượng nhân vật ông Hai

4

Đặc sắc nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1: NHAN ĐỀ VÀ TÌNH HUỐNG TRUYỆN



Nguồn ảnh: Internet

TRỌNG TÂM KIẾN THỨC	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Nhan đề - “Làng” là danh từ chung để chỉ đơn vị cư trú của người dân, thường là nơi sinh ra và lớn lên của mỗi người. ⇒ Hướng đến chủ đề về tình yêu làng quê, đất nước. - Nhan đề ngắn gọn, cô hàm được tình yêu làng của nhân vật ông Hai. - Gọi danh từ chung là “làng” đặt làm nhan đề chứ không gọi tên cụ thể là làng Chợ Dầu. ⇒ Bao quát được đối tượng yêu làng quê, đất nước không chỉ ở nhân vật ông Hai mà còn để nói chung cho tất cả mọi người dân ở làng quê Việt Nam nói chung. ⇒ Thể hiện được sự chất lọc, tinh tế trong việc đặt nhan đề của tác giả.	Nhan đề có vai trò quan trọng trong việc gọi và chuyển tải nội dung tư tưởng của tác phẩm. “Làng” là danh từ chung để chỉ đơn vị cư trú của người dân, thường gắn với sinh ra và lớn lên của mỗi người. Nói đến làng là người ta thường hướng chúng ta đến chủ đề về tình yêu làng quê và đất nước. Qua đó, bộc lộ tấm lòng, tình yêu làng quê, mở rộng ra là lòng yêu quê hương đất nước sâu nặng của nhân vật ông Hai. Một câu hỏi đặt ra rằng tại sao nhà văn Kim Lân lại không đặt nhan đề cụ thể là làng Chợ Dầu mà lại gọi chung là “Làng”. Điều này có ý nghĩa bao quát được đối tượng yêu quê hương bản xứ, lòng tự tôn dân tộc không chỉ có ở nhân vật ông Hai mà còn có trong trái tim

2. Tình huống truyện

- Là hoàn cảnh bất thường, có vấn đề mà qua đó nhân vật bộc lộ được tính cách và phẩm chất của mình một cách rõ nét và khách quan nhất.

- Tình huống trong truyện ngắn *Làng*: Ông Hai một người yêu làng tha thiết nay phải đi tản cư và nghe được tin làng Chợ Dầu của mình theo Tây.

⇒ Nhận xét: Tình huống gay cấn thể hiện được sự giằng xé nội tâm, từ đó bộc lộ rõ phẩm chất, tấm lòng.

của tất cả mọi người dân ở làng quê Việt Nam. Như vậy, ngay từ nhan đề đã thể hiện được sự chất lọc, tinh tế của tác giả.

Tình huống truyện là hoàn cảnh bất thường, có vấn đề mà thông qua đó nhân vật bộc lộ được tính cách và phẩm chất của mình một cách rõ nét và khách quan nhất. Tình huống truyện trong “Làng” đó là nói về nhân vật ông Hai – một người yêu làng đến tha thiết, nay phải đi tản cư và nghe được tin làng mình theo Tây. Đây là một tình huống gây sốc với nhân vật và gay cấn đối với độc giả, thể hiện được sự giằng xé nội tâm. Từ đó, bộc lộ một cách chân thực phẩm chất và tấm lòng của nhân vật ông Hai.

2. VẤN ĐỀ 2: DIỄN BIẾN TÂM TRẠNG NHÂN VẬT ÔNG HAI

- Nhớ về làng với nhiều kỉ niệm.
- Tự hào, hãnh diện, hay khoe làng.
- Tình yêu làng hòa nhập với tình yêu đất nước.

Trước khi nghe tin

- Sững sờ, đau lòng, xấu hổ, nhục nhã vô cùng.
- Tin tưởng, kiên định, trung thành với Cách mạng; đặt tình yêu nước lên trên tình yêu làng.

Khi nghe tin

- Vui sướng, hạnh phúc, nhanh chóng đi đình chính tin đồn làng theo giặc.
- Tiếp tục khoe về làng mình...

Sau khi tin được cải chính

1. Trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc

- Ở nơi tản cư, ông luôn nhớ về những kỉ niệm với làng và với anh em lao động; khoe về cái làng Chợ Dầu, về tinh thần đấu tranh bất khuất chống giặc với mọi người: “Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá!”.

- Vui vẻ, náo nức mỗi khi nói về làng mình.

- Tình yêu làng hoà nhập với tình yêu nước (đón đọc, nghe những tin tức kháng chiến, vui mừng khi nghe được tin tốt lành...).

⇒ Là công dân đặc biệt, luôn hướng lòng mình về nơi làng quê nguồn cội. Đặc biệt hơn, tình cảm đó trở nên lớn lao hơn khi hòa nhập với tình yêu nước, ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến.

Ông Hai là nhân vật chính của truyện ngắn. Có lẽ đối với người nông dân thì sự tình yêu, lòng tự hào với làng quê, đất nước luôn là một thứ tình cảm thiêng liêng và cũng chân thực gần gũi nhất. Nhân vật ông Hai cũng vậy, ông có một sở thích, một niềm yêu làng đặc biệt. Điều này càng được thể hiện sâu sắc nhất ở diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trước và sau khi nghe tin làng Chợ Dầu Việt gian theo giặc.

Đầu tiên là trước khi nghe tin làng Chợ Dầu Việt gian theo giặc. Ở nơi tản cư, ông lão luôn nhớ về hình ảnh làng: “Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá!”. Ông khoe với mọi người về tinh thần đấu tranh bất khuất chống giặc của người dân làng Chợ Dầu, rồi nhớ lại về những kỉ niệm cùng với anh em lao động: “cũng hát hò, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày”. Đang gương mặt ỉu xiu, cau gắt nhưng chỉ cần nói về làng là ông lão lại vui vẻ, náo nức hẳn lên như một đứa trẻ. Đặc biệt hơn, tình yêu làng của ông lão không tách bạch mà được hòa nhập với tình yêu nước, tình yêu dân tộc. Chả thế mà hàng ngày ông đều đi xuống nhà văn hóa xã để đón đọc, đón nghe những tin tức về kháng chiến, vui mừng khi nghe được những tin tức tốt lành từ bộ đội ta: “một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm để cắm quốc kì lên Tháp Rùa; đội du kích nữ Trưng Trắc giả làm người đi mua hàng bắt sống một tên hai bớt Thao ngay giữa chợ...”

Ông lấy làm đắc chí và tự hào về những việc đó lắm. Ông là một công dân đặc biệt, luôn hướng về làng quê nguồn cội nơi mình sinh ra và gắn bó. Đặc biệt hơn, tình cảm đó trở nên lớn lao hơn khi hòa nhập với tình yêu nước, ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Ở nhân vật ông Hai, tình cảm yêu làng và yêu nước luôn được song song gắn kết với nhau.

2. Khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc

- Sững sờ, đau lòng, xấu hổ, không dám gặp ai và nhìn ai.

+ “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân.

Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”.

- Nơm nớp, nhục nhã khi nghe có người nói về việc làng mình Việt gian theo giặc, “cúi gằm mặt xuống mà đi”.

- Nhìn lũ con mà đau đớn, xót xa thay cho chúng khi là trẻ con làng Việt gian.

- Quyết định tư tưởng cuối cùng: chọn nước, kiên trung một lòng với Cách mạng:

+ “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”.

+ “Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ”.

=> Hiểu biết, lí trí, đặt sự ưu tiên, lợi ích của một dân tộc lên trên lòng yêu làng (mang tính cá nhân). Tình yêu nước và yêu làng hòa nhập, gắn kết làm một nhưng được phân chia rạch ròi không mù quáng, không bị trôi theo tình yêu vị kỉ riêng mình. Thật đáng trân trọng.

Khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, ông Hai triển miên theo dòng tâm trạng. Đầu tiên là sững sờ sau đó là cảm giác đau lòng và xấu hổ không dám nhìn mặt ai: “cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được”. Ông lão cảm thấy nhục nhã khi có người nói về việc làng dân làng Chợ Dầu Việt gian theo giặc, “cúi gằm mặt xuống mà đi”. Ông nhìn đứa con mà đau đớn xót xa thay khi chúng là trẻ con làng Việt gian: “Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?”, rùng mình nghĩ đến cảnh tuyệt đường sinh sống, bị người khác coi rẻ. Thường những gì ta dành trọn yêu thương và niềm tin nhiều nhất thì ta cũng sẽ đau khổ vì thứ đó nhất nếu như nó đi ngược lại với mong đợi và kì vọng. Sâu thẳm trong trái tim ông, làng luôn là một điều thiêng liêng, là niềm tự hào kiêu hãnh của ông với bà con xứ khác; nói về làng như một thú vui để khơi niềm vui sống, để quên đi nhọc nhằn, vất vả, cau có hàng ngày đến nỗi mỗi khi nhắc đến làng lại thấy “mình như trẻ ra”. Những gì ông nghe được hoặc là sự thật hoặc chỉ là tin đồn nhưng cũng khiến cho ông lão sững sờ và không thể tin nổi, xen ngay vào đó là cảm giác đau nhói ê chề. Trong dòng tâm trạng cảm xúc đó, ông đã xác lập được cho mình tư tưởng và lựa chọn cho riêng mình: chọn và kiên trung một lòng với cách mạng. Điều đã được khẳng định rất rõ qua những câu độc thoại nội tâm của nhân vật: “Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ” và “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”. Hai tình yêu nước, yêu làng hòa nhập làm một nhưng được phân chia rạch ròi không mù quáng, không bị trôi theo tình yêu vị kỉ riêng mình. Qua đó chúng ta có thể thấy được ông Hai là một người hiểu biết, lí trí, biết đặt sự ưu tiên, lợi ích của một cộng đồng, một dân tộc lên trên lợi ích cá nhân.

3. Sau khi được nghe tin làng Việt gian theo giặc được cải chính

- Vui sướng, hạnh phúc, nhanh chóng đính chính lại thông tin.
- Lại yêu làng, khoe làng, ủng hộ và trung thành với cách mạng.

⇒ Nhận xét:

- + Diễn biến nội tâm giằng xé, đấu tranh dữ dội trong hoàn cảnh trước và sau khi làng Việt gian theo giặc.
- + Phẩm chất đặc biệt: tình yêu làng hòa nhập với tình yêu dân tộc, kiên trung một lòng với cách mạng.
- + Nghệ thuật miêu tả nội tâm được sử dụng sắc nét và thành công.

Ông rất vui sướng và hạnh phúc khi nghe được tin làng Chợ Dầu Việt gian theo giặc được cải chính, rằng đó chỉ là tin vịt được đồn thổi: “Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên,... cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy,...”. Ông vui sướng, hạnh phúc, reo vui như một đứa trẻ; mua quà chia cho các con và đính chính với mọi người về tin “sai sự mục đích”: “Ra láo hết! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!”. Sau đó, ông lão lại vẫn yêu làng, vẫn khoe làng với một niềm tự hào lớn lao và vẫn một lòng trung thành với cách mạng. Ta thấy được diễn biến nội tâm giằng xé, đấu tranh dữ dội trong hoàn cảnh nghe tin làng Chợ Dầu Việt gian theo giặc đã bộc lộ rõ được phẩm chất đáng quý của nhân vật ông Hai: yêu làng đến tha thiết nhưng tình yêu làng không tách bạch mà hòa nhập với tình yêu dân tộc, với lòng kiên trung một lòng với cách mạng. Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật được sử dụng rất sắc sảo và thành công qua diễn biến tâm lí của nhân vật, khắc họa rõ hơn cho chúng ta thấy được về chân dung một công dân đặc biệt.

3. VẤN ĐỀ 3. Ý NGHĨA HÌNH TƯỢNG ÔNG HAI

Đại diện cho hình ảnh những người nông dân Việt Nam.



Đại diện cho sự chuyển biến tư tưởng của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Nhân vật ông Hai chính là đại diện cho hình ảnh những người nông dân Việt Nam thời kì kháng Pháp với những nét tính cách, phẩm chất đáng quý. Ông kiêu hãnh, yêu quý và tự hào về làng - nơi mình sinh ra và gắn bó. Đáng trân trọng hơn khi tình yêu ấy lại được hòa nhập với tình yêu dân tộc, với lòng trung thành với kháng chiến không tách rời. Ông biết đặt lợi ích chung của tập thể, của cả một dân tộc lên trên tình yêu mang tính chất cái "tôi", vị kỉ. Điều này làm cho tình yêu làng quê trở nên có giá trị và đáng quý hơn nhiều lần. Bởi một khi đã yêu làng, thì sẽ phải muốn giữ hình ảnh làng quê với những con người có phẩm chất tốt, giàu lòng tự trọng và không bị đánh mất mình bởi những tác động xã hội. Đặc biệt hơn cả, ông Hai chính là đại diện cho những chuyển biến tư tưởng tích cực, tiến bộ của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Họ ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp đấu tranh và giải phóng dân tộc. Và những nét tính cách phẩm chất tốt đẹp đáng quý đó đã được minh chứng rất thuyết phục thông qua tình huống gay cấn như chúng ta đã tìm hiểu.

4. VẤN ĐỀ 4. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

*Tình huống
truyện
gay cấn*

*Hiểu sâu sắc
người
nông dân*

*Khắc họa
nhân vật
đặc sắc*

*Sử dụng
ngôn ngữ
độc đáo*

- Tình huống truyện trớ trêu gay cấn, đầy thử thách để bộc lộ rõ bản chất nhân vật một cách thuyết phục.
- Am hiểu tâm lí và thế giới tâm hồn những người nông dân.
- Khắc họa nhân vật thông qua hành động cụ thể, đặc biệt là qua dòng diễn biến nội tâm nhân vật tinh tế và sâu sắc.
- Ngôn ngữ thể hiện rõ tính cách nhân vật với việc sử dụng khẩu ngữ.

Để làm nên thành công của tác phẩm truyện ngắn *Làng*, không thể không nói đến những đặc sắc nghệ thuật có mặt trong tác phẩm. Đầu tiên phải nói đến việc tác giả đã xây dựng một tình huống truyện đầy trớ trêu, gay cấn, đầy thử thách để cho nhân vật tự bộc lộ rõ bản chất một cách chân thực, tự nhiên và đầy thuyết phục nhất. Nhà văn Kim Lân đã rất am hiểu tâm lí và thế giới nội tâm của những người nông dân để từ đó có thể khắc họa nên hình tượng nhân vật ông Hai rất chân thực. Nhân vật ông Hai được khắc họa thành công thông qua hành động cụ thể “khoe làng”, đặc biệt là qua dòng diễn biến nội tâm giằng xé, đấu tranh của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu Việt gian theo giặc. Cùng với đó là giọng văn linh hoạt, khi thì tươi vui (khi kể về làng,...), khi thì chất chứa nỗi niềm day dứt (tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây). Việc sử dụng ngôn từ mang tính khẩu ngữ cũng góp phần thể hiện được nét tính cách của nhân vật và làm nên sự độc đáo, riêng biệt cho tác phẩm.

TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ

Nguyễn Đình Thi

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

Nguyễn Đình Thi

- (1924 - 2003), quê ở Hà Nội.
- Là thành viên của tổ chức Văn hóa cứu quốc do Đảng Cộng sản thành lập từ năm 1943. Hoạt động văn nghệ của ông khá đa dạng: làm thơ, viết văn, soạn kịch, sáng tác nhạc, viết lí luận phê bình,...
- Năm 1996, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Tiếng nói của văn nghệ

- Thể loại: Lí luận phê bình văn học.
- Thời gian và hoàn cảnh sáng tác: được viết vào năm 1948 – thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Xuất xứ: in trong cuốn *Mấy vấn đề văn học* (1956).

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nội dung của văn nghệ

2

Sức mạnh kì diệu của văn nghệ

3

Sự kết nối bền chặt giữa văn nghệ với đời sống con người

4

Đặc sắc nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1: NỘI DUNG CỦA VĂN NGHỆ



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	DÀN BÀI THAM KHẢO
- Phản ánh hiện thực khách quan một cách sáng tạo: + Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. + Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi <i>“mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ”</i>. - Đồng thời thể hiện được suy nghĩ, tấm lòng của người nghệ sĩ thông qua tác phẩm nghệ thuật đó. ⇒ Nội dung văn nghệ: phản ánh có sáng tạo và thể hiện, truyền tải suy nghĩ, quan điểm cá nhân khiến cho văn nghệ không bị xa rời thực tế đời sống.	Ta bàn đến vấn đề thứ nhất, nội dung của văn nghệ là gì? Thực chất, văn nghệ (ở đây là văn học) phản ánh chính hiện thực khách quan xung quanh chúng ta, diễn ra hàng ngày hàng giờ trong đời sống. Nhưng không phải văn học bê y nguyên hiện thực đó vào mà có cả sự pha trộn, sự sáng tạo dựa trên cách nhìn, cách cảm nhận riêng của người nghệ sĩ, đem lại sự mới mẻ cho sự phản ánh: <i>“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ”</i>. Nhà thơ Nguyễn Du tả cảnh mùa xuân không chỉ đơn thuần cho ta biết cảnh mùa xuân ra sao thôi mà còn muốn mang mùa xuân ấy đến cho độc giả một cái nhìn độc đáo bằng những nét chấm phá hình ảnh và màu sắc: <i>Cỏ non xanh tận chân trời</i> <i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.</i> Mùa xuân ấy đẹp lạ lùng, có sức tái sinh kì diệu. Đồng thời qua sự phản ánh đó, nhà thơ còn gửi gắm được suy nghĩ, tấm lòng, thiện chí của mình. Cảnh mùa xuân được hiện lên qua sự miêu tả của tác giả khiến cho ta thấy yêu đời, yêu người, tâm hồn trong trẻo hơn. Đó chính là mục tiêu, ý nghĩa mà Nguyễn Du muốn mang đến với chúng ta.

2. VẤN ĐỀ 2: SỨC MẠNH KỈ DIỆU CỦA VĂN NGHỆ

1

Truyền tải tư tưởng, tri thức một cách khéo léo và cảm xúc

2

Khơi gợi và biến chuyển tâm hồn theo chiều hướng tích cực

- Truyền tải tư tưởng, tri thức không khan đến độc giả một cách khéo léo và cảm xúc.

+ Nghệ sĩ không đến mở một cuộc thảo luận “*lộ liễu và khô khan với chúng ta về một vấn đề khoa học hay triết học...*”

+ Và khác với cách đọc riêng bằng trí thức, lần đọc thứ hai chậm hơn, đòi hỏi nhiều cố gắng hơn, nhiều chỗ chúng ta dừng lại hơn. Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thào mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy”.

Ta bàn đến vấn đề thứ nhất, sức mạnh của văn nghệ là gì?

Văn nghệ có một sức mạnh kì diệu bởi nó có thể truyền tải những tư tưởng, tri thức không khan đến độc giả một cách khéo léo và đầy cảm xúc: “*Người nghệ sĩ không đến mở một cuộc thảo luận lộ liễu và khô khan với chúng ta về một vấn đề khoa học hay triết học...*” mà sẽ thông qua các sản phẩm văn nghệ của mình để mang đến những điều mà bạn quan tâm một cách gần gũi nhất.

Thay vì đọc và cố nhồi nhét bằng được để hiểu thế nào là giá trị nhân đạo dưới dạng thức khái niệm thì văn nghệ lại có thể giúp chúng ta hiểu điều đó sinh động hơn thông qua những tác phẩm văn học. Đọc xong *Chuyện người con gái Nam Xương* ta sẽ thấm thía sâu sắc điều này hơn bao giờ hết. Sự yêu thương, trân trọng, ngợi ca những phẩm chất truyền thống tốt đẹp của Vũ Nương nói riêng và của phụ nữ Việt Nam nói chung, đó chính là giá trị nhân đạo. Rõ ràng thông qua tác phẩm văn học này, ta có thơ hình dung một cách chân thực và sinh động hơn về giá trị nhân đạo, hơn là chỉ nghe hoặc đọc một cách giáo điều. Thậm chí, ta còn thích thú “*nghe thì thào mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy...*” Sức mạnh tiếp theo có uy lực kỉ diệu đó là văn nghệ còn có khả năng khơi gợi cảm xúc,

- Khơi gợi và làm biến chuyển tâm hồn con người theo chiều hướng tích cực

biến chuyển tâm lí của con người theo hướng tích cực: “*Những người đàn bà nhà quê lam lũ ngày trước, suốt đời đầu tắt mặt tối, sống tối tăm, vậy mà biến đổi khác hẳn, khi họ ru con hay hát ghẹo nhau bằng một câu ca dao, khi họ chen nhau vào xem một buổi chèo*”. Họ có thể vui, buồn, cười, khóc, sống cùng với hoàn cảnh, tâm trạng của nhân vật. Ta thêm yêu quê hương, làng xóm, gia đình, người thân; tự hào với vẻ đẹp của quê hương đất nước thông qua những câu ca dao ca ngợi vẻ đẹp quê hương đất nước, ca dao tình nghĩa... Đọc những vắn thơ Kiều của Nguyễn Du, ta thấy thương xót, cảm thông cho một kiếp nữ hồng nhan bạc phận,... Hay đọc xong những vắn thơ thép của Hồ Chí Minh, ta thấy được ý thức, tinh thần trong việc đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc,...

⇒ Sức mạnh của văn nghệ có tác động trực tiếp, thiết thực trong việc tiếp thu, nhìn nhận đánh giá và hoàn thiện bản thân của mỗi người.

Như vậy, hai sức mạnh kì diệu của văn nghệ: truyền tải tư tưởng, tri thức khô khan một cách khéo léo và khơi gợi cảm xúc, làm biến chuyển tâm hồn con người theo hướng tích cực, có tác dụng tác động trực tiếp, thiết thực tới con người. Qua đó, chúng ta sẽ nhìn nhận và đánh giá con người, sự việc một cách nhân văn và ngày một hoàn thiện bản thân hơn.

3. VẤN ĐỀ 3:

SỰ KẾT NỐI BỀN CHẶT GIỮA VĂN NGHỆ VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI



Văn nghệ có mối quan hệ qua lại bền chặt, khăng khít với đời sống của con người.

Trong mối quan hệ giữa văn nghệ với người nghệ sĩ thì văn nghệ chính là nơi kết tinh và thể hiện được tâm hồn người nghệ sĩ. Nhờ có tác phẩm văn nghệ mà tâm tư, tình cảm, khát vọng của họ mới được truyền đi, chia sẻ và lan tỏa tới những người khác.

Trong mối quan hệ giữa văn nghệ với đời sống xã hội thì đời sống xã hội chính là nguyên liệu để cho văn học phản ánh, hay nói theo cách khác, văn nghệ có được tác phẩm là nhờ vào đời sống hiện thực xã hội, *"được bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người"*. Tại sao ta có những hình tượng nhân vật ông Hai trong *Làng* của Kim Lân; Phương Định, Nho, Thao trong *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê? Bởi đó là những nhân vật với những nét phẩm chất, tính cách có thật ở ngoài xã hội. Tác giả đã nhìn vào xã hội đương thời mà đánh giá rằng, có những người nông dân, người cha thương con hết mực và giàu lòng tự trọng như lão Hạc trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Có những cô gái dũng cảm, đáng yêu trong thời kì kháng chiến chống Mĩ để sáng tạo nên những nhân vật như Phương Định, Nho, Thao,... Rõ ràng những nhân vật đó không phải là do hoàn toàn tác giả phóng bút tưởng tượng ra mà là được "bắt rễ" ở những tác phẩm đó, ta thấy mọi thứ thật quen thuộc, chân thực và gần gũi biết nhường nào!

Bên cạnh đó, văn nghệ còn xây dựng đời sống tâm hồn cho con người. Nhờ có văn nghệ mà đời sống tâm hồn con người mới thực sự phong phú, giàu cảm xúc và tinh thần nhân đạo, nhân văn. Như việc đọc xong những câu ca dao về cảnh đẹp quê hương để thấy yêu thêm vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Đọc xong những câu hát than thân để cảm thương cho những người phụ nữ phong kiến. Biết sống hết mình, có

trách nhiệm sau khi đọc *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Thông qua văn nghệ mà con người mà con người được mở rộng khả năng nhìn nhận xã hội một cách nhiều chiều; biết tự đánh giá và hoàn thiện chính mình. Như vậy, ta nhận thấy được giữa văn nghệ và đời sống con người có một mối quan hệ bền chặt, khăng khít, tương hỗ làm nên sự vận động đi lên của xã hội.

4. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Bố cục

**Luận điểm,
Luận cứ**

Lối diễn đạt

Giọng văn

- Bố cục và hệ thống luận điểm rõ ràng với hệ thống lí lẽ, lập luận chặt chẽ, hợp lí, dẫn chứng hợp lí.

- Sự diễn đạt tự nhiên, độc đáo, giàu hình ảnh, giàu sự liên hệ móc nối, làm sáng rõ được nhận định đưa ra.

- Giọng văn nhiệt huyết, chân thành, sắc sảo, say mê, bộc lộ cảm xúc mạnh mẽ của người viết.

Tiểu luận *Tiếng nói của văn nghệ* có bố cục rõ ràng; hệ thống lí lẽ, lập luận chặt chẽ, hợp lí, dẫn chứng thuyết phục đúng với đặc trưng của thể loại lí luận phê bình văn học để đưa ra được quan điểm, đánh giá của tác giả về một số khía cạnh của văn nghệ. Bài viết có cách diễn đạt tự nhiên, độc đáo giàu hình ảnh, giàu sự liên hệ móc nối liên tưởng nhằm sáng rõ được nhận định đưa ra. Bên cạnh đó còn là sự am hiểu của tác giả về vấn đề nhận định cùng với giọng văn nhiệt huyết, sắc sảo; cảm xúc say mê mạnh mẽ của người viết.

LẶNG LẼ SA PA

Nguyễn Thành Long

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

Nguyễn Thành Long

- Nguyễn Thành Long (1925 – 1991), quê ở tỉnh Quảng Nam.
- Bắt đầu viết văn từ thời kháng chiến chống Pháp.
- Là cây bút chuyên viết về truyện ngắn và kí với đặc điểm chung và lối viết nhẹ nhàng chậm rãi và giàu chất thơ.

- Xuất xứ:

Được rút ra từ tập *Giữa trong xanh* (1972).

- Hoàn cảnh sáng tác: Sau lần tới thăm Lào Cai trong mùa hè năm 1970 - miền Bắc đang hăng say lao động sản xuất, vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa, vừa trở thành hậu phương vững chắc chi viện cho tiền tuyến miền Nam chống giặc Mỹ.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nhan đề
và tình huống truyện

2

Nhân vật
anh thanh niên

3

Các nhân vật khác

4

Đặc sắc nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1: NHAN ĐỀ VÀ TÌNH HUỐNG TRUYỆN



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Ý nghĩa nhan đề - Lặng lẽ: Thuộc từ loại tính từ, chỉ sự không lên tiếng, không có tiếng động, tiếng ồn. - Sa Pa: Địa danh, nơi mà nhân vật anh thanh niên hàng ngày làm việc. ⇒ Âm thầm, giản dị cống hiến sức trẻ của anh thanh niên cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. - Hiệu quả nhan đề Lặng lẽ Sa Pa. + Cô đọng, hàm súc, gợi sự tò mò. + Hơi thở trữ tình, lãng mạn, bình yên.	Nhan đề luôn là cái hồn, bao hàm ý đồ nội dung tư tưởng tác phẩm một cách cô đọng nhất và cũng đặc biệt nhất. Nhan đề <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> cũng không phải là ngoại lệ. Lặng lẽ thuộc từ loại tính từ chỉ sự không lên tiếng, không muốn cho người khác biết về mình mà nó từ tốn âm thầm. Sa Pa là địa danh – nơi công tác của nhân vật anh thanh niên. Lấy đặc điểm của con người ấy (cống hiến âm thầm không phô trương), gắn với nơi anh ta công tác để đặt làm nhan đề khiến cho nhan đề không bị lộ ý, người đọc sẽ được tò mò, phỏng đoán về nhân vật được tác giả đề cập hết sức bí ẩn. Hơn thế nữa, nhan đề này cũng mang lại hơi thở rất trữ tình, lãng mạn và bình yên. Không phải truyện ngắn nào cũng phải có tình huống truyện, có những tác phẩm chỉ xoay quanh cốt truyện hoặc thậm chí là truyện không có
2. Tình huống truyện - Khái niệm: Là lát cắt hoàn cảnh bất thường mà ở đó nhân vật có thể bộc lộ tính cách, phẩm chất cũng như chủ đề tư tưởng của tác giả muốn gửi gắm.	

- Nhận diện và mô tả tình huống truyện trong *Lặng lẽ Sa Pa*: Bác lái xe cho đoàn khách dừng 30 phút để tạm nghỉ, nhân tiện đó bác giới thiệu, bố trí cuộc gặp gỡ giữa anh thanh niên với bác họa sĩ và cô kĩ sư nông nghiệp. Qua cuộc trò chuyện giữa ba người để mở ra chân dung nhân vật anh thanh niên với những phẩm chất cao đẹp.

- Hiệu quả sử dụng: Giúp người đọc tiếp cận câu chuyện một cách nhẹ nhàng mà không kém phần sâu sắc.

cốt truyện. Không đóng vai trò bắt buộc nhưng tình huống truyện lại là yếu tố quan trọng cho thể loại truyện ngắn. Nó là một hoàn cảnh bất thường mà nhờ vào đó, nhân vật có thể bộc lộ được tính cách, phẩm chất cũng như phản ánh chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm.

Tình huống truyện trong *Lặng lẽ Sa Pa* không gay cấn như *Làng* (Kim Lân), không mâu thuẫn đỉnh điểm như *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ) mà nó đơn giản, tự nhiên và hết sức giản dị, đời thường. Đó là cuộc thiết kế gặp gỡ của bác lái xe dành cho các nhân vật trong lúc nghỉ xe giữa chặng với thời gian ngắn ngủi 30 phút. Ở đó đặc trưng phẩm chất của các nhân vật sẽ được hé lộ.

Tình huống truyện trên giúp độc giả thư thả mà lạc vào câu chuyện một cách nhẹ nhàng, trong trẻo nhưng lại không kém phần sâu lắng; thể hiện được đúng đặc trưng lối viết của Nguyễn Thành Long chậm rãi giàu chất thơ.

2. VẤN ĐỀ 2: NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN



1. Giới thiệu chung

- Tuổi, ngoại hình, dáng vẻ: Thanh niên hai bảy tuổi; quê Lào Cai; tầm vóc nhỏ bé, nét mặt rạng rỡ.

- Từng cùng với bố viết đơn xin đi lính nhưng kết quả là bố anh đi lính, còn anh thì không.

- Nghề nghiệp: Làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

+ Nhiệm vụ:

- Đo gió: Dùng máy Vin, nhìn các khoảng cách răng cưa mà đoán gió. Ban đêm, không nhìn máy, nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió.

- Đo mưa: Cái thùng đo mưa, mưa xong đổ nước ra cốc phân li mà đo.

- Đo nắng: Máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng.

- Đo chấn động địa cầu: Máy chuyên dụng nằm sâu dưới mặt đất.

+ Địa điểm và hoàn cảnh làm việc: Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, thời tiết giá lạnh quanh năm, *"bốn bề chỉ cây cỏ lạnh lẽo"*, thưa vắng và ít có điều kiện tiếp xúc với mọi người.

⇒ Công việc vì lợi ích chung, phục vụ sản xuất và chiến đấu; đòi hỏi tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ và có tinh thần trách nhiệm cao.

2. Những phẩm chất đáng quý của nhân vật anh thanh niên

Thông qua lời giới thiệu của bác lái xe, chúng ta có được những thông tin chung cơ bản nhất về nhân vật này. Anh thanh niên trẻ, 27 tuổi; tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ. Thú vị rằng, cả anh và bố từng cùng viết đơn xin đi lính nhưng kết quả là bố anh được đi lính, còn anh thì không - một nhân duyên để đưa anh đến với công việc hiện tại. Anh là cán bộ làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, thời tiết giá lạnh quanh năm, *"bốn bề chỉ cây cỏ lạnh lẽo, thưa vắng và thưa vắng người."* Nhiệm vụ của anh là *"đo gió, đo nắng, đo mưa, đo chấn động địa cầu"* - một công việc đòi hỏi sự kiên trì, cẩn thận chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao. Tác phẩm ra đời vào năm 1970 giữa lúc miền Bắc đang hăng say tích cực lao động kiến thiết đất nước, trở thành hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam. Trong hoàn cảnh đó, mỗi người dân miền Bắc đều ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc góp phần phục vụ mục tiêu chung thống nhất hai miền Nam Bắc. Anh thanh niên chính là một đại diện đẹp, tiêu biểu cho những con người như thế. Chọn và theo đuổi công việc khí tượng kiêm vật lí địa cầu vất vả, gian khổ, thậm chí là nhàm chán bởi tính chất lặp đi lặp lại trong một hoàn cảnh hết sức cô độc - một mình với một căn gác nhỏ trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Không phải ai cũng đủ can đảm và vượt qua được những khó khăn của công việc này. Đặc biệt là anh, một thanh niên còn rất trẻ, mới 27 tuổi, độc thân, thì có biết bao những thú vui bản thân và những rong ruổi của tuổi trẻ thì việc một mình cô độc, hạn chế giao tiếp trong hoàn cảnh công việc như thế, chúng ta phải ghi nhận đó là một sự can đảm và là một lựa chọn vì lợi ích chung của cả một đất nước.

Riêng với bản thân anh, nhận rõ được rằng công việc có vất vả, nhưng trên hết, đó là một trách

2.1. Một người lao động say mê, nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm cao:

- Chọn và theo đuổi công việc khí tượng kiêm vật lí địa cầu vất vả, gian khổ, thậm chí là nhàm chán bởi tính chất lặp đi lặp lại trong một hoàn cảnh hết sức cô độc - một mình với một căn gác nhỏ trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m nhưng vẫn lạc quan, yêu đời, hết mình với công việc.

+ Gửi kết quả về ốp một cách chính xác, đúng lịch.

- Nhận thấy công việc có vất vả nhưng lại là một trách nhiệm tự hào, thiêng liêng đến nỗi trở thành một lẽ sống không thể thiếu: *"Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất"*.

- Lạc quan, yêu đời, tự tìm niềm vui trong công việc của mình: Phản bác lại nhận xét mình là *"người cô độc nhất thế gian"*, bởi anh còn có công việc làm bạn, có đồng nghiệp song hành kề bước

"Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Hướng chi việc của cháu gắn liền với bao anh em, đồng chí dưới kia...".

⇒ Hải lòng, nhiệt thành và hạnh phúc với công việc mình đang làm.

2.2. Một người có nếp sống ngăn nắp, khoa học; lối sống giản dị, yêu đời, chan hòa với thiên nhiên

- Ở một mình nhưng sắp xếp gian phòng rất gọn gàng, sạch sẽ.

- Cuộc đời riêng của anh thu gọn lại một góc gian trái phòng với những đồ

nhiệm thiêng liêng, cao cả, một lẽ sống không thiếu được: *"Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất"*. Qua đó, cũng cho chúng ta thấy được một anh thanh niên lạc quan, yêu đời, biết khơi gợi giá trị và niềm vui cho bản thân và công việc mình làm. Anh đã phủ nhận, phản bác lại ý kiến của mọi người cho rằng mình là *"người cô độc nhất thế gian"* bởi theo anh, công việc chính là bạn, công việc của anh giúp cho bà con ta lao động năng suất, làm nên niềm vui. Bên cạnh đó anh luôn có những đồng nghiệp song hành kề bên, thì sao lại nói như vậy được? Anh hạnh phúc khi biết việc phát hiện đám mây khô của mình góp phần làm cho không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Chính vì thế mà anh thấy yêu mến và thấy rõ được ý nghĩa công việc mình làm hơn.

Lối sống của anh được nhìn nhận khách quan bởi mắt nhìn trong lần tới thăm của hai vị khách là ông họa sĩ già và cô kĩ sư nông nghiệp.

Trái lại với suy nghĩ về một anh chàng độc thân thường xuề xòa, luộm thuộm, *"khách tới bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn"* lại là một anh chàng với nếp sống khoa học, ngăn nắp; lối sống giản dị, yêu đời, chan hòa với thiên nhiên. Chỗ ở tuy nhỏ nhưng được sắp xếp gọn gàng, đủ dùng. Cuộc đời riêng của anh thu gọn lại một góc gian trái phòng với những đồ dùng cần thiết: Một chiếc giường con, một bàn học, một giá sách, đủ để phục vụ cuộc sống sinh hoạt giản dị nhưng phong phú của anh. Biết bao loài hoa đã được khoe sắc bởi bàn tay khéo léo chăm chút của anh: hoa đơn, hoa thược dược đủ màu tím, đỏ, hồng phấn,... Một không gian sống ngập tràn màu sắc thiên nhiên, thật đáng sống! Nó phản ánh về một chủ nhân có tâm hồn phong phú, chan hòa với thiên nhiên.

dùng cần thiết: Chiếc giường con, một bàn học, một giá sách.

- Yêu thiên nhiên, tự trồng nhiều loại hoa quanh không gian sống: Hoa đơn, hoa thược dược tím, đỏ, hồng phấn,...

⇒ Khiến cho hai vị khách không khỏi ngạc nhiên, trầm trồ, thích thú.

2.3. Một người khiêm tốn, tình cảm chân thành, bộc trực

- Không nhận lời khen và không để cho bác họa sĩ già vẽ chân dung vì tự cho rằng bản thân không có gì đặc biệt, không xứng đáng để được ngợi ca.

- Kể với hai vị khách những tấm gương đáng khâm phục hơn:

+ Bác kĩ sư vườn rau nghiên cứu, tìm tòi ra giống su hào mới to, ngọt, phục vụ nhân dân miền Bắc.

+ Anh bạn đồng nghiệp làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Phan - xi - phăng cao 3143m.

+ Đồng chí nghiên cứu khoa học luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét để nhanh chóng lập nên bản đồ sét.

- Biết quan tâm, chia sẻ với những người xung quanh:

+ Tự tay đào củ tam thất biếu vợ bác lái xe bị ốm.

+ Tinh tế cắt những cành hoa tự trồng, gộp lại thành bó tặng cho cô kĩ sư trẻ.

- Nồng hậu, hiếu khách, cuống quýt và tiếc nuối khi biết thời gian để các vị khách nghỉ giữa chặng sắp hết, chỉ còn có năm phút.

- Bộc trực đến nỗi, anh nói to ra những điều mà người khác chỉ nghĩ rồi để trong lòng, cũng là những điều người khác ít nghĩ.

Điều này đã khiến cho hai vị khách đi từ ngạc nhiên đến trầm trồ, thích thú về chàng thanh niên đặc biệt này.

Anh là một người hết sức khiêm tốn, có tinh thần cầu tiến, học hỏi. Phủ nhận lại lời khen của mọi người dành cho mình, anh cảm thấy bản thân mình chưa có gì đặc biệt và xứng đáng với những lời khen đó và chặn ngay ý định vẽ chân dung mình. Theo anh, còn có nhiều những tấm gương đáng khâm phục ngợi ca khác mà mình phải học hỏi, cũng như mọi người cần phải biết tới họ. Đó là bác kĩ sư vườn rau cần mẫn nghiên cứu, tìm tòi ra giống su hào chất lượng: Củ to, ngọt, phục vụ nhân dân toàn miền Bắc; là anh bạn đồng nghiệp làm công tác khí tượng, một mình leo lên đỉnh núi Phan - xi - phăng cao 3143m; hay như đồng chí nghiên cứu khoa học luôn trong tinh thần và tư thế sẵn sàng để lập nên bản đồ sét, phục vụ việc khai khoáng được thuận lợi. Theo anh, đó mới chính là những người thật, việc thật đáng để cho bác in nét chì trên khuôn giấy trắng kia. Còn gì trân quý hơn một anh chàng trẻ tuổi, độc thân nhưng lại sống không vị kỉ, biết quan tâm và chia sẻ với những người xung quanh. Chỉ là một lần nghe nói vợ bác họa sĩ già bị ốm và ngay lần gặp sau, anh đã có chút tam thất - tự tay đào, làm quà biếu cho bác gái. Tinh tế và tâm lí lắm với hành động chạy nhanh về nhà, nhanh tay cắt những cành hoa tươi tắn, gộp lại thành bó hoa tươi tặng cho cô gái. Qua việc tiếp đón và trò chuyện với bác họa sĩ và cô kĩ sư, ta có thể thấy được anh thanh niên hiếu khách và nồng hậu đến nhường nào. Liên hồi tự chia sẻ về bản thân, công việc, không gian sống và mong được nghe chuyện bà con ta dưới miền xuôi; cuống quýt và tiếc nuối khi chỉ còn năm phút nữa là các vị khách phải lên đường: "*Trời ơi chỉ còn có năm phút!*". Chính là anh thanh niên nói to,

2.4. Một người khao khát sống có ích, hòa mình vào với con người, cuộc đời:

- Sống và làm việc trong môi trường khá cô lập nên anh luôn cảm thấy “thèm người”, muốn được tiếp xúc và chuyện trò, lắng nghe những câu chuyện dưới miền xuôi của mọi người, bằng những “trò”:

+ Lấy thân cây chắn ngang giữa đường để các đoàn xe khách phải dừng lại.

+ Mặc cho bác lái xe bấm còi inh ỏi, anh vẫn không xuất hiện, để đích thân bác lái xe phải lên tận nơi anh ở để chuyện trò.

- Hải lòng, yêu mến công việc vì nhận thức được ý nghĩa của nó góp phần phục vụ đất nước.

⇒ Sôi nổi tuổi trẻ, tinh thần nắm bắt và cống hiến

3. Ý nghĩa nhân vật anh thanh niên

- Nhân vật không được tác giả đặt tên riêng mà chỉ được gọi chung là anh thanh niên nhằm tạo nên tính biểu tượng và đại diện.

- Ghi nhận, khẳng định vẻ đẹp của những con người lao động đang ngày đêm cống hiến với những công việc thầm lặng, vì lợi ích chung của cả một tập thể.

- Thể hiện tấm lòng trân trọng, ngợi ca, yêu mến họ.

- Làm ta có niềm tin, yêu hơn con người và cuộc sống; thôi thúc đóng góp trách nhiệm bản thân một cách tự giác và chân chính vào sự nghiệp chung đất nước, sống có ích cho xã hội.

giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh bộc trực đến nỗi toàn nói to ra những điều mà người ta chỉ dám nghĩ thầm trong bụng, cũng là những điều mà người khác ít nghĩ. Bác họa sĩ già thích thú và thấy anh là “người con trai đáng yêu thật nhưng là cho ông nhọc quá”. Bởi lẽ truyền được tất cả nét cá tính, phẩm chất đặc biệt kia của anh vào một bức chân dung quả là một điều không hề dễ dàng và với một người nghệ sĩ chân chính thì đó là một sự trần trụi.

Vượt lên trên những tính cách đáng yêu, phẩm chất tuyệt vời kia là một khao khát mãnh liệt đến cháy bỏng: Sống có ích, được hòa mình góp sức cộng đồng, tập thể, đất nước. Đó là lí do vì sao anh luôn cảm thấy “thèm người”. Sống và làm việc trong một hoàn cảnh đặc biệt như thế, ít có điều kiện tiếp xúc với mọi người đã khiến cho anh “thèm người”. Thèm để trò chuyện, chia sẻ tâm tư; để lắng nghe và nắm bắt tình hình bà con ta dưới xuôi làm ăn như thế nào. Một loạt những “chiêu trò” tình nghịch, đáng yêu của anh được bày ra. Lấy thân cây chắn ngang giữa đường để các đoàn xe phải dừng lại, khệ nệ xử lí vật chướng giữa đường. Mỗi lần hẹn gặp gỡ, mặc cho bác lái xe bấm còi inh ỏi thì anh vẫn không xuất hiện, để bác phải đích thân lên chỗ anh ở tìm gặp. Toàn là những cái cớ để anh có dịp được gặp người và bắt chuyện. Quan trọng hơn cả, thông qua việc chọn lựa công việc khí tượng vì thấy rõ được ý nghĩa của nó góp phần phục vụ đất nước đã là một biểu hiện cốt lõi của sự hòa nhập, lẫn xả. Đó là những biểu hiện của một tinh thần sôi nổi tuổi trẻ, tinh thần nắm bắt và cống hiến cho cuộc đời.

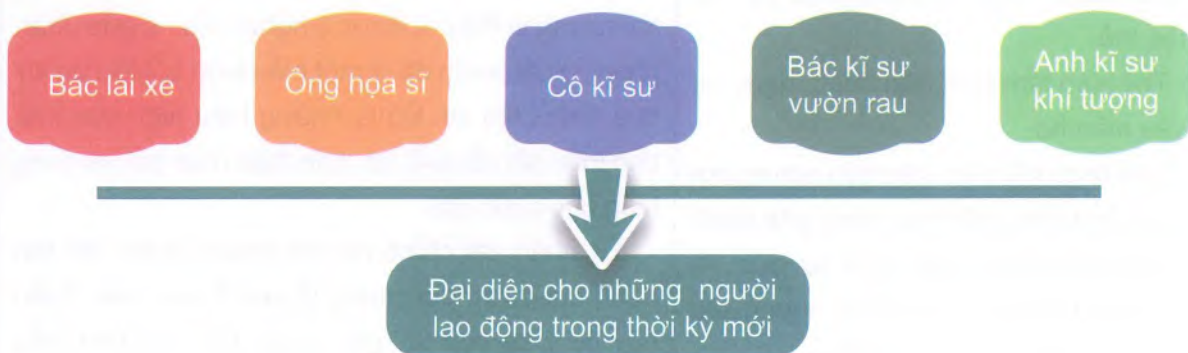
Là nhân vật chính nhưng không được đặt tên riêng mà được gọi chung là anh thanh niên. Điều này có ý đồ của tác giả, nhằm tạo nên tính biểu tượng và đại diện. Rằng anh chỉ là một trong số

những thanh niên đương thời nói riêng và của cả những con người sống trong thời kì đó nói chung. Trong những năm tháng miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội đó còn có biết bao những anh thanh niên mang trong mình những tính cách và phẩm chất đáng quý như vậy. Có thể nói nhân vật anh thanh niên đã truyền cảm hứng sống tích cực đến những người trẻ tuổi trẻ lòng. Đó là quan điểm sống có ích, cống hiến hết mình với những năm tháng thanh xuân sôi nổi để khỏi phải “sống những năm tháng sống hoài sống phí” (Lép - tôn - xtôi); để nhận thức và đề cao vai trò khẳng định bản thân:

*Nếu là con chim chiếc lá
Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không trả
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình*
(Tố Hữu)

Một lần nữa, qua nhân vật anh thanh niên, chúng ta ghi nhận và khẳng định vẻ đẹp của những con người lao động đang ngày đêm cống hiến với những công việc thầm lặng một cách lặng lẽ, vì lợi ích chung của cả một tập thể. Bên cạnh đó thể hiện được tấm lòng trân trọng, ngợi ca, yêu mến của tác giả cũng như của độc giả dành tặng cho nhân vật.

3. VẤN ĐỀ 3: CÁC NHÂN VẬT KHÁC



Ngoài nhân vật chính là anh thanh niên thì truyện ngắn còn có sự xuất hiện của một số nhân vật phụ khác. Đó là hai vị khách: Bác họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ, anh bạn đồng nghiệp làm công tác khí tượng trên đỉnh Phan - xi - păng và đặc biệt là nhân vật bác lái xe.

Bác họa sĩ già, chỉ sau chuyến đi thực tế này là về hưu, một người rất từng trải và say mê công việc, vẽ trở thành “một quả tim thứ hai”, ngấm vào máu. Những quan sát, cảm nhận của ông về con người và cuộc đời được gửi gắm qua những nét vẽ tinh tế. Ba mươi phút trò chuyện với anh thanh niên và cô kĩ sư là tình cảm như “tình cha con”, chân thành, nồng ấm và trân trọng những người trẻ càng giúp ta thấy rõ được ở ông một nghệ sĩ chân chính, một trí thức lịch duyệt. Bác cũng là người nhạy cảm, tinh tế, xoay chuyển suy nghĩ của mình sang hướng tích cực hơn. Từ suy nghĩ “*Sa Pa với những dinh thự cũ kĩ*” chỉ là nơi nghỉ dưỡng chuyển thành ở nơi đó vẫn có những con người âm thầm cống hiến như vậy cho Tổ quốc. Thêm cả cái quan niệm về cái đất Sa Pa, ông muốn đến để nghỉ ngơi giai đoạn cuối đời nhưng còn lẩn tránh vì sợ buồn cũng đã phần nào được dẹp tan. Điều này cũng cho thấy ở ông một cảm nhận tinh tế và tiến bộ.

Cô kĩ sư may mắn là vị khách góp mặt cùng bác họa sĩ trong cuộc trò chuyện với anh thanh niên. Một cô gái trẻ, ý tứ và đặc biệt cảm mến, khâm phục nhân vật anh thanh niên. Tình cảm đó cô dành cho anh kín đáo nhưng cũng rất dễ để nhận thấy (qua chi tiết đón nhận bó hoa, thái độ yên bình, ngạc nhiên khi quan sát căn phòng gọn gàng, ngăn nắp và đặc biệt là cố ý để quên lại chiếc mùi soa, cái hành động chia tay ra cho anh nắm lúc cô ra về).

- Nhân vật bác họa sĩ già: Từng trải, yêu công việc vẽ tranh, nồng hậu, trân trọng và yêu mến người trẻ.

- Cô kĩ sư trẻ: ý tứ, tâm hồn nhạy cảm tinh tế, quý mến anh thanh niên

- Các nhân vật bác kĩ sư vườn rau; anh đồng nghiệp làm công tác khí tượng trên đỉnh Phan - xi - păng và đồng chí nghiên cứu khoa học: Những nhân vật thể hiện vẻ đẹp của người lao động với tinh thần cống hiến với cuộc đời.

- Bác lái xe:

+ Tốt bụng, vui tính; người tạo ra tình huống truyện, bắc cầu cho sự gặp gỡ giữa anh thanh niên với bác họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ.

+ Phát hiện, yêu quý nhân vật anh thanh niên.

Những nhân vật được kể nhanh chóng qua lời giới thiệu của nhân vật anh thanh niên. Bác kĩ sư vườn rau, anh đồng nghiệp làm việc trên đỉnh Phan - xi - păng, đồng chí trẻ nghiên cứu khoa học, họ đều là những nhân vật thể hiện cho vẻ đẹp của người lao động chân chính, sáng ngời tinh thần tận tụy và cống hiến với công việc.

Bác lái xe xuất hiện ngay từ đầu tác phẩm, là nhân vật tốt bụng, vui tính; người tạo tình huống, bắc cầu cho cuộc gặp gỡ trò chuyện giữa ba nhân vật anh thanh niên - bác họa sĩ - cô kĩ sư. Bác cũng chính là người đã phát hiện những phẩm chất đáng quý của anh thanh niên nên đã gợi ý cho bác họa sĩ vẽ về anh. Có thể nói rằng, bác lái xe, ông họa sĩ và cô kĩ sư là nhân vật đại diện cho những người biết ghi nhận và trân trọng, quý mến những tấm gương trong lao động mà anh thanh niên là một điển hình.

4. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT



- Xây dựng tình huống truyện đơn giản mà hợp lí.

- Khắc họa nhân vật thông qua điểm nhìn của nhiều nhân vật; qua đối thoại, độc thoại nội tâm cũng như hành động của nhân vật. → Cái nhìn nhiều chiều, khách quan cho tính cách, phẩm chất nhân vật.

- Tự sự xen lẫn biểu cảm, trữ tình.

- Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên.

- Giọng văn trong trẻo, bằng bạc, giàu chất thơ rất đặc trưng của thiên nhiên Tây Bắc.

+ “*Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây*”.

+ “*Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe*”.

+ “*Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn*”.

- Ngôi kể thứ 3 tạo sự khách quan.

Đầu tiên, phải nói đến việc xây dựng tình huống truyện rất thành công: đơn giản mà hiệu quả, hợp lí. Nó tạo đòn bẩy và lôi cuốn người đọc đi sâu đón đọc tác phẩm. Tiếp đó là nghệ thuật khắc họa nhân vật thông qua điểm nhìn của nhiều nhân vật, qua các cuộc đối thoại, độc thoại nội tâm và hành động của mỗi nhân vật. Anh thanh niên được nhận xét đánh giá qua nhiều điểm nhìn khác nhau, từ bác lái xe cho đến ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ,... cũng cố thêm sự ghi nhận, yêu mến của mọi người dành cho anh. Qua các đoạn đối thoại để thấy được sự niềm nở, lạc quan của các nhân vật; qua độc thoại để thấy được vẻ đẹp ý nhị, “tình trong như đã mặt ngoài còn e” của cô kĩ sư; thấy được chiều sâu trong dòng chảy suy tư, chiêm nghiệm của ông họa sĩ,... Ngôi bút linh hoạt đó đã cho ta được cái nhìn nhiều chiều, khách quan khi đánh giá một con người.

Dòng tự sự xen lẫn biểu cảm, trữ tình mang lại cảm xúc đa dạng. Ngôn ngữ trong truyện giản dị, tự nhiên, không trau chuốt phức tạp, dễ dàng cho sự tiếp nhận của độc giả. Giọng văn nhẹ nhàng, trong trẻo, giàu chất thơ rất đặc trưng của thiên nhiên Tây Bắc hấp dẫn người đọc bởi những câu văn rất thơ, rất sinh động: “*Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây*”/ “*Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe*”/ “*Lúc bấy giờ nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn*.” Toàn câu chuyện được kể theo ngôi thứ ba, tạo sự khách quan cho việc nhìn nhận đánh giá nhân vật.

CỔ HƯƠNG

Lỗ Tấn

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

Lỗ Tấn

- Lỗ Tấn (1881 – 1936), lúc nhỏ tên là Chu Thụ Chương Thọ, sau đổi thành Chương Thụ Nhân.
- Xuất thân trong một gia đình quan lại sa sút, thoát li gia đình sớm, tự tìm con đường lập nghiệp cho bản thân.
- Là nhà văn nổi tiếng Trung Quốc, giàu tính chiến đấu, có tầm ảnh hưởng đến nhiều nước châu Á.

- Được in trong tập “Gào thét” (1923).
- Thể loại: truyện ngắn.
- Bố cục: 3 phần
- + Phần 1: Từ đầu đến “Làm ăn sinh sống”: Nhân vật Tôi trên đường về quê.
- + Phần 2: Tiếp theo đến “Sạch trơn như quét” - Nhân vật Tôi những ngày ở quê.
- + Phần 3: Còn lại: Nhân vật Tôi trên đường xa quê.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Ý nghĩa nhan đề và tình huống truyện

2

Nhân vật “tôi”

3

Hình ảnh “con đường”

4

Giá trị hiện thực và nhân đạo

1. VẤN ĐỀ 1: Ý NGHĨA NHAN ĐỀ VÀ TÌNH HUỐNG TRUYỆN

NHAN ĐỀ

- Gọi sự cổ xưa.
- Gọi lại kỷ niệm thơ ấu.
- Gọi ra vấn đề trần trở, suy ngẫm.

TÌNH HUỐNG

- Lần cuối cùng trở về quê hương.
- Tình huống của nhiều suy ngẫm và trần trở.
- Dứt bỏ cuộc sống cũ, tìm ra con đường mới.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Nhan đề - Từ Hán Việt, có nghĩa là quê cũ: - Ý nghĩa: + Gọi sự cổ xưa, nhấn mạnh vào cái “cũ” về hình ảnh nông thôn trong xã hội phong kiến Trung Quốc. + Gọi về kỉ niệm thời thơ ấu của cậu bé Lỗ Tấn. + Gọi ra các vấn đề cần phải được trần trở, suy ngẫm qua lần về thăm quê cũ. ⇒ Ngắn gọn, cô đúc, giàu hình ảnh, giàu sức gợi.	Truyện ngắn có nhan đề là “<i>Cố hương</i>”, thuộc từ Hán Việt, có nghĩa là quê cũ. Việc tác giả sử dụng từ Hán Việt này với mục đích gọi sự cổ xưa, nhấn mạnh vào cái “cũ” về hình ảnh nông thôn và người dân Trung Quốc trong chế độ phong kiến đương thời. Nói về “<i>cố hương</i>” - quê cũ, nơi chôn rau cắt rốn cũng là để gọi về những kỉ niệm thời thơ ấu của cậu bé Lỗ Tấn. Cố hương cũng chính là trung tâm để gọi ra các vấn đề cần được đặt ra, khiến cho chúng ta phải trần trở và suy ngẫm trong xã hội Trung Quốc đương thời. Đây là một nhan đề ngắn gọn nhưng cô đọng, giàu hình ảnh, giàu sức gợi, chứa đựng được mạch tư tưởng sâu xa của tác giả. Tình huống truyện là hoàn cảnh bất thường mà nhờ vào đó, nhân vật có thể gửi gắm. Nhân vật “<i>tôi</i>” được đặt vào một tình huống về lại quê hương sau hai mươi năm xa cách để chuyển gia đình đến một vùng đất mới để làm ăn sinh sống, và cũng là lần cuối về thăm quê nhà. Tình huống này thích hợp cho việc nhân vật nhận ra sự đổi khác của quê hương một cách khách quan nhất. Hơn thế nữa, nhà văn đã để cho nhân vật trong hoàn cảnh đây là lần thăm cuối, như để ngầm

báo cho sự dứt bỏ cuộc sống nhu nhược, thiếu sức sống nơi làng quê. Một sự nghiêm túc và trăn trở quyết tâm tìm ra con đường sống tốt hơn cho bản thân và cho tất cả mọi người.

2. VẤN ĐỀ 2: NHÂN VẬT “TÔI”



1. Giới thiệu chung

- Là nhân vật chính, đồng thời là tác giả, người kể và dẫn dắt câu chuyện.

- Hoàn cảnh về quê: Đây là chuyến về quê để đưa gia đình chuyển đến một nơi khác để làm ăn sinh sống, cũng là dịp cuối cùng về thăm quê.

+ Thời gian: Độ giữa đông, tiết trời lạnh giá u ám.

+ Phương tiện về quê: Thuyền

- Vai trò, vị trí: Là nhân vật quan sát và chứng kiến, cảm nhận trực tiếp sự thay đổi của cảnh vật và con người quê hương.

2. Diễn biến tâm trạng nhân vật

2.1. Trên đường về quê

- Cảm nhận về hoang vắng, tiêu điều của cảnh vật xung quanh, khác xa so với kí ức.

- Nghệ thuật: Khung cảnh đượm buồn, tàn tạ, gắn với tâm trạng của một người xa quê.

⇒ Dự báo về sự đổi thay đáng buồn ở quê nhà, đồng thời gợi mở dòng tâm trạng, cảm xúc cho toàn câu chuyện của tác giả.

2.2. Trong những ngày ở quê

- Khi mới bước chân vào ngôi nhà cũ, lại là một cảm nhận về sự tiêu điều, hiu quạnh, thê lương.

“Tôi” là nhân vật chính, nhân vật trung tâm, đồng thời là cũng là người kể chuyện dẫn dắt toàn bộ câu chuyện, xuyên suốt tác phẩm.

Nhân vật “tôi” được đặt vào trong hoàn cảnh ông trở về quê nhà sau hơn hai mươi năm xa cách, giữa độ đông với tiết trời lạnh giá u ám. Ông về quê để đưa gia đình chuyển đến một nơi khác để làm ăn sinh sống, có thể nói cũng là dịp cuối cùng ông về thăm quê cũ. Đây là nhân vật đóng vai trò và vị trí rất quan trọng trong việc quan sát, chứng kiến và cảm nhận trực tiếp những đổi thay của cảnh vật và con người quê hương.

Trong chuyến về thăm quê lần này, dòng diễn biến tâm trạng và cảm xúc của nhân vật “tôi” được hiện lên khá nhất quán ở cả ba thời điểm trên đường về quê, trong những ngày ở quê và trên đường rời xa quê, đó là một dải miền thất vọng và buồn thình đến nín lặng.

Trên đường về thăm quê, ngay từ khi chưa đến làng, chỉ mới “thấp thoáng” những thôn xóm, nhân vật “tôi” đã cảm nhận được vẻ hoang vắng, tiêu điều đến nỗi thê lương của cảnh vật xung quanh. Nó khác xa với kí ức về làng quê ngày trước, dù nghèo nhưng đẹp. Khung cảnh xóm làng từ xa được hiện lên thật đượm buồn, tàn tạ, gắn liền với tâm trạng của một người con sắp li hương dường như là một sự dự báo về sự đổi thay đáng buồn ở quê nhà. Đồng thời, chính những cảm nhận ban đầu này đã gợi mở dòng tâm trạng và cảm xúc cho toàn bộ câu chuyện mà nhà văn đang muốn nói đến.

Khi mới bước chân vào ngôi nhà cũ cách xa đã hai mươi năm, lại là một sự chứng kiến và cảm nhận không mong muốn: Tiêu điều, hiu quạnh, thê lương bởi thiếu bàn tay vun vén chu đáo của gia chủ; sự vắng vẻ bởi những gia đình khác cũng đã

- Cảm nhận và thất vọng, buồn bã trước sự đổi thay theo chiều hướng tiêu cực của con người nơi đây.

+ Nhuận Thổ: Thay đổi từ ngoại hình đến tâm tính, thái độ.

+ Chị Hai Dương: Từ một nàng “*Tây Thi đậu phụ*”, cũng có nhan sắc trở thành một người đàn bà xấu xí, gầy teo với tính cách chao chát, không lòng tự trọng.

⇒ Nguyên nhân: Cuộc sống vất vả đói khổ, chính sách cai trị khắc nghiệt của chế độ phong kiến.

- Nghệ thuật: Sự đan xen giữa quá khứ và thực tại để nhấn mạnh sự đổi thay, tạo nên sức ám ảnh nặng nề.

2.3. Trên đường rời xa quê

- Không vương vấn, “*không chút lưu luyến*” quê nhà.

- Cảm thấy lẻ loi, ngột ngạt khi nhớ lại sự thay đổi đến đổi lập hoàn toàn giữa quá khứ và hiện tại ở mọi thứ quê nhà.

- Nhớ đến Thủy Sinh, nhen nhóm hi vọng về một thế hệ tương lai có cuộc sống khác hẳn với thế hệ người lớn hiện tại.

- Quyết liệt không chịu sống theo như những gì đang diễn ra ở quê nhà; suy ngẫm, trăn trở về con đường đi riêng cho bản thân và mọi người nông dân để hướng đến một tương lai tốt đẹp hơn.

dọn đi nơi khác. Không chỉ dừng lại ở cảnh và vật mà đến con người cũng là một sự đổi khác đáng buồn. Tác giả đã cảm nhận và thất vọng, buồn bã trước sự thay đổi theo chiều hướng tiêu cực của họ. Anh chàng Nhuận Thổ, bạn thân năm xưa đã bị đổi khác hoàn toàn từ ngoại hình đến tâm tính, thái độ. Từ một cậu bé đáng yêu “*khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, cổ đeo vòng bạc sáng loáng*”, nhanh nhẹn, thông minh lém lỉnh có tài bẫy chim sẽ trở thành một người đàn ông có ngoại hình thô như tượng sáp với nước da vàng sạm với những nếp nhăn sâu hoắm, “*mi mắt viền đỏ húp mọng lên*”; ăn mặc rách rưới. Tính cách lém lỉnh thông minh trước kia đổi thành một người đàn ông co rúm, sợ sệt, thiếu tự tin. Chị Hai Dương, từ một “*nàng Tây Thi đậu phụ*” có nhan sắc trở thành một mẹ đàn bà xấu xí, gầy teo với tính cách chao chát, bần tiện, đố kỵ. Chính cuộc sống vất vả, đói khổ cùng với chính sách cai trị khắc nghiệt của chế độ phong kiến đương thời đã làm cho họ họ thiếu sức sống, bần tiện và đố kỵ đến như vậy.

Nghệ thuật đối lập trong dòng hồi tưởng, đan xen giữa hiện tại và quá khứ đã được sử dụng hiệu quả, nhấn mạnh được sự đổi thay đáng buồn tiêu cực, tạo nên sức ám ảnh nặng nề trong lòng độc giả. Khác với tâm trạng và nỗi lòng của một người con li hương, buồn bã khắc khoải:

Quê hương khuất bóng hoàng hôn

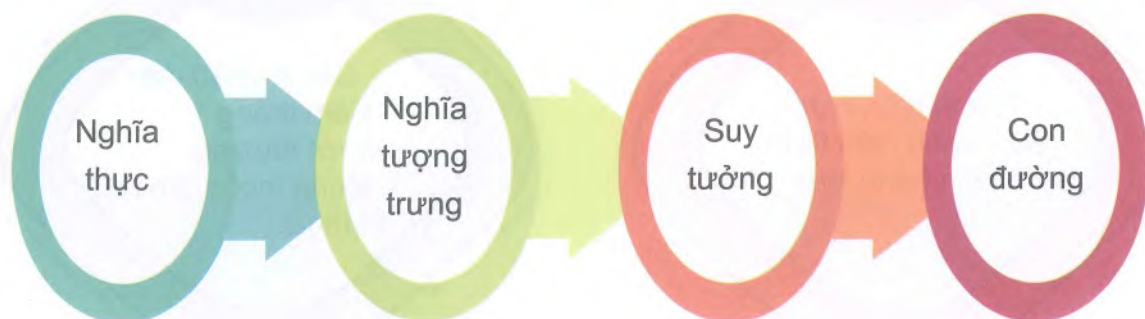
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai

(Thôi Hiệu)

thì nhân vật “*tôi*” lại cảm thấy không vương vấn, “*không chút lưu luyến*” quê nhà. Tác giả chỉ cảm thấy lẻ loi, ngột ngạt khi hình dung lại những gì mình vừa chứng kiến trong những ngày ở quê, một sự thay đổi đáng buồn. Có lẽ sự thờ ơ đến vô tình của tác giả chính là hệ quả của sự thất vọng và không chấp nhận sống một cuộc sống như những

gì ông vừa mắt thấy tai nghe. Việc xa quê, thoát li đến một vùng đất mới để xây dựng cuộc sống như một sự lựa chọn tất yếu trong suy nghĩ và quyết định của nhân vật. Tuy nhiên, thật đặc biệt là trong sự muốn vùng bỏ tất cả cái cũ ở quê nhà để xây dựng cuộc sống mới, xen lẫn cả nỗi buồn thay cho anh bạn thân Nhuận Thổ, nhân vật “tôi” có nhớ đến Thủy Sinh - đứa con gái của anh bạn. Nó là một cô bé đang còn giữ được cho mình những nét tính cách và phẩm chất vô tư đáng yêu nhất. Nhìn cảnh Thủy Sinh và con ông chơi với nhau, ông nhen nhóm niềm hi vọng về một thế hệ tương lai sống một cuộc đời mới, khác hẳn với cuộc đời mà người lớn chúng đang sống. Chúng sẽ lớn đường hoàng mà sống một cách tự tin, bản lĩnh và được phát huy những tính cách đẹp để vốn có ban đầu, không bị triệt hạ và thui chột bản thân con người chúng, trong mọi trường hợp, hoàn cảnh nào. Nhà văn mong muốn sẽ không còn những “Nhuận Thổ”, “Hai Dương” trong tương lai.

3. VẤN ĐỀ 3: HÌNH ẢNH “CON ĐƯỜNG”



- Nghĩa thực: Hình ảnh con đường làng.
- Nghĩa tượng trưng: Là con đường tìm ra lối thoát, một hướng đi mới cho con người quê hương.

⇒ Hình ảnh thoáng qua nhưng để lại ý nghĩa sâu sắc và sự ấn tượng, dư vang.

Hình ảnh con đường vừa mang nghĩa tả thực là con đường làng với cảnh tượng đẹp qua sự mơ màng tưởng tượng của tác giả. Hình ảnh con đường còn mang nghĩa tượng trưng. Đó là con đường tìm ra lối thoát, một hướng đi mới để vực người dân khỏi cách sống trì trệ, nhu nhược; hướng đi để xây dựng quê hương phát triển, thoát khỏi cảnh tiêu điều, hoang vắng. Con đường mở ra một tia sáng hi vọng cho người dân vùng quê nghèo và niềm tin vào sự xuất hiện một con đường mới do chính họ tạo ra để vươn tới cuộc sống văn minh, tiến bộ. Nhưng muốn có được sự thay đổi theo hướng tích cực, buộc con người phải tự có ý thức, vận động để xây dựng được nên “con đường” đó. Hình ảnh thoáng qua nhưng để lại ý nghĩa sâu sắc và sự ấn tượng, dư vang.

4. GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ NHÂN ĐẠO



1. Giá trị hiện thực

- Cuộc sống nghèo khổ, trì trệ, yếu hèn của người dân vùng quê nghèo.
- Xã hội phong kiến với tầng lớp cai trị khắc nghiệt.

2. Giá trị nhân đạo

- Cảm thông và thương xót cho số phận của người dân nơi đây.
- Tư tưởng chiều sâu của tác phẩm: tìm ra một con đường, một lối thoát vực dậy làng quê lạc hậu, nghèo đói và hướng tới một cuộc sống văn minh, tiến bộ tốt đẹp hơn.

Truyện ngắn đã tái hiện cuộc sống nghèo khổ và trì trệ ở những vùng quê nghèo Trung Quốc thời kỳ bấy giờ. Chính xã hội phong kiến lác hậu với tầng lớp cai trị khắc nghiệt đã đẩy những con người nơi đây vào cảnh sống mòn mỏi, mê muội, mất đi những nét đẹp vốn có trước đây của họ. Đằng sau bức tranh về hiện thực xã hội ấy là sự cảm thương sâu sắc của tác giả với những con người ở quê hương đồng thời, tác giả gửi gắm chiều sâu tư tưởng cho tác phẩm của mình đó là mong muốn tìm ra một con đường, một lối thoát vực dậy làng quê lạc hậu, nghèo đói và hướng tới cuộc sống văn minh, tiến bộ, tốt đẹp hơn.

CHIẾC LƯỢC NGÀ

Nguyễn Quang Sáng

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932.
- Quê quán: An Giang
- Sáng tác nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim,...
- Hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong hòa bình.
- Năm 2000, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

- Được viết vào năm 1961, khi tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.
- In trong tập truyện cùng tên.
- Vị trí văn bản được học: phần giữa của truyện.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nhan đề
và tình huống truyện

2

Nhân vật bé Thu

3

Nhân vật ông Sáu

4

Đặc sắc nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1. NHAN ĐỀ VÀ TÌNH HUỐNG TRUYỆN



Nguồn: Internet

TRỌNG TÂM KIẾN THỨC	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Là vật dụng, quà tặng, đồng thời cũng là chi tiết trong truyện: chiếc lược làm bằng ngà voi. - Ý nghĩa: + Thể hiện tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của anh Sáu dành cho bé Thu. + Sự hi sinh của những người tham gia kháng chiến. + Gửi gắm niềm tin và hi vọng của người cha dành cho con. ⇒ Nhan đề mang tính biểu tượng, tạo được sự gợi mở cho giá trị của toàn câu chuyện.	“Chiếc lược ngà” là tên một vật dụng: chiếc lược làm bằng ngà voi, đồng thời cũng là một chi tiết trong truyện. Đây là quà tặng của anh Sáu dành tặng cho bé Thu với biết bao tình cảm nhớ thương con gái, thể hiện sâu sắc tình phụ tử thiêng liêng giữa hai cha con. Hình ảnh “chiếc lược ngà” còn là một chi tiết hình ảnh gián tiếp tố cáo sự khốc liệt của chiến tranh, sự hi sinh và thiệt thòi của những người tham gia kháng chiến. Bên cạnh đó, hình ảnh “chiếc lược ngà” còn gửi gắm được niềm tin và hi vọng của người cha dành cho con, mong con sẽ hiểu được tấm lòng của mình và ngày một cố gắng trưởng thành để hoàn thiện bản thân. Như vậy, ta thấy được nhan đề trên mang tính biểu tượng, tạo được sự ấn tượng và gợi mở ra giá trị nhân văn của toàn tác phẩm. Tình huống truyện là hoàn cảnh bất thường mà qua đó nhân vật được bộc lộ tính chất, phẩm chất một cách rõ nét nhất. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” thật đặc biệt khi có tới hai tình huống truyện. Tình huống truyện thứ nhất đó là hai cha con ông Sáu gặp lại nhau sau tám năm xa cách, bé Thu

2. Tình huống truyện

- Tình huống truyện thứ nhất: Hai cha con ông Sáu và bé Thu gặp lại nhau sau tám năm xa cách vì hoàn cảnh chiến tranh. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết sẹo dài trên má anh Sáu đã làm cho anh khác với hình ảnh của người ba mà bé Thu đã được hình dung qua ảnh.

⇒ Tình huống thử thách và khẳng định tình yêu thương cha của bé Thu.

- Tình huống truyện thứ hai: ông Sáu ở chiến trường làm một chiếc lược ngà tặng con nhưng chưa kịp gặp lại và trao quà cho con thì anh đã hi sinh nơi chiến trường.

⇒ Tình huống thể hiện tình yêu của ông Sáu với con.

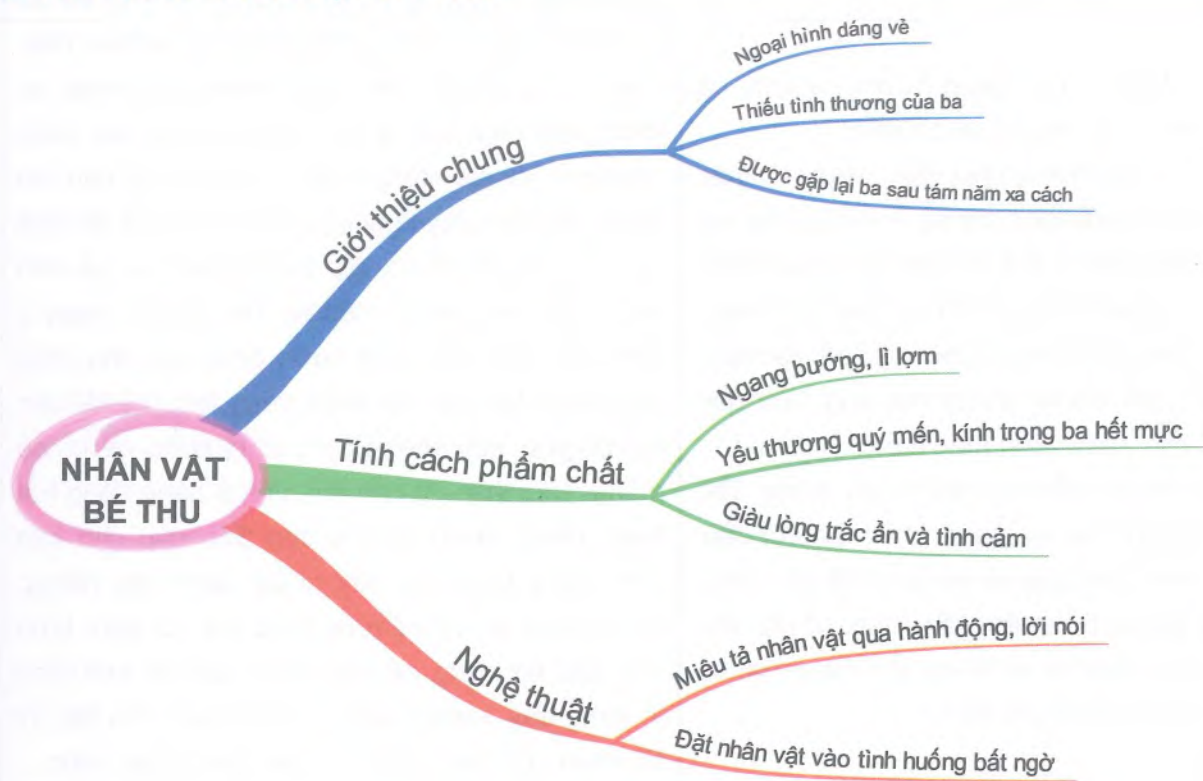
trước đó chưa từng biết mặt cha vì hoàn cảnh bom đạn của chiến tranh. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết sẹo dài của anh Sáu đã làm cho anh khác đi so với hình ảnh của người ba mà bé Thu đã được hình dung qua ảnh. Đây là tình huống chính, đầy thử thách và gay gắt, thể hiện được tình cảm sâu sắc của bé Thu dành cho người ba của mình.

Tình huống thứ hai, khi bé Thu đã hiểu chuyện và chịu nhận ba thì cũng là lúc ông Sáu phải quay trở lại đơn vị.

Trong ba ngày ngắn ngủi về nghỉ phép, hai cha con chưa có cơ hội để thân thiết, gần gũi nhau. Anh Sáu cũng chưa có cơ hội để bù đắp tình cảm cho con mà nay đã phải xa. Trong chiến trường, anh nhớ thương và dành hết công sức và tình cảm của mình để làm chiếc lược ngà tặng cho con, nhưng chưa kịp gặp lại và trao quà cho con thì anh đã hi sinh nơi chiến trường. Cuối cùng, bé Thu được nhận món quà chiếc lược ngà từ bác Ba - người bạn thân thiết của ông Sáu. Nếu như tình huống thứ nhất thể hiện được tình cảm của bé Thu dành cho ba thì ở tình huống thứ hai này lại thể hiện được tình yêu thương con sâu sắc, xúc động của anh Sáu dành cho bé Thu.

Như vậy, ta có thể thấy được cả hai tình huống truyện trên đều éo le, bất ngờ, đầy thử thách nhưng rất tự nhiên và hợp lí, thể hiện được chân thực và xúc động tình cha con thiêng liêng trong hoàn cảnh chiến tranh đầy mất mát. Đồng thời gián tiếp tố cáo sự khốc liệt của chiến tranh đã làm xa cách tình cảm và lấy mất đi quyền lợi của một người cha đúng nghĩa.

2. VẤN ĐỀ 2. NHÂN VẬT BÉ THU



<i>a. Giới thiệu chung</i> - Con gái duy nhất của ông Sáu. - Ngoại hình, đáng vẽ: cô bé tám tuổi, tóc vắt ngang vai, mắt tròn, mi dài uốn cong và như không bao giờ chớp, vẻ nghĩ ngợi sâu xa... - Không được tiếp xúc, gần gũi với ba nhiều do hoàn cảnh chiến tranh, chỉ được biết qua tấm ảnh má cho xem. - Hoàn cảnh gặp lại ba: + Sau tám năm xa cách, trước đó chưa một lần được gặp mặt ba và giờ không chịu nhận ba bởi sự khác biệt trong hình ảnh đã từng được xem. ⇒ Hoàn cảnh đặc biệt, bộc lộ rõ tính cách bé Thu.	Bé Thu là nhân vật chính của truyện, là con gái duy nhất của nhân vật ông Sáu, là nhân vật trung tâm thể hiện được ý đồ tư tưởng nội dung cũng như nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Thu tám tuổi, được tác giả miêu tả với những nét ngây thơ, đáng yêu: tóc vắt ngang vai, mắt tròn, mi dài uốn cong và như không bao giờ chớp, vẻ nghĩ ngợi sâu xa... Thu xa ba khi mới chưa đầy một tháng tuổi, mãi tận tám năm sau mới được gặp ba trong ba ngày ngắn ngủi ba về nghỉ phép. Trước đó, những hình dung, ấn tượng về ba là những gì cô được nhìn qua bức hình mà má cho xem. Thu chỉ tin người đàn ông trong ảnh kia mới là ba của mình, chỉ có một mà thôi. Vậy nên khi thấy vết sẹo dài trên má ông Sáu quá khác với bức hình, Thu đã không chịu nhận và gọi ông Sáu bằng ba.
--	---

b. Tính cách, phẩm chất nhân vật bé Thu

* Một cô bé ngang bướng, lì lợm, cá tính (khi chưa hiểu chuyện)

- Quyết không chịu nhận và gọi ba mặc dù má đã giục gọi ba; miễn cưỡng nói trống khi bị má nổi giận quơ đũa đánh.

- Quyết không nhờ ông Sáu chắt nước cơm đi hộ mặc dù biết nồi cơm đã nhão.

- Hắt miếng trứng mà ông Sáu gấp cho, cơm văng tung tóe cả mâm.

- Bị ba mắng và đánh vào mông, Thu không ăn vạ lăn ra khóc mà cúi đầu, bình tĩnh gấp lại trứng cá để vào chén, lặng lẽ đứng dậy, đi xuống, cố tình làm cho dây lòi tói khua rồn rảng thật to, qua nhà ngoại khóc...

(+) Nguyên nhân bé Thu không gọi ba: do vết sẹo dài trên má đã khiến cho ông Sáu không còn giống với cha mình khi được xem trong ảnh.

* Một người yêu thương, quý mến, kính trọng ba rất mực

- Không gọi ba vì cho rằng đó không phải là ba mình.

⇒ Ấn tượng duy nhất về người ba trong tấm hình.

* Một cô bé giàu lòng trắc ẩn và giàu tình cảm (khi đã hiểu chuyện):

- Ân hận, tự trách mình vì đã hỗn xược và không chịu gọi ba.

+ “Không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có”, nét mặt sầm lại buồn rầu.

- Nhận và gọi ba bằng tiếng kêu xé lòng và bày tỏ tình cảm với ba:

Trước hết, ta có thể thấy được Thu là một cô bé ngang bướng, lì lợm và rất cá tính. Khi chưa hiểu chuyện, cô bé đã nhất quyết không chịu nhận và không gọi ông Sáu là ba. Nếu có thì là sự miễn cưỡng vì sợ mẹ mắng nhưng cũng chỉ là câu nói trống. Nó luôn đẩy khoảng cách ra xa mỗi khi ông Sáu lại gần vỗ về nó. Sự bướng bỉnh và cá tính còn được thể hiện ở việc bé Thu đã thôi ngay ý định nhờ ông Sáu chắt nước cơm nếu như phải gọi ông là ba mặc dù đang trong tình thế rất cần người giúp, nếu không cơm sẽ bị nhão và mẹ sẽ mắng. Tiếp theo đó còn thể hiện ở hành động hắt miếng trứng cá mà ông Sáu gấp cho làm cơm văng tung tóe. Khi bị ba đánh vào mông, Thu không ăn vạ nằm ra khóc mà cúi đầu, bình tĩnh gấp lại trứng cá vào chén, sau đó mới lặng lẽ đứng dậy, xuống xuống, cố tình làm cho dây lòi tói khua rồn rảng thật to, qua nhà ngoại khóc,...

Bé Thu còn là một cô bé yêu thương, quý mến và kính trọng ba hết mực. Điều này thể hiện rất rõ qua chi tiết cô bé không chịu nhận và gọi ba. Nguyên nhân để cho bé Thu không chịu nhận cha đó chính là do vết sẹo trên mặt – vết tích của chiến tranh để lại đã làm cho anh quá khác với hình ảnh và những ấn tượng của bé Thu về người ba trước đó. Cô bé không tin tưởng và chỉ giữ mãi trong lòng mình một hình dung, ấn tượng về người ba như cô từng được trông thấy qua ảnh. Cô không nhận và gọi ba vì cho rằng đó không phải là ba mình. Sự phản kháng không chịu nhận và gọi ba là một biểu hiện rất đáng yêu, thể hiện được tình yêu thương, kính trọng ba rất mực của bé Thu. Bên cạnh đó, Thu còn là một cô bé giàu lòng trắc ẩn và giàu tình cảm. Khi đã hiểu chuyện, hiểu được lí do xuất hiện vết sẹo dài trên mặt của ba, cô thương ba và ân hận, tự trách mình vì đã hỗn xược, không chịu nhận ba. Không còn về

+ “Vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó”.

+ Không cho ba đi: “Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!”

+ Hôn ba nó cùng khắp: “Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má...”

⇒ Cảnh tượng thiêng liêng về tình cha con, khiến cho mọi người xúc động; thể hiện tình nhớ thương cha vô bờ bến.

+ Kêu ba mua cho một chiếc lược.

⇒ Tâm lí con trẻ, ngây thơ, hồn nhiên.

c. Nghệ thuật khắc họa nhân vật

- Đặt bé Thu trong tình huống thử thách; qua miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động,...

⇒ Bé Thu hiện lên sinh động, đáng yêu, quý trọng ba hết mực.

bướng bình hay nhẵn mày cau có như những buổi trước, thay vào đó là nét mặt sầm lại buồn rầu. Nó đã gọi ba bằng tiếng kêu xé lòng: “Ba...a...a...ba!” và nhanh nhẩu thể hiện tình cảm với ba. Hành động “vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó” thật đáng yêu và khiến cho chúng ta xúc động. Thu giữ ba, không cho ba đi “Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con! Nó còn hôn ba nó cùng khắp: “Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má...” để thể hiện tình nhớ thương cha vô bờ bến. Ngoài ra chi tiết, cô bé dặn ba mua cho cái lược chải tóc đã cho thấy được sự ngây thơ và hồn nhiên của con trẻ.

Nhà văn đã đặt nhân vật bé Thu trong một tình huống bất ngờ, thử thách để bộc lộ rõ được những nét tính cách đáng yêu và đáng quý của nhân vật này. Bên cạnh đó còn là sự quan sát, am hiểu tâm lí con trẻ để có thể khắc họa, miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động của nhân vật bé Thu thật sinh động, đáng yêu.

3. VẤN ĐỀ 3. NHÂN VẬT ÔNG SÁU



a. Giới thiệu chung

- Là nhân vật chính trong truyện, là cha của bé Thu.
- Ông đi bộ đội từ khi bé Thu mới chưa đầy một tháng tuổi.
- Hoàn cảnh hai cha con gặp nhau:
 - + Tám năm sau, trong một lần nghỉ phép ông mới được gặp đứa con gái bé bỏng mà trước đó mới chỉ được nhìn qua ảnh.
 - + Do sự đối khác so với bức hình mà con bé nhất quyết không chịu nhận anh là ba.

b. Một người cha yêu thương con hết mực

- Ở nơi chiến trường, ông luôn thương nhớ đến con gái bé bỏng.
- Háo hức, mong được đến ngày về nhà thăm con: *"Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh"*, mong được bù đắp tình thương cho con gái bé bỏng.
- Xuồng chưa vào bến, *"anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra"*, chạy vào bế con.
- Buồn và khổ tâm khi con gái không chịu nhận và gọi ba, kiên nhẫn yêu thương vỗ về để cha con được gần gũi.
- Ân hận, day dứt vì đã trót đánh vào mông con khi bé Thu ngang bướng.
- Khi phải quay trở lại đơn vị, ông vẫn luôn nhớ thương con, dành thời gian và dồn hết tình cảm để làm chiếc lược ngà tặng con như đã hứa.

Cùng với bé Thu, ông Sáu cũng là nhân vật chính của câu chuyện. Ông đi bộ đội từ khi bé Thu mới chưa đầy một tháng tuổi do đó mà một thời gian dài đằng đẳng, hai cha con chưa được gặp mặt nhau, chỉ nhắn gửi nỗi nhớ thương qua bức hình, tấm ảnh. Phải tám năm sau, ông mới được trở về thăm lại gia đình, trong một thời gian ngắn, vồn vện có ba ngày. Giờ phút được bế và gửi những cái hôn yêu thương đến đứa con gái bé bỏng tưởng chừng như là điều giản đơn và trở thành hiện thực thì tình huống éo le xảy đến. Vết sẹo dài trên má do hậu quả của chiến tranh đã làm đổi khác về ngoại hình anh so với bức ảnh mà bé Thu đã từng được hình dung về ba. Việc Thu dứt khoát không chịu nhận anh làm ba đã làm cho anh hết sức khổ tâm và không thôi dằn vặt. Chính hoàn cảnh éo le này đã càng tô đậm tình phụ tử thiêng liêng, cảm động. Một người ba hết mực yêu thương con! Sự yêu thương con của nhân vật ông Sáu được thể hiện rất rõ qua một loạt những biểu hiện hành động cụ thể.

Ở nơi chiến trường, ông luôn thương nhớ đến đứa con gái bé bỏng, háo hức mong được đến ngày gặp con: *"Đến lúc về nhà, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh"*. Xuồng chưa vào bến, *"anh đã nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra"* để nhanh chóng chạy lên bờ ôm con. Ta thấy được rằng, bù đắp tình yêu thương cho con là một điều mà anh luôn trăn trở và mong thực hiện được một cách trọn vẹn. Ông Sáu thực sự buồn và khổ tâm khi con gái không chịu nhận và gọi ba nhưng ông vẫn cố gắng, kiên nhẫn yêu thương vỗ về để cha con có cơ

+ “Anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây chừa nhỏ, chừa khúc ngà thành từng miếng nhỏ”.

+ “Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: Yêu nhớ tặng con Thu của ba”.

⇒ Nhận xét:

- Đại diện cho tình phụ tử thiêng liêng.

- Cảm thông, ghi nhận sự thiệt thòi, hi sinh thiếu thốn về mặt tình cảm với gia đình để phục vụ cách mạng, vì lợi ích chung của dân tộc...

b. Nghệ thuật khắc họa nhân vật

Khắc họa nhân vật thông qua ngoại hình, qua lời kể của nhân vật khác (bác Ba), qua những đoạn đối thoại, hành động, lời nói,...

hội được hiểu nhau và gắn bó hơn. Trở về đơn vị, ông không thôi ân hận và day dứt vì đã trót đánh vào mông con trong lúc nóng giận. Để giữ lời hứa với con, anh Sáu đã dành thời gian và dồn hết tình cảm để làm chiếc lược ngà để tặng con: “Anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây chừa nhỏ, chừa khúc ngà thành từng miếng nhỏ”; gói ghém tất cả niềm thân thương vào dòng chữ: “Yêu nhớ tặng con Thu của ba” mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét.

Anh Sáu chính là nhân vật đại diện cho tình phụ tử thiêng liêng, cao đẹp. Đồng thời, qua câu chuyện cảm động của cha con nhà anh Sáu, chúng ta thực sự cảm thông và ghi nhận sự hi sinh chịu thiệt thòi của những người lính. Họ đã phải gác lại tình cảm gia đình sang một bên để trọn lòng với cách mạng kháng chiến, vì lợi ích chung của dân tộc.

Nhân vật ông Sáu hiện lên chân thực, tự nhiên và đầy xúc động với nghệ thuật khắc họa nhân vật thông qua ngoại hình, qua lời kể của bác Ba, qua những đoạn đối thoại, sự biểu hiện ở những hành động và lời nói.

4. VẤN ĐỀ 4. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Tình huống bất ngờ, éo le

Nghệ thuật khắc họa nhân vật độc đáo

Ngôi kể thứ 3 số ít

Giọng văn chậm rãi, cảm xúc

- Hai tình huống truyện bất ngờ, éo le nhưng tự nhiên và chân thực được lồng vào một câu chuyện.

+ Mảnh đất màu mỡ cho việc khắc họa nhân vật.

+ Tình cha con sâu nặng.

+ Phản ánh hiện thực chiến tranh khắc nghiệt và sự hi sinh chịu thiệt thòi của những người lính.

- Nghệ thuật khắc họa nhân vật thông qua sự am hiểu tâm lí, qua ngoại hình, đối thoại, lời nói, hành động; qua lời kể của nhân vật khác.

⇒ Nhìn nhận đánh giá nhân vật ở nhiều chiều, nhiều phía.

Làm nên thành công của truyện ngắn *Chiếc lược ngà* không thể không nói tới những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật.

Thứ nhất đó là tình huống truyện được xây dựng bất ngờ, éo le nhưng chân thực và tự nhiên trong hoàn cảnh chiến tranh, là mảnh đất màu mỡ cho việc khắc họa nhân vật. Qua đó khẳng định, ghi nhận và trân trọng tình cha con sâu nặng, thiêng liêng, xúc động. Đồng thời thông qua tình huống truyện, tác giả phản ánh hiện thực chiến tranh khắc nghiệt và cho thấy được sự hi sinh chịu thiệt thòi của những người lính trong hoàn cảnh lúc bấy giờ.

Thứ hai, các nhân vật trong truyện như ông Sáu, bé Thu được hiện lên rất sinh động, chân thực và tự nhiên thông qua nghệ thuật khắc họa nhân vật tài tình. Đó là sự am hiểu tâm lí con trẻ để xây dựng nên nhân vật bé Thu với những nét tính cách đặc trưng của con trẻ. Là ông Sáu với những nội tâm sâu sắc của một người cha hết lòng thương yêu con. Bên cạnh đó, nhân vật còn được khắc họa thông qua ngoại hình, qua các đoạn đối thoại, lời nói, hành động và đặc biệt là qua lời kể của nhân vật bác Ba nên càng chân thực, khách quan.

Ngôi kể thứ ba số ít: bác Ba, đồng thời cũng là người bạn thân thiết, gắn bó những năm tháng chiến trường với ông Sáu nên câu chuyện được kể lại khách quan. Cùng với đó là giọng văn chậm rãi, điềm tĩnh mà đong đầy cảm xúc khiến cho giả không kìm được sự cảm động về tình phụ tử thiêng liêng và sâu nặng.

- Ngôi kể thứ ba số ít là bác Ba tạo nên sự chân thực, khách quan cho câu chuyện.

- Giọng văn chậm rãi, cảm xúc.

MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

Thanh Hải

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Thanh Hải (1930 – 1980), tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn.
- Quê quán: Tỉnh Thừa Thiên - Huế.
- Tham gia hoạt động văn nghệ từ cuối những năm kháng Pháp và tiếp tục là cây bút đóng góp cho nền văn học Cách mạng thời kì kháng Mỹ.
- Mất vì bệnh hiểm nghèo ở độ tuổi 50.
- Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Tác phẩm

- Hoàn cảnh, thời gian sáng tác:
 - + Được viết vào năm 1980, khi nhà thơ đang lâm bệnh nặng nằm trên giường bệnh, một tháng trước khi nhà thơ qua đời.
 - + Đất nước đang thời kì kiến thiết, vực dậy sau chiến tranh.
- ⇒ Tinh thần lạc quan, yêu đời yêu người, truyền sức mạnh niềm tin sống đến mọi người.
- Bố cục:
 - + Ba khổ đầu: Cảm nhận về đẹp quê hương đất nước, con người và niềm yêu tha thiết trước vẻ đẹp ấy.
 - + Ba khổ sau: Ước nguyện dâng hiến cho cuộc đời.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nhan đề “Mùa xuân nhỏ nhỏ”

2

Cảm xúc và niềm yêu tha thiết cuộc sống trước bức tranh mùa xuân

3

Ước nguyện hóa thân để dâng hiến cho cuộc đời

4

Đặc sắc nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1. NHAN ĐỀ “MÙA XUÂN NHO NHỎ”

“**Mùa xuân**” vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng cho sự tươi mới, tốt đẹp.

“**Nho nhỏ**”
thể hiện sự giản dị,
khiêm nhường

Mùa xuân nho nhỏ

Ước nguyện, khát vọng khiêm nhường mà rất đổi chân thành, tha thiết,
cao đẹp của tác giả



TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

- Mùa xuân là mùa đầu tiên trong bốn mùa tự nhiên, tượng trưng cho sự khởi đầu mới mẻ, tràn đầy niềm tin.

→ Chỉ những điều tốt đẹp, tinh túy, tươi sáng.

- Nguyện làm mùa xuân → dâng hiến cố gắng tốt đẹp, là sống đẹp, có ý nghĩa.

- Tự nhận làm “mùa xuân nho nhỏ”:

+ Sự khiêm tốn, nhận thấy được sự nỗ lực đóng góp của bản thân chỉ là một phần nhỏ, cùng với nhiều những cá nhân khác, hòa góp vào làm nên mùa xuân lớn của đất nước và cuộc đời.

+ Ý thức được vai trò, vị trí bản thân trong mối quan hệ giữa cái riêng và chung, giữa cá nhân và tập thể.

⇒ Tinh thần trách nhiệm trong cuộc sống.

BÀI VIẾT THAM KHẢO

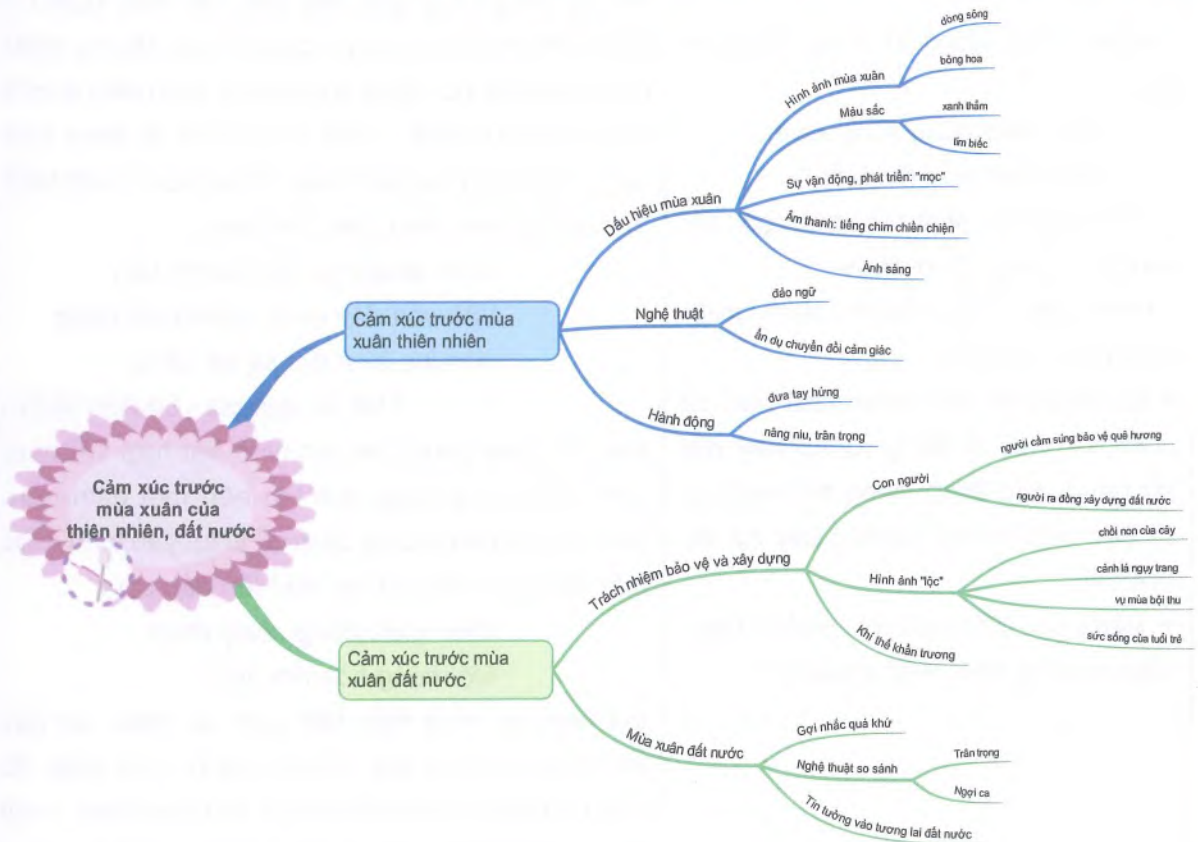
Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” là sự kết hợp giữa danh từ “mùa xuân” với tính từ đồng thời cũng là định ngữ: “nho nhỏ”. Mùa xuân là mùa đầu tiên trong bốn mùa tự nhiên, tượng trưng cho sự khởi đầu đầy mới mẻ và may mắn, tràn đầy niềm tin vào tương lai. Nhan đề nói đến mùa xuân đã hé mở về cảm hứng chủ đề của bài thơ, đó là cảm hứng lạc quan yêu đời; niềm tin, niềm yêu đời, yêu người. Nhà thơ Thanh Hải mong muốn và nguyện làm mùa xuân cũng có nghĩa là ông muốn dâng hiến những gì tốt đẹp nhất, tinh túy nhất của bản thân cho cuộc đời bằng một sự cố gắng nỗ lực nhất. Đó là sống đẹp, sống có ý nghĩa, đúng nghĩa sống chứ không đơn thuần là tồn tại.

Nhan đề không chỉ là mùa xuân mà là “mùa xuân nho nhỏ”. Mùa xuân vốn không có hình khối để mà nhìn và nhận xét, thế nhưng nhà thơ Thanh Hải đã tạo cho mùa xuân của mình có hình khối bởi tính từ “nho nhỏ”. Tự nhận mình chỉ là một “mùa xuân nho nhỏ” đã cho thấy sự khiêm tốn, sự nhận thức

bản thân chỉ là một phần nhỏ, cùng với nhiều những cá nhân khác cùng hòa góp làm nên mùa xuân lớn của đất nước và cuộc đời. Hơn thế nữa, nói “mùa xuân nho nhỏ” còn cho thấy được rất rõ tinh thần trách nhiệm của tác giả - ý thức được vai trò của cá nhân trong tập thể. Như vậy, nhan đề đã được sử dụng hiệu quả, kết hợp vừa cho thấy được cảm hứng chủ đạo của tác phẩm, lại vừa thể hiện được ngay ước nguyện của nhà thơ ngay từ đầu tác phẩm. Đó là sự ý thức vị trí, vai trò của bản thân trong mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và tập thể.

2. VẤN ĐỀ 2:

CẢM XÚC TRƯỚC MÙA XUÂN CỦA THIÊN NHIÊN VÀ MÙA XUÂN CỦA ĐẤT NƯỚC



1. Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

- Hình ảnh: Dòng sông xanh, bông hoa tím biếc (hoa súng hoặc hoa lục bình).

→ Hình ảnh đặc trưng gắn bó với sông nước làng quê Việt Nam.

+ Màu tím kết hợp với màu xanh biếc tạo nên một gam màu trầm dịu nhẹ, nền nã, gợi nên khung cảnh dễ chịu, yên bình.

- Nghệ thuật: động từ “mọc” đảo lên đầu câu:

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc”

→ Thể hiện sự phát hiện bất ngờ, thú vị nhưng cũng rất tự nhiên.

- Hình ảnh và âm thanh: chim chiền chiện hót vang trời.

+ Chiền chiện: loài chim nhỏ hơn cả chim sẻ, hay ở đồng ruộng hay nơi bờ bãi quang đãng; tiếng hót vang xa và đặc biệt khi hót thường bay vút lên trời cao.

+ Tiếng gọi: “Ơi con chim chiền chiện” cất lên trong trẻo, thân thương.

Mở đầu bài thơ là cảnh mùa xuân ở xứ Huế. Dưới ngòi bút của nhà thơ Thanh Hải, cảnh xuân hiện lên như một bức họa đồng quê đầy sinh động và đẹp mắt với hình ảnh của dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, âm thanh của tiếng chim chiền chiện hót vang trời:

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng”

Về đẹp đó là sự kết hợp giữa âm thanh, hình ảnh và màu sắc của cảnh vật thiên nhiên rất thực mà cũng rất tình. Xanh là màu sắc đặc trưng của những dòng sông quê, đặc biệt vào mùa xuân thì đặc điểm màu sắc này lại càng rõ nét. Một sự phát hiện của nhà thơ, giữa dòng sông xanh biếc là một “bông hoa tím biếc”. Rất có thể đó là bông hoa súng hoặc hoa lục bình màu tím thường xuất hiện trên sông nước làng quê Việt Nam:

“Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm

Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng

Hoa lục bình tím cả bờ sông...”

(*Trở về quê nội* - Lê Anh Xuân)

Màu tím của bông hoa lục bình kết hợp với màu xanh của dòng sông quê tạo nên một gam màu trầm nền nã, gợi nên khung cảnh dễ chịu, yên bình. Đặc biệt, động từ “mọc” được đảo lên đầu câu:

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc”

thể hiện sự phát hiện bất ngờ, tự nhiên và đầy thích thú của tác giả. Khung cảnh mùa xuân đó còn có tiếng chim chiền chiện hót vang trời - một loại chim nhỏ hơn chim sẻ, thường xuất hiện nơi đồng ruộng hay những chỗ bãi quang đãng, tiếng hót vang xa và đặc biệt khi hót thường bay vút lên

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác chỉ tiếng chim hót → cảm nhận tinh tế, sáng tạo.
+ Hành động “đưa tay hứng”: thể hiện sự trân trọng, nâng niu tới những thứ tồn tại của tự nhiên đất trời.

2. Cảm xúc mùa xuân với hình ảnh đất nước trong kháng chiến và lao động

“Mùa xuân người cầm súng

... Cúi đi lên phía trước.”

- Hình ảnh “người cầm súng” lộc dất đầy trên lưng: sự nghiệp đấu tranh và bảo vệ đất nước.

- Hình ảnh “người ra đồng”: con người trong lao động sản xuất thu hoạch được mùa vụ.

⇒ Hai hình ảnh sóng đôi gắn liền với nhau cho thấy được sự kết hợp giữa hai nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và lao động sản xuất kiến thiết đất nước.

- Hình ảnh “lộc”:

+ Là chồi non của cây.

+ Gắn với người cầm súng, lộc là cành lá ngụy trang.

+ Gắn với người ra đồng, “lộc” báo hiệu một vụ mùa bội thu.

→ “Lộc” là sức sống, là tuổi trẻ sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai.

- Cả dân tộc bước vào mùa xuân với tinh thần, khí thế khẩn trương và náo nhiệt:

trời cao. Tiếng gọi của nhà thơ:

“Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời?”

cất lên thật trong trẻo và thân thương!

Nhà thơ Thanh Hải rất tinh tế khi miêu tả thêm cho bức tranh xuân của mình hình ảnh của “giọt long lanh rơi”. Ở đây, ta có thể phỏng đoán theo hai trường hợp, hoặc là hình ảnh thực của những giọt sương ban mai khẽ đọng trên những lá cây xanh non tinh khiết và trong thuần, hoặc nhà thơ đã sử dụng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác từ thính giác sang thị giác trong cảm nhận để biến tiếng chim hót thành “giọt long lanh”. Tiếng chim vốn dĩ chỉ nghe được mà giờ đây có thể nhìn thấy được rõ thành giọt. Hành động: *“Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng”* thể hiện được sự trân trọng, nâng niu tới những thứ tồn tại vốn thuộc về tự nhiên đất trời, dù là bé nhỏ nhất.

Cảnh vật thiên nhiên trong mùa xuân được hiện lên thật giản đơn, trong trẻo, sinh động với bút pháp chấm phá, bởi những chi tiết nhỏ xinh như thế!

Không chỉ với cảnh vật thiên nhiên, nhà thơ còn hòa cảm xúc ngày xuân với hình ảnh đất nước trong kháng chiến và lao động sản xuất

“Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xô nhau

Hình ảnh “người cầm súng” “lộc giắt đầy trên lưng” gợi nhớ về sự nghiệp đấu tranh ngoan cường của dân tộc và hành trình bảo vệ vun đắp bình yên đất nước như ngày hôm nay. Bên cạnh đó còn là hình ảnh “người ra đồng” - người nông dân, những con người trong lao động sản xuất, thu hoạch mùa vụ,

*“Tất cả như hồi hải
Tất cả như xông xáo”*

- Điệp cụm từ “tất cả như” đã nhấn mạnh không khí làm việc của người dân, đồng thời cũng thể hiện được tinh thần tích cực của một đất nước hòa bình.
 - Nhớ lại lịch sử hào hùng đất nước bốn ngàn năm với bao thăng trầm để dệt nên những trang sử vàng, truyền thống và bất diệt.
 - So sánh “đất nước như vì sao”, vật thể của vũ trụ bao la bất diệt:
 - + Vẻ đẹp tiềm ẩn của đất nước.
 - + Thái độ quý trọng đất nước.
 - Ý thức được sự quý giá của đất nước đối với mỗi người dân Việt, không bao giờ mất đi, tồn tại vĩnh hằng.
 - + Động từ “đi” kết hợp với phụ từ “cứ” thành “cứ đi lên”.
- Thái độ hiên ngang, kiêu hãnh, đất nước như những vì sao bền bỉ đi trên con đường ấm no, hạnh phúc trong tương lai.

xây dựng đất nước. Hai hình ảnh “người cầm súng” và “người ra đồng” sóng đôi gắn liền với nhau cho thấy được sự kết hợp song song giữa hai nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và lao động sản xuất kiến thiết đất nước. Cả dân tộc bước vào mùa xuân mới với tinh thần, khí thế khẩn trương và náo nhiệt:

*“Tất cả như hồi hải
Tất cả như xông xáo”*

Hai tính từ “hồi hải” (gấp gáp, tất bật vì sợ không kịp việc gì đó, không để ý đến xung quanh) và “xông xáo” (âm thanh, tiếng động rộn lên từ nhiều phía xen lẫn nhau) diễn tả rất chính xác không khí làm việc sôi nổi khẩn trương lúc đó. Điệp từ “tất cả” được lặp lại ba lần và được đảo lên đầu câu đã nhấn mạnh sự đồng tâm hiệp lực, sự đoàn kết trong lao động của tất cả mọi người.

Nhà thơ tự hào, xúc động nhớ lại lịch sử hào hùng đất nước bốn ngàn năm với bao thăng trầm để dệt nên những trang sử vàng, truyền thống và bất diệt. Trải qua tất cả, đất nước vẫn đang từng ngày hồi sinh:

*“Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước”*

Việc so sánh “đất nước như vì sao”, gắn với một vật thể tinh tú của vũ trụ bao la bất diệt để nói lên vẻ đẹp tiềm ẩn của đất nước - một đất nước nhỏ bé được dệt nên vẻ đẹp bởi cảnh sắc thiên nhiên, bởi những tinh thần quật cường, từ những điều giản dị tự nhiên nhất của lối sống, phong tục,... Qua đó, tác giả đã bộc lộ được thái độ quý trọng đất nước. Động từ “đi” kết hợp với phụ từ “cứ đi lên” cho thấy một thái độ hiên ngang, kiêu hãnh.

Đất nước vẫn đang bần bĩ đi đi trên con đường ảm
no, hạnh phúc trong tương lai. Sự tự hào, niềm tin
vào sự phát triển đi lên của nhà thơ đã được thể
hiện tập trung ở khổ thơ này.

3. VẤN ĐỀ 3.

ƯỚC NGUYỆN HÓA THÂN ĐỂ DÂNG HIẾN CHO CUỘC ĐỜI (KHỔ 4 VÀ KHỔ 5)



- Ước nguyện của nhà thơ:

+ Hóa thân thành con chim, cành hoa, nốt nhạc - những thứ nhỏ bé, giản đơn.

+ Điệp từ “ta làm”, “ta nhập”.

→ Nhấn mạnh lòng sốt sắng, nhiệt thành của tác giả.

- Hình ảnh tiếng chim hót đã xuất hiện ở khổ đầu, giờ được lặp lại ở khổ thơ 4 và 5 đã thể hiện sự đăng đối về mặt hình ảnh, đồng thời khẳng định ước nguyện bền chặt của tác giả.

- Tác giả tự nhận mình là “mùa xuân nho nhỏ”: tự tin sống đẹp, sống có ích để góp những điều tinh túy của bản thân cho cuộc đời.

- Đáng trân trọng hơn, sự hóa thân dâng hiến đó không chỉ là mong nguyện của tuổi trẻ mà là cả một cuộc đời.

“Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc”

+ Điệp từ “dù” đã nhấn mạnh điều này.

Từ sự yêu đời, yêu người, nhận thấy được cuộc sống này quá đáng yêu và còn biết bao điều đáng sống, nhà thơ đã không chần chừ mà muốn mình được hóa thân thành con chim, cành hoa, nốt nhạc trầm - những thứ tuy nhỏ bé, giản đơn nhưng điểm tô cho đời:

“Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.”

Điệp từ “ta làm”, “ta nhập” được lặp lại và đảo lên đầu câu thơ càng nhấn mạnh hơn lòng sốt sắng, nhiệt thành của tác giả.

Một điều đặc biệt nữa, hình ảnh và tiếng chim hót xuất hiện ngay từ khổ đầu và giờ được lặp lại ở khổ bốn và khổ năm đã thể hiện sự đăng đối về mặt hình ảnh. Đồng thời, khẳng định ước nguyện bền chặt của tác giả. Như từ phần nhan đề đã nói, mùa xuân luôn tượng trưng cho những điều tốt đẹp. Nhà thơ mong nguyện và tự nhận mình là mùa xuân, có nghĩa là ông đã tự tin mình sống đẹp, sống có ích để góp những tinh túy của bản thân dâng hiến cho cuộc đời. Tuy nhiên, đó lại chỉ là “nốt trầm”, là “mùa xuân nho nhỏ” chứng tỏ tác giả đã ý thức được sự đóng góp, điểm tô của mình chỉ là một phần rất nhỏ bé, khiêm nhường nhưng tinh túy, “xao xuyến”. Nhà thơ Thanh Hải đã ý thức được vai trò, vị trí cá nhân trong mối quan hệ chung với tập thể, với cộng đồng, với cuộc đời này! Đặc biệt, trong hoàn cảnh đang lâm bệnh nặng và chỉ một tháng sau là ông qua đời, ta mới thấy được lời ca trên thật có ý nghĩa và đáng quý trọng biết nhường nào!

4. VẤN ĐỀ 4.

LỜI NGỢI CA QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC THÔNG QUA LÀN ĐIỀU DÂN CA XỨ HUẾ
(KHỔ CUỐI)

1

Hát khúc hát quê hương

2

Ngợi ca quê hương, đất nước

3

Yêu và tự hào về đất nước

<i>"Mùa xuân – ta xin hát Câu Nam ai, Nam bình Nước non ngàn dặm mình Nước non ngàn dặm tình Nhịp phách tiền đất Huế."</i> - Trong cảm xúc mùa xuân, đất trời tươi mới, đẹp xanh non, tác giả muốn được cất lên câu hát của làn điệu quê hương Nam ai Nam Bình. + Tình cảm đặc biệt dành cho quê hương + Khúc hát quê còn gợi nhắc về sự thủy chung, son sắt + Niềm tự hào, quý trọng giá trị văn hóa của dân tộc.	Khổ cuối là lời ngợi ca quê hương đất nước thông qua làn điệu dân ca xứ Huế. Trong cảm xúc mùa xuân, đất trời giao hòa làm nên sự tươi mới, đẹp xanh non, nhà thơ Thanh Hải đã cất lên câu hát của làn điệu quê hương Nam ai, Nam bình thật xúc động và thân thương: <i>"Mùa xuân - ta xin hát Câu Nam ai, Nam bình Nước non ngàn dặm mình Nước non ngàn dặm tình Nhịp phách tiền đất Huế."</i> Đó là tiếng lòng ấm áp, gắn bó của một người con sinh ra ở xứ Huế. Từ khúc hát quê đó mà những giá trị văn hóa truyền thống được khơi gợi. Là sự gợi nhắc về tình nghĩa thủy chung son sắt. Là niềm tự hào, yêu mến những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc. Khúc hát gửi gắm ân tình vẹn tròn của tác giả dành cho xứ Huế nói riêng và cho non sông đất nước Việt Nam nói chung. "Nhịp phách tiền đất Huế" vang lên như một dư âm bất hủ của tình người, của niềm yêu đời, yêu người.
---	---

VIẾNG LĂNG BÁC

Viễn Phương

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Viễn Phương (1928 – 2005), tên khai sinh là Phan Thanh Viễn.
- Quê quán: tỉnh An Giang.
- Là cây bút tiêu biểu của lực lượng văn nghệ miền Nam trong cả hai thời kì kháng Pháp và Mĩ.

- Thời gian: Sáng tác vào tháng 4 năm 1976
- Hoàn cảnh sáng tác: một năm sau sau khi cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi, nhà thơ ra miền Bắc vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ được ra đời vào dịp đó.
- Xuất xứ: in trong tập thơ *Như mây mùa xuân* (1978)
- Bố cục: 3 phần
 - + Khổ 1 và khổ 2: Cảm xúc nhà thơ trước khi vào lăng viếng Bác.
 - + Khổ 2: Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác.
 - + Khổ cuối: Cảm xúc của nhà thơ sau khi rời lăng Bác.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Cảm xúc của nhà thơ
khi đứng trước lăng Bác

2

Cảm xúc của nhà thơ khi
vào lăng viếng Bác

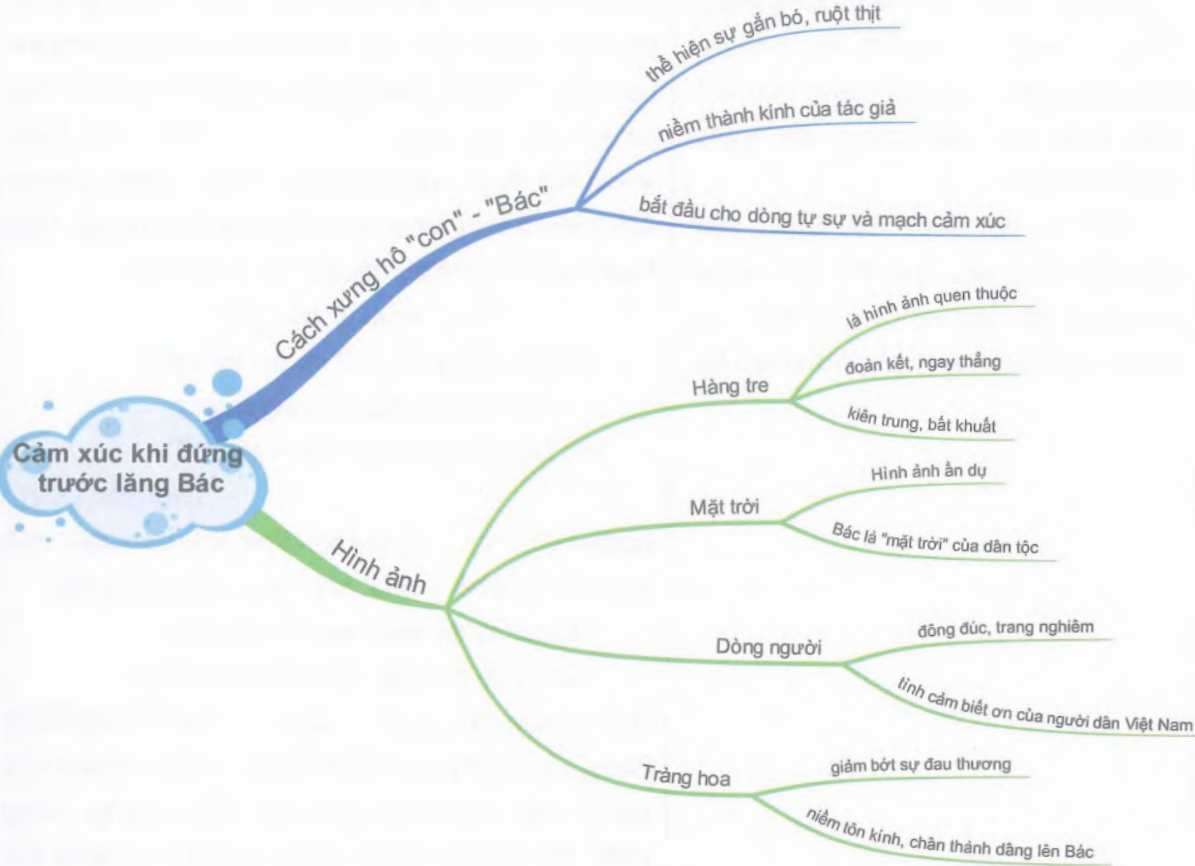
3

Cảm xúc của nhà thơ
sau khi rời lăng

4

Đặc sắc nghệ thuật

1. VẤN ĐỀ 1: CẢM XÚC CỦA NHÀ THƠ KHI ĐỨNG TRƯỚC LĂNG BÁC



TRỌNG TÂM KIẾN THỨC	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Mở đầu là tiếng lòng tình cảm, tự nhiên của người con Nam Bộ: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”. + Cách xưng hô “con - bác”: tình cảm thân thiết như ruột thịt thể hiện niềm thành kính, xúc động thiêng liêng trong trái tim tác giả.	Mở đầu khổ thơ là tiếng lòng của người con Nam Bộ được bộc lộ một cách tự nhiên, xúc động: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”. Cách xưng hô “con” với “Bác” thân thiết, gắn bó như tình cảm ruột thịt. Đây cũng là một lời nói chuyện, một lời tâm sự nhẹ nhàng, bắt vào mạch cảm xúc cho toàn bài thơ. Nhà thơ Viễn Phương đã dùng từ “ra thăm” chứ không phải ra viếng, để cho thấy được tình cảm dành cho vị cha già kính yêu rất đặc biệt. Trong lòng ông vẫn coi như Bác vẫn đang còn sống mãi, lần này ra Bắc đơn giản chỉ là một cuộc đến thăm hỏi Người mà thôi.

- Hình ảnh thân quen, gần gũi:
+ Hàng tre xanh Việt Nam đứng thẳng hàng → hình ảnh quen thuộc của làng quê nông thôn, tượng trưng cho tinh thần đoàn kết, kiên trung của người dân Việt Nam.
⇒ Nhớ lại hai cuộc đấu tranh kiên cường chống giặc của dân tộc và biết ơn công lao tìm ra con đường cứu nước của Bác, trân trọng hơn hiện tại.

+ Hình ảnh mặt trời và liên tưởng tới Bác.
+ Mặt trời đi qua trên lăng: mặt trời thực của tự nhiên vũ trụ.
+ Mặt trời trong lăng: Bác Hồ.
→ Hình ảnh ẩn dụ, sáng tạo; dựa trên sự tương đồng về mặt bản chất.

Đứng trước lăng Bác, nhà thơ đã quan sát và thấy được hình ảnh hàng tre xanh vô cùng thân thương và gần gũi: “Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát”. Tre thể hiện cho sức mạnh tinh thần của cả một dân tộc: kiên cường, đoàn kết, bền bỉ, luôn vươn lên vượt khó trong mọi hoàn cảnh; là hình ảnh biểu tượng cho khí chất của con người Việt Nam suốt dọc chiều dài lịch sử từ xa xưa:

“Tre xanh xanh tự bao giờ
Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?”

(Nguyễn Duy)

Ngày hôm nay, chứng kiến hình ảnh tre xanh, nhà thơ nhớ lại phẩm chất, tinh thần kiên trung đó:

“Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Giông tố mưa sa đứng thẳng hàng.”

Dù trải qua “giông tố”, nhưng tre vẫn “đứng thẳng hàng”, trụ vững vươn cao, cũng như tinh thần của người dân Việt Nam gan dạ, kiên cường “*sáng chấn bão giông, chiều ngăn nắng lửa*” của kẻ thù để đấu tranh và bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Và trong dòng xúc cảm đó, nhà thơ nhớ ngay đến Bác với một lòng biết ơn sâu sắc!

Nhà thơ đã sử dụng hình ảnh ẩn dụ, lấy “mặt trời tự nhiên” để chỉ Bác:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

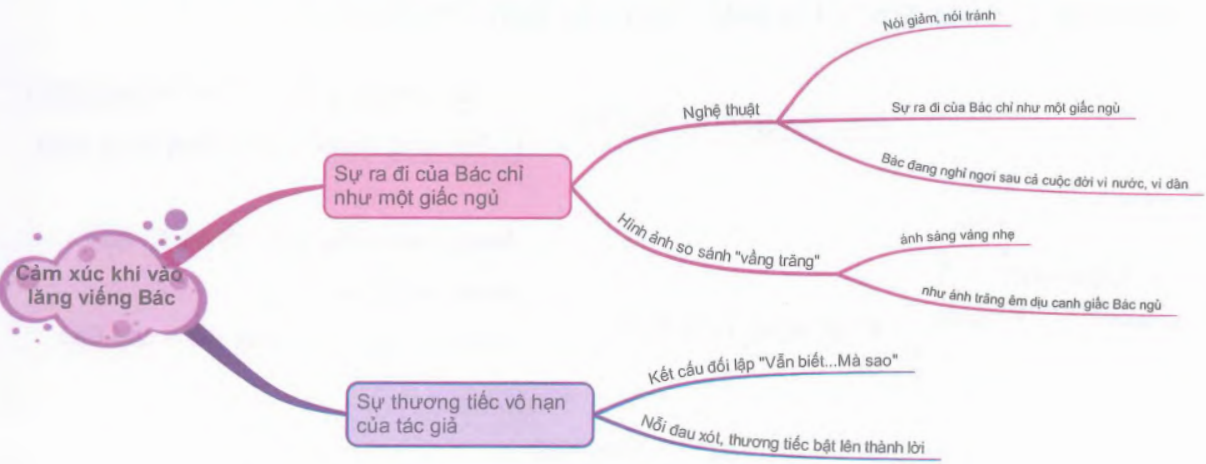
Hình ảnh ở câu thơ thứ nhất: “mặt trời trên lăng” là mặt trời của tự nhiên vũ trụ. Còn hình ảnh ở câu thơ thứ hai: “mặt trời trong lăng” chính là hình ảnh ẩn dụ để chỉ Bác Hồ. Sự liên tưởng này dựa trên những nét tương đồng về mặt bản chất. Mặt trời của vũ trụ bao la tỏa ánh sáng, ban phát sự sống cho muôn loài, cũng giống như Bác Hồ - người đã tìm ra con đường cứu nước, đem lại độc lập tự do cho dân tộc.

Mặt trời tự nhiên	Bác Hồ
Đem lại ánh sáng, mang lại sự sống cho muôn loài.	Tìm ra con đường cứu nước, đem lại con đường độc lập tự do cho dân tộc.
Thực thể của tự nhiên vũ trụ bao la, tồn tại vĩnh cửu, không bao giờ mất đi.	Bác Hồ bắt tử với non sông, đất nước Việt Nam.
Chỉ có duy nhất một mặt trời của tự nhiên.	Là duy nhất trong lòng người dân nước Việt.

Nếu như mặt trời của tự nhiên là thực thể của vũ trụ bao la, tồn tại vĩnh hằng, không bao giờ mất đi thì Bác của chúng ta cũng sẽ mãi bất tử với người dân Việt Nam, trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi Bác đã ra đi. Trên trái đất này chỉ tồn tại duy nhất một mặt trời tự nhiên, cũng như Bác, luôn ngự trị ở vị trí số một trong trái tim của những người con đất Việt - chỉ có một trên đời. Hình ảnh “dòng người” kết tràng hoa dâng kết hợp với trạng từ chỉ thời gian “ngày ngày” đã là minh chứng rất rõ cho tấm lòng, tình cảm thương nhớ, biết ơn đó tới vị cha già kính yêu của dân tộc của người dân trên khắp mọi miền của Tổ quốc.

- Hình ảnh “dòng người” kết “tràng hoa” dâng vào lăng viếng Bác và trạng từ chỉ thời gian “ngày ngày”: Người dân khắp mọi miền đất nước vào lăng viếng Bác, thể hiện tình cảm biết ơn, của người dân Việt Nam dành cho vị lãnh tụ dân tộc.

2. VẤN ĐỀ 2: CẢM XÚC CỦA NHÀ THƠ KHI VÀO LĂNG VIẾNG BÁC



- Cách diễn đạt: “Bác ngủ trong giấc ngủ bình yên”/ “Giữa vầng trăng sáng dịu hiền”:

+ Nghệ thuật so sánh “vầng trăng sáng dịu hiền”: ánh sáng vàng nhẹ phả chiếu vào thi hài Bác như ánh trăng êm dịu soi giấc Bác nghỉ ngơi.

+ Nghệ thuật nói giảm nói tránh: Sự ra đi của Bác chỉ như một giấc ngủ. Bác như nghỉ ngơi sau một cuộc đời vì nước, vì dân.

⇒ Giảm bớt nỗi đau hiện thực và mong muốn Bác yên nghỉ thanh thản.

- Hai câu thơ cảm thán:

“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!”

+ Dù tự dặn lòng sự ra đi của Bác chỉ như một giấc ngủ, mãi trường tồn nhưng nhìn lại vào thực tại Bác đã ra đi mãi mãi khiến nhà thơ đau xót và tiếc thương “đau nhói”.

→ Tình cảm đặc biệt dành cho Bác: trân trọng, thương xót vô hạn. Đồng thời, tiếp nối mạch cảm xúc tiếc thương nghẹn ngào từ hai khổ đầu.

Nhà thơ tự cho rằng Bác đang chìm vào một giấc ngủ nghìn thu:

“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”

Vầng trăng sáng dịu hiền ở đây chỉ ánh sáng vàng dịu nhẹ của ánh đèn phả chiếu vào thi hài, giúp cho khách thăm có thể được trông rõ Bác hơn. Nghệ thuật nói giảm nói tránh “nằm trong giấc ngủ bình yên” cùng với cách diễn đạt độc đáo đó khiến cho ta thấy sự ra đi của Bác chỉ như một giấc ngủ, để giảm bớt nỗi đau hiện thực và cũng là thể hiện ước nguyện Bác được yên nghỉ thanh thản.

Dù đã tự dặn lòng rằng, sự ra đi của Bác chỉ là một giấc ngủ nhẹ nhõm, thanh thản, Bác vẫn còn sống mãi trong trái tim của mọi người, đó là một tình cảm bất biến, vĩnh hằng, như sự hiện diện lẽ thường của tự nhiên: “trời xanh là mãi mãi” nhưng khi nhìn lại vào thực tại Bác đã ra đi, khiến cho nhà thơ không khỏi đau xót và tiếc thương:

“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!”

Câu thơ cảm thán đã nhấn mạnh rất thấm lòng tiếc thương vô hạn của tác giả dành cho Bác.

3. VẤN ĐỀ 3: CẢM XÚC CỦA NHÀ THƠ KHI RỜI LĂNG BÁC



- Rời khỏi lăng Bác nhưng vẫn chưa thôi niềm xúc động, nghĩ đến cảnh quay trở về miền Nam mà nhớ thương Bác: “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”.

- Muốn hóa thân thành con chim, cây tre trung hiếu, đóa hoa tỏa hương - những thứ được gắn bó bên Bác:

+ Điệp ngữ “muốn làm” được nhắc tới ba lần và được đảo lên đầu ba câu thơ.

→ Nhấn mạnh tình cảm nhớ thương và ước nguyện hóa thân, gắn bó cạnh Bác đến khao khát cháy bỏng.

⇒ Khổ cuối này là đỉnh điểm của cao trào cảm xúc và ước nguyện. Nó được biến thành hành động và tâm nguyện cụ thể. Điều này càng khắc họa rõ tấm lòng, tình cảm sâu sắc của nhà thơ dành cho Bác.

Rời lăng Bác nhưng nhà thơ Viễn Phương vẫn không thôi niềm xúc động. Nghĩ đến cảnh rời xa Bác quay trở lại miền Nam mà nhớ thương Người: “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”

Để rồi sự khắc khoải nhớ thương Bác là động lực cho ước nguyện muốn hóa thân thành những gì gần gũi, gắn bó với Bác nhất:

“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”.

Đó là con chim hót quanh lăng Bác, là đóa hoa tỏa hương, là cây tre trung hiếu. Vốn rất đối giản dị nhưng trong hoàn cảnh này lại là những sự vật có thể được cạnh Bác lâu bền nhất. Điệp ngữ “muốn làm” được lặp lại những ba lần và được đảo lên ngay đầu cả ba câu thơ có tác dụng nhấn mạnh tấm lòng và ước nguyện hóa thân của chính tác giả đến thôi thúc, khao khát cháy bỏng. Khổ thơ cuối này là đỉnh điểm của cao trào cảm xúc, tình cảm đến nỗi biến thành ước nguyện hóa thân cụ thể. Điều này càng khắc họa rõ tấm lòng, tình cảm sâu sắc của nhà thơ dành cho Bác.

4. VẤN ĐỀ 4: ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Nhan đề

1

Thể thơ

2

Hình ảnh
ẩn dụ,
so sánh

3

Điệp từ,
điệp ngữ,
câu thơ

4

- Nhan đề: hành động cụ thể “Viếng lăng Bác” → Lòng kính cẩn thiêng liêng với Bác ngay từ nhan đề.
 - Thể thơ 8 chữ, kết hợp phương thức tự sự với trữ tình; nhịp thơ chậm rãi nhưng lại cao trào cảm xúc → Thích hợp cho việc kể và giải bày tâm trạng, cảm xúc.
 - Sử dụng hình ảnh ẩn dụ, so sánh độc đáo → Diễn tả tình cảm đặc biệt dành cho Bác.
 - Sử dụng điệp từ, điệp ngữ; câu thơ cảm thán → Tăng khả năng gợi cảm và nhấn mạnh tấm lòng của nhà thơ.
 - Ngôn ngữ thơ bình dị, giọng thơ chậm rãi.
- Sự thành kính thiêng liêng và mộc mạc chân thành.
- Mạch cảm xúc đi theo trình tự hợp lí → chân thực, tự nhiên.

Bài thơ *Viếng lăng Bác* chứa đựng nhiều đặc sắc về mặt nghệ thuật. Chính những phương diện nghệ thuật này đã giúp cho độc giả thấm được tình cảm của nhà thơ dành cho Bác với một niềm xúc động rưng rưng, thành kính.

Với hành động cụ thể: “viếng lăng Bác”, nhà thơ đã thể hiện rõ lòng kính cẩn thiêng liêng với Bác ngay từ nhan đề. Thể thơ 8 chữ tương đối dàn trải câu chữ; phương thức tự sự và trữ tình, kết hợp với nhịp thơ chậm rãi rất thích hợp cho việc kể và giải bày tâm trạng và cảm xúc. Bên cạnh đó, nhà thơ còn sử dụng rất nhiều những hình ảnh ẩn dụ, so sánh độc đáo, gợi cảm như: “mặt trời trong lăng”, “vàng trắng sáng dịu hiền” để diễn tả một cách hiệu quả, đặc địa tình cảm đặc biệt dành cho Bác. Việc sử dụng các điệp từ, điệp ngữ với những câu thơ cảm thán đã nhấn mạnh được tấm lòng, tình cảm cảm xúc của nhà thơ một cách trực tiếp.

Giọng thơ trong toàn tác phẩm chậm rãi nhưng lại cao trào cảm xúc với ngôn ngữ thơ bình dị cô đúc, vừa thể hiện được lòng thành kính thiêng liêng, vừa thể hiện được sự chân thành mộc mạc của chính tác giả. Hơn thế nữa, mạch cảm xúc đi theo dòng tâm trạng và biểu cảm của nhân vật tôi theo trình tự hợp lí: từ khi mới đặt chân đứng trước lăng Bác cho đến khi vào trong lăng và rời lăng làm cho độc giả như hòa vào làm một với dòng cảm xúc của tác giả khiến cho bài thơ thật chân thực và tự nhiên.

SANG THU

Hữu Thịnh

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Hữu Thịnh sinh năm 1942.
- Quê quán: Tam Dương – Vĩnh Phúc.
- Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.
- Là hồn thơ với những cảm xúc băng khuâng, nhẹ nhàng, mộc mạc, tinh tế và rất sâu lắng.

- Bài thơ được sáng tác vào thu 1977.
- In lần đầu trên báo Văn nghệ, sau được in trong tập *Từ chiến hào đến thành phố* (1991).

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Hoàn cảnh ra đời
và ý nghĩa nhan đề

2

Cảm nhận về những dấu
hiệu giao mùa đầu tiên

3

Những chuyển biến rõ
nét của cảnh vật

4

Suy ngẫm và chiêm nghiệm
của nhà thơ

1. VẤN ĐỀ 1: HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ Ý NGHĨA NHÂN ĐỀ

1. Hoàn cảnh sáng tác

Gần cuối năm 1977, in lần đầu trên báo Văn nghệ. Sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ. Trong đó có tập thơ *Từ chiến hào đến thành phố*, xuất bản năm 1991.

2. Nhân đề

“Sang thu” vừa nói đến sự giao mùa của đất trời, vừa nói đến những biến đổi của lòng người (tâm hồn con người như hòa trộn, gắn bó mật thiết với những bước đi của tự nhiên).

“Sang thu” còn ngầm nói đến những con người đã bước vào một giai đoạn khác của cuộc đời - tuổi trung niên, nên cảm thấy bịn rịn, lưu luyến với những năm tươi trẻ đã qua và có những chiêm nghiệm về cuộc đời, con người.

2. VẤN ĐỀ 2: CẢM NHẬN VỀ NHỮNG DẤU HIỆU GIAO MÙA ĐẦU TIÊN



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Những dấu hiệu đầu tiên của sự giao mùa - Hương ổi: + Mùi hương đặc trưng của làng quê Bắc Bộ vào những ngày thu. + Động từ “<i>Phả</i>”: → tỏa ra, trộn lẫn. ⇒ Hương ổi nồng nàn, quyến rũ lan tỏa khắp không gian. ⇒ Tác giả đã phát hiện ra dấu hiệu đầu tiên - hương sắc mùa thu bằng những cảm nhận tinh tế của khứu giác. - Gió se: gió nhẹ, khô, chớm lạnh. ⇒ Tác giả cảm nhận qua xúc giác. - Sương: + Hạt nhỏ li ti, đan kết thành một làn sương mỏng nhẹ. + “<i>chùng chình</i>” ⇒ chuyển động chậm, thong thả. ⇒ Giống như một con người, cũng có tâm hồn. ⇒ Tác giả sử dụng thị giác để cảm nhận sự thay đổi của sự vật. 2. Cảm xúc của tác giả - “<i>Bỗng</i>”: giật mình hơi bối rối - “<i>Hình như</i>”: sự băn khoăn, chưa chắc chắn. ⇒ Tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng của tác giả trước những tín hiệu nhẹ nhàng đến bất ngờ của đất trời lúc chuyển giao	Nhắc đến mùa thu, người ta thường nghĩ ngay đến hương cốm thơm lừng: “Mùa thu hương cốm gọi về Xốn xang đến lạ hương quê đầu mùa” (Mùa cốm gọi thu về - Vũ Dung) hay hương hoa sữa nồng nàn: “Thu đã về rồi em biết không Mùi hương hoa sữa tỏa thơm nồng” (Mùi hoa sữa - Hồ Viết Bình) Nhưng Hữu Thỉnh lại có những cảm nhận rất riêng, với ông, dấu hiệu của mùa thu bắt đầu từ “<i>hương ổi</i>” - thứ hương thơm nồng nàn, quyến rũ, dân dã, quen thuộc của đồng quê Bắc Bộ Việt Nam. Mùi hương ấy lan tỏa khắp không gian, tác động mạnh đến khứu giác của nhà thơ, nó được biểu hiện rõ qua động từ “<i>phả</i>”. Đây là động từ mạnh, gọi tả sự khuếch tán rộng rãi, “<i>hương ổi</i>” như quyến sánh cùng “<i>gió se</i>”, được gió mang đi đến mọi ngõ ngách. Không chỉ có “<i>hương ổi</i>”, những làn “<i>gió se</i>” khô, hơi lạnh hay sự chuyển động nhẹ nhàng của màn sương mỏng cũng là dấu hiệu báo thu về mà tác giả đã cảm nhận được. Qua mắt nhìn tinh tế của một tâm hồn nghệ sĩ, Hữu Thỉnh đã thổi hồn cho những sự vật: “<i>Sương chùng chình qua ngõ</i>”. Với tác giả, làn sương mỏng nhẹ đang lững lờ trôi trên không trung kia giống như một con người, cũng có cảm xúc. Từ “<i>chùng chình</i>” diễn tả sự lưỡng lự, luyến tiếc như chưa muốn chia tay mùa hạ của làn sương, nên nó gồng bước thật chậm chạp “qua ngõ”. Ngõ ở đây vừa mang ý nghĩa tả thực để chỉ những ngõ xóm quanh làng, đường phố; vừa mang ý nghĩa ẩn dụ cho cửa ngõ thời gian thông giữa hai mùa hạ và thu. Trước những tín hiệu vô hình, mờ ảo của mùa thu, nhà thơ cảm thấy ngỡ ngàng, băng khuâng: “<i>Bỗng</i>” là cái giật mình, hơi bối rối và “<i>Hình như</i>” thể hiện sự hoài nghi, như còn chưa chắc chắn về sự xuất hiện của mùa thu.

Tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật. Có lẽ phải yêu mùa thu lắm, yêu cảnh vật, hương sắc của quê hương biết nhường nào thì nhà thơ mới có những nhận biết tinh tế về sự giao mùa của đất trời đến vậy.

3. VẤN ĐỀ 3: NHỮNG CHUYỂN BIẾN RÕ NÉT CỦA CẢNH VẬT



Nguồn: Internet

Tín hiệu vô hình

Hương ổi

Mùi hương quen thuộc

Động từ "phả"

Cảm nhận bằng khứu giác

Gió se

khô, hơi lạnh

Cảm nhận bằng xúc giác

Sương

Giăng mắc trong không gian

Từ láy "chùng chình"

Cảm nhận bằng thị giác

Cảm xúc của nhà thơ

Từ "bồng": bồng rỗi

Từ "hình như": chưa chắc chắn

- Nghệ thuật đối lập + nhân hóa:

Sông “*dềnh dàng*” >< Chim “*vội vã*”:

+ Dòng sông mùa thu chậm chạp, lững lờ trôi như đang nghỉ ngơi, suy nghĩ sau một mùa hè.

+ Chim “*bắt đầu*” bay đi tránh rét ảm nhận tinh tế.

⇒ Ở thời điểm giao mùa, hoạt động của mọi vật diễn ra theo chiều hướng khác nhau.

- Hình ảnh đám mây:

+ Liên tưởng:

⇒ Mây mềm, nhẹ như dải lụa.

⇒ Mây như chiếc cầu nối giữa hai mùa.

+ Nhân hóa: đám mây có cảm xúc.

⇒ Nửa muốn đi nửa không.

⇒ Mọi vật đều trở nên có hồn, sống động hơn mỗi khi thu về.

Cái cảm giác mơ hồ về sự xuất hiện của mùa thu giờ đã nhường chỗ cho sự chắc chắn trước những tín hiệu hữu hình báo thu đã về:

*“Sông được lúc **dềnh dàng***

*Chim **bắt đầu** vội vã”*

Hai câu thơ tạo nên sự đối lập trong chuyển động của cảnh vật: dòng sông mùa thu không còn dữ dội, dâng trào như trong những ngày mưa lũ của mùa hạ; thay vào đó là trạng thái “*dềnh dàng*”, lững lờ, nhẹ trôi như đang nghỉ ngơi, ngẫm ngợi, suy tư sau những ngày tháng mệt mỏi vì phải oằn mình vượt thác leo ghềnh. Trái ngược với sự thong thả của dòng nước mùa thu là sự gấp gáp, khẩn trương của những chú chim chuẩn bị bay đi tránh rét. Điểm đặc biệt ở đây là những sự thay đổi trong lòng tạo vật ấy chỉ mới là chớm nở: sông “*được lúc*” *dềnh dàng* thôi chứ không phải sông *dềnh dàng*, chim “*bắt đầu*” *vội vã* chứ không phải đang *vội vã*. Phải tinh tế lắm thì nhà thơ mới bắt được trạng thái này. Cũng như Hữu Thỉnh, Huy Cận cũng thể hiện cái nhìn tinh tế của mình khi phát hiện cánh chim chao nghiêng khi phải chịu “*trọng lượng*” của bóng chiều: “*Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*”.

Không chỉ có dòng sông, những chú chim là có sự đổi khác khi vào thu, mà mây trời cũng có sự chuyển mình đáng kể:

“Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

Dưới cái nhìn của một thi nhân, đám mây mùa hạ mềm mại như chiếc khăn voan mỏng nhẹ của người thiếu nữ duyên dáng được vắt ngang trên bầu trời, tạo thành nhịp cầu bắc ngang giữa hai đầu thu hạ: một nửa còn đang mùa hạ, một nửa đã ở bên thu; một nửa còn lưu luyến mùa hạ, một nửa đã mãi mê trước vẻ đẹp của thu. Bằng sự liên tưởng phong phú kì lạ về thời gian và không gian, nhà thơ đã thổi hồn cho cảnh vật; vẽ nên một bức tranh giao mùa độc đáo với những nét riêng, nét mới trong sự rung cảm tinh tế của mình.

4. SUY NGẪM VÀ CHIÊM NGHIỆM CỦA NHÀ THƠ



a. Các hiện tượng thiên nhiên lúc giao mùa: nắng, mưa, sấm.

b. Các từ ngữ: “vẫn còn”, “đã voi”, “cũng bớt”.

⇒ Cảm nhận tinh tế của nhà thơ

⇒ Đặc trưng của mùa hạ đang giảm dần mức độ làm nổi bật sự xuất hiện rõ nét của mùa thu.

Mùa thu đến mang theo sự hài hòa, dịu nhẹ. Những hiện tượng thiên nhiên như: nắng, mưa, sấm đã không còn gay gắt, ồ ạt như mùa hạ sôi nổi nữa, mà đã giảm nhẹ mức độ, lắng dần và chùng mực hơn. Điều đó được thể hiện rõ nét qua những từ ngữ: “vẫn còn”, “đã voi”, “cũng bớt”. Nắng mùa thu không còn chói gắt, mưa không còn xối xả và sấm cũng không còn rền vang. Hữu Thỉnh tinh tế đến mức đông đếm được cả liều lượng nhiều, ít của hiện tượng tự nhiên; đặc trưng của mùa hạ đang giảm đi để làm nổi bật sự xuất hiện rõ nét của mùa thu.

c. Hình ảnh: “sấm” - “hàng cây”

- Nghĩa thực: tiếng sấm mùa hạ đã bớt, giảm đi sự rền vang; hàng cây lâu năm không còn bị giật mình vì tiếng sấm.

- Nghĩa ẩn dụ:

+ “Sấm”: những khó khăn, những điều bất thường trong cuộc sống.

+ “Hàng cây đứng tuổi”: chỉ những con người từng trải.

⇒ Trải qua nhiều giông bão cuộc đời, con người ta sẽ trở nên vững vàng, điềm nhiên trước mọi thách thức; tự tin xử lý các tình huống bất ngờ.

⇒ Đất nước trải qua nhiều năm tháng chiến tranh gian khổ nay đã có thể trụ vững và phát triển đi lên.

Trước những biến chuyển của tạo hóa trong thời khắc giao mùa, nhà thơ dâng trào cảm xúc với những suy tư, chiêm nghiệm về cuộc đời và con người.

“Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi”

Tiếng sấm bất ngờ của những ngày mùa hạ đã không còn nhiều khi nắng thu dịu dàng lướt đến, những hàng cây lâu năm, qua bao mưa nắng, gió bão giờ cũng còn bị giật mình vì tiếng sấm. Đằng sau lớp nghĩa tả thực ấy là những ẩn ý mà tác giả muốn gửi gắm: sấm đâu chỉ là những hiện tượng thiên nhiên bình thường, mà nó chính là những khó khăn, những biến động bất thường của cuộc đời. Hình ảnh “hàng cây đứng tuổi” đâu đơn thuần là cảnh vật lâu năm của tự nhiên, mà nó còn tượng trưng cho những con người từng trải, những con người đã đi qua những năm tháng mùa hạ trẻ trung, tươi tắn, sôi nổi để nay cập bến mùa thu trầm lắng và bình dị. Con người đã bước vào tuổi trung niên, ở sườn dốc bên kia cuộc đời, đã nếm trải biết bao bão giông của cuộc sống, nay trở nên vững vàng, điềm nhiên trước mọi thách thức, tự tin đối mặt và xử lý với các tình huống bất ngờ. Những sóng gió của cuộc đời đã làm họ trở nên dạn dĩ và trơ lì, họ không còn e sợ hay ngỡ ngàng trước bất kì điều gì. Không chỉ đề cập đến con người, ẩn sâu trong hình ảnh ấy, nhà thơ như còn muốn đề cập đến vấn đề đất nước, quê hương: những năm tháng chiến tranh gian khổ đã tôi luyện cho đất nước ta một bản lĩnh quật cường, dũng mãnh, nay có thể trụ vững và phát triển đi lên.

Ý thơ nhẹ nhàng mà thấm thía làm cho người đọc càng thêm thấu hiểu và trân trọng những tâm sự thầm kín bắt nguồn từ một trái tim nồng nàn, đắm say với cảnh sắc và con người.

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

(Trích - Lê Minh Khuê)

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

Lê Minh Khuê

- Sinh năm 1949.
- Quê quán: Tĩnh Gia, Thanh Hóa.
- Là thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mĩ, và là cây bút truyện ngắn tiêu biểu.
- Là một ngòi bút miêu tả tâm lí sâu sắc, tinh tế, đặc biệt khi viết về phụ nữ.

“Những ngôi sao xa xôi” là truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, trong giai đoạn cuộc kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Ý nghĩa nhan đề

2

Hoàn cảnh sống và chiến đấu của tổ thanh niên xung phong

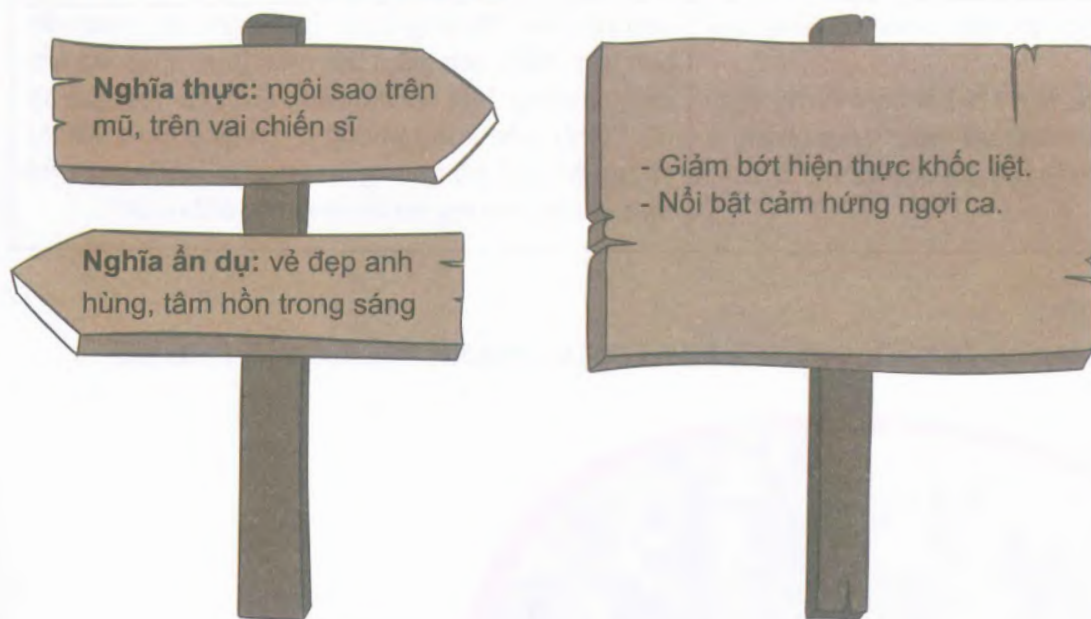
3

Những phẩm chất chung của ba cô gái thanh niên xung phong

4

Nhân vật Phương Định

1. VẤN ĐỀ 1: Ý NGHĨA NHÂN ĐỀ



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Hình ảnh những ngôi sao chỉ là một chi tiết xuất hiện thoáng qua trong kí ức của nhân vật chính Phương Định khi bất chợt có cơn mưa đá. - Đó có thể là ngôi sao trên mũ hoặc trên vai áo người chiến sĩ. - Những ngôi sao là biểu tượng cho vẻ đẹp anh hùng, tâm hồn trong sáng, lãng mạn của những cô gái thanh niên xung phong ở chiến trường Trường Sơn thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Ở họ luôn có những phẩm chất tốt đẹp, có sức cuốn hút kì lạ. Ánh sáng ấy không phô trương mà phải chịu khó tìm hiểu, chúng ta mới cảm nhận được hết vẻ đẹp diệu kì. Họ là những ngôi sao xa xôi đã vượt lên khói bom, đạn lửa, vượt qua cái chết để lung linh, lấp lánh, tỏa sáng trên bầu trời Trường Sơn.	“Những ngôi sao xa xôi” mang đầy ý nghĩa biểu tượng. Hình ảnh những ngôi sao chỉ là một chi tiết xuất hiện thoáng qua trong kí ức của nhân vật chính Phương Định nhưng nó mang một thứ ánh sáng nhiệm màu xua tan đi sự lạnh giá và khốc liệt của chiến tranh, bom đạn. Đó có thể là những ngôi sao trên mũ hoặc trên vai áo người chiến sĩ cách mạng giống như trong bài <i>Núi đồi</i> (Vũ Cao): <i>“Anh đi bộ đội sao trên mũ Mãi mãi là sao sáng dẫn đường”</i> Những ngôi sao tuy bé nhỏ, xa xôi nhưng tỏa rạng trong đêm tối, là biểu tượng cho vẻ đẹp anh hùng, tâm hồn trong sáng, lãng mạn của những cô gái thanh niên xung phong. Họ luôn tỏa rạng ngời những phẩm chất tốt đẹp. Ánh sáng đó không phô trương mà phải chịu khó tìm hiểu thì chúng ta mới thấy hết được vẻ đẹp kì diệu của nó. Những cô gái tuổi còn đôi mươi đó như những ngôi sao xa xôi vượt lên trên lửa đạn chiến tranh,

- Nhan đề góp phần làm giảm bớt hiện thực khốc liệt trên chiến trường đầy bom lửa.

- Nhan đề làm nổi bật cảm hứng ngợi ca thể hệ nữ thanh niên xung phong ở Trường Sơn thời kỳ chống Mỹ.

vượt qua cái chết cận kề để lung linh tỏa sáng trên bầu trời Trường Sơn. Bên cạnh đó, nhan đề còn góp phần làm giảm bớt hiện thực khốc liệt nơi chiến trường, làm nổi bật cảm hứng ca ngợi thể hệ nữ thanh niên xung phong ở Trường Sơn thời kỳ chống Mỹ, thể hệ những con người “không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã làm nên đất nước”.

2. VẤN ĐỀ 2:

HOÀN CẢNH SỐNG VÀ CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ THANH NIÊN XUNG PHONG



Nguồn ảnh: Internet



1. Hoàn cảnh sống, chiến đấu

- Họ ở trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều bom đạn, nguy hiểm, ác liệt.

+ Ở trong một cái hang dưới chân cao điểm.

+ Đường bị đánh lở loét màu đất đỏ trắng lẫn lộn.

+ Hai bên đường không có lá xanh – những thân cây bị tước khô cháy...

Lê Minh Khuê đã đặt những cô gái thanh niên xung phong – “những ngôi sao xa xôi” vào những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ nhất nơi chiến trường để rồi từ nơi đó, chính các chị đã tỏa sáng. Họ là Nho, Thao và Phương Định. Họ ở trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều bom đạn của kẻ thù. Những cô gái tuổi còn đôi mươi ấy sống kiên cường giữa cuộc chiến. Các chị “ở trong một cái hang dưới chân cao điểm... Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh...”.

- + Một vài thùng xăng – ô tô méo mó han gỉ.
- + Thời tiết nóng bức.

2. Công việc

- + Đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom.
 - + Đếm và phá bom chưa nổ.
- ⇒ Những công việc mạo hiểm với cái chết luôn cận kề.

Ở đây không có phố xá, đèn điện, không có cảnh đông vui huyền ảo mà chỉ có đồ nát, tiếng bom, tiếng súng, tiếng đất đá rơi. Công việc của các chị đầy rẫy những hiểm nguy *“khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”*. Công việc mà nghe tên dường như chỉ dành cho nam giới nhưng ở đây Thao, Nho, Phương Định coi đó là bạn đồng hành. Họ sống đã nguy hiểm, họ làm việc còn hiểm nguy gấp trăm ngàn lần. Nhưng càng như thế, chúng ta càng thấy được những vẻ đẹp rực rỡ tỏa ra từ họ. Lê Minh Khuê đã xây dựng thành công quang cảnh của cuộc chiến khốc liệt, nơi đó có những con người trẻ tuổi sẵn sàng sống, chiến đấu và chết vì độc lập tự do của đất nước.

3. VẤN ĐỀ 3:

NHỮNG PHẨM CHẤT CHUNG CỦA BA CÔ GÁI THANH NIÊN XUNG PHONG



- Có tinh thần trách nhiệm cao.
- Dũng cảm, sẵn sàng hi sinh, không ngại khó khăn, gian khổ.
- Có tình đồng đội, đồng chí keo sơn, gắn bó.
- Hay xúc động, mộng mơ, dễ vui, dễ buồn, thích làm đẹp cho cuộc sống của mình.

Phạm Tiến Duật, trong tác phẩm *Gửi em – cô thanh niên xung phong* đã từng viết: *“Cạnh giếng nước có bom từ trường/ Em không rửa ngủ ngày chân lấm/ Ngày em phá nhiều bom nổ chậm/ Đêm nằm mơ nói mớ vang nhà”*. Những cô gái thanh niên xung phong mà Lê Minh Khuê dựng lên trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* là những cô gái như thế. Đó là chị cả Thao, Phương Định và người em út tên Nho. Họ mang khuôn mặt, dáng

hình dân tộc trong thời đại kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ở họ hiện lên muôn vàn những phẩm chất cao quý, tốt đẹp. Đó là tinh thần trách nhiệm cao với công việc, luôn hoàn thành mọi công việc được giao dù khó khăn đến thế nào đi chăng nữa. Hình dáng họ được tạc vào thế kỉ, những cô gái tưởng chừng chân yếu tay mềm đó làm công việc phá bom, đếm bom, lắp hố bom, một công việc nguy hiểm nhưng họ không hề run sợ, nhụt chí. Có hay chăng chỉ là sự hồi hộp, lo lắng nhưng khi bắt tay vào công việc thì vô cùng tỉ mỉ, cẩn thận, dứt khoát và dũng cảm. Bên cạnh đó họ luôn yêu thương, sẻ chia với nhau, giúp đỡ nhau vượt qua mọi những khó khăn, thử thách do cuộc chiến gây ra. Khi trở về với cuộc sống bình yên sau những lần phá bom, họ thể hiện mình là những cô gái yêu đời, mộng mơ, thích ca hát, lạc quan tin tưởng vào cách mạng.

4. NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH



Nguồn ảnh: Internet

- Hoàn cảnh sống và chiến đấu:

+ Nữ thanh niên xung phong của tổ trinh sát mặt đường.

+ Cuộc sống đầy gian khổ, hiểm nguy.

- Vẻ đẹp ngoại hình: xinh đẹp, trẻ trung.

- Vẻ đẹp phẩm chất:

Dũng cảm, ngoan cường, bình tĩnh vượt lên trên mọi hiểm nguy nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao.

+ Tình cảm đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó.

+ Tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhạy cảm, lãng mạn, luôn lạc quan yêu đời.

- Hoàn cảnh sống và chiến đấu.
- Về đẹp ngoại hình: là một cô gái mới lớn xinh đẹp, trẻ trung:
"Tôi là con gái Hà Nội... cô có cái nhìn sao mà xa xăm".

- Về đẹp phẩm chất:

- + Dũng cảm, ngoan cường, bình tĩnh vượt lên trên mọi hiểm nguy nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao.
 - + Tình cảm đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó.
 - + Tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhạy cảm, lãng mạn, luôn lạc quan yêu đời.
- ⇒ Đại diện cho thế hệ thanh niên yêu nước trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Phương Định - cô gái thanh niên xung phong làm nhiệm vụ phá bom trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt. Lê Minh Khuê đã xây dựng thành công một tượng đài đại diện cho thế hệ thanh niên yêu nước lúc bấy giờ. Con người Phương Định là kết tinh của mọi vẻ đẹp nhất. Chị đẹp từ dáng hình *"... tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: Cô có cái nhìn xa xăm..."*. Vẻ đẹp của Phương Định là vẻ đẹp của cô gái tuổi đôi mươi trong sáng vô ngần, đó có thể là vẻ đẹp trong thơ của Tố Hữu *"Em là ai? Cô gái hay nàng tiên"*.

Không những chỉ đẹp về hình dáng, chị còn đẹp về tính cách, phẩm chất. Ở chiến trường ác liệt, chị là một người chiến sĩ thực thụ. Công việc của chị luôn phải đối mặt với cái chết cận kề, ở cái nơi mà *"đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ỉ", "thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu"* mà chị không hề sợ hãi, nao núng. Trái tim Phương Định luôn đập cùng nhịp với Tổ quốc. Chính tình yêu tổ quốc đã giúp chị có thêm dũng khí để hoàn thành mọi công việc được giao.

Khâm phục nhất là tình huống phá bom đầy nguy hiểm mà Phương Định đã vượt qua. Khi phá bom, Phương Định bình tĩnh chạy đua với thời gian để có thể chiến thắng cái chết. Trước hết, cô dùng xẻng nhỏ đào đất ở phần dưới quả bom. Trong suốt 20 phút cô kiên trì, khéo léo gạt những hòn sỏi trên nền đất rắn. Thế nhưng thỉnh thoảng, cái xẻng vẫn chạm vào quả bom khiến cô phải rung mình. Tiếp đó, khi nhận thấy vỏ quả bom nóng, cô tự thúc giục mình cần nhanh hơn nữa. Khi đầu quả bom lộ ra, cô cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống lỗ rồi châm ngòi, rồi chạy vào nơi ẩn nấp. Cô đã hoàn thành công việc đầy nguy hiểm, trải qua những

giây phút căng thẳng tột độ một cách dũng cảm. Khi phá bom, cô cũng thấy sợ, muốn đi khom. Nhưng cô nghĩ rằng, đáng đi đầy sợ hãi đó có thể bị các anh cao xạ nhìn thấy nên cô quyết định bước đi đường hoàng.

Không chỉ dũng cảm nơi chiến trường, Phương Định còn là một cô gái dạt dào tình yêu thương. Cứ nhìn cái cách chị chăm sóc cho Nho khi bị thương: *“Tôi rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than... Tôi tiêm cho Nho... Tôi pha sữa cho nó trong ca sắt”* sẽ biết chị là người thế nào. Ở nơi đây, tiếng bom đạn nhiều hơn tiếng người, chính tình cảm giữa những người đồng đội đồng chí đã giúp những người lính vượt qua tất cả, kể cả *“cái chết”*. Sau những giờ phút đối diện với công việc - thần chết nơi trận địa, Phương Định lại quay trở về với sự trong sáng, đáng yêu và lãng mạn vốn có của mình. Những bài *“dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng, bài Ca chiu sa của Hồng quân Liên Xô...”* vang lên từ nơi khói lửa tàn khốc đã giúp những cô gái, chàng trai xung phong xua tan đi nỗi đau, nỗi buồn, khơi gợi niềm tin, sự lạc quan nơi họ. Yêu sao sự mơ mộng đáng yêu của chị khi bất chợt gặp trận mưa đá. Dường như những thử thách, khó khăn bỏ lại tất cả đằng sau, nhường chỗ cho nó là sự say mê, ham thích của những cô gái trẻ tuổi. Chúng ta thấy một Phương Định quả cảm nơi chiến trường nhưng cũng đầy lãng mạn, ngây thơ và yêu thương trong cuộc sống hàng ngày. Phương Định là đại diện cho gì đẹp đẽ nhất của thời đại kháng chiến chống Mỹ oai hùng.

NÓI VỚI CON

Y Phương

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- Sinh năm 1948.
- Quê quán: Trùng Khánh – Cao Bằng.
- Là người dân tộc Tày.
- Ông vừa là người lính vừa là nhà thơ.
- Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh con người miền núi.

- Bài thơ ra đời năm 1980.
- Được trích từ tập “Thơ Việt Nam 1945 – 1985”.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa nhan đề

2

Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người

3

Những đức tính đáng quý của người dân quê mình

4

Mong ước của người cha

1. VẤN ĐỀ 1: HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ Ý NGHĨA NHAN ĐỀ

NÓI VỚI CON

1. Hoàn cảnh ra đời

- Bài thơ ra đời năm 1980. Đất nước vừa kết thúc chiến tranh và có vô vàn khó khăn.
- Chính nhà thơ đã có những lời tâm sự: *"Đó là thời điểm đất nước ta gặp vô vàn khó khăn. Thời kỳ cả nước mới thoát ra khỏi cuộc chiến tranh chống Mỹ lâu dài và gian khổ... nhưng lý do lớn nhất để bài thơ ra đời chính là lúc tôi dường như không biết lấy gì để vịn, để tin. Cả xã hội lúc bấy giờ đang hối hả gấp gáp kiếm tìm tiền bạc. Muốn sống đàng hoàng như một con người, tôi nghĩ phải bám vào văn hóa. Phải tin vào những giá trị tích cực vĩnh cửu của văn hóa. Chính vì thế, qua bài thơ ấy, tôi muốn nói rằng chúng ta phải vượt qua sự ngặt nghèo, đói khổ bằng văn hóa".*

2. Ý nghĩa nhan đề

- Khái quát ý nghĩa của toàn bài thơ.
- Là lời tâm sự của tác giả dành cho đứa con gái đầu lòng của mình hay cũng chính là lời căn dặn của tác giả với thế hệ: phải biết trân trọng và tiếp bước những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

2. VẤN ĐỀ 2: CỘI NGUỒN SINH DƯỠNG CỦA MỖI NGƯỜI



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Bốn câu thơ đầu - Hình ảnh cụ thể, đối xứng theo từng cặp: + “<i>Chân phải</i>” >< “<i>Chân trái</i>” + “<i>Một bước</i>” >< “<i>Hai bước</i>” + “<i>Tiếng nói</i>” >< “<i>Tiếng cười</i>”... - Cách ngắt nhịp 2/3 ⇒ Âm điệu vui tươi, quần quýt. ⇒ Hình ảnh mái ấm gia đình hạnh phúc. ⇒ Con được sinh ra và lớn lên trong sự yêu thương, chăm chút của cha mẹ. 2. Bài câu thơ tiếp - “<i>Người đồng mình</i>”: + Cách nói địa phương. + Chỉ người cùng quê. - Cuộc sống của người dân quê: + Hình ảnh: “<i>Đan lò cài nan hoa</i>”, “<i>Vách nhà ken câu hát</i>”. ⇒ Sự cần cù, chịu khó trong lao động. ⇒ Tinh thần lạc quan trong cuộc sống. + Động từ: “<i>đan</i>”, “<i>cài</i>” ⇒ Sự gắn bó, kết nối trong cuộc sống con người nơi đây. - Cảnh sắc thiên nhiên: + Hình ảnh: “<i>Rừng cho hoa</i>”, “<i>Con đường cho những tấm lòng</i>”. ⇒ Vẻ đẹp thiên nhiên quê hương + Động từ “<i>cho</i>” ⇒ Sự hào phóng, yêu thương của thiên nhiên dành cho con người quê hương. ⇒ Con lớn lên trong sự đùm bọc, che chở của quê hương, núi rừng.	Tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái là một trong những điều đẹp đẽ nhất của đời người. Đây là thứ tình cảm thiêng liêng, được nói đến nhiều trong ca dao, tục ngữ, trong những lời thơ, câu hát: <i>“Tân tảo sớm hôm mẹ nuôi con khôn lớn Mang cả tấm thân gầy cha che chở đời con”</i> Bài thơ Nói với con của Y Phương cũng chính là nỗi lòng yêu thương của tác giả dành cho đứa con nhỏ. Bốn câu thơ đầu, bằng những hình ảnh cụ thể, đối xứng hài hòa, Y Phương đã tạo nên hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc, đầm ấm và quần quýt. Người con được chăm bẵm, chở che trong vòng tay ấm êm của cha mẹ. Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ. Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chút, vui mừng đón nhận. Đứa con thơ tập đi những bước chập chững; tập nói bi bô; cả nụ cười khanh khách lúc nô đùa, vui chơi; rồi cả những lúc sà vào lòng cha mẹ để được nựng nịu, vỗ về. Tất cả điều đó đã ghép thành một bức tranh về cuộc sống gia đình giản dị mà ngập tràn niềm vui. Lời thơ của bốn câu đầu rất đặc biệt: nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trùu tượng của người miền núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm, khiến cho tình cha con thêm chân thành, thấm thía. Gia đình chính là nơi nuôi dưỡng, vỗ về, ủi an con, là nơi bình yên và ấm áp đến lạ kì mà con phải luôn nhớ về: “<i>Gia đình gia đình, ôm ấp ta những ngày thơ, cho ta bao kỉ niệm thương mến. Gia đình gia đình, bên nhau khi đón đau, bên nhau đến suốt cuộc đời</i>” (Ba ngọn nến lung linh - Ngọc Lễ). Cội nguồn sinh dưỡng của con người không chỉ có tình yêu thương của gia đình.

Những câu thơ tiếp theo, nhà thơ đã gọi ra một cội nguồn rộng lớn hơn, đó là sự đùm bọc của quê hương, sự chở che của con người, thiên nhiên nơi đây.

"Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát"

"*Người đồng mình*" là cách nói mang tính địa phương tác giả, dùng để chỉ những người dân quê mình. Đối với cha, họ là những con người đáng yêu, đáng mến vô cùng. Họ chăm chỉ, cần cù, hăng say trong lao động sản xuất: "*Đan lò cài nan hoa*", những chiếc lò đánh cá dưới đôi bàn tay khéo léo của người dân quê mình đã thành những "*nan hoa*". Cuộc sống lao động tuy vất vả nhưng họ vẫn lạc quan, tự tạo niềm vui cho cuộc sống bằng những lời ca, tiếng hát ngân vang khắp núi rừng, giăng mắc khắp mọi nơi "*Vách nhà ken câu hát*". Vách nhà của những người nơi đây không chỉ được làm kín bằng những tấm gỗ rắn chắc, mà còn được bao bọc bởi những câu hát say đắm. Họ có thể nghèo về vật chất nhưng đời sống tâm hồn họ lại giàu có vô cùng. Khi nói về cuộc sống tươi đẹp của người dân quê mình, nhà thơ có sử dụng động từ "*đan*", "*cài*": vừa thể những hành động cụ thể vừa ngầm nhấn mạnh sự đoàn kết, gắn bó khăng khít trong cộng đồng những người dân nơi đây. "*Người đồng mình*" với những phẩm chất tốt đẹp: yêu lao động, yêu đời và biết yêu thương lẫn nhau và con cũng sẽ được dưỡng nuôi, bồi đắp bởi những điều tốt đẹp đó.

Con người là thế còn thiên nhiên nơi đây thì sao?

"Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng"

Rừng núi quê mình mang một vẻ đẹp nên thơ, hữu tình. Rừng không chỉ cho chúng ta những nguồn tài nguyên quý giá, nuôi dưỡng sự sống cho con

người, mà rừng còn cho “hoa”. “Hoa” ở đây vừa mang ý nghĩa thực chỉ những bông hoa của tự nhiên, những bông hoa đem sắc thắm của mình để cuộc sống nơi đây thêm phần tươi đẹp, vừa mang những ẩn ý: chính quê hương đã góp phần hun đúc, hình thành nên những tâm hồn cao đẹp cho con người ở đây. Còn “con đường” nơi đây cũng thật đặc biệt, đường đâu chỉ là những lối đi: đường đi vào bản làng, đi đến trường học, đi làm ăn,... mà còn là con đường của yêu thương tình nghĩa:

*“Gập ghềnh xuống biển lên non
Con đường tình nghĩa ai còn nhớ chăng?”*
(Ca dao)

Con đường mang bóng dáng của quê hương, theo bước chân con đi đến mọi miền tổ quốc, nâng bước chắp cánh cho những ước mơ, khát vọng của con mai sau. Điệp từ “cho” đã nói lên sự hào phóng, yêu thương của thiên nhiên dành cho con người quê hương. Thiên nhiên trao tặng tất cả những gì tốt đẹp nhất, nuôi dưỡng con người cả về đời sống và tâm hồn.

Con chính là món quà đẹp đẽ nhất mà cha mẹ nhận được trong cuộc đời, ngắm nhìn đứa con bé bỏng đang lớn khôn từng ngày, nhà thơ hồi nhớ lại kỉ niệm khó quên trong đời mình:

*“Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời”*

Con là kết tinh của hạnh phúc, của tình yêu giữa cha và mẹ. Cha mẹ mãi nhớ về “ngày cưới” - ngày tươi đẹp nhất, cội nguồn của hạnh phúc.

Qua những dòng tâm sự, Y Phương như muốn nói với con rằng: chính vòng tay ấm êm của cha mẹ, sự yêu quý, bao bọc của quê hương là cội nguồn sinh dưỡng của con. Con không bao giờ được quên điều đó.

3. VẤN ĐỀ 3: NHỮNG ĐỨC TÍNH ĐÁNG QUÝ CỦA NGƯỜI DÂN QUÊ MÌNH



a. Giàu nghị lực, kiên cường

- Cụm từ: “*thương lắm con ơi*”

⇒ Những vất vả, gian khó của người dân quê.

⇒ Tình cảm của tác giả dành cho mọi người.

- Tính từ:

+ “Cao” – đo nỗi buồn

+ “Xa” – đo ý chí

⇒ Lấy không gian để đo ý chí của con người.

⇒ Thử thách càng lớn, con người càng mạnh mẽ.

⇒ Sức sống bền bỉ của dân tộc vùng núi.

b. Tình cảm gắn bó với quê hương

- Phép liệt kê + Hình ảnh ẩn dụ: “*đá gập ghềnh*”, “*thung nghèo đói*”

⇒ Những khó khăn, thiếu thốn của cuộc sống.

- Điệp ngữ: “*sống*”, “*không chê*”

⇒ Tình cảm gắn bó, thủy chung với quê hương dù có vất vả, nhọc nhằn.

- Thành ngữ: “*Lên thác xuống ghềnh*”

⇒ Cuộc sống gian truân, đói nghèo.

Ẩn sau sự lạc quan, yêu đời của “*người đồng mình*” là biết bao vất vả, nỗi buồn: “*Người đồng mình thương lắm con ơi*”. Ở đầu tác phẩm tác giả dùng từ “*yêu*” khi nói tới những người dân quê mình, thì ở đây lại có sự thay đổi ở từ “*thương*”, để bộc lộ tình cảm sâu đậm của nhà thơ với người dân quê mình. Ông thương lắm, xót lắm cho những nỗi gian truân của mảnh đất vùng cao nghèo khó này. Câu thơ cũng giống như một lời kể, lời căn dặn con nhỏ phải biết yêu thương lấy đồng bào mình. Trải qua nhiều đắng cay, thử thách nên “*người đồng mình*” cũng trở nên kiên cường, sắt đá hơn. Y Phương đã lấy không gian để đo nghị lực của con người: sử dụng cái cao, rộng của trời để đo nỗi buồn; lấy khoảng xa, dài của đất để đo ý chí. Không gian như bước đệm để tác giả nâng tầm con người. Thử thách càng lớn, càng nhiều khó khăn thì con người ta càng mạnh mẽ, tràn đầy dũng khí, giàu ý chí và nghị lực vươn lên trong cuộc sống, không gì có thể làm con người nơi đây gục ngã. Đây phải chăng chính là sức sống bền bỉ của một dân tộc vùng núi.

Như để khắc họa thêm cuộc sống khó khăn, thiếu thốn của đồng bào vùng cao, Y Phương đã sử dụng phép liệt kê kết hợp với các hình ảnh ẩn dụ: “*đá gập ghềnh*”, “*thung nghèo khó*”, thành ngữ

- Nghệ thuật so sánh: “Sống như sông như suối”

⇒ Cách sống mộc mạc, hồn nhiên, khoáng đạt.

⇒ Cuộc sống ở quê mình đâu còn muôn vàn khó khăn nhưng những người dân nơi đây vẫn yêu quý và nguyện gắn bó với mảnh đất này. Càng gian lao, vất vả thì họ lại càng kiên cường.

2. Truyền thống tốt đẹp - ý thức nguồn cội

- Nghệ thuật ẩn dụ + đối lập:

+ Cụm từ “thô sơ da thịt”: con người mộc mạc, giản dị, thật thà, chất phác,...

+ Cụm từ “Chẳng mấy ai nhỏ bé”: ý chí, nghị lực của con người.

⇒ Tầm vóc lớn lao của người đồng mình.

- Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương”

+ Nghĩa thực: truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người dân tộc.

+ Nghĩa ẩn dụ: dùng sức lực và trí tuệ của mình để làm giàu đẹp quê hương.

⇒ Con người là điểm tựa của quê hương.

- “quê hương thì làm phong tục”

⇒ Quê hương tiếp thêm sức mạnh và niềm tin cho con người.

⇒ Nhớ về cội nguồn. Ý thức bảo tồn những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

“lên thác xuống ghềnh” như để mình họa cho điều đó. Trước hoàn cảnh khó khăn trăm bề như vậy nhưng người dân vẫn “sống”, “không chê”, nguyện gắn bó, thủy chung với quê hương dù có vất vả, nhọc nhằn. Không chỉ vậy, họ còn sống một cách mộc mạc, hồn nhiên, khoáng đạt, tràn đầy sinh lực, “sống như sông như suối”. Ở trong gian khó lâu ngày, họ đã tôi luyện được một bản lĩnh vững vàng, sống rắn chắc như đá núi sừng sững.

Phẩm chất đáng quý của con người quê hương còn được nhà thơ nhắc đến qua cụm từ ẩn dụ, đối lập: “thô sơ da thịt” để chỉ sự mộc mạc, giản dị, thuần hậu, chất phác,... của “người đồng mình”. Những con người vùng cao lớn lên cùng với rừng cây bạt ngàn, vách núi hiểm trở; cơ thể họ dường như cũng thô cứng, chắc khỏe như địa hình, thiên nhiên nơi đây. Họ chân chất, thật thà, tuy không biết nói những lời ngọt ngào nhưng “bụng” họ tốt, tâm họ sáng như tự nhiên tạo hóa.

Trái ngược với sự khô cứng bên ngoài là những phẩm chất cao đẹp bên trong “chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”, họ mang trong mình ý chí và nghị lực phi thường với ước mong làm giàu đẹp cho quê hương đất nước: “tự đục đá kê cao quê hương”. Con người trở thành điểm tựa của quê hương, dùng sức lực và trí tuệ của mình để làm rạng danh quê hương. Còn quê hương thì tiếp thêm sức mạnh và niềm tin cho con người: “quê hương thì làm phong tục”, nâng cánh cho những ước mơ, khát vọng cao đẹp của họ. Đó chính là điểm sáng đẹp đáng trân trọng, ngợi ca của con người quê mình khi họ luôn nhớ về cội nguồn, có ý thức bảo tồn truyền thống tốt đẹp của quê hương.

Trong tâm sự của người cha với đứa con nhỏ, nhà thơ không giấu nổi sự tự hào về vùng quê yêu dấu, về những con người mạnh mẽ quật cường.

Lời nói của cha mang theo cả những gửi gắm thầm kín, cha mong con nên người, tiếp bước những truyền thống tốt đẹp của quê hương, kế thừa được tinh hoa phẩm chất vốn có của người dân quê mình.

MONG ƯỚC CỦA NGƯỜI CHA



Nguồn ảnh Internet

*"Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con."*

⇒ Lời dặn của cha: hi vọng con sẽ tiếp bước truyền thống quê hương.

Cha mong con sau này khi bước trên đường đời sẽ luôn mang theo hành trang quý giá là ý chí và nghị lực sống kiên cường như người dân vùng mình, không run sợ, khụy ngã trước giông tố mà phải biết tự rèn luyện để trở nên vững vàng trước mọi bão giông. Lời dặn giản dị, mộc mạc của cha chất chứa bao hi vọng dành cho người con thơ.

MÂY VÀ SÓNG

R. Ta-go

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

R. Ta-go

- (1861 – 1941)
- Là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ.
- Là nhà thơ đầu tiên của châu Á đạt giải Nobel về văn học với tập *Thơ Dâng*.
- Thơ ông thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và tính chất trữ tình triết lí nồng đượm.

- *Mây và sóng* vốn được viết bằng tiếng Ben - gan.
- Được Ta - go dịch ra tiếng Anh, in trong tập *Trăng non*, xuất bản năm 1915.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Sự hấp dẫn
của thiên nhiên

2

Tình cảm của em bé
với mẹ

3

Những nghệ thuật
đặc sắc

1. VẤN ĐỀ 1: SỰ HẤP DẪN CỦA THIÊN NHIÊN



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Lời mời gọi của những người “trên mây” - “Chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà”. - “Chơi với bình minh vàng”. - “Chơi với trăng bạc”. 2. Lời mời gọi của những người “trong sóng” - “Ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn”. - “Ngao du nơi này nơi nọ...”. ⇒ Thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn. ⇒ Những thú vui hấp dẫn của cuộc đời	Dưới mắt nhìn của trẻ thơ, thế giới luôn chứa đựng biết bao điều hấp dẫn, lạ kì. Trong bài <i>Mây và sóng</i>, khi đang chơi đùa với mẹ, nhìn ra bao la vũ trụ trời cao, biển rộng; đứa con nhỏ đã có những tưởng tượng thật thú vị. Em kể với mẹ về những cuộc đối thoại với thiên nhiên. Đó là lời mời gọi của những người “trên mây”, họ đã đem đến cho em sự háo hức về những trò vui trên trời cao: “<i>chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà</i>”, “<i>chơi với bình minh vàng</i>”, “<i>chơi với trăng bạc</i>”. Cả biển rộng cũng ra sức rủ rê em. Những người “trong sóng” nói với em về những thú vui ở nơi đây: “<i>ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn</i>”, “<i>ngao du nơi này nơi nọ...</i>”. Thiên nhiên với em thật rực rỡ và bí ẩn, đó cũng chính là sự hấp dẫn của cuộc đời mà con người luôn muốn khám phá. Trước những điều tuyệt diệu đó làm sao một tâm hồn thơ ngây, trong sáng, hồn nhiên,... lại có thể không xao xuyến cho được?

2. VẤN ĐỀ 2: TÌNH CẢM CỦA EM BÉ VỚI MẸ



1. Lời chối từ của em bé trước những lời gọi hấp dẫn của thiên nhiên tạo hóa.

- “Mẹ mình đang đợi ở nhà”.
 - “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được”.
 - “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”.
- ⇒ Sức níu giữ của tình mẫu tử.

2. Những trò chơi em bé tạo ra

a. Ý tưởng

- “Con là mây” - “mẹ sẽ là trăng”
- ⇒ Sự dịu hiền, ấm áp của mẹ.
- “Con là sóng” - “mẹ sẽ là bến bờ kì lạ”.
- ⇒ Tấm lòng mệnh mông và bao dung của mẹ.

b. Hành động

- “Hai bàn tay con ôm lấy mẹ”.
 - “Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ”
- ⇒ Tình yêu của em bé dành cho mẹ

Trước những lời mời mọc hấp dẫn của thiên nhiên, em bé không khỏi dao động, phân vân. Nhưng em luôn nghĩ đến mẹ nên đã từ chối mọi lời rủ rê với những lí do đưa ra hết sức đáng yêu: “Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được”, “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được”. Với con trẻ, những trò chơi luôn có sức cuốn hút hơn bao giờ hết. Nhưng ở đây em bé đã khước từ hết thảy vì với em tình yêu thương dành cho mẹ đã thắng tất cả mọi cám dỗ của cuộc sống.

Không thể cùng rong chơi với mây, với sóng; em bé đã tự nghĩ ra cho mình những trò chơi mới, vừa thỏa mãn trí tò mò, vừa không phải xa mẹ thân yêu. Em tự tưởng tượng mình là “mây” và “mẹ sẽ là trăng”, ở mẹ luôn có sự dịu hiền và ấm áp. Em nghĩ mình là “sóng” và mẹ là bến bờ kì lạ vì mẹ luôn có tấm lòng mệnh mông và bao dung đến lạ. Em bé nghĩ ra những trò chơi mà ở đó có sự hòa quyện giữa thiên nhiên

⇒ Tình cảm mẹ con được nâng tầm, to lớn như kích cỡ của vũ trụ.
⇒ Tình yêu mẹ thiết tha, quắn quýt không muốn rời. Mẹ là sự hấp dẫn lớn nhất.

và tình mẹ tràn đầy: “Hai bàn tay con ôm lấy mẹ”, “Con lăn, lăn, lăn mãi rồi cười vang vỡ tan vào lòng mẹ”. Với em, mẹ chính là vũ trụ thu nhỏ, mẹ là điều tuyệt vời nhất. Tình yêu em dành cho mẹ luôn thiết tha, nồng ấm, em muốn ở bên mẹ mãi không rời, trong những trò chơi của em không thể thiếu sự đồng hành của mẹ.

Tình mẫu tử chính là thứ tình cảm thiêng liêng và có sức mạnh kì lạ đối với bé thơ.

3. VẤN ĐỀ 3: NHỮNG ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

1

Ngôn ngữ đối thoại

Làm nên sự khác lạ cho bài thơ *Mây và sóng* là những yếu tố nghệ thuật đặc biệt:

Đó là những ngôn ngữ đối thoại sinh động xuất hiện xuyên suốt toàn bộ tác phẩm: Đối thoại trực tiếp giữa em bé với mẹ (“Mẹ ơi, trên mây có người gọi con”). Người mẹ tuy không xuất hiện qua những dáng hình cụ thể nhưng người đọc sẽ luôn có cảm giác là mẹ đang ở cạnh bên con, lắng nghe con nói. Ngoài ra còn có những lời đối thoại trực tiếp giữa em bé với những người “trên mây” và “trong sóng”, dựa vào tín hiệu ngoặc kép. Thông qua ngôn ngữ đối thoại thì cảm xúc, tâm lí của những người tham gia cuộc thoại được thể hiện rõ.

2

Thế giới âm thanh

Một điều khác góp phần làm nên nét đặc sắc cho bài thơ *Mây và sóng* là thế giới âm thanh phong phú với những cung bậc, trạng thái khác nhau: đó là tiếng người gọi từ “trên mây” và ở “trong sóng”; tiếng hát từ “trong sóng”; tiếng đối thoại của em bé với những người bạn ở “trên mây”, “trong sóng”; tiếng cười vang của con vỡ tan trong lòng mẹ. Những âm thanh ấy khiến cho bài thơ trở nên sống động, dào dạt cảm xúc.

RÔ-BIN-XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG

(Trích *Rô-bin-xơn Cru-xô*)

Đ. Đi-phô

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

Đ. Đi-phô

- (1660-1731)
- Là nhà văn lớn của Anh ở thế kỉ XVIII.
- *Rô-bin-xơn Cru-xô* (1719) là cuốn tiểu thuyết đầu tay và cũng nổi tiếng nhất của ông.

- Văn bản *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang* được trích từ tiểu thuyết *Rô-bin-xơn Cru-xô* ra đời năm 1719.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Bức chân dung tự họa của Rô-bin-xơn

2

Cuộc sống của Rô-bin-xơn trên đảo hoang

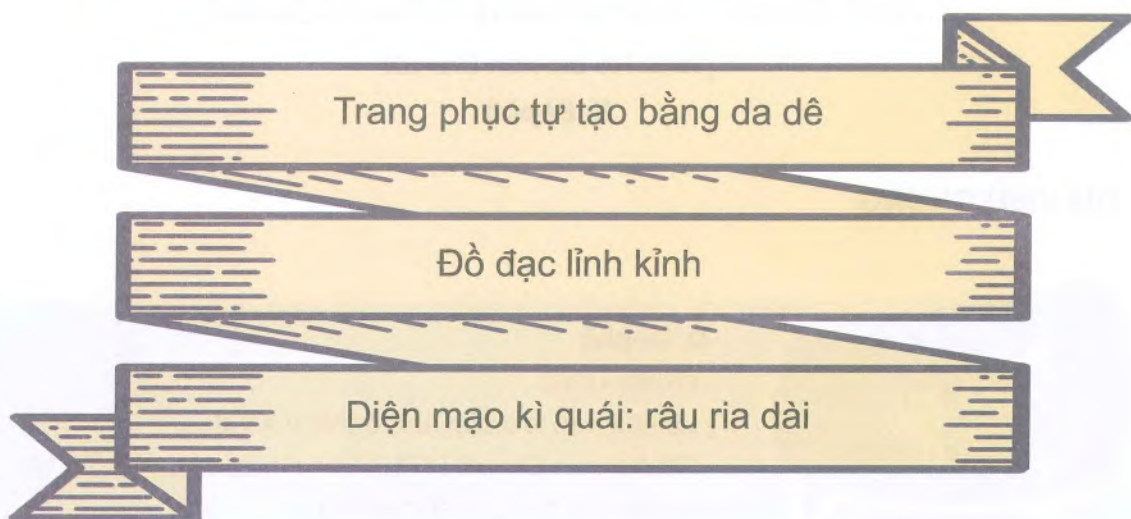
3

Phẩm chất của Rô-bin-xơn

4

Giọng kể của Rô-bin-xơn

1. VẤN ĐỀ 1: BỨC CHÂN DUNG TỰ HỌA CỦA RÔ-BIN-XƠN



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Bộ dạng kì quái và buồn cười. - Trang phục: tự tạo bằng da dê, lồi thối, cồng kềnh nhưng tiện lợi nơi đảo hoang. - Trang bị: lỉnh kỉnh, cồng kềnh không kém, phục vụ cho cuộc sống khám phá ở nơi đây. - Diện mạo: râu ria dài, hình dáng kì quái.	Rô-bin-xơn là một nhân vật đặc biệt được Đi-phô xây dựng trong một hoàn cảnh đặc biệt. Ở nơi đảo hoang, Rô-bin-xơn hiện lên thật khác lạ, khác lạ đến mức quái dị, ông sẽ khiến “ai đó ở nước Anh” nếu gặp phải sẽ “hoảng sợ” hoặc “phá lên cười sằng sặc”. Quần áo ông mặc làm từ da dê, được may vá bởi một tay thợ không chuyên nên trông nó “hết sức kì cục”. Ông còn đeo lên người vô số những vật dụng cần thiết, khiến ông càng trở nên xa lạ với thế giới văn minh mà ông đã từng sống. Lỉnh kỉnh, thô kệch là vậy nhưng bộ trang phục và những thứ mà Rô-bin-xơn mang theo đều hữu ích, nó giúp ông chống trọi lại với những thử thách ở trên hòn đảo. Về diện mạo, ông chỉ miêu tả mỗi bộ râu của mình nhưng khiến chúng ta hình dung ra được bộ dạng kì quái của ông. Tất cả những miêu tả đó cho chúng ta thấy được một Rô-bin-xơn trên đảo hoang đầy kì quặc, thô kệch nhưng ẩn sâu trong đó là sự mạnh mẽ, rắn rỏi, từng trải.

2. VẤN ĐỀ 2: CUỘC SỐNG CỦA RÔ-BIN-XƠN TRÊN ĐẢO HOANG



Nhưng
Rô-bin-xơn
thích nghi rất tốt và
hòa nhập nhanh với
không gian trên
đảo

Thông qua phần tự miêu tả về mình của Rô-bin-xơn, chúng ta thấy được cuộc sống trên đảo của ông thiếu thốn trăm bề. Ông phải trải qua muôn vàn khó khăn, đối diện với rất nhiều thiếu thốn về lương thực, nhu yếu phẩm sinh hoạt, quần áo,... Nhưng tất cả không thể nào đánh gục được một con người giàu bản lĩnh như ông. Với những vật dụng sẵn có, ông đã tự tạo cho mình một cuộc sống thoải mái ở nơi đầy khắc nghiệt này.

3. VẤN ĐỀ 3: PHẨM CHẤT CỦA RÔ-BIN-XƠN



“Rô-bin-xơn trên đảo hoang” đã khắc họa một chàng trai giàu lòng yêu thiên nhiên. Không những vậy, ông không bao giờ chịu đầu hàng trước số phận, ông không những sống được mà còn sống tốt nơi đảo hoang. Ẩn sâu trong lớp vỏ bề ngoài thô nhám, xù xì của ông là sự lạc quan, yêu đời, luôn biết cách tự tạo niềm vui cho bản thân mình.

BỐ CỦA XI-MÔNG

(Trích)

G. Mô-pa-xăng

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

G. Mô-pa-xăng

- (1850 – 1893)
- Là nhà văn Pháp.
- Sáng tác của ông phản ánh sâu sắc nhiều phương diện của xã hội Pháp nửa cuối thế kỉ XIX.

- Trích trong truyện ngắn “Bố của Xi-mông”.
- Truyện được ra mắt lần đầu tiên năm 1879.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Nhân vật Xi-mông

2

Nhân vật Blăng-sốt

3

Nhân vật Phi-líp

4

Giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

1. VẤN ĐỀ 1: NHÂN VẬT XI-MÔNG

Xi-mông đáng thương, không có bố, bị bắt nạt

Khi chưa có bố: nghĩ quần, hay khóc, khao khát có bố

Khi có bố: hết buồn, mạnh mẽ

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
1. Hoàn cảnh - Là đứa trẻ không có bố. - Đi học bị bạn bè trêu chọc, chế giễu 2. Tâm trạng <i>a. Tâm lí và khao khát có bố</i> - Bỏ nhà ra bờ sông định tự tử, cảnh vật khiến em nghĩ đến nhà, đến mẹ. - Em khóc nhiều, buồn bã vô cùng, “<i>em lại khóc, người em rung lên</i>”, “<i>chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa và em chỉ khóc hoài</i>”,... - Cách nói năng: nói không nên lời, cứ bị ngắt quãng xen lẫn tiếng nấc. ⇒ Nỗi đau đớn và niềm khát khao có bố của Xi-mông. <i>b. Tâm lí của Xi-mông sau khi có bố</i> - “<i>Hết cả buồn, em vươn hai cánh tay</i>”. - Khi ở trường: em kiêu hãnh, tự tin quát vào mặt chúng bạn tên của bố mình “<i>Bố tao ấy à. Bố tao tên là Phi-líp</i>”. ⇒ Tâm hồn non nớt được hồi sinh.	Xi-mông là một em bé đáng thương, em sinh ra mà không biết bố mình là ai, tuổi thơ của em ngập tràn trong nước mắt và sự tủi hờn. Những ngày đến trường với em chẳng khác gì cực hình, em bị bạn bè chế giễu, bắt nạt chỉ vì tội không có bố. Em không thể phản kháng lại sự trêu đùa ác ý của đám bạn vì em nhút nhát và nhỏ bé. Chính những định kiến đó đã vô hình dồn con người ta vào chân tường bế tắc. Xi-mông buồn lắm, buồn vì một cái tội không phải do em gây ra, em khao khát có bố hơn bao giờ hết. Em đã có ý nghĩ bỏ nhà ra bờ sông định tự tử, nhưng cảnh vật khiến em nghĩ đến nhà, đến mẹ và em lại khóc. Em khóc nhiều, buồn bã vô cùng, những giọt nước mắt đau đớn, đầy xót xa chảy hoài trên má con trẻ: “<i>em lại khóc</i>”, “<i>người em lại rung lên</i>”, “<i>những cơn nức nở lại kéo đến, dồn dập, xốn xang choán lấy em</i>”, “<i>chỉ khóc hoài</i>”,... Tiếng khóc của Xi-mông được nhà văn nhắc đến nhiều trong bài, những tiếng khóc đó chính là biểu hiện của tấn bi kịch mà em đang mang - một đứa con hoang, bị kịch được tạo ra từ sự lầm lỗi của người lớn. Đi cùng những giọt nước mắt là những lời nói ngắt quãng, xen kẽ những

tiếng nấc, nói không nên lời: “*Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có bố... không có bố.*”, “*Cháu... cháu không có bố.*”,... Qua đây, đã cho thấy tấm lòng xót thương, thấu hiểu của tác giả với số phận bất hạnh của nhân vật.

Cuối cùng, mong ước có một người cha của Xi-mông cũng đã thành hiện thực. Phi-líp, một người công nhân tốt bụng và giàu tình thương. Bác an ủi vỗ về những tổn thương trong lòng Xi-mông, bác đồng ý trở thành cha của Xi-mông. Điều mà Xi-mông ao ước bấy lâu nay đã thành hiện thực; vì có cha, em như trở nên mạnh mẽ hơn, em không còn yếu đuối, khóc lóc như trước kia “*hết cả buồn, em vươn hai cánh tay*”. Khi đến trường em không còn run sợ, chịu đựng trước sự mặt sát, chế giễu của những đứa trẻ hư; em kiêu hãnh và tự tin quát vào mặt chúng: “*Bố tao ấy à. Bố tao tên là Phi-líp*”.

Tâm hồn non nớt như được hồi sinh trở lại, em vui mừng đón nhận thứ hạnh phúc mà mình đã đợi chờ từ rất lâu.

2. VẤN ĐỀ 2: NHÂN VẬT BLĂNG-SỐT

Là người phụ nữ có ngoại hình đẹp

Số phận bất hạnh, lầm lỡ

Sống đúng đắn, nghiêm túc

Giàu tình yêu thương, tự trọng

1. Hoàn cảnh

- Là người phụ nữ tốt, vì lầm lỡ mà sinh ra Xi-mông.

2. Con người

- Từng là một trong những cô gái đẹp nhất vùng, đức hạnh nhưng bị lừa dối.

Blăng-sốt cũng là một nhân vật đáng thương. Chị là một người phụ nữ tốt nhưng vì lầm lỡ mà sinh ra Xi-mông. Bản chất của chị không phải là con người xấu. Chị từng là một cô gái đẹp nhất vùng, là người phụ nữ đức hạnh nhưng bị lừa dối, phụ bạc để rồi phải chịu sự dè bỉu của người đời và

- Tuy nghèo nhưng sống đúng đắn, nghiêm túc (hình ảnh ngôi nhà).

- Thái độ đối xử với khách: khiến người lạ cảm giác không thể bốn cột được với vẻ nghiêm nghị *"như muốn cấm đàn ông bước qua ngưỡng cửa"*.

- Khi nghe con nói bị bạn đánh vì không có bố thì chị hồ thẹn, thương con *"nước mắt lăn chã"*, đau đớn lặng ngắt.

⇒ Là người phụ nữ đầy khổ đau và giàu lòng tự trọng.

điều đó đã làm tổn thương cả đứa con nhỏ dại của chị. Hai mẹ con chị sống nương tựa vào nhau, chị dành tất cả tình yêu thương và sự quan tâm cho Xi-mông để bù đắp cho em những thiếu thốn tình cảm, tổn thương mà em phải gánh chịu. Tuy cuộc sống nghèo khó nhưng chị sống rất đúng đắn và nghiêm túc, điều đó được thể hiện ngay qua hình ảnh ngôi nhà của mẹ con chị: *"ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ"*. Thái độ của chị với những người khách lạ đến nhà cũng rất dè chừng: *"đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình, như muốn cấm đàn ông bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà nơi chị đã bị một kẻ khác lừa dối"*. Khi nghe con nói bị đánh vì không có bố, chị hồ thẹn, thương con biết bao *"nước mắt lăn chã"*, đứa con nhỏ của chị đâu có tội tình gì mà nay phải chịu sự khinh ghét đến thế, chị đau đớn lặng ngắt.

Đây là người phụ nữ ngập tràn khổ đau và giàu lòng tự trọng vô cùng, chị thương con mà cũng chẳng thể làm gì xoa dịu nỗi đau trong lòng con vì con không có bố.

3. VẤN ĐỀ 3: NHÂN VẬT PHI-LÍP



Xuất thân

Là người công nhân cao lớn, râu tóc đen, quần, vẻ mặt nhân hậu.



Tâm trạng

- Khi gặp Xi-mông.
- Trên đường đưa Xi-mông về.
- Khi gặp Blăng-sốt.
- Khi nói chuyện với Xi-mông.

1. Xuất thân

- Là người công nhân cao lớn, râu tóc đen, quần, vẻ mặt nhân hậu.

2. Tâm trạng

- Khi gặp Xi-mông: an ủi em.

- Trên đường đưa Xi-mông về nhà: bác nghĩ mẹ cậu bé rất có thể lại lỡ làm thêm lần nữa.

- Khi gặp chị Blăng-sốt: trở nên lúng túng, bối rối trước thái độ nghiêm túc của chị, cảm mến chị Blăng-sốt.

- Khi nói chuyện với Xi-mông: thương Xi-mông và nhận làm bố em.

⇒ Là một người giàu tình yêu thương

Nhân vật Phi-líp xuất hiện trong tác phẩm giống như một luồng sáng đem đến hơi ấm cho gia đình nhà Xi-mông. Đây là một người *“công nhân cao lớn, râu tóc đen, quần, đang nhìn em với vẻ hiền hậu”*. Phi-líp đồng cảm và vỗ về Xi-mông khi bắt gặp em đang ngồi khóc tức tưởi, lắng nghe em kể về những nỗi tủi hờn trong lòng. Bác an ủi đứa nhỏ và dỗ dành đưa em về. Trên đường đưa Xi-mông về nhà, bác nghĩ mẹ cậu bé rất có thể lại làm lỡ thêm lần nữa. Và khi đến nhà, gặp Blăng-sốt, trước vẻ nghiêm nghị của người con gái đó, Phi-líp trở nên lúng túng, bối rối, ấp úng, cảm mến chị. Khi nghe Xi-mông nói về ước vọng của mình, nói về những tổn thương của em cho mẹ nghe trong tiếng khóc nức nở. Xi-mông muốn nhận Phi-líp làm cha và đã được Phi-líp chấp thuận vì bác là một người giàu tình yêu thương, bác thương con trẻ, bác thấu hiểu cho những lầm lỡ của người lớn. Chính tình yêu thương ấy đã đem lại nguồn sống và tiếp thêm sức mạnh cho Xi-mông, cho Blăng-sốt và đem lại hạnh phúc cho chính mình.

GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT

- Ca ngợi lòng nhân hậu, tình yêu thương con người.
- Cách nhìn nhận và thái độ đối với những người lầm lỡ, những người bị định kiến xã hội.



- Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.
- Tình tiết truyện bất ngờ, hợp lí.

CON CHÓ BẮC

(Trích - *Tiếng gọi nơi hoang dã*)

G. Lân-đơn

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

- (1876 – 1916)
- Là nhà văn Mỹ.
- Là tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng như: *Tiếng gọi nơi hoang dã* (1903), *Sói biển* (1904), *Nanh trắng* (1906),...

- Đoạn trích *Con chó Bắc* thuộc chương VI, trích từ tiểu thuyết *Tiếng gọi nơi hoang dã*.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Tình cảm của Thoóc-tơn đối với chủ chó Bắc

2

Hành động thể hiện tình cảm đối với chủ của chủ chó Bắc

3

Biểu hiện tâm hồn của chủ chó Bắc thể hiện tình cảm với chủ

4

Giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

1. VẤN ĐỀ 1: TÌNH CẢM CỦA THOỐC-TƠN ĐỐI VỚI CHỦ CHÓ BẮC



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	DÀN BÀI THAM KHẢO
- Chăm sóc như con cái. - Chào hỏi thân mật. - Nói lời vui vẻ. - Nói chuyện "tầm phào". - Chơi đùa âu yếm. - Rửa yêu. ⇒ Hình ảnh của một ông chủ nhân từ. ⇒ Tình yêu thương, sự trân trọng như đối với một con người.	Thoốc-tơn là người đã cứu sống Bắc, anh dành cho Bắc tình yêu thương vô bờ bến, coi Bắc như người bạn đồng hành, như con cái trong nhà. Bắc đã qua tay nhiều ông chủ, nhưng chưa bao giờ nó được đối đãi tốt như khi ở cạnh Thoốc-tơn. Thoốc-tơn dành cho Bắc những lời chào thân mật mỗi ngày; nói với những lời vui vẻ, tâm sự những câu chuyện "tầm phào" với nó; chơi đùa âu yếm cùng nó: "<i>Túm chặt lấy đầu Bắc rồi dựa đầu anh vào đầu nó</i>"; rồi thi thoảng lại có những câu rửa yêu hay những tiếng kêu lên, trân trọng: "<i>Trời đất! Đàng ấy hầu như biết nói đấy!</i>". Những hành động ấy đã chứng minh Thoốc-tơn là một ông chủ đặc biệt, một ông chủ nhân từ và rộng lòng thương mến. Anh là người coi trọng tình cảm vì ngay cả đối với vật nuôi cũng được anh đối xử rất tử tế, trân trọng như đối với một con người.

2. VẤN ĐỀ 2:

HÀNH ĐỘNG THỂ HIỆN TÌNH CẢM ĐỐI VỚI CHỦ CỦA CHÚ CHÓ BẮC



- Cắn vờ → cử chỉ vuốt ve.
- Nằm phục dưới chân chủ, quan sát nét mặt của chủ.
- Nằm ra xa, quan sát hình dáng và chuyển động của chủ.
- Bám sát không rời chủ.

⇒ Sự trung thành, lòng biết ơn của Bắc dành cho Thoóc-tơn.

⇒ Tài quan sát tinh tế, tấm lòng yêu mến động vật của tác giả.

Dường như hiểu thấu được hết những tình cảm tốt đẹp mà Thoóc-tơn dành cho mình, Bắc cũng có cách đáp lại tương xứng với những gì mà nó nhận được. Thoóc-tơn là người chủ mà nó yêu kính bậc nhất và hết lòng tôn thờ, nó thể hiện sự yêu mến đó qua những hành động cụ hàng ngày. Cách biểu lộ tình yêu thương của nó cũng thật đặc biệt: *“biểu lộ tình yêu thương yêu gần giống như làm đau người ta”*, hành động cắn vờ của nó cũng chính là những cử chỉ vuốt ve mà Thoóc-tơn ngầm hiểu. Không chỉ vui đùa cùng chủ mà cách biểu hiện tình cảm cao nhất của nó đối với chủ chính là *“diễn đạt bằng sự tôn thờ”*. Nó thường nằm phục dưới chân chủ để quan sát sự thay đổi trên gương mặt chủ. Cũng có khi nó nằm ra xa, để ngắm nhìn dáng hình và chuyển động của chủ. Nó quấn quýt bên Thoóc-tơn, bám sát, đi theo không chịu rời. Đó là sự trung thành tuyệt đối, lòng biết ơn sâu sắc của Bắc dành cho người đã cho nó biết thế nào là yêu thương.

Bằng tài quan sát tinh tế và tấm lòng yêu mến động vật của mình, tác giả đã phát hiện ra những sắc thái cảm xúc, những cung bậc tình yêu, sợi dây vô hình gắn kết giữa người và vật.

3. VẤN ĐỀ 3:

BIỂU HIỆN TÂM HỒN CỦA CHÚ CHÓ BẮC THỂ HIỆN TÌNH CẢM VỚI CHỦ



- “Không có vui sướng bằng cái ôm ghi mạnh mẽ ấy”.

- “Tuồng chừng như quả tim mình nhảy tung ra khỏi cơ thể vì quá ngây ngất”.

- “Sung sướng đến cuồng lên mỗi khi Thoóc-tơn chạm vào”.

- “Tình cảm của Bắc ngời ánh lên qua đôi mắt tỏa rạng ra ngoài”.

- “Luôn bám theo gót chân anh”, “sợ Thoóc-tơn lại biến khỏi cuộc đời nó”.

⇒ Sự tôn thờ, yêu mến chủ của chú chó Bắc.

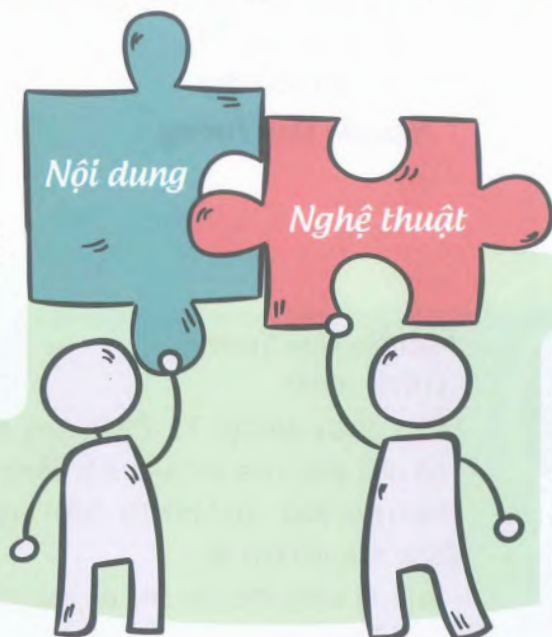
⇒ Trí tưởng tượng phong phú của nhà văn.

Tình yêu thương của Bắc dành cho Thoóc-tơn không chỉ được biểu hiện qua những hành động bên ngoài, mà nó còn được chứa đựng cả trong tâm hồn. Bắc cảm thấy “không có vui sướng bằng cái ôm ghi mạnh mẽ ấy”, hành động âu yếm của Thoóc-tơn làm nó thấy hạnh phúc ngập tràn: “tuồng chừng như quả tim mình nhảy tung ra khỏi cơ thể vì quá ngây ngất”, “sung sướng đến cuồng lên mỗi khi Thoóc-tơn chạm vào”. Tình cảm ấy luôn đầy ắp trong lòng, ngời sáng lên cả trong ánh nhìn của nó với chủ: “tình cảm của Bắc ngời ánh lên qua đôi mắt tỏa rạng ra ngoài”. Nó yêu mến Thoóc-tơn đến độ vì lo sợ mất anh nên bám sát theo anh không rời.

Với trí tưởng tượng độc đáo, nhà văn như hiểu hết thế giới tâm hồn đa dạng của Bắc, nó cũng có những cảm xúc rất “người”, sống tình nghĩa thủy chung như con người.

Nếu chúng ta cho đi những việc làm tốt thì sẽ nhận lại được những điều đẹp đẽ như chính cách Thoóc-tơn đối xử với Bắc và cách Bắc ghi nhớ và đáp nghĩa chủ mình.

4. GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA VĂN BẢN



- Ca ngợi sự lòng yêu thương, sự gắn bó đáng trân trọng giữa con người và loài vật.

- Trí tưởng tượng tuyệt vời, tài quan sát tinh tế của nhà văn.
- Nghệ thuật miêu tả sinh động, biện pháp nhân hóa được sử dụng một cách độc đáo.

BẮC SƠN

(Trích hồi bốn)

Nguyễn Huy Tưởng

I. TÌM HIỂU CHUNG

Tác giả

Nguyễn Huy Tưởng

- (1912-1960)
- Quê quán: xã Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội
- Là nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng với những tác phẩm lớn như: *Vũ Như Tô*, *Đêm hội Long Trì*, *Bắc Sơn*, *Sống mãi với thủ đô*,...
- Những sáng tác của ông đề cao tinh thần dân tộc và giàu cảm hứng lịch sử.

- *Bắc Sơn* được sáng tác và đưa lên sân khấu đầu năm 1946, trong không khí sôi sục của những năm đầu kháng chiến chống Pháp.
- Vị trí: vở kịch gồm năm hồi, đoạn trích được đưa vào sách giáo khoa là hai lớp của hồi bốn.

Tác phẩm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Xung đột và hành động trong kịch

2

Nhân vật Thơm

3

Nhân vật Ngọc

4

Nhân vật Thái, Cừu

1. VẤN ĐỀ 1: XUNG ĐỘT VÀ HÀNH ĐỘNG TRONG KỊCH

Xung đột: địch >< ta, cán bộ cách mạng >< giặc Pháp, Thơm >< Ngọc

Hành động: Khởi nghĩa thất bại, Ngọc dẫn giặc đi bắt chiến sĩ cách mạng, vợ Ngọc đã cứu các chiến sĩ đó.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Xung đột giữa ta và địch, giữa cán bộ cách mạng và giặc Pháp, giữa Thơm và Ngọc. - Hành động: Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, giặc Pháp được Ngọc dẫn đường lùng bắt các chiến sĩ cách mạng (Thái và Cừu), Thơm (vợ Ngọc) đã cứu hai chiến sĩ cách mạng ngay tại nhà của mình.	Trong hồi thứ bốn của vở kịch nổi tiếng <i>Bắc Sơn</i>, Nguyễn Huy Tưởng đã cho chúng ta thấy được tài năng của mình trong việc tạo ra tình huống, xung đột kịch, qua đó thể hiện tình yêu nước của nhân dân dù trong hoàn cảnh khó khăn, đầy hiểm nguy. Trong hồi bốn, chúng ta có thể nhận thấy rõ những xung đột, mâu thuẫn chủ yếu giữa ta và địch, giữa những người chiến sĩ cách mạng kiên trung như Thái và Cừu với giặc Pháp, giữa người vợ (Thơm) mang dòng máu cách mạng của người cha và chính người chồng (Ngọc) đã bị tha hóa, biến chất để rồi làm tay sai cho giặc Pháp. Những mâu thuẫn này xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, nó đã giúp chúng ta thấy rõ được tình yêu nước luôn có ở khắp mọi nơi, dù cho có trải qua bao sóng gió, nguy hiểm thì tình yêu đất nước vẫn luôn là ngọn đèn soi sáng mọi hành động, việc làm, giúp cho Thơm có thêm sức mạnh để chống lại kẻ thù xâm lược, kể cả trong đó có chồng mình.

2. VẤN ĐỀ 2: NHÂN VẬT THƠM

- Là vợ Ngọc, là nhân vật thể hiện được nội dung tư tưởng của tác phẩm.
- Sau khi nhận ra bộ mặt thật của chồng mình, cô đã đứng hoàn toàn về phía cách mạng (thông qua việc cứu hai chiến sĩ cách mạng khỏi tay kẻ thù).

Nhân vật Thơm đại diện cho những người Việt Nam yêu nước lúc bấy giờ. Nếu như lúc đầu cô còn lưỡng lự, mơ hồ, chưa tin tưởng vào Cách mạng thì sau đó, khi chứng kiến tận mắt những tội ác mà giặc Pháp đã gây ra trên chính mảnh đất quê hương, gây ra cho chính những người thân yêu ruột thịt thì cô đã đứng hoàn toàn về phía cách mạng. Cô đã nhận ra bộ mặt thật của giặc Pháp, nhận ra chính người chồng mà mình hằng yêu thương cũng đã bị tha hóa, làm tay sai cho thực dân Pháp. Tình huống cứu hai chiến sĩ cách mạng Thái và Cửu của Thơm đã thể hiện lòng yêu nước tuyệt đối của cô. Cô sẵn sàng chấp nhận nguy hiểm, sẵn sàng đóng kịch trước mắt người chồng của mình để làm tròn bổn phận với đất nước. Tình yêu đất nước của cô mạnh mẽ, mãnh liệt, cô đại diện cho những người Việt Nam yêu nước lúc bấy giờ.

3. VẤN ĐỀ 3: NHÂN VẬT NGỌC

- Là chồng Thơm
- Yêu thương vợ nhưng lại tham địa vị, quyền lực, tiền tài, sẵn sàng làm tay sai cho giặc để đàn áp cách mạng, gây đau khổ cho biết bao người, kể cả người thân của mình (bố và em vợ).

Nguyễn Huy Tưởng đã xây dựng thành công nhân vật phản diện - Ngọc. Bản chất của Ngọc là một người chồng yêu thương vợ nhưng vì bị mờ mắt bởi tiền bạc, địa vị, bởi những lời hứa hẹn của giặc Pháp mà hắn bán đứng tất cả. Trong vở kịch hắn đã tự biến mình trở thành chó săn cho kẻ thù để đi đàn áp, bóc lột, giết hại ngay chính đồng bào của mình. Hắn bất chấp mọi thủ đoạn, dù là dê hèn bẩn thỉu nhất để có thể đạt được mục đích. Ngọc dối lừa vợ, y coi việc làm của mình là không có gì xấu hổ. Ngọc là đại diện cho những kẻ tán tận lương tâm, xấu xa, thấp hèn, xứng đáng với kết cục bi thảm mà hắn phải chịu về sau này.

4. VẤN ĐỀ 4: NHÂN VẬT THÁI, CỬU

- Là những chiến sĩ cách mạng dũng cảm, trung thành. - Trong hoàn cảnh nguy hiểm vẫn bình tĩnh, sáng suốt, tin tưởng vào nhân dân.	Trong hồi kịch trên, chúng ta cũng nhận ra vẻ đẹp lấp lánh của hai chiến sĩ cách mạng Thái và Cửu. Họ đại diện cho lẽ phải, cho sự dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc. Không những vậy, họ còn luôn có niềm tin vào nhân dân, ở trong hoàn cảnh đầy nguy hiểm nhưng họ vẫn luôn bình tĩnh, sáng suốt, xứng đáng là những chiến sĩ bộ đội cụ Hồ.
--	---



PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI CHO MỘT SỐ DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC



DẠNG ĐỀ PHÂN TÍCH, CẢM NHẬN MỘT ĐỐI TƯỢNG VĂN HỌC

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Phân tích, cảm nhận một đối tượng văn học là dạng đề cơ bản của Nghị luận văn học. Để giải quyết dạng đề này, các em cần nắm chắc những nội dung kiến thức xoay quanh các tác phẩm văn học. Đó là hình ảnh, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật, cảm hứng chủ đạo, cái tôi cá nhân... đối với những tác phẩm thơ trữ tình; là hình tượng nhân vật, tình huống truyện, cốt truyện, diễn biến tâm lí, hành động... đối với những tác phẩm truyện ngắn.

Dạng đề phân tích, cảm nhận có cấu trúc đề đơn giản, dễ nhận biết gồm hai phần: phần lệnh hỏi (phân tích, cảm nhận) và phần nội dung hỏi. Đây là căn cứ cơ bản để các em xác định nhiệm vụ, yêu cầu và tiến hành giải quyết đề bài. Thông thường với dạng đề này, nhiệm vụ của các em là làm sáng tỏ và cảm bình những giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của một đối tượng văn học.

II. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC DẠNG ĐỀ PHÂN TÍCH, CẢM NHẬN

Phân tích, cảm nhận là một dạng đề Nghị luận văn học nên khi giải quyết dạng đề này, các em cũng cần lưu ý thực hiện tuần tự bốn bước: Tìm hiểu đề và tìm ý; Lập dàn bài; Viết bài; Đọc và kiểm tra, hoàn thiện bài viết.

Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý

Thao tác này được tiến hành trong khoảng hai phút. Các em lấy bút gạch ra những từ khóa trong đề bài để xác định chính xác đối tượng cần phân tích, cảm nhận. Sau đó, nhanh chóng khoanh vùng kiến thức (đối tượng nằm ở phần nào của tác phẩm, nói về điều gì) để hình dung được ý đồ của người ra đề. Bên cạnh đó, các em cần xác định phương thức biểu đạt chính mà đề bài yêu cầu (thường là nghị luận) để định hướng đúng đắn cho bài viết.

Với thao tác tìm ý, các em cần tái hiện lại những giá trị nội dung và nghệ thuật của đối tượng văn học mà đề bài yêu cầu phân tích, cảm nhận. Khi tái hiện, các em nên đặt đối tượng vào trong chỉnh thể tác phẩm để tư duy một cách lô-gíc hơn. Một số câu hỏi gợi ý khi tái hiện kiến thức:

- Tác phẩm chứa đựng bao nhiêu nội dung, đó là những nội dung nào? Thái độ, tình cảm của

tác giả thông qua nội dung ấy là gì? Nhà văn/nhà thơ muốn gửi gắm thông điệp, tư tưởng gì đến người đọc?

- Để truyền tải giá trị nội dung, tác giả sử dụng những biện pháp, thủ pháp, hình thức nghệ thuật gì? Phân tích giá trị của những biện pháp, thủ pháp, hình thức đó.

Bước 2: Lập dàn bài

MỞ BÀI

- Dẫn ra những nhận định/câu thơ có liên quan (nếu có thể) để tạo ra sự hấp dẫn, ấn tượng cho bài viết.
- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu đối tượng nghị luận.

THÂN BÀI

- Luận điểm 1
 - + Luận cứ 1
 - + Luận cứ 2
 - ...
- Luận điểm 2
 - + Luận cứ 1
 - + Luận cứ 2
 - ...
- Luận điểm 3...
- Đánh giá, nhận xét:
 - + Giá trị của đối tượng nghị luận.
 - + Tài năng, vị trí của tác giả.
 - + Bài học rút ra cho bản thân (nếu có).

KẾT BÀI

Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

LƯU Ý: Khi tiến hành phân tích, cảm nhận đối tượng nghị luận, các em cần xác định hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng rõ ràng, mạch lạc và lần lượt trình bày theo từng đoạn văn độc lập. Với đoạn thơ, bài thơ, các em có thể chia theo bố cục câu thơ, khổ thơ hoặc theo

mạch cảm xúc. Với tác phẩm/trích đoạn truyện ngắn, các em có thể phân tích theo tuyến nhân vật (lai lịch, ngoại hình, phẩm chất, tính cách, cách ứng xử trong từng hoàn cảnh...), trình tự diễn biến truyện... Để tạo ra chiều sâu cho bài viết, các em nên liên hệ, so sánh với những đối tượng nghị luận khác để làm nổi bật đối tượng văn học mà đề bài yêu cầu.

Bước 3: Viết bài

3/4 thời gian của câu nghị luận văn học dành cho thao tác này. Khi chấp bút viết bài, các em cần phân bổ thời gian phù hợp cho mỗi luận điểm để tránh liên hệ lan man, dài dòng hay trình bày quá sơ sài, câu văn không trau chuốt. Bài viết cần tuân thủ theo dàn ý đã chuẩn bị để tránh hiện tượng thiếu sót hay lặp ý. Nếu có thể, hãy chấp cánh cho những câu văn và chuẩn bị sẵn sàng một vài lời bình giảng sắc sảo. Đó chính là những điểm cộng cho bài văn của các em.

Bước 4: Đọc và kiểm tra, hoàn thiện bài viết

Sau khi viết xong, các em hãy dành ra khoảng 3 đến 5 phút để đọc lại từ đầu đến cuối bài viết của mình, hoàn thiện những nội dung còn thiếu sót, chỉnh chu lỗi chính tả... để có được một bài thi trọn vẹn nhất.



DẠNG ĐỀ LIÊN KẾT CÁC ĐỐI TƯỢNG VĂN HỌC

I. DẠNG ĐỀ SO SÁNH VĂN HỌC

1. Giới thiệu chung

Trong văn học, thao tác so sánh được sử dụng với tần suất lớn. Người viết thường vận dụng thao tác này nhằm cụ thể hóa hay trừu tượng hóa đối tượng, đồng thời phát hiện và khơi gợi ở độc giả những liên tưởng thú vị.

Bản chất của thao tác so sánh là tìm ra những điểm tương đồng giữa hai đối tượng, dùng đặc điểm của đối tượng A để gọi ra những đặc điểm của đối tượng B. Hoặc ngược lại, xuất phát từ những điểm đối nghịch, dùng đặc điểm của đối tượng C để làm nổi bật đối tượng D. Dạng đề so sánh văn học cũng vậy. Tuy nhiên, nhiệm vụ của các em không phải là đi tìm đối tượng bất kì để so sánh với đối tượng đã cho mà từ hai (hay nhiều) đối tượng đã được cung cấp, chỉ ra những điểm giống và khác nhau để tìm ra những giá trị riêng biệt của từng đối tượng.

Đối tượng của dạng đề so sánh văn học rất đa dạng. Các em có thể bắt gặp yêu cầu so sánh các tác phẩm văn học, các trích đoạn tác phẩm, các nhân vật văn học, các tình huống truyện, các cốt truyện, cái tôi trữ tình, các chi tiết nghệ thuật... với nhau. Dấu hiệu nhận biết của đề bài thường là những cụm từ khóa: “Cảm nhận của anh chị về... và...”; “So sánh hình tượng nhân vật... với...”, “Bình giảng hai đoạn thơ sau”... và trong đề bài xuất hiện hai hoặc nhiều đối tượng văn học.

Ví dụ:

- Cảm nhận của anh chị về hai đoạn thơ sau:

"Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng"

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

"Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về"

(Sang thu - Hữu Thỉnh)

- Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của người phụ nữ phong kiến qua hai tác phẩm: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ) và *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).

2. Phương pháp viết bài Nghị luận văn học dạng đề so sánh

Về cơ bản, dạng bài so sánh văn học vẫn là một trong những bài Nghị luận văn học nên khi giải quyết một đề thuộc dạng bài này, các em cần tuân thủ 4 bước:

Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý

Thao tác này được tiến hành trong khoảng 2 phút. Các em lấy bút gạch ra những từ khóa trong đề bài để xác định chính xác những đối tượng cần so sánh. Sau đó, nhanh chóng khoanh vùng kiến thức (đối tượng nằm ở phần nào của tác phẩm, nói về điều gì) để hình dung được ý đồ của người ra đề và tìm ý đúng và trúng. Đồng thời, xác định những yêu cầu cần thực hiện của đề bài.

Bước 2: Lập dàn bài

Tùy theo đối tượng so sánh và ý tưởng sáng tạo để bố cục bài viết cho hợp lí. Thời gian để hoàn thành bước lập dàn bài là khoảng 5 phút. Dưới đây là gợi ý những luận điểm cần có của một bài nghị luận văn học dạng đề so sánh:

- *Mở bài*: Nêu vấn đề (dẫn dắt từ những đặc điểm chung của các đối tượng)

- *Thân bài*:

+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm của hai đối tượng

+ Làm rõ từng đối tượng

• Phân tích, cảm nhận về đối tượng 1

• Phân tích, cảm nhận về đối tượng 2

+ Chỉ ra điểm tương đồng giữa các đối tượng

+ Chỉ ra và lí giải sự khác biệt giữa các đối tượng (Các em có thể dựa vào bối cảnh lịch sử, xã hội, phong cách nghệ thuật, quan điểm sáng tác của tác giả, nội dung tư tưởng mà tác phẩm hướng đến... để lí giải)

- **Kết bài:** Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật.

Bước 3: Viết bài và Bước 4: Đọc và kiểm tra, hoàn thiện bài viết tương tự dạng đề phân tích, cảm nhận.

II. DẠNG ĐỀ LIÊN HỆ VĂN HỌC

1. Giới thiệu chung

Liên hệ là thao tác dùng các đặc điểm một đối tượng để làm nổi bật đặc điểm của một đối tượng khác (có những nét tương đồng). Nếu trong dạng đề so sánh văn học, chúng ta bắt gặp hai đối tượng đặt trong mối tương quan ngang bằng, cả hai có chức năng như nhau thì ở dạng đề liên hệ, chúng ta phải xác định đâu là đối tượng chính, đâu là đối tượng phụ.

Trong văn học, khi đi phân tích, bình giảng những đoạn thơ, đoạn văn, chi tiết nghệ thuật, nhân vật, hành động kịch..., chúng ta đều có thể sử dụng thao tác liên hệ để tạo ra chiều sâu cho tác phẩm.

Ví dụ, khi phân tích bốn câu thơ đầu của đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, ta có rất nhiều ngữ liệu để liên hệ:

Mở đầu trích đoạn, nhà thơ dùng hai câu thơ như một lời giới thiệu gần gũi:

“Đầu lòng hai ả tố nga

Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân”

Hai câu thơ không chỉ đem đến cho người đọc cái nhìn ban đầu về tên tuổi, vai chức của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân mà còn ngầm xen vào cụm từ “*tố nga*” đầy tinh tế. Trong văn học cổ, ta thường thấy từ “*tố nga*” xuất hiện khi nói về vẻ đẹp trong ngần của người con gái. Vẻ đẹp ấy sáng trong, tinh khôi như nét đẹp của người thiếu nữ trên cung trăng trong thơ Nguyễn Xuân Ôn, Ngô Thì Nhậm:

“Thanh nữ xuống thêm sương giá ngắt,

Tố nga ló mặt nguyệt bưng soi”

(Nguyễn Xuân Ôn/ bản dịch Nguyễn Văn Bách)

“Cung Quảng dễ vin cành quế bẻ

Hãy cùng bầu bạn với tố nga”

(Ngô Thì Nhậm/ bản dịch Lâm Giang)

Hai “*ả tố nga*” nhà viên ngoại họ Vương đem đến cho độc giả thiện cảm về nhan sắc thanh tú, xinh đẹp qua lời giới thiệu đầy ý nhị của Nguyễn Du.

Trong đoạn bình giảng trên, đối tượng chính được nhắc tới là bốn câu thơ đầu của trích đoạn *Chị em Thúy Kiều*. Để làm sáng tỏ cái hay, cái đẹp của những câu thơ này, người viết đã liên hệ với rất nhiều những đoạn thơ khác có cùng nội dung.

Dạng bài liên hệ văn học cũng vậy. Thao tác chính là dùng đặc điểm của một (hay nhiều) đối tượng văn học để làm rõ đặc điểm của một đối tượng khác. Tuy nhiên, khác với việc phân tích, bình giảng một đối tượng văn học, nhiệm vụ của các em không phải là tự đi tìm kiếm những đối tượng có chung đặc điểm để làm rõ đối tượng trung tâm mà đề bài sẽ giới hạn.

Đối tượng của dạng đề liên hệ có thể là một đoạn thơ, đoạn văn, chi tiết nghệ thuật, phong cách nghệ thuật, quan điểm sáng tác, hình tượng nhân vật, giá trị tư tưởng... nằm trong các tác phẩm văn học. Dấu hiệu nhận biết của dạng đề này là từ khóa “liên hệ” xuất hiện trong đề bài hay sự có mặt của hai đối tượng, trong đó một đối tượng chính, một đối tượng phụ.

Ví dụ:

- Phân tích hình tượng người chiến sĩ trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu. Từ đó liên hệ với hình tượng người chiến sĩ trong bài thơ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật để thấy được điểm tương đồng và khác biệt trong cách xây dựng hình tượng của các tác giả.

2. Phương pháp viết bài Nghị luận văn học dạng đề liên hệ

Khi tiếp cận và xử lý bài văn thuộc dạng bài liên hệ văn học, các em cũng cần tuân thủ bốn bước như dạng đề so sánh đã đề cập.

Bước 1: Thao tác này được tiến hành trong khoảng 2 phút. Các em lấy bút gạch ra những từ khóa trong đề bài để xác định chính xác đối tượng chính và đối tượng liên hệ mà đề bài yêu cầu. Sau đó, nhanh chóng khoanh vùng kiến thức (đối tượng nằm ở phần nào của tác phẩm, nói về điều gì) để hình dung được ý đồ của người ra đề và tìm ý đúng và trúng. Đồng thời, xác định những yêu cầu cần thực hiện của đề bài.

Bước 2: Lập dàn bài

- *Mở bài:* Nêu vấn đề (cố gắng tìm ra những điểm chung của các đối tượng để dẫn dắt), giới thiệu tập trung vào đối tượng chính.

- *Thân bài:*

+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm của hai đối tượng

+ Giới thiệu vấn đề được đặt ra từ các đối tượng văn học

+ Làm rõ đối tượng chính

+ Liên hệ với đối tượng phụ để làm nổi bật yêu cầu đề bài

+ Chỉ ra và lí giải sự giống và khác giữa các đối tượng để làm nổi bật đối tượng chính (hoặc yêu cầu của đề bài)

+ Nếu có những vấn đề được đặt ra từ các đối tượng văn học thì cần làm sáng tỏ qua việc soi chiếu vấn đề ấy vào đối tượng

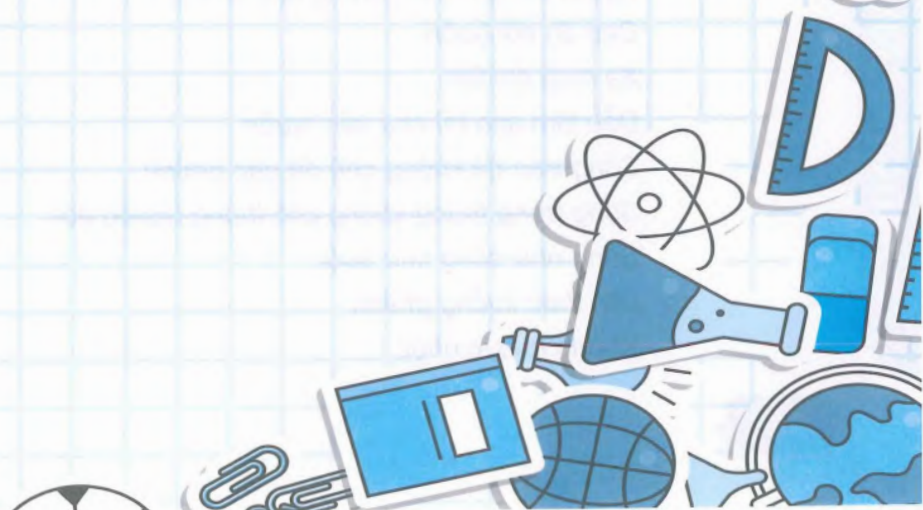
- *Kết bài:* Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật, khẳng định lại vấn đề.

Bước 3 và Bước 4 tiến hành tương tự dạng đề so sánh văn học.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ ĐỀ THI TỔNG HỢP

123



ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH BẮC NINH

I. PHẦN ĐỌC – HIỂU.

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

(Ngữ văn 9, Tập một)

Câu 1: (1,0 điểm)

Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào, của tác giả nào? Nêu thể loại và thể thơ của tác phẩm đó.

Câu 2: (0,5 điểm)

Trong đoạn trích trên, tác giả đã sử dụng những từ láy nào?

Câu 3: (1,5 điểm)

Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp điệp ngữ trong đoạn thơ trên.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm)

Trong cuộc sống, ai cũng cần có tình bạn. Nếu không có tình bạn cuộc sống thật buồn chán biết bao. Hãy viết đoạn văn (khoảng 15 câu) phát biểu suy nghĩ của em về một tình bạn đẹp.

Câu 2: (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc

Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con."

(Trích *Nói với con* - Y Phương, Ngữ văn 9, Tập hai)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. PHÂN ĐỌC – HIỂU.

Câu 1:

- Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm "Truyện Kiều" của tác giả Nguyễn Du.
- Thể loại: truyện thơ Nôm.
- Thể thơ: Lục bát.

Câu 2:

- Những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên là: thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, âm âm.

Câu 3:

- Phép điệp ngữ "buồn trông".
 - Tác dụng: Điệp ngữ "buồn trông" được lặp lại 4 lần, đặt ngay vị trí đầu câu thơ, kết hợp với những hình ảnh thiên nhiên rất đẹp nhưng buồn như: cửa bể, ngọn nước mới sa, nội cỏ rầu rầu, chân mây mặt đất, gió, sóng.
- ⇒ Nhấn mạnh tâm trạng cô đơn, buồn tủi ê chề trong hoàn cảnh hiện tại và những dự cảm xấu về tương lai của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

II. PHÂN LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Trong cuộc sống, ai cũng cần có tình bạn. Nếu không có tình bạn cuộc sống thật buồn chán biết bao. Hãy viết đoạn văn (khoảng 15 câu) phát biểu suy nghĩ của em về một tình bạn đẹp.

1. Giới thiệu chung về vấn đề cần được nghị luận

- Dẫn dắt giới thiệu về tình bạn.
- Khẳng định ý nghĩa quan trọng của tình bạn trong đời sống

2. Giải thích vấn đề

- Tình bạn là thứ tình cảm được gây dựng trên cơ sở những đặc điểm chung giữa người này và người khác. Đó có thể là sở thích, năng khiếu, công việc,... nhưng thường là sự tương đồng về độ tuổi, tâm lí, tính cách,...
- Một tình bạn đẹp trước hết phải là một tình bạn được xây dựng trên cơ sở sự đồng cảm,

vô tư, không vụ lợi, tính toán. Điều đó có nghĩa là những người bạn đến với nhau vì những yếu tố khách quan: cùng giống nhau về tính cách, sở thích, tâm lí,... nên tìm đến nhau để sẻ chia, tâm sự.

3. Bàn luận, mở rộng

- Tại sao chúng ta cần có những tình bạn đẹp?

+ Không ai có thể tồn tại độc lập và tách biệt, không có một mối liên hệ nào với những người xung quanh. Vì vậy để cân bằng cuộc sống của mình, con người cần có những mối quan hệ vững chắc ngoài gia đình để sẻ chia, để quan tâm. Tình bạn đẹp chính là một trong những mối quan hệ đó.

+ Cuộc sống có vô vàn những khó khăn, thử thách mà con người không thể lường trước. Chính vì vậy ta cần có những người bạn tốt để những lúc như vậy sẽ giúp đỡ lẫn nhau mà không lo sợ sự toan tính,...

+ Tình bạn đẹp cũng sẽ giúp cho nhiều mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp, chân thành và có ý nghĩa hơn.

- Có thể nêu những mối quan hệ bạn bè tốt đẹp: Lưu Bình - Dương Lễ, Nguyễn Khuyến - Dương Khuê...

- Phê phán những mối quan hệ bè phái, cầu lợi ích cá nhân, giả dối.

- Liên hệ bản thân: Em đã có tình bạn đẹp chưa? Tình bạn ấy giúp cho cuộc sống của em như thế nào?

Câu 2

1. Giới thiệu chung

- Y Phương là một trong những nhà thơ dân tộc Tày nổi tiếng của văn học Việt Nam hiện đại. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

- "Nói với con" là một trong những thi phẩm đặc sắc làm nên tên tuổi của ông, được viết vào năm 1980.

- Đoạn thơ là lời khuyên của cha với con, nên sống theo những truyền thống tốt đẹp của người đồng mình.

2. Phân tích

- Những phẩm chất cao quý của người đồng mình:

Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn, xa nuôi chí lớn

+ Dòng thơ đầu được lặp lại: "người đồng mình" là cách gọi thể hiện sự gần gũi, thân thương như trong một gia đình. "Thương lắm" - bày tỏ sự đồng cảm sâu sắc với cuộc sống nhiều vất vả, gian khó của họ.

+ Từ ngữ giàu sức gợi: "cao" "xa" vừa gợi hình ảnh miền núi cao vừa gợi điều kiện sống khó khăn, vất vả. "Nỗi buồn", "chí lớn" thể hiện bản lĩnh vững vàng, ý chí kiên cường của người đồng mình.

⇒ Lời thơ thể hiện niềm tự hào về phẩm chất tốt đẹp của người miền núi.

- Tác giả khái quát lên về đẹp truyền thống của người miền cao:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

+ Hình ảnh “người đồng mình”: vóc dáng, hình hài nhỏ bé, “thô sơ da thịt”, họ chỉ có đôi bàn tay lao động cần cù nhưng chẳng mấy ai nhỏ bé, yếu hèn. Họ dám đương đầu với gian lao, vất vả, họ lớn lao về ý chí, cao cả về tâm hồn.

+ Công lao vĩ đại của người đồng mình: “đục đá kê cao quê hương” - xây dựng quê hương, tạo nên ruộng đồng, dựng lên nhà cửa, bản làng, làm nên giá trị vật chất, tinh thần cho quê hương. “Làm phong tục” - tạo nên bao nền nếp, phong tục đẹp, làm nên bản sắc riêng của cộng đồng.

⇒ Lời thơ tràn đầy niềm tự hào về vẻ đẹp của người đồng mình. Nhấn nhủ con phải biết kế thừa, phát huy những truyền thống đó.

- Từ đó, người cha khuyên con biết sống theo những truyền thống của người đồng mình:

+ Điệp từ “sống” khởi đầu 3 dòng thơ liên tiếp, tô đậm mong ước thiết tha, mãnh liệt của cha dành cho con.

+ Ẩn dụ “đá”, “thung” chỉ không gian sống của người miền cao, gọi lên những nhọc nhằn, gian khó, đói nghèo. Người cha mong con “không chê” tức là biết yêu thương, trân trọng quê hương mình.

+ So sánh “như sông”, “như suối”: lối sống hồn nhiên, trong sáng, mạnh mẽ, phóng khoáng, vượt lên mọi gập ghềnh của cuộc đời.

+ Đối “lên thác xuống ghềnh”: cuộc sống không dễ dàng, bằng phẳng, cần dũng cảm đối mặt, không ngại ngần.

⇒ Cha khuyên con tiếp nối tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra của người đồng mình và cả lòng can đảm, ý chí kiên cường của họ.

- Để rồi, bài thơ khép lại bằng lời dặn dò vừa ân cần, vừa nghiêm khắc của người cha:

+ “Thô sơ da thịt” được nhắc lại để nhấn mạnh những khó khăn, thử thách mà con có thể gặp trên đường đời, bởi con còn non nớt, con chưa đủ hành trang mà đời thì gập ghềnh, gian khó.

+ Dẫu vậy, không bao giờ nhỏ bé được mà phải biết đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, không được sống yếu hèn, hẹp hòi, ích kỉ. Phải sống sao cho xứng đáng với cha mẹ, với người đồng mình. Lời nhấn nhủ chứa đựng sự yêu thương, niềm tin tưởng mà người cha dành cho con.

3. Tổng kết

- Nội dung:

+ Thể hiện tình cảm sâu nặng mà người cha dành cho con. Từng lời dặn dò, khuyên nhủ đến con biết sống sao cho xứng đáng với gia đình, quê hương.

+ Bộc lộ tình yêu quê hương xứ sở và niềm tự hào về người đồng mình của tác giả.

- Nghệ thuật: Từ ngữ, hình ảnh giản dị, giàu sức gợi, in đậm lối tư duy trong sáng, hồn nhiên, sinh động của người miền núi. Giọng điệu khi ân cần, tha thiết khi mạnh mẽ, nghiêm khắc.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH CẦN THƠ

I. ĐỌC HIỂU (3,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 4:

Mỗi người đều có một ước mơ cho riêng mình. Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates. Mơ ước khiến chúng ta trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ... Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực.

[...] Ngày bạn thôi mơ mộng là ngày cuộc đời bạn mất hết ý nghĩa. Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần. Ngay cả khi giấc mơ của bạn không bao giờ trọn vẹn, bạn cũng sẽ không phải hối tiếc vì nó. Như Đôn Ki-hô-tê đã nói: "Việc mơ những giấc mơ diệu kì là điều tốt nhất một người có thể làm".

Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. Hãy tự tin tiến bước trên con đường mơ ước của bạn.

(Quà tặng cuộc sống – Thu Quỳnh và Hạnh Nguyên dịch, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.56-57)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: Tìm và gọi tên thành phần biệt lập được sử dụng trong câu sau: Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp.

Câu 3: Việc tác giả dẫn ra ước mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ tích An-đéc-xen và ước mơ của tỷ phú Bill Gates trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 4: Em có đồng tình với ý kiến sau không? Vì sao?

Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ.

II. LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của ước mơ trong cuộc đời của mỗi người.

Câu 2: (5,0 điểm)

Nhận xét về bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương, có ý kiến cho rằng: Bài thơ "*Viếng lăng Bác*" thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

(Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.60)

Em hãy phân tích đoạn trích sau để làm sáng tỏ ý kiến trên.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!

(Viếng lăng Bác - Viễn Phương, Ngữ văn 9, Tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.58)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận.

Câu 2: Thành phần biệt lập: nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp (thành phần phụ chú).

Câu 3: Việc tác giả dẫn ra ước mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ tích An-đéc-xen và ước mơ của tỷ phú Bill Gates có tác dụng: nhấn mạnh mỗi người sẽ có những giấc mơ riêng, có thể là nhỏ bé, có thể là lớn lao.

Câu 4: Đồng tình với ý kiến trên bởi:

- + Hành động và nỗ lực cố gắng là con đường đi đến ước mơ nhanh nhất.
- + Nếu không hành động và nỗ lực cố gắng thì ước mơ sẽ mãi chỉ là ước mơ.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

1. Giải thích:

- Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được.

2. Bàn luận:

* Vai trò và ý nghĩa của ước mơ trong cuộc sống của con người

- Ước mơ có thể vĩ đại hay nhỏ bé nhưng phạm đã là con người thì ai cũng có ước mơ. Chính ước mơ làm cho cuộc sống của mỗi người thêm tươi đẹp, ý nghĩa, chỉ khi con người nỗ lực vươn lên biến ước mơ thành hiện thực khi đó con người đã làm cho cuộc đời mình và cuộc đời chung thêm ý nghĩa, tươi đẹp.

- Ước mơ là động lực giúp con người phát triển và hoàn thiện mình hơn, giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách của bản thân.

- Ước mơ là phần lãng mạn giúp con người làm việc hiệu quả, yêu cuộc sống hơn, giúp tâm

hồn con người trở nên đẹp hơn.

- Ước mơ chính là ngọn đuốc soi sáng trong tim mỗi chúng ta nó hướng chúng ta tới những điều tốt đẹp.

- Ước mơ cũng chính là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội và khi chúng ta đạt được ước mơ cũng là lúc chúng ta được thừa nhận năng lực của mình.

- Con đường dẫn tới ước mơ cũng vô cùng khó khăn, không phải lúc nào cũng dễ dàng đạt được, nhưng với những người kiên trì, bền chí, thì ước mơ sẽ giúp cho bạn định hướng cho tương lai của mình một cách tốt đẹp nhất.

***Cuộc sống mà không có ước mơ thì sẽ như thế nào?**

- Ước mơ là điều mà ai cũng nên có và cần có trong cuộc sống bởi nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ mất phương hướng vô định.

- Cần phân biệt ước mơ chính đáng với những thứ ảo vọng, hão huyền

- Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được mục tiêu sống của mình là gì. Chính vì không xác định được phương hướng sẽ dẫn tới bạn sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau.

3. Liên hệ bản thân

- Bản thân em đã có những ước mơ của riêng mình không? Và em đã làm gì để từng bước thực hiện ước mơ đó?

- Mỗi người chúng ta hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào.

- Rút ra bài học: Phải không ngừng học tập, rèn ý chí, trau dồi kĩ năng sống để biết ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực.

Câu 2:

1. Giới thiệu chung

- Viễn Phương là một nhà thơ tiêu biểu của miền Nam. Tháng 4/1976, sau một năm giải phóng đất nước, khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa khánh thành, nhà thơ cùng đoàn đại biểu miền Nam ra thăm Hà Nội vào lăng viếng Bác.

- Bài thơ *Viếng lăng Bác* thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

2. Phân tích làm sáng tỏ ý kiến

2.1. Giải thích nhận định:

Bài thơ *Viếng lăng Bác* thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

⇒ Nhận xét đã khẳng định cảm xúc, niềm xúc động chân thành của tác giả khi vào lăng viếng Bác.

*** Phân tích khổ thơ thứ hai**

- Hai câu thơ đầu:

*"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ"*

+ Hai câu thơ được tạo nên với những hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ sóng đôi. Câu trên là một hình ảnh thực, câu dưới là hình ảnh ẩn dụ.

+ Ví Bác như mặt trời là để nói lên sự trường tồn vĩnh cửu của Bác, giống như sự tồn tại vĩnh viễn của mặt trời tự nhiên.

+ Ví Bác như mặt trời là để nói lên sự vĩ đại của Bác, người đã đem lại cuộc sống tự do cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi đêm dài nô lệ.

+ Nhận thấy Bác là “*một mặt trời trong lăng rất đỏ*”, đây chính là sáng tạo riêng của Viễn Phương, nó thể hiện được sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác.

- Ở hai câu thơ tiếp theo:

*“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”*

+ Đó là sự hình dung về dòng người đang nối tiếp dài vô tận hàng ngày đến viếng lăng Bác bằng tất cả tấm lòng thành kính và thương nhớ, hình ảnh đó như những tràng hoa kết lại dâng người. Hai từ ngày ngày được lặp lại trong câu thơ như tạo nên một cảm xúc về cõi trường sinh vĩnh cửu.

+ Hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác được tác giả ví như tràng hoa, dâng lên Bác. Cách so sánh này vừa thích hợp và mới lạ, diễn ra được sự thương nhớ, tôn kính của nhân dân đối với Bác.

+ Tràng hoa là hình ảnh ẩn dụ những người con từ khắp miền đất nước về đây viếng Bác giống như những bông hoa trong vườn Bác được Bác ươm trồng, chăm sóc nay nở rộ ngát hương về đây tụ hội kính dâng lên Bác.

* Phân tích khổ thơ thứ ba

- Khung cảnh và không khí thanh tĩnh như ngưng kết cả thời gian và không gian trong lăng:

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”*

+ Cả cuộc đời Bác ăn không ngon, ngủ không yên khi đồng bào miền Nam còn đang bị quân thù giày xéo. Nay miền Nam đã được giải phóng, đất nước thống nhất mà Bác đã đi xa. Nhà thơ muốn quên đi sự thực đau lòng đó và mong sao nó chỉ là một giấc ngủ thật bình yên.

+ Từ cảm xúc thành kính ngưỡng mộ, ở khổ thơ thứ ba là những cảm xúc thương xót và ước nguyện của nhà thơ. Hình ảnh Bác như vầng trăng sáng dịu hiền trong giấc ngủ bình yên là một hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp thanh thản, phong thái ung dung và thanh cao của Bác. Người vẫn đang sống cùng với nhân dân đất nước Việt Nam thanh bình tươi đẹp. Mạch cảm xúc của nhà thơ như trầm lắng xuống để nhường chỗ cho nỗi xót xa qua hai câu thơ: *vẫn biết... ở trong tim...*

+ Hình ảnh trời xanh là hình ảnh ẩn dụ nói lên sự trường tồn bất diệt của Bác. Trời xanh thì còn mãi mãi trên đầu, cũng giống như Bác vẫn còn sống mãi mãi với non sông đất nước.

+ Thế nhưng, nhìn di hài của Bác trong lăng, cảm thấy Bác đang trong giấc ngủ ngon lành, bình yên mà vẫn thấy đau đớn xót xa mà sao nghe nhói ở trong tim! Dù rằng Người đã hoá thân vào thiên nhiên, đất nước, nhưng sự ra đi của Bác vẫn không sao xoá đi được nỗi đau xót vô hạn của cả dân tộc, ý thơ này diễn tả rất điển hình cho tâm trạng và cảm xúc của bất kì ai đã từng đến viếng lăng Bác.

3. Tổng kết

- Với lời thơ cô đọng, giọng thơ trang nghiêm thành kính, tha thiết và rất giàu cảm xúc, bài thơ đã để lại ấn tượng rất sâu đậm trong lòng người đọc. Bởi lẽ, bài thơ không những chỉ bộc lộ tình cảm sâu sắc, lòng thành kính và niềm xúc động của hàng triệu con người Việt Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

ĐỀ THI TUYỂN SINH NĂM 2018 - 2019 THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Câu 1: (2,0 điểm)

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre...

"Tre già măng mọc". Măng mọc trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam, lứa măng non của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt sắt.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam,...

(Trích *Cây tre Việt Nam*, Thép Mới, Ngữ văn 6, Tập hai)

a) Đọc đoạn trích trên, hãy xác định:

- Từ láy. (0,5 điểm)

- Thành ngữ. (0,5 điểm)

- Khởi ngữ. (0,5 điểm)

b) Từ *măng* trong *lứa măng non* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? (0,5 điểm)

Câu 2: (3,0 điểm)

"Con chim sẽ nhỏ chết rồi

Chết trong đêm con bão về gần sáng.

Đêm ấy tôi nằm trong chăn nghe cánh chim đập cửa

Sự ấm áp gối chăn đã giữ chặt tôi

Và tôi ngủ ngon lành đến lúc bão vơi."

(Trích *Tiếng vọng*, Nguyễn Quang Thiều, Tiếng Việt 5, Tập một)

Trong đoạn thơ trên, tác giả nói về sự việc gì? Em hãy viết một đoạn văn hoặc bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự việc đó.

Câu 3: (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn trích sau:

- Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thông thả đi đến chỗ bác già.

- Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!

Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

- Chào anh. - Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. - Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh - những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.

- Chào anh.

Lần đầu, chính là anh thanh niên quay mặt đi. Anh ấn cái làn vào tay bác già và nói vội vã:

- Cái này để ăn trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ "ốp" rồi. Thôi chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé.

Hai ông con theo bậc cấp bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên, không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đồi, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu. Bỗng bác già nhìn chiếc đồng hồ nói một mình:

- Thanh niên bây giờ lạ thật! Các anh chị cứ như con bướm. Mà đã mười một giờ, đến giờ "ốp" đâu? Tại sao anh ta không tiễn mình đến tận xe nhỉ?

Cô gái liếc nhìn bác già một cái rất nhanh, tự nhiên hỏi hớp, nhưng vẫn im lặng.

(Trích *Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, Tập một)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

Câu 1: (2,0 điểm)

a)

- Từ láy: lờng lờng, mệnh mông
- Thành ngữ: Tre già măng mọc
- Khởi ngữ: Các em

b) Từ "măng" trong "lúa măng non" được sử dụng theo nghĩa chuyển. Nó không dùng để chỉ măng tre mà để chỉ những em nhỏ.

Câu 2:

Trình bày thông điệp văn bản

- Từ bài thơ *Tiếng vọng*, nhà thơ muốn gửi tới bạn đọc một thông điệp về lòng nhân ái. Thái độ ích kỷ, tính cá nhân và ham muốn hưởng thụ của con người có thể đánh mất đi lòng nhân ái của chính chúng ta.
- Một con chim đập cửa, tiếng kêu cứu của một số phận trong lúc hoạn nạn, lẽ ra anh phải dòi bỏ hạnh phúc của anh, dòi bỏ những điều kiện thuận lợi để cứu vớt một sinh linh bé bỏng nhưng lại bị “sự ầm ập gối chẵn” kìm giữ.
- Con chim là một biểu tượng để chỉ về những người xung quanh ta. Chính vì người ta ngại rét, ngại gió, ngại mưa, ngại khó khăn... sự ích kỷ đã phủ ngập trong lòng khiến ta không quan tâm đến những bất hạnh của sinh linh bé nhỏ kia hay của chính những con người ở ngay bên cạnh mình.
- Với nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, đoạn thơ *Tiếng vọng* còn như một lời sám hối, một nỗi ân hận của chính tác giả. Tiếng vọng ở đây là tiếng vọng của lòng nhân ái, nhắc nhở chúng ta vượt qua những ích kỷ cá nhân để yêu thương mọi người.

Nêu dẫn chứng chứng minh

- Cuộc đời mỗi con người không khỏi có những phút giây ích kỷ, chỉ nghĩ đến hạnh phúc của bản thân mình.
- Nhưng quan trọng hơn hết, chúng ta còn phải biết sống với trái tim yêu thương luôn đập trong lồng ngực vì:
 - + Người với người sống để yêu nhau.
 - + Luôn luôn có những người bất hạnh, cần được giúp đỡ.
 - + Khi biết yêu thương người khác, chúng ta sẽ thấy trái tim mình rộng lớn thêm ra, biết cảm nhận được hạnh phúc.
- Tình yêu thương, lòng nhân ái được thể hiện từ những việc làm nhỏ nhất như nắm lấy bàn tay một cụ già dẫn qua đường, một cái ôm ấm áp khi người khác đau buồn đến những hành động lớn hơn như hiến tặng, trao gửi một niềm tin yêu nào đó.
- Khi sống trong yêu thương, mỗi người sẽ tự cảm thấy ấm áp từ trong tim.

Liên hệ bản thân:

- Em có khi nào ích kỷ mà không quan tâm đến người khác không?
- Được sống trong yêu thương, em đã và đang làm gì để đáp lại tình yêu thương ấy.

Câu 3:

1. Giới thiệu chung:

- Tác giả:
 - + Sáng tác từ thời kì kháng chiến chống Pháp và nhanh chóng trở thành một cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi cách mạng Việt Nam.
 - + Thành công ở truyện ngắn và kí.

+ Tác phẩm của Nguyễn Thành Long tập trung phản ánh vẻ đẹp của con người Việt Nam mới trong lao động và trong chiến đấu.

+ Lối viết vừa chân thực, giản dị, vừa giàu chất trữ tình.

- Tác phẩm: Được viết vào mùa hè năm 1970

- Là kết quả chuyến công tác lên Lào Cai của tác giả.

- Đoạn trích nằm ở phần cuối của truyện ngắn, khi cuộc gặp gỡ giữa anh thanh niên, ông họa sĩ và cô kĩ sư đã đến hồi kết.

- Đoạn trích ngắn nhưng làm nổi bật vẻ đẹp của các nhân vật. Qua đoạn trích, chúng ta hiểu thêm những nét đẹp của những nhân vật này.

2. Nêu cảm nhận về đoạn trích

Trong đoạn trích này, các em cần làm rõ vẻ đẹp của các nhân vật: anh thanh niên, ông họa sĩ và cô kĩ sư:

* Anh thanh niên

- Không chỉ là người có tinh thần trách nhiệm với công việc, có phong cách sống đẹp, anh còn rất biết quan tâm đến mọi người:

+ Anh ngỡ ngàng sao thời gian trôi qua nhanh quá “Anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ Ba mươi phút được gặp để nói chuyện với người khác với anh là rất ngắn ngủi, trong tiếng kêu trời ơi ấy của anh có thái độ tiếc nuối, bịn rịn”.

+ Biểu ông họa sĩ giỏ trứng để làm bữa trưa.

+ Gửi cô kĩ sư cái khăn tay kèm theo cuốn sách cô ấy đã đọc.

+ Anh luôn đề cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình.

⇒ Anh thanh niên khơi dậy trong ông họa sĩ và cô kĩ sư những tình cảm tốt đẹp.

- Ông họa sĩ:

+ Không chỉ là một người nghệ sĩ chân chính, say mê tìm kiếm cái đẹp, trong hành trình lên Sa Pa lần này, bằng đôi mắt tinh tường của mình, ông đã có cái nhìn mới mẻ, lạc quan về thế hệ trẻ:

+ Khi nhận xét về anh thanh niên, cô kĩ sư ông nhận xét “*anh chị cứ như con bướm*”. Trong câu nói đó, “*con bướm*” là một hình ảnh ẩn dụ đẹp về nét hồn nhiên, muôn màu sắc về cả thế hệ thanh niên mà ông hi vọng.

⇒ Nhân vật ông họa sĩ là nhân vật phụ, miêu tả không nhiều nhưng hiện lên với nét đáng yêu, đáng quý. Thông qua nhân vật này, tác giả gửi gắm những suy nghĩ về cuộc sống và con người.

- Nhân vật cô kĩ sư

+ Đây là cô gái xuất hiện trực tiếp trong tác phẩm: một người con gái Hà Nội đã bỏ lại sau lưng mối tình nhạt nhẽo để lên Lào Cai công tác.

+ Trong cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, được nghe những điều anh nói, cô bàng hoàng hiểu về cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của anh thanh niên và về cả thế giới những con người như anh.

+ Giây phút bàng hoàng của cô là sự xúc động khi bắt gặp một tình yêu đích thực, một tình yêu lớn, làm bùng dậy trong cô những tình cảm lớn lao, cao đẹp. Từ đó cô nhận ra, bấy lâu nay mình đã sống cuộc đời nhạt nhẽo, tầm thường, giúp cô yên tâm tin tưởng vào con đường mình đã chọn. Cùng với đó là một sự hàm ơn khó tả đối với anh thanh niên. Đó không chỉ vì bó hoa rất to mà anh đã tặng cô, mà còn là một bó hoa khác - bó hoa của những khát khao, háo hức, mộng mơ, của những khát vọng cống hiến cao đẹp đã truyền sang cô.

⇒ Cuộc gặp gỡ và trò chuyện ngắn ngủi đã khơi gợi cho cô suy nghĩ về cuộc sống mới.

3. Tổng kết, đánh giá

- Chỉ vài phút ngắn ngủi nhưng kết thúc cuộc gặp gỡ đã để lại dư âm cho chính những nhân vật và cho người đọc.

- *Lặng lẽ Sa Pa* khắc họa thành công hình ảnh những con người lao động thầm lặng, những con người vô danh nhưng ta học được từ họ khá nhiều về phẩm chất, cách sống và ứng xử với mọi người. Vì vậy, chúng ta phải luôn cố gắng học tập, rèn luyện để sống có ích cho mình và những người xung quanh.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 HÀ TĨNH

Câu 1: (2,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

“Bà con của một người bà con dẫn cô lên giúp việc nhà họ vào một bữa trời mưa. Cô vắt đôi tà áo ướt đầm nước, tròn con mắt phân trần, “xứ gì ngộ quá, đầu có cũng nhà mà không có chỗ đựng mưa. Ở đâu cũng tường rào kín mít, kiểm đồ. Con mắt mới gặp được mái hiên, tui mới đáng chút xíu đã bị kêu tránh ra cho người ta buôn bán. Phải ở dưới quê bà con còn đem ghé cho ngồi...” Ngay cái ngày đầu tiên đó cô đã mang một chuẩn mực mới đến với gia đình họ, tạm gọi là “phải ở dưới quê...”. Ngó mấy con cá rô nằm cạnh rổ cải bắp, cô thần thờ, trời ơi, phải ở dưới quê, mình nấu cá rô với bông so đũa, ngọt nước dữ lắm. Bông so đũa mùa này trở trắng trên mấy bờ kinh, mật ơi là mật. Hàng xóm cãi nhau, cô ngó qua rào, “phải ở dưới quê thế nào cũng có người chạy tới can, người ngoài nói tiếng ngọt tiếng lạt, cũng đỡ căng lắm...”. Sau mỗi bữa ăn, cô tần ngần, “phải ở dưới quê, đồ ăn dư như vậy là nuôi được mấy con heo...”

(...) Mỗi người có một chuẩn mực của riêng mình để vịn vào, đối chiếu, so sánh. Chủ nhà từng nghĩ cuộc sống hiện đại, sung túc là thiên đường. Nhưng bây giờ thì họ hoang mang, thế giới mơ ước của họ có nguy cơ đổ vỡ trước cô giúp việc ...”

(Biển của mỗi người, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Kim Đồng, 2016, tr. 5,6,7)

a) Những phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

b) Tại sao chủ nhà lại “hoang mang” và cảm thấy “thế giới mơ ước của họ có nguy cơ đổ vỡ” trước cô giúp việc.

Câu 2: (3,0 điểm)

Thời gian - Quà tặng kỳ diệu của cuộc sống!

Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 300 - 400 chữ) bàn về ý nghĩa của thời gian đối với lứa tuổi học trò hiện nay.

Câu 3: (5,0 điểm)

Cảm nhận về hình ảnh người lính trong đoạn thơ sau:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người, vừng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

(*Đồng chí*, Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXBGDVN, 2014, tr. 129)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

Câu 1:

a) Phương thức biểu đạt: Miêu tả, tự sự

b) Chủ nhà hoang mang bởi vì trước đó đã nghĩ rằng cuộc sống hiện tại sung túc đầy đủ là thiên đường nhưng mà sau khi có sự xuất hiện của cô giúp việc trong gia đình, họ bắt đầu nghĩ tới những giá trị thực sự của cuộc sống không phải ở tiện nghi và sung túc mà ở những thứ khác mà chính họ và những con người hiện đại như họ đã đánh mất.

Câu 2:

1. Giải thích

- Thời gian: không định nghĩa được rõ ràng, nhưng vẫn biết có cái gì đó đang chảy trôi làm thay đổi mọi vật (nước có thể làm mòn đá phải trải qua ngày này đến ngày khác thì mới mòn được). Cái sự trải qua đó, ta tạm gọi là thời gian.

- Thời gian: sẽ không bao giờ giống nhau vì nó không quay trở lại. Ngày hôm qua sẽ không giống ngày hôm nay là vậy.

- Thời gian vô cùng quan trọng, vì cái duy nhất không lặp lại. Vì vậy nó là điều độc đáo - là quà tặng kỳ diệu của tạo hoá.

2. Chứng minh và bình luận

- Ai cũng có một quỹ thời gian không bao giờ nhiều hơn tuổi thọ của mình. Thời gian làm cho ta khôn lớn lên, nhưng cũng làm cho ta già và chết đi.

- Thời gian sẽ không trở lại, nên ai biết gìn giữ, đón nhận và trân trọng nó, thì ta làm được nhiều điều có ý nghĩa trong đời.
- Ai lãng phí thời gian sẽ từng bước rơi vào sự lạc lõng và chán nản, cuộc đời trở nên thừa thãi, vô nghĩa...
- Thời gian là chứng nhân cho những giá đích thực.

3. Liên hệ bản thân

- Em sử dụng quỹ thời gian của mình như thế nào?
- Có điều gì làm em hối tiếc vì đã lãng phí hay không?
- Bài học và lời nhắn nhủ tới mọi người.

Câu 3:

1. Giới thiệu chung

- Giới thiệu về tác giả Chính Hữu.
- Hoàn cảnh sáng tác: Đầu năm 1948, sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc.
- Đoạn thơ này là phần cuối của tác phẩm.
- Đoạn thơ như một bức tượng đài đầy chân thực về người lính trong thời kháng chiến chống Pháp và tình đồng chí đồng đội thiêng liêng của họ.

2. Cảm nhận

- Những người lính này đều xuất thân là những người lính nông dân. Họ ra đi và chiến đấu với một quyết tâm mạnh mẽ và một ý chí phi thường họ gửi lại quê hương tất cả: "*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*".
- Chấp nhận cuộc sống quân ngũ đầy gian khổ, thiếu thốn:
 - + Đối mặt với bệnh sốt rét rừng trong hoàn cảnh thiếu thốn thuốc men và điều kiện chăm sóc "*sốt run người*".
 - + Đối mặt với thiếu thốn về vật chất và sự khắc nghiệt của thời tiết: "*áo rách vai*", "*quần có vài mảnh vá*", "*chân không giày*"; gian khổ: "*cười buốt giá*"...
- Tình đồng chí đồng đội thấm thiết của những người lính:
 - + Được nảy sinh từ nhiều điểm chung: (Cảnh ngộ, lí tưởng, nhiệm vụ...) để rồi thành mối tình tri kỉ: "*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*". Tình cảm ấy phát triển thành tình đồng chí.
 - + Tình đồng chí giúp người lính vượt lên mọi khó khăn gian khổ: Giúp họ chia sẻ, cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau: "*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*"... "*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*". Giúp họ vượt qua những gian lao thiếu thốn của cuộc kháng chiến: "*Áo anh rách vai*"... chân không giày. Cùng chịu đựng những cơn "*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*".
 - + Tình cảm gắn bó thắm lặng mà cảm động của người lính: "*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*".
 - + Sức mạnh của tình đồng chí đã giúp người lính chủ động trong tư thế chờ giặc tới: "*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*".
- Về đẹp tâm hồn của những người chiến sĩ:

+ Lãng mạn và lạc quan: “miệng cười buốt giá”;

+ Hình ảnh “đầu súng trắng treo” thể hiện tâm hồn phong phú, lãng mạn, luôn hướng tới cái đẹp và tự do của những người lính.

3. Tổng kết

- Vẻ đẹp của người lính trong bài thơ tiêu biểu cho vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp.

- Hình tượng người lính được thể hiện qua các chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực cô đọng mà giàu sức biểu cảm, hướng về khai thác đời sống nội tâm.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH HẢI DƯƠNG

Câu 1: (2,0 điểm)

Cho đoạn thơ sau:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trắng treo.*

(Theo SGK Ngữ văn 9 tập I, NXB Giáo dục Việt Nam)

1. Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác?
2. Trình bày hoàn cảnh ra đời của văn bản ấy.
3. Nêu ngắn gọn vẻ đẹp của người lính trong đoạn thơ trên.

Câu 2: (3,0 điểm)

Anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Thành Long có nhiều đóng góp cho cuộc đời nhưng lại rất khiêm nhường. Từ vẻ đẹp này của nhân vật, hãy viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của em về đức tính khiêm nhường.

Câu 3: (5,0 điểm)

Cảm nhận tình yêu làng chân thực và cảm động của ông Hai qua diễn biến tâm trạng nhân vật trong văn bản “Làng” của Kim Lân (SGK Ngữ văn 9, tập I, NXB Giáo dục Việt Nam)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

Câu 1

1. Khổ thơ trên trích trong văn bản *Đồng chí*. (0,25 điểm); do Chính Hữu sáng tác (0,25 điểm)
2. Bài thơ ra đời vào năm 1948 (0,25 điểm); sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc (Thu đông) trong cuộc kháng chiến chống Pháp (0,25 điểm)
3. Vẻ đẹp của người lính:
 - Tinh thần đoàn kết, khăng khít, vững chãi (đứng cạnh bên nhau) (0,25 điểm)

- Tư thế chủ động sẵn sàng chiến đấu, ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc (chờ giặc tới, đầu súng). (0,25 điểm)
- Tâm hồn nhạy cảm, lãng mạn, cảm nhận được sự thi vị của thiên nhiên (trăng treo). (0,25 điểm)
- Chất chiến sĩ hòa quyện với chất thi sĩ. (0,25 điểm)

Câu 2

1. Về kĩ năng

- Học sinh nắm vững kĩ năng và tạo lập được một bài văn nghị luận xã hội.
- Kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận; lý lẽ chặt chẽ logic; dẫn chứng tiêu biểu chọn lọc.
- Bố cục mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt thông thường.

2. Về kiến thức

- Học sinh có thể trình bày suy nghĩ, đưa ra lý lẽ riêng nhưng phải

Ý	NỘI DUNG CƠ BẢN	ĐIỂM
1	Dẫn dắt từ nhân vật anh thanh niên, giới thiệu về vấn đề nghị luận	0,25
2	Giải thích - Khiêm nhường là thái độ, cách ứng xử khiêm tốn, nhún nhường. - Người có tính khiêm nhường không tự đề cao mình, không khoe khoang bản thân mình; luôn biết mình, biết người; có thái độ hòa nhã, luôn lắng nghe ý kiến của người khác trong giao tiếp... ☒ Khiêm nhường là một trong những đức tính tốt đẹp mà mỗi người cần hướng tới trong quá trình tự hoàn thiện bản thân mình.	0,5
3	Bàn luận	1,25
	- Khiêm nhường giúp mỗi người tự nhận ra mặt hạn chế của bản thân - Khiêm nhường là động lực để thành công, vì người khiêm nhường luôn biết học hỏi, có tinh thần cầu tiến, tự nỗ lực để tiến bộ - Khiêm nhường là cơ sở nền tảng của nhiều phẩm chất, tình cảm, hành động cao đẹp khác: tự trọng, trung thực, biết tôn trọng người khác, biết yêu thương nhường nhịn mọi người xung quanh... - Khiêm nhường giúp cho việc giao tiếp ứng xử giữa người với người trở nên tốt đẹp, góp phần xây dựng tập thể đoàn kết, xã hội văn minh, tiến bộ... - Người khiêm nhường được mọi người yêu quý (Lấy dẫn chứng từ nhân vật anh thanh niên và trong thực tế đời sống để lý lẽ thêm thuyết phục)	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

Câu 3:**1. Về kĩ năng:**

- Học sinh nắm vững kĩ năng và tạo lập được một bài văn nghị luận văn học; biết xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận; biết chọn lọc và phân tích sâu sắc từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật.
- Bố cục mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, giàu cảm xúc, không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt thông thường.

2. Về kiến thức:

- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được một trong những nội dung cơ bản sau:

Ý	NỘI DUNG CƠ BẢN	ĐIỂM
1	Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận	0,5
	Tình yêu làng chân thực và cảm động của ông Hai được thể hiện qua diễn biến tâm trạng tinh tế, giằng xé, mâu thuẫn trong nội tâm nhân vật. Tình yêu làng gắn bó thống nhất với tình yêu đất nước.	
	* Tâm trạng của nhân vật ông Hai ở nơi tản cư trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc: - Tự hào về làng, hay khoe về làng Chợ Dầu... - Phải xa làng Chợ Dầu, ông Hai nhớ làng da diết... ☒ Tình yêu làng là tình cảm thương trực, gắn bó của người nông dân, coi làng như ngôi nhà chung của cả một cộng đồng * Diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trong hoàn cảnh gay gắt, đầy thử thách: nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, phản bội lại cách mạng, kháng chiến. - Ông lão bàng hoàng, sửng sốt: cổ nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, lặng đi, không thở được... - Chạnh lòng xấu hổ: vờ vờ đứng lặng; cúi gằm mặt xuống mà đi... - Chán chường, mệt mỏi: nằm vật ra... - Tủi thân, thương con, thương dân làng Chợ Dầu và thương thân mình phải mang tiếng là dân làng Việt gian: các câu hỏi tu từ. - Phẫn nộ, hoài nghi: nắm chặt tay mà rít lên... ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm... - Ông Hai bị ám ảnh, mặc cảm nặng nề, day dứt mình là người làng Việt gian: luôn nơm nớp sợ hãi nghe ngóng, không dám bước chân ra đến ngoài...	0,5

	- Bé tắc, tuyệt vọng khi nghĩ đến cảnh tuyệt đường sinh sống... ⇒ Càng yêu làng, tự hào về làng bao nhiêu, ông Hai lại càng đau đớn tủi nhục bấy nhiêu vì ông đã mất đi điều quý giá thiêng liêng nhất. - Dù ý thức “làng theo Tây mất rồi thì phải thù”, nhưng ông Hai vẫn không dứt bỏ được tình yêu làng sâu nặng: qua lời thủ thỉ tâm sự với đứa con, ông muốn con khắc ghi: “làng ta ở làng Chợ Dầu”; qua hành động: “ôm khít thằng bé vào lòng” khi thằng Húc nói “có” muốn về làng... ⇒ Trong hoàn cảnh đau đớn, ông Hai vẫn giữ nguyên tình cảm bền chặt, sâu sắc với đất với làng.	
	Tâm trạng của nhân vật ông Hai khi nghe tin cải chính	0,5
	- Vui sướng, hân hoan, ông Hai như được hồi sinh... - Hãnh diện khoe tin làng Chợ Dầu bị đốt cháy, nhà ông bị đốt: sự mất mát về tài sản không sánh được với niềm vui làng Chợ Dầu được trả lại danh dự.	
3	Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật ông Hai - Tình yêu làng được đặt trong tình huống độc đáo, thử thách nội tâm nhân vật. - Nghệ thuật kể chuyện: sinh động, hấp dẫn. - Miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo qua ý nghĩ, hành động, dáng điệu, cử chỉ, ngôn ngữ độc thoại và đối thoại... - Ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ của người nhà quê...	0,5
4	Đánh giá: - Qua diễn biến tâm lí của nhân vật ông Hai, người đọc thấm thía tình yêu làng rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân bình dị. - Kim Lân đã diễn tả thành công vẻ đẹp tinh thần của người nông dân Việt Nam qua hình tượng nhân vật ông Hai: tình yêu làng hòa nhập với lòng yêu nước, thống nhất với tinh thần kháng chiến. Đó chính là yếu tố góp phần tạo nên sức hấp dẫn và sức sống của truyện.	0,5

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO 10 NĂM 2018 - 2019

TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: (3,0 ĐIỂM)

Đọc kĩ ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi nêu bên dưới:

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm bắt thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa được, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội, Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên, Thời gian là vàng, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 36)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên.

Câu 2: (0,5 điểm) Nêu ngắn gọn nội dung của ngữ liệu.

Câu 3: (4,0 điểm) Xét về cấu tạo, câu "Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội." là kiểu câu gì? Vì sao?

Câu 4: (1,0 điểm) Ngữ liệu trên chuyển tải thông điệp gì?

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN: (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (3,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (không qua một trang giấy thi) theo cách diễn dịch bàn về ý nghĩa của tuổi thơ đối với mỗi người.

Câu 2: (4,0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của hai nhân vật: anh Sáu trong tác phẩm *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng) và anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long).

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. ĐỌC - HIỂU

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên là nghị luận.

Câu 2: Nội dung của ngữ liệu: Khẳng định giá trị của thời gian quý hơn vàng vì không mua được. Thời gian là sự sống, là thắng lợi, là tri thức và nếu biết tận dụng thời gian, chúng ta có

thể làm được nhiều điều đáng quý cho chính mình cũng như cho xã hội.

Câu 3: Xét về cấu tạo, câu “*Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội.*” là kiểu câu ghép.

Vì ở đây là câu ghép đã bị lược mất cả hai thành phần chủ ngữ ở hai vế nhưng chúng ta vẫn có thể hiểu đối tượng mà câu văn nói tới là mọi người, chúng được tạo bởi cặp quan hệ từ “nếu ... thì”.

Chúng ta có thể khôi phục câu văn như sau để dễ xác định: “*Thế mới biết, nếu chúng ta biết tận dụng thời gian thì chúng ta sẽ làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội.*”

Câu 4: Ngữ liệu trên truyền tải thông điệp nhắc nhở mọi người biết quý trọng thời gian, dùng thời gian để làm những điều có ý nghĩa.

II. TẬP LÀM VĂN

Câu 1: Các em có thể tham khảo các ý chính sau để tạo lập đoạn văn của mình:

- Tuổi thơ là quãng thời gian thơ bé, nhỏ tuổi.
- Tuổi thơ có ý nghĩa quan trọng với mỗi người:
 - + Khi còn nhỏ, người ta không có quá nhiều thứ để nhớ, những ấn tượng tuổi thơ sẽ là những kỉ niệm được khắc ghi nhất.
 - + Tuổi thơ nuôi dưỡng những cảm xúc trong trẻo, hồn nhiên bên những người thân yêu, bên bạn bè.
 - + Tuổi thơ được chứng kiến và trải nghiệm nhiều điều mới lạ, mở ra những ước mơ trong sáng.
 - + Tuổi thơ được nuôi dưỡng như thế nào sẽ có ảnh hưởng nuôi dưỡng tâm hồn con người như thế. Tuổi thơ thiếu thốn nuôi dưỡng cho người ta ý chí, nghị lực vươn lên, tuổi thơ được sống trong yêu thương nuôi dưỡng cho người ta biết yêu thương những người khác, tuổi thơ được vui chơi tạo nên những kỉ niệm đẹp, ngay cả những tuổi thơ không may mắn cũng dạy cho người ta bài học nào đó trong cuộc đời.
- Tuy nhiên, hiện nay tuổi thơ của trẻ em trong thời đại mới khác trước rất nhiều. Có những điều kiện hiện đại hơn nhưng chưa chắc con trẻ được khám phá và nuôi dưỡng thể xác, tâm hồn lành mạnh như trước đây.
- Điều quan trọng là làm thế nào để mỗi tuổi thơ đều đáng nhớ, đáng yêu. Kể cả những vấp ngã, đau đớn trong tuổi thần tiên ấy cũng trở thành những mốc cuộc đời không thể nào quên.
- Liên hệ bản thân: Đã đi qua tuổi thơ của mình, tuổi thơ em có gì đặc biệt và có vai trò như thế nào với em.

Câu 2:

1. Giới thiệu chung

- Giới thiệu hai tác giả, hai tác phẩm.
- Giới thiệu hai nhân vật là linh hồn của tác phẩm, gửi gắm những tư tưởng của tác giả.

2. Cảm nhận

2.1. Giống nhau

- Anh Sáu và anh thanh niên đều là những con người mới trong thời đại kháng chiến chống Mĩ.
- Họ đều có tình yêu quê hương, đất nước, giàu tình cảm với những người thân trong gia đình, mang trong mình tình yêu lớn, lí tưởng lớn. Họ là đại diện cho con người Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

2.2. Khác nhau

a. Anh Sáu trong *Chiếc lược ngà* là hiện thân của người cha tha thiết yêu thương con. Tình cảm đó được thể hiện xuyên suốt câu chuyện. Đồng thời, ông Sáu cũng là một người lính chiến đấu giành lại niềm Nam thân yêu. Trong 3 ngày ngắn ngủi về thăm con:

- Xúc động mãnh liệt trong khoảnh khắc gặp lại con sau 8 năm xa cách:

+ Vội vàng, hấp tấp nhảy lên bờ gọi con.

+ Đưa tay đón con.

+ Bước những bước dài tới bên con.

+ Khuôn mặt biến đổi vì nỗi xúc động.

- Đau đớn vì bé Thu không đáp lại tình cảm của ông mà sợ hãi bỏ chạy:

+ Sầm mặt lại.

+ Đứng sững lại.

+ Hai tay buông thõng như bị gãy.

⇒ Đau khổ, bất lực vì không biết làm thế nào để san bằng khoảng cách của không gian, thời gian.

- Suốt 3 ngày phép ông Sáu làm mọi cách để bé Thu thay đổi:

+ Ông không đi đâu, chỉ quanh quẩn bên con.

+ Ông không giận con mà chỉ khe khẽ lắc đầu, cười trước sự bướng bỉnh, xa lánh của con.

+ Thậm chí khi con bé chối từ sự chăm sóc của ông, ông đã đau đớn không giữ được bình tĩnh mà trách phạt con.

⇒ Ông đã kiên nhẫn, dịu dàng, bao dung rất mực đối với con mình.

- Khi chia tay, ông bộc lộ tình yêu con sâu nặng.

+ Anh không dám lại gần con, chỉ nhìn con bằng ánh mắt trìu mến, buồn rầu. ⇒ Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của một người lính trước tình cảm gia đình.

+ Giọt nước mắt mà ông cố giấu, lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con.

⇒ Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy.

- Khi ông trở lại chiến trường:

- Luôn cảm thấy ân hận khổ tâm vì đã đánh con.

- Không quên lời hứa với con. Ông hiểu mơ ước ngây thơ của con, cô bé muốn có một vật dụng để luôn nhớ về cha.

+ Dồn nỗi nhớ, tình yêu và sự day dứt vào việc làm chiếc lược ngà.

- + Ông tỉ mỉ cưa từng răng lược, cẩn thận khắc từng nét chữ “*Yêu nhớ tặng Thu, con của ba*”
- + Lúc nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm nghía, mài lên mái tóc.
- Thậm chí, cái chết cũng không cướp đi được tình yêu thương con của ông Sáu.
- + Vết thương nặng trong một trận càn khiến ông kiệt sức, không trăng trối được điều gì nhưng ông vẫn dồn hết tàn lực móc cây lược trao cho đồng đội và gửi gắm đồng đội mình qua ánh mắt.
- + Cây lược ấy đã được trao lại cho bé Thu. Tình cha con đã không chết, nâng đỡ cô bé trưởng thành, vượt lên mọi đau thương mất mát.

⇒ Ông Sáu là biểu tượng cho tình yêu thương, sự ân cần và che chở của người cha dành cho con mình. Qua đó ta thấy được sự bất tử của tình cảm cha con.

b. Anh thanh niên là đại diện cho vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ đại diện cho những con người ngày đêm cống hiến thầm lặng, xây dựng đất nước.

* *Hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật anh thanh niên*

- Anh là “*người cô độc nhất thế gian*”, một mình làm việc trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng bốn bề mây phủ cây phong, lạnh rét. Anh cô độc đến “*thèm người*” và luôn “*nhớ người*”.

- Công việc mỗi ngày của anh là: “*Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất*” dự báo trước thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất và chiến đấu. Công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

* Anh thanh niên là con người thiết tha yêu cuộc sống

- Tình cảm gắn bó, sự quan tâm, gần gũi của anh với những người xung quanh.

+ Lấy khúc cây chắn ngang đường để dừng xe → thèm người, nhớ người, mong được trò chuyện và được nghe tiếng nói, tiếng cười.

+ Gửi củ tam thất cho vợ bác lái xe → quan tâm đến cả những người tình cờ gặp gỡ → trái tim biết yêu thương, sẻ chia.

+ Trò chuyện cởi mở, tặng hoa, tặng quà ăn đường cho người vừa mới gặp lần đầu là ông họa sĩ, cô kĩ sư → Lòng đôn hậu, sự thân thiện của anh.

- Tinh thần lạc quan trong một hoàn cảnh sống nhiều khó khăn, thử thách:

+ Biết tạo ra niềm vui cho cuộc sống của mình → trồng hoa trước nhà.

+ Biết tổ chức một cuộc sống gọn gàng, ngăn nắp → căn nhà anh ở sạch sẽ.

+ Biết nói mình với cuộc sống văn minh, tự nâng cao hiểu biết, chuyên môn nhờ đọc sách → nhờ bác lái xe mua sách.

⇒ Giúp anh thanh niên hoàn toàn chủ động, vượt qua cuộc sống khó khăn cả vật chất lẫn tinh thần.

* Anh thanh niên là con người sống có lí tưởng, có niềm say mê và trách nhiệm với công việc

- Rất say mê công việc đo gió, đo mưa trên đỉnh Yên Sơn:

+ Chấp nhận sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao mấy nghìn mét so với mặt biển → dám đổi mạng và vượt lên nỗi cô đơn vì tình yêu công việc.

- + Coi công việc như một người bạn “ta với công việc là đôi”.
- + Thấy hạnh phúc khi được làm việc: tin vào ý nghĩa công việc mình làm, dự báo chính xác thời tiết giúp người nông dân sản xuất, từng giúp không quân bắn rơi máy bay.
- Làm việc với một tinh thần trách nhiệm rất cao:
- + Có những đêm trời lạnh giá anh vẫn trở dậy đo gió, đo mưa.
- + Anh đã vượt lên hoàn cảnh và vượt lên chính mình để hoàn thành công việc. → Tinh thần trung thực và ý thức trách nhiệm với nghề.
- Tất cả đều bắt nguồn từ lí tưởng sống đẹp của anh thanh niên:
- + Anh muốn góp sức mình vào công cuộc dựng xây và bảo vệ cuộc sống mới (công việc của anh giúp ích cho lao động sản xuất và chiến đấu).
- + Anh không lẻ loi, đơn độc mà tìm thấy những người bạn đồng hành trên con đường mình đã chọn: ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, anh cán bộ địa chất lập bản đồ sét → tất cả đều lặng lẽ và bền bỉ với đời sống, với công việc.
- + Anh tác động lớn tới ông họa sĩ và cô kĩ sư. Ông họa sĩ tìm thấy ở anh lí tưởng sáng tạo của mình. Còn cô kĩ sư cũng tìm thấy ở anh một tấm gương về tình yêu cuộc sống, tình yêu công việc.

* Anh thanh niên là hiện thân cho vẻ đẹp của một lớp người đang tích cực góp phần tạo dựng lên cuộc sống mới cho quê hương, đất nước.

* Anh là người khiêm tốn, thành thực

- Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung của anh, anh từ chối bởi thấy công việc và những đóng góp của mình còn nhỏ bé, chưa thấm vào đâu so với “ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa”, “đồng chí nghiên cứu khoa học” đang nghiên cứu lập bản đồ sét với tất cả niềm say mê, hào hứng. Anh nhiệt thành giới thiệu để ông họa sĩ vẽ chân dung của họ - những con người làm việc hết mình, thầm lặng, những cống hiến đáng trân trọng và khâm phục.

3. Tổng kết

- Hai nhân vật đại diện cho người Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ nhưng mỗi người mang vẻ đẹp khác nhau.
- Khuynh hướng văn học thời bấy giờ - khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn cái tâm, cái tài của người nghệ sĩ.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH LẠNG SƠN

Câu 1: (2,0 điểm)

- a. Kể tên các thành phần biệt lập.
b. Chỉ ra thành phần biệt lập trong các câu sau và cho biết tên gọi của mỗi thành phần biệt lập đó.

(1) Vàng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.

(Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

(2) Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bảo táp mưa sa đứng thẳng hàng.

(Viếng lăng Bác, Viễn Phương)

Câu 2: (3,0 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn nghị luận từ 10 đến 15 câu trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống con người.

Câu 3: (5,0 điểm)

Cảm nhận về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích sau:

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi! Ba đi nghe con! - Anh Sáu khe khẽ nói,

Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba ... a ... a ... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc: - Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìem được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con.

- Không! - Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi ôm chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

(Trích Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, tập một,
Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.198-199)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

Câu 1

a)

- Thành phần tình thái
- Thành phần cảm thán
- Thành phần phụ chú
- Thành phần gọi đáp

b)

- (1) - Thành phần biệt lập: Vâng (thành phần gọi đáp)
(2) - Thành phần biệt lập: Ôi (thành phần cảm thán)

Câu 2

* Giải thích vấn đề

- Tình yêu thương là sự sẻ chia, đồng cảm, quan tâm, giúp đỡ những người xung quanh mình ở cả phương diện vật chất, tinh thần bằng tấm lòng chân thành nhất.

⇒ Tình yêu thương có sức mạnh to lớn trong cuộc đời mỗi con người.

* Phân tích vấn đề

- Tình yêu thương đôi khi chỉ là những cử chỉ, hành động hết sức nhỏ bé: một cái ôm, một lời động viên, một ánh nhìn trìu mến,...

- Ý nghĩa của tình yêu thương đối với con người:

+ Tình yêu thương đem lại cho ta sức mạnh vượt qua mọi khó khăn, gian khổ.

+ Giúp đỡ được những người xung quanh sẽ đem lại cho chính bản thân niềm vui, sự hạnh phúc.

+ Trong cuộc đời, không phải lúc nào ta cũng suôn sẻ, giúp đỡ người khác lúc này, lúc khác bạn sẽ được giúp đỡ lại.

- Tình yêu thương xuất hiện ở mọi nơi trong cuộc sống: Chứng minh bằng một số ví dụ mà em đã gặp trong cuộc sống

- Phê phán những kẻ vô tâm, thờ ơ trước nỗi đau của người khác.

- Liên hệ với bản thân em: Tình yêu dành cho bố mẹ, những người thân, tình yêu thương thầy cô, bạn bè...

Câu 3:

Tham khảo dàn ý sau: Các em cần đạt được những ý chính trong bài như sau:

1. Mở bài:

Giới thiệu chung tác giả tác phẩm và trích dẫn đoạn trích:

- Nguyễn Quang Sáng (1932 - 2014): là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ nên các sáng tác của ông hầu như chỉ xoay quanh cuộc sống con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình.
- *Chiếc lược ngà* được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Được in trong tập truyện cùng tên.
- Trích dẫn và khái quát nội dung đoạn trích: cảnh chia tay của hai cha con ông Sáu.

2. Thân bài

- Giới thiệu về hoàn cảnh của cha con ông Sáu.
- Khái quát về cuộc chia tay của hai cha con ông Sáu.
- Phân tích

a. Tình yêu thương của ông Sáu với con

- Khi chia tay, ông bộc lộ tình yêu con sâu nặng.
- + Anh không dám lại gần con, chỉ nhìn con bằng ánh mắt triu mến, buồn rầu.
- ⇒ Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của 1 người lính trước tình cảm gia đình.
- + Giọt nước mắt mà ông cố giấu, lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con.
- ⇒ Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, âm ập và tràn đầy.

b. Tình yêu thương bé Thu dành cho ông Sáu

- Tuy nhiên khi được nghe bà ngoại giải thích, anh Sáu không giống trong bức ảnh thì bé Thu hiểu ra mình đã sai. Thu đã rất ân hận về hành động của mình.
- Phản ứng không nhận anh Sáu quyết liệt bao nhiêu thì khi nhận ra cha tình cảm ấy lại càng sâu nặng bấy nhiêu. Trong giờ phút cuối cùng trước khi cha đi, tình cảm dồn nén bấy lâu nay bùng lên thật mãnh liệt, mạnh mẽ.
- Nó hét tiếng “Ba” xé ruột, xé gan. Đó là tiếng “ba” nó mong chờ bấy lâu nay, tiếng gọi ấy khiến ông Sáu rơi lệ.
- Rồi nó nhảy tót lên ôm chặt lấy ông Sáu, hôn vào tóc, vai, mặt, mũi và cả vết sẹo dài trên mặt ông. Chân nó quắp chặt lấy ba, như thể không muốn cho ông rời đi.
- ⇒ Tính cách nhân vật bé Thu: Tình cảm mạnh mẽ sâu sắc nhưng cũng rất dứt khoát, rạch ròi. Có nét cá tính cứng cỏi đến mức ương ngạnh nhưng vẫn là đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ.
- ⇒ Tất cả những hành động ấy cho thấy Thu yêu thương ba vô cùng, một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thấm thiết. Tình yêu đó được bộc lộ một cách cảm động qua hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

c. Đặc sắc nghệ thuật

- Ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ.
- Miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc: Từ chỗ Thu ngạc nhiên hoảng sợ đến lạnh lùng, cuối cùng là sự bùng nổ những yêu thương do bị dồn nén. Thể hiện được điều đó chứng tỏ tác giả am hiểu tâm lý trẻ em, yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.
- Tình huống bất ngờ hợp lí, đã bộc lộ tình yêu thương tha thiết bé Thu dành cho ba của mình.

3. Kết luận

Tác phẩm đã thể hiện một cách chân thực và cảm động tình cảm yêu thương sâu nặng của hai cha con trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH LONG AN

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Câu 1: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

*“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi...”*

- Ngữ liệu trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu ý nghĩa của văn bản.
- “*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*” được nhắc trong ngữ liệu của văn bản gợi nhớ thời điểm nào đất nước?
- Tác giả dùng cụm từ “*đói mòn đói mỏi*” có tác dụng gì?

Câu 2: Thành ngữ “*Ra đầu ra đũa*” liên quan đến phương châm hội thoại nào? Trình bày ý nghĩa của phương châm hội thoại đó.

Câu 3: Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô gái có cái nhìn sao mà xa xăm”.

(*Những ngôi sao xa xôi* - Lê Minh Khuê, Ngữ văn 9, NXB Giáo dục Việt Nam)

- Tìm lời dẫn trực tiếp
- Xác định khởi ngữ
- Các câu trong ngữ liệu trên sử dụng phép liên kết gì? Chỉ ra từ ngữ liên kết.

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- a. Ngữ liệu trên được trích trong tác phẩm *Bếp lửa* của Bằng Việt. Bài thơ đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.
- b. “Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi” được nhắc trong ngữ liệu của văn bản gợi nhớ thời điểm những năm 1945 với nạn đói lịch sử của dân tộc.
- c. Tác giả sử dụng cụm từ “đói mòn đói mỏi” nhằm khắc họa sâu sắc cảnh tượng bi thảm của nạn đói, tăng sức gợi cho câu thơ, nhấn mạnh hoàn cảnh mà hai bà cháu cùng đất nước cực nhọc trải qua.

Câu 2:

- Thành ngữ “Ra đầu ra đũa” liên quan đến phương châm cách thức: trong giao tiếp cần nói rõ ràng, mạch lạc, tránh cách nói mơ hồ.
- Phương châm cách thức khiến cho người nói, người viết truyền tải chính xác, rõ ràng những điều mình truyền đạt, người nghe, người đọc lĩnh hội chính xác, đầy đủ thông tin cần thiết.

Câu 3:

- a. Lời dẫn trực tiếp: “Cô gái có cái nhìn sao mà xa xăm”.
- b. Khởi ngữ: “mất tôi”
- c. Các câu trong ngữ liệu sử dụng những phép liên kết sau:
 - Phép lặp từ ngữ: “tôi”.
 - Phép liên tưởng: “con gái Hà Nội”, “một cô gái khá”, “hai bím tóc dày”, “một cái cổ cao”, “đôi mắt”.
 - Phép nối: “Còn”.

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN

1. Giới thiệu chung

- Tác giả, tác phẩm
- Nhân vật anh thanh niên

2. Cảm nhận về nhân vật

- Anh thanh niên là nhân vật chính chỉ hiện ra trong chốc lát, đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một kí họa chân dung về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. “Trong cái lặng im của Sa Pa..., có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước”.
- Nhân vật anh thanh niên được hiện ra qua sự nhìn nhận, suy nghĩ, đánh giá của các nhân vật khác: bác lái xe, ông họa sĩ, cô kĩ sư. Qua cách nhìn và cảm xúc của mỗi người, hình ảnh anh thanh niên thêm rõ nét và đáng mến hơn.

a. Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên đỉnh núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh *“đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, tham dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”*. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc đã qui định). Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người – một hoàn cảnh thật đặc biệt.

b. Về đẹp trong tính cách và phẩm chất của người thanh niên

* Tinh thần, trách nhiệm và tình yêu với công việc

- Trước hết đó là ý thức về công việc và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Anh không tỏ đậm cái gian khổ của công việc, nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó *“không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng”*.

- Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: *“Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt... mình vì ai mà làm việc”*. Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa.

- Anh còn biết tìm đến những niềm vui lành mạnh để cân bằng cuộc sống tinh thần của mình. Cuộc sống của anh không còn cô đơn, buồn tẻ khi anh biết lấy sách làm người bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn (trồng hoa, nuôi gà). Thế giới riêng của anh là công việc *“Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời anh thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách”*.

* Những nét tính cách và phẩm chất đáng mến

- Sự cởi mở, chân thành, rất quý trọng tình cảm của mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện cùng mọi người: tình thân của anh với bác lái xe, anh nhớ cả chuyện vợ bác lái xe vừa ốm dậy nên đào củ tam thất làm quà cho bác.

- Vui mừng đến luống cuống, hấp tấp, cùng thái độ ân cần chu đáo tiếp đãi những người khách xa đến thăm bất ngờ. Anh chân thành bộc lộ niềm vui mừng một cách hồn nhiên, thành thật đến cảm động: *“Tôi cất thêm mấy cành nữa... Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi bốn năm nay”*.

- Anh đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu: *“Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn hai mươi phút, mời cô và bác vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thêm nghe chuyện dưới xuôi lắm”, “Trời ơi chỉ còn có năm phút!”*.

- Đến khi chia tay, anh xúc động đến nỗi phải quay mặt đi mà ấn vào tay ông họa sĩ làn trứng làm quà, và không dám tiễn khách ra xe dù chưa tới giờ ốp.

- Anh còn người khiêm tốn thành thực, cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé. Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh không dám từ chối để khỏi vô lễ, nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục. Anh nói về ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa, về anh cán bộ nghiên cứu sét với tất cả sự say mê hào hứng và lòng cảm phục chân thành của mình.

⇒ Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc nhưng bằng những chi tiết tiêu biểu, tác giả đã phác họa được chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

3. Tổng kết

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 NAM ĐỊNH

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn.
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.*

(Trích *Nói với con*, Y Phương - SGK Ngữ văn 9, tập 2 - NXBGDVN - 2006 - trang 12).

Câu 1: Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

Câu 2: Qua đoạn trích, em thấy cuộc sống của người đồng mình hiện lên như thế nào?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau:

*Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc*

Câu 4: Suy nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn của người đồng mình được thể hiện qua đoạn trích trên. Trình bày trong một đoạn văn khoảng 6 câu.

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về sức mạnh của tình yêu thương.

Câu 2: (5,0 điểm) Cảm nhận của em về tình cảm của bé Thu với người cha trong đoạn trích truyện *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

PHẦN I. ĐỌC HIỂU

Câu 1: Thể thơ của đoạn trích trên: Thơ tự do.

Câu 2: Qua đoạn trích trên em thấy “người đồng mình” là những con người miền quê, tình cảm chân thành mà sâu sắc, họ không hề sợ hãi hay nhụt chí trước những khó khăn của quê hương còn đói nghèo đang đeo bám nhưng họ vẫn cố gắng vươn lên trong cuộc sống. Họ không ngại khó, ngại khổ, sống với cái nghèo nhưng không chê quê hương nghèo khó $\Rightarrow$ sức sống mạnh mẽ, mãnh liệt của con người nơi đây đồng thời muốn khen ngợi tinh thần, bản lĩnh của những con người quê hương mình.

Họ luôn là những con người bằng xương thịt “*thô sơ da thịt*” thật giản dị, chân thật nhưng không bao giờ nhỏ bé, với quyết tâm đó người đồng mình mong muốn xây dựng quê hương giàu mạnh hơn. Niềm tự hào cùng với sự cần cù, chăm chỉ sẽ giúp họ thành công.

Câu 3: Hai biện pháp tu từ:

- So sánh: *Sống như sông như suối*

Phép so sánh “*Sống như sông như suối*” gợi về đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sông trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Tương phản: Lên... xuống...

Phép tương phản nhấn mạnh nỗi khó nhọc trong cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc của người đồng mình.

Câu 4:

+ Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước

- Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: “Người đồng mình thương lắm con ơi/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn”.

- Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

+ Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn.

“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc”.

- “Đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói” $\Rightarrow$ Gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc $\Rightarrow$ Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ.

⇒ Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

PHẦN II. LÀM VĂN

Câu 1:

Giải thích:

- Tình yêu thương là gì? Đó chính là sự sẻ chia mà mỗi người dành cho nhau, một thứ tình cảm thiêng liêng xuất phát từ nơi con tim.

Tình yêu thương thể hiện ở sự đồng cảm, và một tinh thần đồng loại mà con người dành cho con người nhưng nó vô cùng gần gũi: Bố mẹ bạn yêu bạn, anh chị người thân bạn chăm sóc cho bạn, bạn bè bạn lo lắng cho bạn.

Bàn luận:

Nếu bạn có tình yêu thương thì nó sẽ giúp:

- Con người trở nên hạnh phúc, vui vẻ, một con người biết yêu thương chính là người có nhân cách đẹp, và luôn hướng đến những thứ tốt đẹp, hoàn mỹ hơn.
 - Là động lực vững chắc để bạn vượt mọi khó khăn và thử thách trong cuộc sống.
 - Rất nhiều người hối hận vì chưa kịp nói lời yêu thương với người thân khi người thân của họ còn sống. Vì vậy đừng ngại thể hiện tình yêu thương với những người mà ta quý mến họ.
 - Nhưng có biết bao người lại quên mất đi tình yêu thương, họ bị sự ồn ào của cuộc sống, bị lu mờ bởi vật chất nên để tình yêu thương nguội lạnh. Vì cái tôi, vì cuộc sống đơn điệu của bản thân mà họ bỏ mặc những thứ xung quanh. Vì vậy, họ không biết nói tiếng sẻ chia, cứ khư khư trong vỏ bọc của riêng mình. Và từ đó, luôn sống trong ngờ vực, đố kỵ, ganh ghét,...
- ⇒ Chúng ta nên chỉ cho họ thấy sống là cần biết cho đi, chứ không chỉ là sự nhận lại, để họ có thể được hòa nhập vào thế giới tràn ngập yêu thương.

Kết bài: Liên hệ bản thân em

⇒ Chỉ cần nơi nào có tình yêu thương, nơi đấy thật ấm áp - hạnh phúc và luôn là chỗ dựa cho bạn.

Câu 2:

I) Mở bài :

- *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng là một truyện ngắn về tình cha con sâu nặng.
- Với nhân vật chính là bé Thu - một cô bé đã phải lớn lên trong một gia đình vắng bóng người cha.

II) Thân bài:

- + Luận điểm 1: bé Thu trong những ngày đầu gặp cha:
- Luận cứ 1: lúc mới gặp cha.
- Giật mình, tròn mắt nhìn, ngơ ngác, lạ lùng.
- Mặt tái đi, vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má!".

⇒ Sự hồn nhiên ngây thơ, ngạc nhiên xen lẫn sợ hãi.

- Luận cứ 2: những ngày ông Sáu ở nhà:
- Anh Sáu càng vắng thì lại càng đẩy ra.
- Không chịu gọi anh Sáu là ba, cứ xem như người lạ.
- Không chịu gọi ba vào ăn cơm, thấy má giận nó chỉ nói trống.
- Nhờ anh Sáu chắt nước nôi cơm một cách miễn cưỡng, tiếp tục nói trống.
- Được anh Sáu gấp trứng vào tô nhưng lại hất ra, tuy bị đánh nhưng không khóc rồi chạy sang nhà ngoại.

⇒ Thể hiện sự mạnh mẽ, pha chút bướng bỉnh.

+ Luận điểm 2: khi bé Thu đã nhận ra cha mình.

- Nhận ra tình cha con thật chất, lòng vô cùng ân hận.
- Không còn bướng bỉnh, lạnh lùng.
- Hôn khắp người, ôm chặt không cho cha đi.

⇒ Lòng thương cha vô bờ bến, biết hối hận về những gì mình đã làm.

III) Kết bài:

- Bé Thu tuy có nhiều tính cách khác nhau nhưng suy cho cùng vẫn là một cô bé rất yêu thương cha.
- Bằng cách miêu tả tâm lí và xây dựng hình ảnh nhân vật bé Thu sâu sắc, tác giả đã đem đến người đọc một câu chuyện về tình cha con cảm động.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH NGHỆ AN

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (2,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 4:

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.

(Trích *Bản thân chúng ta là giá trị có sẵn* - Phạm Lữ, Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội Nhà văn, 2012, tr.24)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: (0,5 điểm) Chỉ ra thành phần biệt lập trong câu: Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn.

Câu 3: (0,5 điểm) Nêu tên một biện pháp tu từ có trong những câu in đậm.

Câu 4: (0,5 điểm) Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (8,0 ĐIỂM)

Câu 1: (3,0 điểm)

“Đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học.” Hãy viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 2: (5,0 điểm) Thí sinh chỉ chọn một trong hai đề sau:

Đề 1: Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích sau:

*Tường người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

(Trích Kiều ở lầu Ngưng Bích, Truyện Kiều - Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.93 - 94)

Đề 2: Cảm nhận về vẻ đẹp của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong đoạn trích sau:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi.
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.*

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.131)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là nghị luận.

Câu 2: Thành phần biệt lập trong câu: “chắc chắn”

Câu 3: Biện pháp tu từ: điệp từ (“nhưng”), lặp cấu trúc câu “bạn có thể không...nhưng...”

Câu 4: Nội dung chính của đoạn trích trên: Mỗi con người trong chúng ta đều có những giá trị riêng và chính bản thân chúng ta cần biết trân trọng những giá trị đó.

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu 1:

* Giải thích:

- Từ “xấu hổ”: đó là trạng thái tâm lí bình thường của con người khi cảm thấy ngượng ngùng, e thẹn hoặc hổ thẹn khi thấy kém cỏi trước người khác.

- Ý nghĩa cả câu: Điều đáng xấu hổ không phải là bạn không biết một điều gì đó, mà điều đáng xấu hổ là khi bạn không biết nhưng cũng không chịu học hỏi để biết về điều đó.

* Bàn luận:

- Dùng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định sự đúng đắn của câu ngạn ngữ:

+ Tại sao lại nói: “*Đừng xấu hổ khi không biết*”? Tri thức của nhân loại là vô hạn, khả năng nhận thức của con người là hữu hạn. Không ai có thể biết được mọi thứ, không ai tự nhiên mà biết được. Không biết vì chưa học là một điều bình thường, không có gì phải xấu hổ cả.

+ Tại sao nói: “*Chỉ xấu hổ khi không học*”? Vì việc học có vai trò rất quan trọng đối với con người trong nhận thức, trong sự hình thành nhân cách, trong sự thành đạt, trong cách đối nhân xử thế và trong việc cống hiến đối với xã hội. Không học thể hiện sự lười nhác về lao động, thiếu ý chí cầu tiến, thiếu trách nhiệm với bản thân và xã hội. Việc học là một nhu cầu thường xuyên, phổ biến trong xã hội từ xưa đến nay, từ việc nhỏ như “*Học ăn, học nói, học gói, học mở*” đến những việc lớn như “*kinh bang tế thế*”, đặc biệt trong thời đại bùng nổ thông tin, phát triển vũ bão về khoa học công nghệ như hiện nay. Việc học giúp chúng ta sống tốt hơn, đẹp hơn, hoàn hảo hơn.

- Phê phán những trường hợp giấu dốt, tự kiêu, tự mãn, học giả hay lười biếng.

* Bài học rút ra:

- Muốn việc học có kết quả, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, học sinh cần có phương thức học tập đúng đắn, phong phú: học ở trường, ở gia đình, ở xã hội, ở bạn bè, trong thực tế, trong sách vở, trong phim ảnh. Học phải kết hợp với hành biến nó trở thành sức mạnh phục vụ cho cuộc sống của chính mình và xã hội, có như vậy, việc học mới có ý nghĩa thực sự đúng đắn.

- Không giấu dốt, không ngại thú nhận những điều mình chưa biết để từ đó cố gắng học tập, tích cực rèn luyện, và không ngừng vươn lên.

- Khẳng định việc học là vô cùng quan trọng, không chịu học là điều đáng xấu hổ.

* Liên hệ bản thân: Em đã học tập, rèn luyện để tích lũy kiến thức, vốn sống của bản thân như thế nào?

* Khẳng định ý nghĩa sâu xa của ý kiến này và những bài học mà bản thân em cần ghi nhớ qua đó.

Câu 3:

Đề 1:

1. Giới thiệu chung

* Tác giả

- Nguyễn Du (1765 - 1820) tên chữ là Tố Như hiệu là Thanh Hiên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ông sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học. Cuộc đời của ông gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX.

- *Truyện Kiều* là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của ông.

* Tác phẩm

- Đoạn trích thơ thuộc phần Gia biến và lưu lạc.

- Nội dung chính của đoạn thơ nói về nỗi nhớ Kim Trọng và cha mẹ khi Thúy Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

2. Phân tích

a. Nỗi nhớ Kim Trọng

- Nỗi nhớ Kim Trọng đến trước vì:

+ Khi bán mình là nàng đã tạm tròn chữ hiếu mà dang dở chữ tình → luôn mang mặc cảm phụ bạc Kim Trọng.

+ Thúy Kiều bị lừa, bị thất thân với Mã Giám Sinh, bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để đợi người chuộc thân → lại càng thấy mình không xứng với Kim Trọng, có lỗi với Kim Trọng.

- “*Tưởng*”: là “nhớ về”, “mơ tưởng” → kỉ niệm vẫn vẹn nguyên, sống động, vẫn khiến nàng nhớ nhung, mơ tưởng.

⇒ Khát vọng tình yêu, hạnh phúc.

- Tấm lòng thủy chung của Thúy Kiều: Nàng nhớ đêm trăng thề nguyện và lời thề với Kim Trọng. Lời thề còn vẹn nguyên khiến nàng càng tự trách mình phụ bạc chàng Kim.

- Nhớ để mà xót xa cho Kim Trọng nơi xa vẫn nay trông mai ngóng; xót xa cho bản thân lưu lạc nơi chân trời góc bể, cho tấm hình son sắt thủy chung không biết bao giờ mới có thể phôi pha. Qua đó ta cảm nhận được tấm lòng vị tha, tình yêu mãnh liệt, thủy chung mà Thúy Kiều dành cho Kim Trọng cũng như nỗi đau đớn, ân hận, giày vò của Thúy Kiều.

b. Nỗi nhớ cha mẹ

- Từ “*xót*”:

+ Là nỗi xót xa, thương cảm của một người con dành cho cha mẹ đã tuổi cao, sức yếu.

+ Vì tưởng tượng ra cảnh cha mẹ ngày đêm tựa cửa, ngóng chờ mình (“*hôm mai*”...)

+ Vì cha mẹ thiếu bàn tay chăm sóc: “*quạt nồng ấp lạnh*”.

+ Vì ý thức được sự vô tình của thời gian → cha mẹ ngày càng già yếu hơn.

- Nhớ để rồi ân hận, tự trách bản thân mình vẫn chưa tận hiếu với mẹ cha.

⇒ Nàng là người con hết sức hiếu thảo.

c. Đặc sắc nghệ thuật

- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ giàu cảm xúc, cô đọng, hàm súc.

- Sử dụng linh hoạt điển tích.

3. Đánh giá chung

- Đoạn trích cho thấy vẻ đẹp nhân phẩm của Thúy Kiều: một người con gái thủy chung, một người con hiếu thảo, một con người vị tha, đáng trân trọng.

Đề 2:

1. Giới thiệu chung

- Hoàn cảnh sáng tác: năm 1969, trong cuộc chiến đấu gian khổ của những chiến sĩ lái xe đường Trường Sơn thời chống Mỹ.
- Bài thơ hay trong chùm thơ đạt giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1969 - 1970, tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật.
- Tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Trích trong tập *Vàng trắng - Quầng lửa*) là một trong những bài thơ để lại ấn tượng mạnh trong lòng người đọc về hình ảnh những người lính và sự kế thừa của biết bao thế hệ.
- Đoạn trích là phần đầu của bài thơ khắc họa hình ảnh những chiến sĩ lái xe ung dung, hiên ngang đối mặt với gian khổ khó khăn bằng tư thế chủ động nhưng cũng không kém phần tinh nghịch, lạc quan của những chàng thanh niên trẻ.

2. Cảm nhận

2.1. Hình tượng người lính lái xe hiện lên trên phong nền của những chiếc xe không kính

- Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thì đều được “mĩ lệ hóa”, “lãng mạn hóa” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực.
- Ở bài thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực. Hai câu thơ mở đầu có thể coi là lời giải thích lý do tại sao lại là “xe không kính”.
- + Bằng những câu thơ rất thực, đậm chất văn xuôi, điệp ngữ “không”, cùng với động từ mạnh “giật”, “rung”, tác giả đã lí giải nguyên nhân không có kính của những chiếc xe.
- + Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe trở nên biến dạng “không có kính”, “không có đèn”, “không có mui xe”, “thùng xe có xước”. Từ đó, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

⇒ Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mỹ.

2.2. Hình ảnh những người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn

- Vẻ đẹp của người lính lái xe trước hết thể hiện ở tư thế hiên ngang, ung dung:
- + Nghệ thuật đảo ngữ với từ láy “ung dung” được đảo lên đầu câu thứ nhất và nghệ thuật điệp ngữ với từ “nhìn” được nhắc đi nhắc lại trong câu thơ thứ hai giúp nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin của người lính lái xe.
- + Cái nhìn của các anh là cái nhìn bao quát, rộng mở “nhìn đất”, “nhìn trời”, vừa trực diện, tập trung cao độ “nhìn thẳng”. Các anh nhìn vào khó khăn, gian khổ, hi sinh mà không hề run sợ, né tránh - một bản lĩnh vững vàng.
- Trong tư thế ung dung ấy, người lính lái xe có những cảm nhận rất riêng khi được tiếp xúc trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài thể hiện tâm hồn lãng mạn, yêu đời.

- + Sau tay lái của chiếc xe không có kính chắn gió nên các yếu tố về thiên nhiên, chướng ngại vật rơi rụng, quăng ném, va đập vào trong buồng lái.
- + Những người lính hòa mình với thiên nhiên rồi được tự do giao cảm, chiêm ngưỡng thế giới bên ngoài.
- + Nhịp thơ đều đặn, trôi chảy như xe lăn với việc vận dụng linh hoạt điệp ngữ “thấy” và phép liệt kê. Có rất nhiều cảm giác thú vị đến với người lính trên những chiếc xe không có kính.
- + Các hình ảnh “con đường”, “sao trời”, “cánh chim”... diễn tả rất cụ thể cảm giác của những người lính khi được lái những chiếc xe không kính.
- + Khi xe chạy trên đường bằng, tốc độ xe chạy đi nhanh, giữa các anh với con đường dường như không còn khoảng cách, chính vì thế, các anh mới có cảm giác con đường đang chạy thẳng vào tim.
- + Vẻ đẹp hào hoa, kiêu bạc, lãng mạn và yêu đời của những người trẻ tuổi. Tất cả là hiện thực nhưng qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành những hình ảnh lãng mạn.

3. Tổng kết

- Nhận định khái quát về hình tượng người lính trong hai khổ thơ.
- Nêu cảm nhận suy nghĩ của bản thân về thế hệ thanh niên thời kháng chiến chống Mỹ.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO 10 NĂM 2018 - 2019 QUẢNG BÌNH

I. ĐỌC HIỂU (3,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Học vẫn chỉ là một phần trong quá trình học hỏi mà thôi. Thông qua học hỏi, bạn sẽ đạt được nhiều thứ hơn: hình thành tính cách, mở mang trí tuệ, học cách tôn trọng người khác và khiêm tốn hơn, bởi vì càng học hỏi bạn càng hiểu rằng kho tàng kiến thức là vô tận. Và bạn có thể học hỏi nhiều thứ từ mọi người chung quanh, từ mỗi trải nghiệm, hay những khó khăn, giông tố trong đời.

(Theo *Cho đi là còn mãi*, Azim Jamal & Harvey McKinnon, biên dịch: Huế Phượng, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2017, tr.67-68)

Câu 1: (0,5 điểm) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: (1,0 điểm) Tìm một phép liên kết câu, xác định từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 3: (1,5 điểm) Trong đoạn trích trên, em hãy chọn một ý kiến và lí giải vì sao em đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến đó.

II. LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc không ngừng học hỏi.

Câu 2: (5,0 điểm)

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ thẳng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cú va vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khóa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom.

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xẻ không khí, lao và rít vô hình trên đầu.

(Những ngôi sao xa xôi Lê Minh Khuê, theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB GDVN, 2017, tr. 117-118)

Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích trên. Từ đó lí giải ngắn gọn vì sao chuyện kể về những cô gái thanh niên xung phong được đặt tên là *Những ngôi sao xa xôi*.

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Nghị luận.

Câu 2:

- Phép liên kết câu là phép lặp ở Câu 1 và 2: từ ngữ lặp “*học hỏi*”.
- Phép nối ở Câu 3, 4 với từ “*và*”.

Tác dụng: Nhằm liên kết các câu trong đoạn văn với nhau.

Câu 3: Các em có thể lựa chọn các ý sau để phân tích:

- Học vẫn chỉ là một phần trong quá trình học hỏi mà thôi.
- Thông qua học hỏi, bạn sẽ đạt được nhiều thứ hơn: hình thành tính cách, mở mang trí tuệ, học cách tôn trọng người khác và khiêm tốn hơn.
- Càng học hỏi bạn càng hiểu rằng kho tàng kiến thức là vô tận.
- Học hỏi nhiều thứ từ mọi người chung quanh, từ mỗi trải nghiệm, hay những khó khăn, giống tổ trong đời.

II. LÀM VĂN

Câu 1: Có thể tham khảo những ý sau đây về ý nghĩa của việc không ngừng học hỏi:

- *Học hỏi là gì?*

Học hỏi là quá trình bạn tìm kiếm, khám phá những tri thức mới, đặt ra những thắc mắc và tìm sự hỗ trợ hoặc tự mình tìm ra câu trả lời cho những thắc mắc ấy. Không ngừng học hỏi là con đường dẫn đến thành công.

- *Tại sao lại cần phải học hỏi?*

- + Học tập sẽ chuẩn bị hành trang thay đổi cuộc đời.
- + Học hỏi giúp xây nên thứ vũ khí hủy diệt.
- + Là cách để ta luôn luôn theo kịp được với thời đại.
- + Học hỏi để nâng cao hình tượng trong mắt người khác.
- + Học hỏi giúp ta liên hệ đến nhiều thứ, từ đó biết thêm nhiều điều khác nữa.

- *Ý nghĩa của việc học hỏi:*

- + Mở rộng hiểu biết bản thân, giúp bạn tự tin về mọi mặt trong cuộc sống.
- + Học hỏi sẽ giúp tâm hồn rộng mở, bắt kịp xu thế của thời đại.
- + Dễ dàng đạt được sự thành công.
- Nếu không học hỏi, nâng cao bản thân, con người sẽ tụt hậu. Mỗi cá nhân tụt hậu sẽ kéo theo sự thoái hóa về nhiều mặt trong xã hội.
- Các nguồn để học hỏi: sách vở, từ những người thân, bạn bè, thầy cô, từ trải nghiệm của cá nhân mình.
- Phê phán những người lười biếng, tự cao, tự mãn với bản thân.
- Liên hệ bản thân: Em đã không ngừng học hỏi hay chưa? Hãy chia sẻ đôi điều về bản thân

mình trong chủ đề trên? Phương pháp phân tích, tổng hợp.

⇒ Tóm tắt, học hỏi là quá trình giúp bạn hiểu biết nhiều hơn về cuộc đời, và nhờ học hỏi, bạn sẽ hiểu rõ được bản chất ở những vấn đề mà bạn tiếp cận, rút ra được đâu là điều nên làm, đâu là điều không nên làm, điều nào là tốt, điều nào là xấu,...

Câu 2:

1. Giới thiệu chung

- Lê Minh Khuê là một nhà văn với nhiều truyện ngắn nổi tiếng.
- *Những ngôi sao xa xôi* là một trong những truyện ngắn nổi tiếng của bà.
- Đoạn trích trên là một phần của câu chuyện kể về một lần làm nhiệm vụ của nhân vật Phương Định.

2. Cảm nhận

2.1. Giới thiệu chung về nhân vật Phương Định

- Cô là một cô gái thành phố nhưng mong muốn mặc quân phục vì cho đó là bộ đồ đẹp nhất.
- Cô thuộc rất nhiều bài hát và hay hát.
- Cô rất hay mơ mộng và nghĩ vẩn vơ.

2.2. Cảnh nhân vật Phương Định phá bom

- Khung cảnh hiện thực ở chiến trường:
 - + Vắng lặng, xơ xác, khói đen vật vờ.
 - + Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...
 - + Đất rần, những tiếng động đến gai người.
 - + Quả bom nóng dần lên.
 - + Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xẻ không khí, lao và rít vô hình trên đầu.

⇒ Không khí chiến trường ác liệt, nguy hiểm rình rập, cái chết có thể đến bất cứ lúc nào.

- Hành động và thái độ của Phương Định khi làm nhiệm vụ:

- + Không sợ hãi, không đi khom, dáng hoàng bước tới ⇒ chủ động đối mặt với hiểm nguy.
- + Hành động nhanh gọn, thành thực, coi công việc nguy hiểm vất vả là bình thường.
- + Dũng cảm, không sợ chết, sẵn sàng hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ

⇒ Là một người dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Cô là hiện thân cho thế hệ thanh niên thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

2.3. Lí giải nhan đề

- Gợi nhớ đến hình ảnh những ngôi sao lớn trên bầu trời thành phố quê hương mà Phương Định - nhân vật chính trong truyện - thường hay nhớ lại. Hình ảnh ấy gắn liền với những kỉ niệm êm đềm tuổi ấu thơ bên gia đình, bên người thân. Điều đó cho thấy dù trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, những cô gái thanh niên xung phong vẫn giữ được nét hồn nhiên, trong sáng, mơ mộng.

- Là biểu tượng cho vẻ đẹp anh hùng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn (Nho, chị Thao, Phương Định) ở họ luôn có những phẩm chất tốt đẹp và sức tỏa sáng kì diệu. Ánh sáng ấy không phô trương mà phải chịu khó tìm hiểu ta mới cảm nhận được vẻ đẹp diệu kì đó. Các chị xứng đáng là những ngôi sao lấp lánh trên đỉnh Trường Sơn. Những ngôi sao xa xôi còn là phương tiện để nhà văn thể hiện tình cảm của mình dành cho những chiến sĩ đang tham gia cuộc kháng chiến chống Mĩ.

3. Tổng kết

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH QUẢNG NINH

Câu 1: (2,0 điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

... Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẽ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ ...

(Ngữ văn 9 Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.143)

- Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?
- Trong các từ nhóm trên, từ nào được dùng với nghĩa gốc, từ nào được dùng với nghĩa chuyển? Giải thích nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ nhóm trong đoạn thơ.
- Nêu hiệu quả nghệ thuật của điệp từ nhóm trong đoạn thơ trên.

Câu 2: (3,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn theo phép lập luận diễn dịch từ 12 đến 15 câu trình bày suy nghĩ của em về lối sống giản dị, trong đó có sử dụng một phép liên kết (gạch chân dưới phương tiện liên kết và gọi tên phép liên kết được sử dụng).

Câu 3: (5,0 điểm) Về truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của tác giả Nguyễn Thành Long có ý kiến cho rằng: Truyện đã khắc họa thành công hình ảnh những con người lao động bình thường mà cao đẹp.

- Hãy phân tích nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích *Lặng lẽ Sa Pa* (Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.180) để làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

Câu 1:

- Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm *Bếp lửa* của tác giả Bằng Việt.
- Từ “nhóm” trong hai câu thơ “Nhóm bếp lửa...” và “Nhóm nồi xôi...” được dùng theo nghĩa gốc: chỉ hành động cho lửa bén vào làm chất đốt (củi, rơm...) cháy lên để nấu nướng hoặc sưởi ấm.

- Từ “nhóm” trong hai câu thơ “Nhóm niềm yêu thương...” và “Nhóm dậy cả...” được dùng theo nghĩa chuyển - chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ: có nghĩa là khơi dậy hay gọi lên niềm yêu thương, những kỷ ức đẹp của tuổi thơ có giá trị trong cuộc đời con người.

c. Điệp từ “Nhóm” diễn tả những suy nghĩ sâu sắc về cuộc đời bà:

+ Bà là người nhóm lửa cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng, tỏa sáng trong mỗi gia đình.

+ Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên niềm yêu thương, niềm vui, niềm tin trong lòng người cháu.

Ngoài ra, nó còn nhấn mạnh, khẳng định giá trị lớn lao của những việc bà đã làm: từ việc nhóm bếp - bà đã khơi dậy tình yêu thương, sự sống, niềm tin cho cháu và cho mọi người.

Câu 2:

Ý nghĩa của lối sống giản dị

- “Lối sống giản dị” chính là một lối sống đơn giản, không quá cầu kỳ, phức tạp, cũng như không bao giờ khoa trương hay sống xa hoa.

- Lối sống giản dị không phải chỉ thể hiện qua lời nói, cách ăn mặc, việc làm mà còn thể hiện qua suy nghĩ và hành động của mọi người trong cuộc sống cũng như trong các hoàn cảnh. Đây là một đức tính vô cùng tốt đẹp, không cầu kỳ phô trương.

Qua đó các em hãy trình bày suy nghĩ của mình và sử dụng các phép liên kết như phép lặp, phép thế, phép liên tưởng, phép nghịch đối, phép nói...

Câu 3: Dàn ý tham khảo

I. Mở bài

Vài lời giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nhân vật anh thanh niên.

- Nguyễn Thành Long là nhà văn quê ở Quảng Nam, ông đã có nhiều đóng góp cho nền văn học hiện đại Việt Nam ở thể loại truyện ngắn và kí. Ông thường đi nhiều nơi nên có một vốn sống vô cùng phong phú.

- *Lặng lẽ Sa Pa* truyện của tác giả Nguyễn Thành Long lấy cảm hứng từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai và nhân vật anh thanh niên đang làm nhiệm vụ khí tượng chính là hình ảnh trung tâm, ca ngợi những đóng góp thầm lặng của những người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước.

II. Thân bài

Hình ảnh xuất hiện anh thanh niên.

Xuất hiện trong cuộc gặp gỡ với 3 người đó là anh lái xe, ông họa sĩ và một cô gái trẻ. Đồng thời anh còn để lại nhiều ấn tượng với ông họa sĩ và các nhân vật khác.

Công việc thực hiện:

– Anh sống trên núi cao, thực hiện công việc trên trạm khí tượng. Cuộc sống thiếu thốn, khổ cực.

– Công việc thực hiện trong điều kiện thời tiết khó khăn, thử thách với mưa sương gió lạnh.

– Anh có những suy nghĩ đẹp về ý nghĩa của cuộc sống, công việc mà mình đang thực hiện.

– Công việc là niềm đam mê, công việc của anh dù thầm lặng ít người biết đến nhưng anh vẫn rất yêu công việc.

Phong cách sống đẹp:

– Tâm hồn anh thanh niên luôn yêu đời, yêu con người, khiêm tốn với người khác:

+ Yêu con người, yêu thiên nhiên, quý trọng tình cảm của con người với con người.

+ Trung thực với công việc (tự giác tự nguyện với công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao phó), đức tính khiêm nhường.

– Chủ động trong công việc thực hiện, lối sống khoa học, nề nếp.

Anh thanh niên là đại diện cho người lao động

– Anh thanh niên là đại diện chung cho những người lao động nhiệt huyết, sống đẹp, cống hiến vì Tổ quốc một cách thầm lặng, vô tư.

– Là đại diện cho những con người khiêm tốn, giản dị, trung thực, âm thầm thực hiện công việc nhiệm vụ được giao.

III. Kết bài

Nêu cảm nhận của em hình tượng anh thanh niên.

Trong truyện *Lặng lẽ Sa Pa* tác giả đã ca ngợi những con người như anh thanh niên với nhân cách và tâm hồn, lí tưởng sống rất đẹp, sống cống hiến âm thầm không đòi hỏi tư lợi và đó cũng chính là thành công của tác giả Nguyễn Thành Long khi phác họa thành công hình ảnh những người lao động bình thường mà cao đẹp.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH SƠN LA

Câu 1: (2,0 điểm)

a. Kể tên các thành phần biệt lập.

b. Chỉ ra thành phần biệt lập trong các câu sau và cho biết tên gọi của mỗi thành phần biệt lập đó.

(1) Vàng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.

(Tất đền, Ngô Tất Tố)

(2) Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

(Viếng lăng Bác, Viễn Phương)

Câu 2: (3,0 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn nghị luận từ 10 đến 15 câu trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống con người.

Câu 3: (5,0 điểm)

Cảm nhận về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích sau:

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt triu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi! Ba đi nghe con! - Anh Sáu khe khẽ nói,

Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba... a... a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con.

- Không! - Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

(Trích *Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.198-199)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

Câu 1:

a)

- Thành phần tình thái
- Thành phần cảm thán
- Thành phần phụ chú
- Thành phần gọi đáp

b)

- (1) - Thành phần biệt lập: Vâng (thành phần gọi đáp)

(2) - Thành phần biệt lập: Ôi (thành phần cảm thán)

Câu 2:

* Giải thích vấn đề

- Tình yêu thương là sự sẻ chia, đồng cảm, quan tâm, giúp đỡ những người xung quanh mình ở cả phương diện vật chất, tinh thần bằng tấm lòng chân thành nhất.

⇒ Tình yêu thương có sức mạnh to lớn trong cuộc đời mỗi con người.

* Phân tích vấn đề

- Tình yêu thương đôi khi chỉ là những cử chỉ, hành động hết sức nhỏ bé: một cái ôm, một lời động viên, một ánh nhìn trìu mến,...

- Ý nghĩa của tình yêu thương đối với con người:

+ Tình yêu thương đem lại cho ta sức mạnh vượt qua mọi khó khăn, gian khổ.

+ Giúp đỡ được những người xung quanh sẽ đem lại cho chính bản thân niềm vui, sự hạnh phúc.

+ Trong cuộc đời, không phải lúc nào ta cũng suôn sẻ, giúp đỡ người khác lúc này, lúc khác bạn sẽ được giúp đỡ lại.

- Tình yêu thương xuất hiện ở mọi nơi trong cuộc sống: Chứng minh bằng một số ví dụ mà em đã gặp trong cuộc sống.

- Phê phán những kẻ vô tâm, thờ ơ trước nỗi đau của người khác.

- Liên hệ với bản thân em: Tình yêu dành cho bố mẹ, những người thân, tình yêu thương thầy cô, bạn bè...

Câu 3:

Tham khảo dàn ý sau: Các em cần đạt được những ý chính trong bài như sau:

1. Mở bài

Giới thiệu chung tác giả tác phẩm và trích dẫn đoạn trích:

- Nguyễn Quang Sáng (1932 - 2014): là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ nên các sáng tác của ông hầu như chỉ xoay quanh cuộc sống con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình.

- “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Được in trong tập truyện cùng tên.

- Trích dẫn và khái quát nội dung đoạn trích: cảnh chia tay của hai cha con ông Sáu

2. Thân bài

- Giới thiệu về hoàn cảnh của cha con ông Sáu.

- Khái quát về cuộc chia tay của hai cha con ông Sáu.

- Phân tích.

a. Tình yêu thương của ông Sáu với con

- Khi chia tay, ông bộc lộ tình yêu con sâu nặng:

+ Anh không dám lại gần con, chỉ nhìn con bằng ánh mắt trìu mến, buồn rầu.

⇒ Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của 1 người lính trước tình cảm gia đình.

+ Giọt nước mắt mà ông cố giấu, lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con.

⇒ Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, âm áp và tràn đầy.

b. Tình yêu thương bé Thu dành cho ông Sáu

- Tuy nhiên khi được nghe bà ngoại giải thích, anh Sáu không giống trong bức ảnh thì bé Thu hiểu ra mình đã sai. Thu đã rất ân hận về hành động của mình.

- Phản ứng không nhận anh Sáu quyết liệt bao nhiêu thì khi nhận ra cha tình cảm ấy lại càng sâu nặng bấy nhiêu. Trong giờ phút cuối cùng trước khi cha đi, tình cảm dồn nén bấy lâu nay bùng lên thật mãnh liệt, mạnh mẽ.

- Nó thét tiếng “Ba” xé ruột, xé gan. Đó là tiếng “ba” nó mong chờ bấy lâu nay, tiếng gọi ấy khiến ông Sáu rơi lệ.

- Rồi nó nhảy tót lên ôm chặt lấy ông Sáu, hôn vào tóc, vai, mặt, mũi và cả vết sẹo dài trên mặt ông. Chân nó quắp chặt lấy ba, như thể không muốn cho ông rời đi.

⇒ Tính cách nhân vật bé Thu: Tình cảm mạnh mẽ sâu sắc nhưng cũng rất dứt khoát, rạch ròi. Có nét cá tính cứng cỏi đến mức ương ngạnh nhưng vẫn là đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ.

⇒ Tất cả những hành động ấy cho thấy Thu yêu thương ba vô cùng, một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thấm thiết. Tình yêu đó được bộc lộ một cách cảm động qua hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

c. Đặc sắc nghệ thuật

- Ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ.

- Miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc: Từ chỗ Thu ngạc nhiên hoảng sợ đến lạnh lùng, cuối cùng là sự bùng nổ những yêu thương do bị dồn nén. Thể hiện được điều đó chứng tỏ tác giả am hiểu tâm lý trẻ em, yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.

- Tình huống bất ngờ hợp lí, đã bộc lộ tình yêu thương tha thiết bé Thu dành cho ba của mình.

3. Kết luận

Tác phẩm đã thể hiện một cách chân thực và cảm động tình cảm yêu thương sâu nặng của hai cha con trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH TÂY NINH

I. ĐỌC HIỂU (3,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 3:

... Ông lại muốn về làng, lại muốn cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... (1)
Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? (2) Những đường hầm bí mật chắc còn là còn khướt lắm. (3)...

(Trích Làng – Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, tr.63)

Câu 1: (1,0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2: (1,0 điểm) Gọi tên, chỉ ra một biện pháp tu từ và nêu hiệu quả diễn đạt của biện pháp tu từ đó trong câu sau: “Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...”

Câu 3: (1,0 điểm) Trong đoạn trích trên, câu nào là lời trần thuật của tác giả? Câu nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Nêu tác dụng của lời độc thoại nội tâm trong việc biểu đạt nội dung.

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (3,0 điểm) Em hãy viết một bài văn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về tính dũng cảm.

Câu 2: (4,0 điểm) Phân tích đoạn thơ sau đây để làm nổi bật những cơ sở tạo nên tình đồng chí cao đẹp:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ.
Đồng chí!

(Trích *Đồng chí* – Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, tr.128)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1: Đoạn trích sử dụng phương thức tự sự và biểu cảm.

Câu 2:

- Biện pháp tu từ được sử dụng: liệt kê.
- Tác dụng: nói lên ước muốn của ông Hai, mong được về làng để cùng anh em đồng chí tham gia công cuộc kháng chiến mà trước khi đi tản cư ông vẫn hay làm.

Câu 3:

- Trong đoạn trích trên, câu (1) là câu trần thuật của tác giả. Câu (2) và câu (3) là lời độc thoại nội tâm của nhân vật.
- Tác dụng của lời độc thoại nội tâm trong việc biểu đạt nội dung là: thể hiện nỗi nhớ làng của ông Hai khi ông phải đi tản cư. Ông mong muốn được trở về làng để tham gia kháng chiến. Tình yêu làng của ông Hai cũng là một biểu hiện của tình yêu đất nước cao đẹp.

II. PHÂN TẬP LÀM VĂN

Câu 1:

1. Giải thích

- Lòng dũng cảm là một đức tính tốt, thể hiện sự mạnh mẽ, tự tin của con người trong cuộc sống; không sợ khó khăn, nguy hiểm.
- Người có lòng dũng cảm là người thực hiện được những hành động hào hiệp trong những trường hợp có vấn đề cần giải quyết, chứng tỏ được phẩm giá của mình và cứu giúp được người khác.

2. Bàn luận

a. Vai trò, biểu hiện của lòng dũng cảm trong đời sống

- Lòng dũng cảm giúp chúng ta có sức mạnh vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.
- Giúp chúng ta có thể bảo vệ người khác, đứng về phía lẽ phải, chân lí. Trong chiến tranh, lòng dũng cảm biến thành sức mạnh để mỗi con người sẵn sàng hi sinh bảo vệ tổ quốc. Khi đất nước có thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn...), lòng dũng cảm giúp ta đương đầu và vượt qua những tai ương đó.
- Lòng dũng cảm giúp con người chiến thắng chính mình trước những cám dỗ, cạm bẫy của cuộc sống, biết xin lỗi khi làm ai bị tổn thương, biết công nhận những điểm yếu, sai lầm của mình để sửa chữa.

- Dẫn chứng:

+ Trong đời sống

+ Trong văn học

b. Ý nghĩa của lòng dũng cảm

- Lòng dũng cảm cho ta niềm tin để vươn lên hoàn thiện mình và thực hiện những ước mơ trong cuộc sống.
- Lòng dũng cảm cho ta sức mạnh để có thể bảo vệ được người khác, bảo vệ chân lí và bảo vệ Tổ quốc.
- Lòng dũng cảm là phẩm chất tạo nên một người anh hùng.

c. Mở rộng, phản đề

- Trái với lòng dũng cảm là hèn nhát.
- Cần phân biệt dũng cảm và liều lĩnh.

3. Bài học nhận thức

Câu 2:

1. Giới thiệu chung

- Tác giả, tác phẩm.
- Trích đoạn thơ.

2. Phân tích

- Tình đồng chí của những người lính cách mạng được hình thành trên những đặc điểm chung.

*Chung hoàn cảnh xuất thân

- Hai câu thơ mở đầu bằng lối cấu trúc song hành, đối xứng như làm hiện lên hai gương mặt người chiến sĩ. Họ như đang tâm sự cùng nhau. Giọng điệu tự nhiên, mộc mạc, đầy thân tình. “*Quê anh*” và “*làng tôi*” đều là những vùng đất nghèo, cần cỗi, xác xơ, là nơi “*nước mặn đồng chua*” – vùng đồng bằng ven biển, là xứ sở của “*đất cày lên sỏi đá*” – vùng đồi núi trung du.

- Tác giả đã mượn thành ngữ, tục ngữ để nói về làng quê, nơi chôn nhau cắt rốn thân yêu của những người chiến sĩ. Điều ấy đã làm cho lời thơ mang đậm chất chân quê, dân dã đúng như con người vậy – những chàng trai dân cày chân đất, áo nâu lần đầu mặc áo lính lên đường ra trận! Như vậy, sự đồng cảnh, cùng chung giai cấp chính là cơ sở, là cái gốc hình thành nên tình đồng chí.

* Chung mục đích, lí tưởng

- Năm câu thơ tiếp nói lên một quá trình thương mến: từ chỗ “*đôi người xa lạ*” rồi thành “*đôi tri kỉ*” để kết thành “*đồng chí*”. Câu thơ có độ dài ngắn khác nhau, cảm xúc thơ như dồn tụ, nén chặt lại. Những ngày đầu, đứng dưới lá quân kì, những chàng trai ấy còn là “*đôi người xa lạ*”, mỗi người một phương trời “*chẳng hẹn quen nhau*”. Nhưng rồi cùng với thời gian kháng chiến, đôi bạn ấy gắn bó với nhau bằng biết bao kỉ niệm:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

- “*Súng bên súng*” là cách nói hàm súc, giàu hình tượng, đó là những con người cùng chung lí tưởng chiến đấu. Họ cùng nhau ra trận đánh giặc để bảo vệ đất nước, quê hương, giữ gìn nền độc lập, tự do, sự sống còn của dân tộc – “*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*”.

- Hình ảnh “*đầu sát bên đầu*” lại diễn tả sự đồng ý, đồng tâm, đồng lòng của hai con người đó. Câu thơ “*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*” lại là câu thơ ấp đầy kỉ niệm về một thời gian khổ, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi “*Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng*”.

- Hai tiếng “*Đồng chí!*” diễn tả niềm tự hào, xúc động, cứ ngân vang lên mãi. Xúc động bởi đó là biểu hiện cao nhất của một tình bạn thâm thiết, đẹp đẽ. Còn tự hào bởi đó là tình cảm thiêng liêng, cao cả của những con người cùng chung chí hướng, cùng một ý nguyện, cùng một lí tưởng, ước mơ.

- Tác giả đã sử dụng những từ ngữ rất giản dị, nhưng rất chân xác: “*bên*”, “*sát*”, “*chung*”, “*thành*” đã thể hiện được sự gắn bó tha thiết của mối tình tri kỉ, của tình cảm đồng chí. Cái tấm chăn mỏng, hẹp mà ấm nóng tình đồng đội ấy mãi mãi là kỉ niệm đẹp của người lính không bao giờ quên.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019

TỈNH THÁI BÌNH

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Mỉm cười là một trạng thái tinh thần đặc biệt.

Khác với bản thân cái cười. Cái cười cần và phải có đối tượng rõ ràng. Không có người ta bảo mình “có vấn đề rồi”.

Mỉm cười đến từ xa xôi, xa xôi đến mức có vẻ như mỉm cười là tự thân. Mỉm cười là trạng thái trong lành, thân thiện dang tay vui đón vũ trụ, hoà vui cuộc đời. Như tia nắng xuân mềm mại, mỏng manh, rụt rè, vô tư lự hé chào khu vườn cuối đông.

[...]Thật là vui khi nhìn thấy cái mỉm cười ở trong cái cười của ai đó, của những người bạn của mình.

Chúc mỗi bạn bè ta, mỗi sáng trước khi ra cửa, mỉm cười.

(Theo Hoàng Hồng Minh, *Lòng người mệnh mang*, NXB Văn hóa thông tin, 2014)

Câu 1: (1,0 điểm) Kể trên 02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: (0,5 điểm) Chỉ ra phép liên kết giữa hai câu văn sau: “xa xôi đến mức có vẻ như mỉm cười là tự thân. Mỉm cười là trạng thái trong lành, thân thiện dang tay vui đón vũ trụ, hoà vui cuộc đời”.

Câu 3: (0,5 điểm) Theo tác giả, tại sao “mỉm cười” khác với “cái cười”?

Câu 4: (1,0 điểm) “Chúc bạn bè ta mỗi sáng trước khi ra cửa, mỉm cười”. Câu nói trên cho em lời khuyên gì về thái độ sống?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (3,0 điểm)

Cần tôn trọng sự riêng tư của người khác.

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 300 chữ) bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 2: (4,0 điểm) Cảm nhận về hình ảnh con người Việt Nam trong hai đoạn thơ sau:

*Thuyền ta lái gió với buồm trắng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng*

(Huy Cận, *Đoàn thuyền đánh cá*, Ngữ văn 9 Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

(Thanh Hải, *Mùa xuân nho nhỏ*, Ngữ văn 9 Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam 2017)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. PHÂN ĐỌC HIỂU

Câu 1: Hai phương thức biểu đạt chính là thuyết minh và nghị luận.

Câu 2: Phương pháp liên kết: phép lặp ("*mỉm cười*").

Câu 3: Theo tác giả thì *mỉm cười* khác với cái *cười* vì:

- *Mỉm cười* "*là một trạng thái tinh thần đặc biệt*" và "*nó đến từ xa xôi, xa xôi đến mức có vẻ như *mỉm cười* là tự thân*" - một phản xạ tự nhiên của con người.
- Còn cái *cười* lại cần phải có đối tượng rõ ràng cụ thể hay cái *cười* xảy ra khi có tác động của sự vật sự việc quanh ta.

Câu 4: "*Chúc bạn bè ta, mỗi sáng trước khi ra cửa, *mỉm cười**" mang đến cho ta thông điệp: Hãy đón ngày mới bằng niềm vui, niềm tin và hạnh phúc, *mỉm cười* để bắt đầu một ngày thật tốt đẹp hơn.

II: PHÂN LÀM VĂN

Câu 1:

- Giải thích: "*Sự riêng tư*" của người khác là những điều mình không thể xâm phạm. Đó có thể là những vật dụng cá nhân hằng ngày, những đoạn tin nhắn, những lá thư hay những câu chuyện, suy nghĩ, kỉ niệm... liên quan trực tiếp đến đời sống mỗi người.
- Trong cuộc sống, chúng ta cần tôn trọng sự riêng tư của người khác vì: đó là biểu hiện của cách ứng xử có văn hóa; khiến cho mọi người tin tưởng lẫn nhau; làm cho xã hội văn minh, tiến bộ...
- Biểu hiện: tôn trọng không gian, tài sản riêng tư, bí mật của người khác; không xâm phạm đến đời sống cá nhân của mọi người; không tùy tiện chia sẻ, công khai, nhận xét thông tin cá nhân khi chưa có sự cho phép...
- Cần phê phán những hành vi xâm phạm sự riêng tư, gây ra những tổn hại cho người khác.
- Tôn trọng sự riêng tư không đồng nghĩa với thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm với mọi người.
- Liên hệ bản thân.

Câu 2:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, khái quát giá trị của đoạn thơ

- Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*:

- + Huy Cận là bút danh, họ tên là Cù Huy Cận. Thơ của ông dào dạt niềm vui, nhất là khi ông nói về cuộc sống mới, con người mới.
- + Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* được Huy Cận viết năm 1958. Bài thơ miêu tả đoàn thuyền ra khơi đánh cá một đêm trăng tròn Hạ Long, qua đó ca ngợi biển quê hương giàu đẹp, người dân chài làm chủ cuộc đời, hăng say lao động, xây dựng cuộc sống mới ấm no hạnh phúc.

- Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*:

+ Nhà thơ Thanh Hải (1930 - 1980) là bút danh của Phạm Bá Ngoãn. Ông là người có công lớn thấp sáng ngọn lửa thi ca cách mạng trong lòng miền Nam. Thơ của Thanh Hải có ngôn ngữ trong sáng, giàu âm điệu nhạc điệu, cảm xúc thiết tha, chân thành và lắng đọng.

+ Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* được Thanh Hải viết vào tháng 11 năm 1980, khi còn nằm trên giường bệnh, một tháng trước lúc qua đời. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp và khí thế của đất nước vào xuân, thể hiện khát vọng và tình yêu thiết tha được trọn đời hiến dâng cho quê hương đất nước.

+ Nhận xét: Cả hai bài thơ đều miêu tả vẻ đẹp của con người Việt Nam đặc biệt là hai đoạn thơ sau (trích dẫn thơ).

2. Hình ảnh con người Việt Nam qua các đoạn trích thơ

2.1. Hình ảnh con người Việt Nam trong đoạn trích thuộc bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*

- Con người hiện ra trong công việc lao động, giữa không gian rộng lớn của trời biển, trăng sao...

- Niềm vui phơi phới, khỏe khoắn của người lao động làm chủ công việc, muốn hòa hợp với thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên bằng công việc lao động của mình...

- Nghệ thuật: hình ảnh bay bổng, giàu màu sắc lãng mạn, giọng điệu sôi nổi, khỏe khoắn, thủ pháp phóng đại, nâng cao tầm vóc và vị thế con người...

2.2. Hình ảnh con người Việt Nam trong đoạn trích thuộc bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*

- Con người hiện ra với những suy ngẫm, tâm niệm trước mùa xuân đất nước.

- Khát vọng được hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung.

- Nghệ thuật: thể thơ năm chữ, hình ảnh giản dị, giàu ý nghĩa biểu tượng, giọng điệu trầm lắng, thiết tha...

3. Những điểm tương đồng và khác biệt

* Điểm tương đồng

Hai khổ thơ đều khắc họa hình ảnh con người Việt Nam bình dị với những khát vọng cao đẹp, nhân văn.

* Điểm khác biệt

- Đoạn thơ trong bài *Đoàn thuyền đánh cá* vẽ nên hình ảnh những con người lao động với khát vọng chinh phục thiên nhiên. Bởi thế, hình ảnh thơ kì vĩ, lớn lao, mang tầm vóc vũ trụ.

- Đoạn thơ trong bài *Mùa xuân nho nhỏ* thể hiện tâm thế của một con người cá nhân với khát vọng cống hiến cho cuộc đời. Hình ảnh thơ giản dị mà hàm súc, ý nghĩa.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH THÁI NGUYÊN

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều.

Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác diều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi diều ơi! Bay đi!” Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

(Cánh diều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, Tiếng Việt 4, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

Câu 2: (0,5 điểm) Tác giả đã chọn những chi tiết nào để tả cánh diều?

Câu 3: (1,0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ.

Câu 4: (1,0 điểm) Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua hình ảnh cánh diều? Trả lời trong khoảng 3 đến 5 dòng.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 đến 20 dòng) trình bày suy nghĩ về vai trò của khát vọng trong cuộc sống.

Câu 2: (5,0 điểm) Cảm nhận của em về hai đoạn thơ sau:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

(Trích Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

(Trích *Sang thu* - Hữu Thỉnh, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. PHÂN ĐỌC HIỂU

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả

Câu 2: Chi tiết tả cánh diều:

- Mềm mại như cánh bướm
- Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.
- Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

Câu 3: Biện pháp tu từ: So sánh. Giúp diễn tả hình ảnh bầu trời ban đêm đẹp mềm mại, mịn màng tựa như một thảm nhung.

Câu 4:

- Đầu tiên chắc chắn phải kể đến cánh diều tuổi thơ với bao kỉ niệm, kí ức tươi đẹp sẽ theo tác giả tới suốt cuộc đời.
 - Mặt khác, thông qua hình ảnh cánh diều tác giả muốn nói đến khát vọng của cuộc sống.
 - Thể hiện ở câu: "*hi vọng khi tha thiết cầu xin: "Bay đi diều ơi! Bay đi!"*" Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.
- ⇒ Con người chúng ta sống trong cuộc đời cũng cần có một khát vọng sống, lý tưởng sống cho riêng mình. Khát vọng sống như cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời chúng ta.

II. PHÂN LÀM VĂN

Câu 1:

- Khát vọng trong cuộc sống chính là mong muốn khát khao được sống được cống hiến hết mình cho cuộc đời. Những người có khát vọng chính là những người sẽ không bao giờ từ bỏ ước mơ của mình dù cho có khó khăn đến nhường nào. Chỉ còn một tia hi vọng cũng sẽ nỗ lực cố gắng chiến đấu đến cùng cho khát vọng sống ấy.
 - Khát vọng trong cuộc sống sống chính là những lúc như vậy chúng ta lại tìm được động lực của cuộc sống, động lực để tiếp tục chiến đấu với giông bão ngoài kia.
- ⇒ Nếu chúng ta có niềm tin, có khát vọng thì không có gì có thể đánh gục chúng ta, niềm tin chính là thứ vũ khí sắc bén nhất giúp chúng ta vượt qua được khó khăn. Khó khăn, thất bại, những điều này không đáng sợ bằng việc đánh mất khát vọng sống.
- Em hãy liên hệ với chính bản thân mình về những mong ước, khát khao của em trong tương lai.

Câu 2:

1. Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm

* Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*:

- Tác giả:

+ Là một nhà thơ cách mạng, sự nghiệp thơ văn của ông gắn với hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

+ Thanh Hải để lại một số lượng tác phẩm không nhiều nhưng vẫn tạo được dấu ấn riêng nhờ vẻ đẹp bình dị, trong sáng, ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu, cảm xúc chân thành, đậm thắm.

- Tác phẩm: Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1980 – thời điểm Thanh Hải ốm nặng và chỉ mấy tuần lễ sau ông qua đời.

* Bài thơ *Sang thu*:

- Tác giả:

+ Là nhà thơ chiến sĩ, trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Ông từng cầm súng chiến đấu trong chiến trường miền Nam.

+ Sáng tác của ông cuốn hút người đọc nhờ cảm xúc tinh tế, ngòi bút giàu chất lãng mạn và lối viết giản dị, giàu sức gợi.

- Tác phẩm: Sáng tác năm 1977, được in lại nhiều lần trong các tập thơ mà gần đây nhất là tập *Từ chiến hào đến thành phố* (1991).

⇒ Hai bài thơ đã thể hiện những cảm nhận tinh tế của các tác giả về sự chuyển giao giữa các mùa, và qua mỗi bài thơ đều thể hiện những suy tư, chiêm nghiệm của họ về con người, về cuộc đời.

2. Cảm nhận

a. Cảm nhận khổ đầu bài *Mùa xuân nho nhỏ*

- Bài thơ được mở ra bằng khung cảnh thiên nhiên tươi sáng và tràn đầy sức sống:

+ Cấu trúc đảo ngữ ở câu thơ 1, 2 gợi sức sống mạnh mẽ đến bất ngờ, khiến bông hoa như có cội rễ, tràn đầy sức xuân, sắc xuân.

+ Các hình ảnh “dòng sông”, “bông hoa”, “bầu trời”, “chim chiền chiện” thật bình dị và gợi cảm, đã tái hiện một không gian cao rộng của mùa xuân với những hình ảnh đặc trưng của xứ Huế.

+ Màu sắc: “sông xanh”, “hoa tím biếc” rất hài hòa, tươi sáng. Dòng sông xanh đã trở thành cái nền cho sắc tím của hoa, làm nổi bật vẻ đẹp sống động của mùa xuân.

+ Âm thanh tiếng chim chiền chiện: là tín hiệu của một buổi sớm mùa xuân trong trẻo, mát lành; gợi không gian cao rộng của bầu trời tươi sáng, ấm áp của thiên nhiên.

⇒ Chỉ bằng vài nét phác, tác giả đã vẽ ra khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp, đủ đầy hình ảnh, âm thanh, màu sắc, chứa đầy sức sống và đậm đà nét Huế.

b. Cảm nhận về khổ thơ đầu bài *Sang thu*

- Bài thơ được mở ra bằng những tín hiệu rất riêng, báo mùa thu về:

+ “*Hương ổi*”: đi liền với từ “*bỗng*” gợi cảm giác đột ngột, ngỡ ngàng “*phả*” - làn hương ngọt ngào, sánh đậm, mùi ổi chín như được cô lại, phả vào gió thu. “*Hương ổi*” gợi không gian nên

thơ thân thuộc, yêu dấu của làng quê đất Việt với những khu vườn, lối ngõ sum suê hoa trái, làm nên hương sắc mỗi mùa; gợi hương vị riêng của mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh.

+ “*Gió se*” là ngọn gió heo may mùa thu dịu nhẹ, thoáng chút se lạnh lúc thu về, giúp ta cảm nhận rõ hơn cái ngọt lành của hương ổi.

+ “*Sương chùng chình*” - nghệ thuật nhân hóa, gợi dáng vẻ, tâm trạng của làn sương thu. Làn sương lững lờ như cố ý chậm lại, lưu luyến mùa hè, chưa muốn bước hẳn sang thu.

⇒ Diễn tả một cách tài tình cái không khí se lạnh đầu thu và cả cái nhịp điệu chậm chậm của mùa thu về với đất trời.

- Đối diện với những tín hiệu báo thu là cái ngõ ngàng của lòng người:

+ “*Hình như*” là lối nói giả định, không chắc chắn, phù hợp với những biểu hiện mơ hồ lúc giao mùa - những biểu hiện ấy không chỉ được cảm nhận bằng các giác quan mà còn phải cảm nhận bằng cả một tâm hồn tinh tế.

+ Âm điệu: là tiếng reo vui, ngõ ngàng lúc thu sang.

- Khổ thơ là những cảm nhận mới mẻ, tinh tế của tác giả lúc mùa sang. Ẩn sau những đổi thay của thiên nhiên đất trời lúc sang thu là niềm vui, niềm hạnh phúc của thi nhân.

c. *Điểm giống và khác nhau giữa 2 khổ thơ*

- Giống nhau:

+ Cảm nhận tinh tế của tác giả về một mùa trong năm.

+ Thể hiện tâm hồn nhạy cảm, khả năng khám phá và phát hiện đời sống của cả hai nhà thơ.

+ Ngôn từ giản dị vô cùng thân thuộc nhưng lại giàu cảm xúc.

+ Thể thơ 5 chữ, giàu tính nhạc.

- Khác nhau:

+ Thanh Hải cảm nhận về mùa xuân của đất trời còn Hữu Thỉnh lại nắm bắt khoảnh khắc thời tiết chuyển giao giữa hạ sang thu.

+ Những đặc điểm nhận diện khác nhau:

Tiêu chí	Mùa xuân nho nhỏ	Sang thu
Đối tượng	Mùa xuân	Mùa thu
Cảm nhận qua	Bông hoa, tiếng chim	Hương ổi, gió se, sương
Cảm xúc	Say sưa, nâng niu, trân trọng	Bâng khuâng, ngõ ngàng

3. *Tổng kết*

- Bằng những cảm nhận tinh tế của một tâm hồn nhạy cảm hai tác giả đã đem đến cho người đọc những bức tranh đẹp đẽ của mùa thu và mùa xuân.

- Sử dụng ngôn từ giản dị, giàu sức biểu cảm.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 TỈNH TRÀ VINH

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan của mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “Ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “Ba” như vỡ tung ra từ lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên - nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.”

(Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, tr.198)

Câu 1: (1,0 điểm) Xác định phép liên kết hình thức và từ ngữ liên kết trong các câu: “Ba nó bế nó lên - nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.”

Câu 2: (0,5 điểm) Câu văn “Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa” sử dụng phép tu từ gì?

Câu 3: (0,5 điểm) Theo em, vì sao tác giả lại nhấn mạnh chi tiết bé Thu “hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”?

Câu 4: (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về tình cảm bé Thu đối với ông Sáu được thể hiện qua đoạn trích trên?

II. PHÂN TẬP LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm)

Việc bày tỏ tình cảm của con cái đối với cha mẹ có thể được thể hiện bằng nhiều cách khác nhau nhưng là một việc rất cần thiết.

Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về điều đó.

Câu 2: (5,0 điểm)

Sách giáo khoa Ngữ văn 9 có nhận định rằng: Đoạn thơ “Cảnh ngày xuân” là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng được gợi lên qua từ ngữ, bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình của Nguyễn Du.

Từ việc cảm nhận của em về đoạn thơ sau, hãy làm sáng tỏ nhận định trên:

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Thanh minh trong tiết tháng ba,

Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.

Gần xa nô nức yến anh,

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

Đập dìu tài tử, giai nhân,

Ngựa xe như nước áo quần như nêm.

(Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, tr.84,85)

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

I. PHÂN ĐỌC HIỂU

Câu 1:

1. *Phép liên kết*: Lặp từ ngữ - Từ liên kết: Nó

2. *Biện pháp tu từ*: Liệt kê

3. Nhấn mạnh chi tiết bé Thu hôn lên vết sẹo dài trên mặt ba, vì: Bé Thu được nghe bà ngoại giảng giải, Thu hiểu vết sẹo trên mặt ba là chứng tích tội ác của kẻ thù. Sự nghi ngờ được giải tỏa, nó cảm thấy ân hận, hối tiếc. Tình cảm dành cho cha trào dâng trong phút chia tay. Con bé cuống quýt, hối hận, ăn năn hôn lên cả vết sẹo. Với con bé, tất cả những gì thuộc về ba, nó đều yêu thương tha thiết.

4. Bé Thu là người có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt. Khi những băn khoăn được giải tỏa, tình yêu đó được bùng cháy mạnh mẽ, mãnh liệt.

II. PHẢN TẬP LÀM VĂN

Câu 1:

* Giải thích vấn đề: Việc bày tỏ tình cảm của con cái đối với cha mẹ có thể được thể hiện bằng nhiều cách khác nhau nhưng là một việc rất cần thiết. ⇒ Tầm quan trọng của việc bày tỏ tình yêu thương đối với cha mẹ.

* Bàn luận vấn đề

- Ý nghĩa của việc bày tỏ tình yêu thương với cha mẹ:

+ Để cha mẹ có thể cảm nhận được tình cảm, sự chân thành của con cái đối với bản thân.

+ Giúp xóa nhòa khoảng cách giữa con và cha mẹ, giúp các thành viên trong gia đình hiểu nhau hơn.

+ Bày tỏ tình yêu thương với cha mẹ cũng là cách thức giúp cha mẹ có thể nhanh chóng vượt qua những áp lực cuộc sống.

+ Bày tỏ tình yêu thương giúp gia đình sống hòa thuận và hạnh phúc hơn.

- Cách thức bày tỏ tình yêu thương:

+ Bằng lời nói yêu thương, chân thành.

- + Bằng hành động thiết thực: giúp đỡ cha mẹ công việc trong gia đình, chăm ngoan học tập, thấu hiểu sự vất vả của cha mẹ,...
- Nếu không bày tỏ tình yêu thương với cha mẹ sẽ ra sao?
- + Nếu tình yêu không được thổ lộ, cha mẹ sẽ không thể biết được tình cảm cảm xúc của con cái với mình.
- + Không khí gia đình luôn buồn tẻ, lạnh lẽo, thiếu hơi ấm của sự hạnh phúc.
- * Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân
- Bên cạnh đó vẫn có những người không có tình yêu thương với đấng sinh thành, sẵn sàng đánh đập mắng chửi. Đó là hành vi, biểu hiện của sự băng hoại đạo đức, lối sống. Những hành vi đó cần lên án và loại bỏ.
- Tình yêu thương nào cũng cần xuất phát từ cảm xúc chân thành, không phải là thứ tình yêu thương nơi đầu môi.
- Liên hệ bản thân: em đã làm gì để thể hiện tình yêu thương với cha mẹ?

Câu 2:

1. Giới thiệu chung về tác giả, đoạn thơ

- Tác giả

Nguyễn Du (1765 - 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Du sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học. Cuộc đời của Nguyễn Du gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. *Truyện Kiều* là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của ông.

- Đoạn thơ: Thuộc phần đầu của tác phẩm, nằm ngay sau đoạn tả tài sắc của chị em Thúy Kiều. Là đoạn thơ tả cảnh ngày xuân trong tiết thanh minh và cảnh du xuân của hai nàng Kiều.

2. Chứng minh

“Đoạn thơ *Cảnh ngày xuân* là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng được gợi lên qua từ ngữ, bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình của Nguyễn Du”.

⇒ Nhận xét đã khẳng định giá trị nội dung cũng như giá trị nghệ thuật của đoạn trích *Cảnh ngày xuân*.

a. Khung cảnh ngày xuân (4 câu thơ đầu)

* Hai dòng thơ đầu là khung cảnh ngày xuân tuyệt đẹp.

- Hình ảnh “con én đưa thơ”:

+ Tả: cảnh những cánh én bay liệng đầy trời rộn ràng như thoi đưa => hình ảnh đẹp quen thuộc của mùa xuân.

+ Gợi: Thời gian trôi nhanh, không gian cao rộng của bầu trời, không khí ấm áp của mùa xuân

- Câu thơ “*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*”:

+ Tả: Ánh sáng đẹp của ngày xuân

+ Gợi: Một không gian tràn đầy nắng ấm của tháng 3 mùa xuân, là thời điểm thiên nhiên đạt tốc độ rực rỡ nhất, viên mãn nhất. Sự nuối tiếc của chị em Thúy Kiều vì mùa xuân tươi đẹp đang trôi qua nhanh => Hai câu thơ không chỉ có giá trị thông báo về thời gian mà còn tô đậm

ấn tượng về một mùa xuân đang độ chín rất đỗi ngọt ngào. Đối diện với mùa xuân ấy lòng người không khỏi bồi hồi, xao xuyến.

* Hai câu thơ tiếp đã phác họa một bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp, tràn đầy sức sống:

- Hình ảnh “*cỏ non xanh tận chân trời*”:

+ Tái hiện một không gian tràn đầy sắc xanh non của cỏ mùa xuân.

+ Gợi: sự tươi no và sức sống dạt dào của mùa xuân.

- Hình ảnh “*cành lê*”:

+ Đảo ngữ “*trắng điểm*” ⇒ Tô đậm sắc trắng của đóa hoa lê.

+ “*điểm*”: gợi ấn tượng về sự thanh thoát của hoa.

- Màu sắc:

+ Sắc xanh của cỏ.

+ Màu trắng của hoa.

⇒ Hài hòa, gợi một không gian trong trẻo, tinh khôi, tràn trề nhựa sống.

- Với bút pháp chấm phá tài tình, tác giả đã rất thành công khi phác họa bức tranh mùa xuân khoáng đạt, tươi đẹp ⇒ Thế giới tâm hồn tràn đầy niềm tươi vui, phấn chấn và có chút tiếc nuối của chị em Thúy Kiều.

b. *Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh (6 câu thơ còn lại)*

* Lời giới thiệu (2 câu thơ đầu):

- Nghệ thuật tiểu đối cùng việc tách từ “*lễ hội*” ra làm đôi ⇒ Giúp Nguyễn Du miêu tả hai hoạt động cùng diễn ra trong ngày hội xuân: lễ tảo mộ và hội đạp thanh.

- Gợi: sự giao hòa:

+ Lễ: là lòng tri ân tổ tiên.

+ Hội: là dịp những người trẻ tuổi đi du xuân, thưởng thức vẻ đẹp của mùa xuân.

- Lễ hội diễn ra tưng bừng tấp nập:

+ Kết hợp giữa các từ ghép hai âm tiết: “*gần xa*”, “*yến anh*”, “*chị em*”... cùng các từ láy “*sầm sứa*”, “*nô nước*”, “*dập dìu*”...

⇒ Tâm trạng náo nức, tươi vui, sự rộn ràng trong lòng người chơi xuân.

+ Biện pháp ẩn dụ: “*nô nước yến anh*”: Một mặt gợi hình ảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân. Mặt khác, gợi những xôn xao trong cuộc chuyện trò, gặp gỡ; những háo hức, tình tứ của đôi lứa uyên ương.

+ Biện pháp so sánh “*ngựa xe như nước, áo quần như nêm*”: tái hiện sự đông đúc, từng đoàn người chen chúc thích cảnh đi chơi xuân chật như nêm.

3. Nhận xét

- Nội dung: Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* đã vẽ lên bức tranh thiên nhiên mùa xuân sống động, tươi đẹp, hài hòa. Đồng thời nhà thơ đã biến khung cảnh thiên nhiên ấy thành một phương tiện để khám phá thế giới nội tâm nhân vật.

- Nghệ thuật:

+ Tài nghệ sử dụng ngôn ngữ bậc thầy của Nguyễn Du. Đặc biệt ông đã sử dụng rất thành công hệ thống từ láy rất giàu giá trị biểu cảm.

+ Biện pháp tả cảnh ngụ tình điêu luyện.

+ Các biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ.

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Câu 1: (3,0 điểm)

Em hãy đọc hai văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Văn bản 1

Báo cáo mới đây của tạp chí Science cho thấy đến nay thế giới đã sản xuất khoảng 8,3 tỉ tấn nhựa, trong đó 6,3 tỉ tấn hiện là rác thải. Và 79% trong 6,3 tỉ tấn đó giờ đang nằm trong các bãi rác và môi trường bãi rác.

Nhựa được sử dụng phổ biến vì tiện dụng, rẻ tiền, dễ chế tạo. Tuy nhiên nhựa có hạn chế lớn là rất lâu phân hủy, đồng nghĩa với việc rác thải nhựa sẽ gây nên thảm họa môi trường nếu không có cách giải quyết.

Thời gian phân hủy tự nhiên của một số vật thể nhựa (đơn vị: năm)

Ly nhựa	50
Hộp nhựa	200
Tã trẻ em	450
Chai nhựa	450
Lưới đánh cá	600

Văn bản 2

Trước sự đe dọa của rác thải nhựa, nhiều nước đã lên kế hoạch hành động.

Từ tháng 1 năm nay, chính phủ Scotland đề xuất ý kiến về việc cấm sản xuất, kinh doanh một số sản phẩm làm từ nhựa. Lệnh cấm này sẽ góp phần làm giảm đáng kể lượng rác thải nhựa.

Tại Anh, các loại hạt kim tuyến trang trí đã bị cấm sử dụng. Việc tính phí với túi nhựa cũng được thực hiện. Theo số liệu thống kê của Bộ môi trường, Thực phẩm và Các vấn đề nông thôn, nhờ việc tính phí này, trong thời gian qua, số lượng túi nhựa được đưa vào sử dụng đã giảm 9 tỉ chiếc.

Từ năm 2019, Đài Loan sẽ cấm sử dụng các loại ống hút nhựa tại các chuỗi cửa hàng thức ăn nhanh, sau đó tiến tới cấm hoàn toàn việc cung cấp túi nhựa tại các điểm kinh doanh.

Tại Việt Nam, một số tổ chức xã hội đã phát động các chiến dịch như: “7 ngày thách thức”, “Bớt một vỏ chai, cứu tương lai”,... với mục tiêu thúc đẩy cộng đồng nhằm giảm rác thải nhựa. Các bạn mày mò thực hiện những dự án làm ống hút từ tre và cỏ bàng, tái chế rác nhựa thành những vật dụng có ích,... Chắc chắn những hành động này sẽ góp phần giữ môi trường trở nên xanh sạch, đẹp hơn.

Trong các đại dương, số lượng rác thải nhựa ước tính khoảng 150 triệu tấn - nặng gần bằng 1/5 khối lượng cá. Các nhà khoa học dự báo với tốc độ gia tăng rác thải nhựa như hiện nay, vào năm 2050, khối lượng rác thải nhựa sẽ nặng hơn cả khối lượng cá.

Việt Nam là một trong các quốc gia xả rác thải nhựa nhiều nhất thế giới. Tại Việt Nam, số lượng túi nilon, chai nhựa, ly nhựa, ống hút, hộp xốp,... được sử dụng nhiều vượt trội so với các nơi khác.

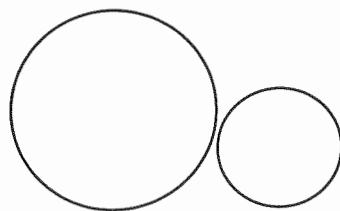
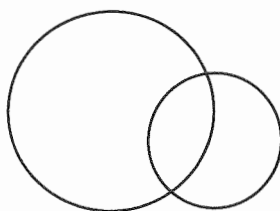
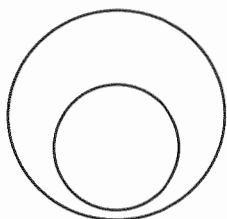
Rác thải nhựa ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái, làm ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước gây nguy hại cho nguồn lợi thủy hải sản và tác động xấu đến sức khỏe con người,...

(Hai văn bản trên được tổng hợp từ các báo Tuổi trẻ, Thanh niên, Thời nay)

- Dựa vào văn bản, hãy cho biết tác hại của rác thải nhựa đối với cuộc sống. (0,5 điểm)
- Tìm thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn cuối của văn bản hai. (0,5 điểm)
- Chỉ ra mối liên hệ về nội dung của hai văn bản trên. (1,0 điểm)
- Theo em, giải pháp nào là hiệu quả nhất để giảm ô nhiễm rác thải nhựa ở nước ta hiện nay? Vì sao? (Em có thể lựa chọn giải pháp trong văn bản hoặc tự đề ra giải pháp khác. Trả lời trong khoảng 3 - 5 dòng) (1,0 điểm)

Câu 2: (3,0 điểm)

Để thể hiện mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái (che chở, bao bọc, chia sẻ, gắn bó, bình đẳng, độc lập,...), các bạn học sinh đã đưa ra ba hình ảnh sau:



Từ một trong ba hình ảnh trên, em hãy viết bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) bàn về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong xã hội hiện nay.

Câu 3: (4,0 điểm)

Học sinh được chọn 1 trong 2 đề sau:

Đề 1

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giết bom rung kính vỡ đi rồi
 Ung dung buồng lái ta ngồi
 Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
 Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
 Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
 Như sa như ùa vào buồng lái.

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật)

Cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong hai khổ thơ trên. Từ đó, liên hệ với một tác phẩm khác cũng viết về về người lính để thấy được nét gặp gỡ của các tác giả khi viết về đề tài này.

ĐỀ 2

Từ những trải nghiệm trong quá trình đọc tác phẩm văn học, em hãy viết bài văn với nhan đề: “Những ngọn lửa nhóm lên từ trang sách”.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
1	Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu	3,0
	a. Học sinh dựa vào văn bản chỉ ra tác hại của rác thải nhựa đối với cuộc sống: ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái, làm ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, gây nguy hại cho nguồn lợi thủy hải sản và tác động xấu đến sức khỏe con người,...	0,5
	b. Thành phần tình thái: chắc chắn Gọi tên thành phần tình thái: 0,25; xác định từ ngữ tình thái	0,25
	c. Mối liên hệ về nội dung của hai văn bản:	1,0
	Văn bản 1: thực trạng rác thải nhựa quá nhiều lại lâu phân hủy gây hậu quả nghiêm trọng cho cuộc sống (0,50)	0,5
	- Văn bản 2: giải pháp mà các nước đưa ra để chống lại ô nhiễm rác thải nhựa (0,5)	

	d. Với những góc nhìn khác nhau, học sinh có thể đưa ra các giải pháp khác nhau để giảm ô nhiễm rác thải nhựa ở nước ta hiện nay. Cần nêu được tên giải pháp (0,5), đưa ra lí lẽ để thuyết phục người đọc về tính hợp lý, hiệu quả của giải pháp (0,5); diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. Một vài gợi ý: - Cần tính phí túi nhựa thay vì phát túi nhựa miễn phí cho khách mua hàng ở siêu thị. Khi đó, mỗi người sẽ tự mang theo túi nhựa hoặc chỉ mua số lượng túi nhựa đủ dùng. Lượng túi nhựa được sử dụng bớt đi, lượng rác thải từ túi nhựa sẽ giảm đáng kể. - Cần tuyên truyền giúp người dân hiểu rõ tác hại của hộp xốp, từ đó tiến tới cấm sử dụng hộp xốp để đựng thức ăn. Việc ngừng sử dụng hộp xốp vừa góp phần bảo vệ an toàn sức khỏe người tiêu dùng vừa làm giảm số lượng rác thải từ hộp xốp. ...	
2	Từ một trong ba hình ảnh trong đề, viết bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) bàn về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong xã hội hiện nay	3,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.	2,0

Học sinh lựa chọn một trong ba hình ảnh trong đề để bàn về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong xã hội hiện nay. Sau đây là một số gợi ý cho các hướng giải quyết đề bài:

Hình 1	Hình 2	Hình 3
- Giải thích: - Nêu hiện tượng: Đây là dạng đề mở. Học sinh có thể đưa ra những cách giải mã khác nhau để rút ra vấn đề bàn luận. Một vài gợi ý:		
Vòng tròn nhỏ nằm trong vòng tròn lớn tượng trưng cho việc con cái luôn được cha mẹ ôm ấp, bao bọc, chở che.	Hai vòng tròn giao nhau tượng trưng cho việc cha mẹ và con cái là những cá thể riêng, độc lập nhưng vẫn có điểm chung, gắn kết, chia sẻ với nhau	Hai vòng tròn đặt cạnh nhau tượng trưng cho việc con cái và cha mẹ là những cá thể riêng biệt, tuy ở gần nhưng ít liên quan, ít tác động đến nhau
- Bàn luận: Tùy vào những hiểu biết và suy ngẫm riêng, học sinh bàn luận vấn đề đã chọn theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các bước làm bài Nghị luận xã hội (lí giải nguyên nhân, phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại,...). Một vài gợi ý:		
+ Trong mắt cha mẹ, con lúc nào cũng nhỏ bé, non nớt, cần được quan tâm, chăm sóc, chỉ dẫn, dìu dắt. Hơn nữa, có những đứa con mắc bệnh không chịu lớn, luôn muốn dựa dẫm vào cha mẹ. + Việc cha mẹ bao bọc khiến con ít vấp ngã, ít phạm sai lầm và luôn thấy mình được yêu thương.	+ Yêu thương và tôn trọng cái tôi của con, hiểu rằng con cũng cần có đời sống độc lập, cha mẹ sẽ đối xử với con một cách bình đẳng, ngang hàng trên cơ sở gắn kết, thấu hiểu, quan tâm. + Việc tạo cho con một đời sống tương đối độc lập sẽ khiến đứa trẻ có cơ hội trưởng thành trong tầm kiểm	+ Cuộc sống bận rộn với những mối quan tâm riêng khiến cha mẹ và con cái ít tương tác. Việc tôn thờ tự do cá nhân thái quá cũng khiến các thành viên trong gia đình thiếu quan tâm đến nhau. + Nếu từ nhỏ ít được cha mẹ quan tâm, đứa trẻ sẽ khó có thể lớn lên với một đời sống thể chất và tâm

Tuy nhiên điều đó cũng làm cho con cảm thấy ngột ngạt, mất tự do, mất khả năng tự lập, tự quyết, từ đó sinh ra trầm cảm hoặc ỷ lại.	soát của cha mẹ mà không cảm thấy bức bối, ngột ngạt. Mỗi quan hệ giữa cha mẹ và con cái cũng tốt đẹp hơn vì con cảm thấy mình được yêu thương và tôn trọng.	hồn lạnh mạnh. Việc những thành viên trong gia đình thiếu gắn kết làm gia đình trở nên lỏng lẻo, rời rạc.
+ Không đồng tình với việc cha mẹ bao bọc con cái thái quá hoặc không quan tâm đến con cái. + Mỗi gia đình nên có những hoạt động chung để các thành viên thấu hiểu, chia sẻ với nhau. Bên cạnh đó, cần tôn trọng tự do của mỗi cá nhân.		
- Bài học nhận thức và hành động: Phải duy trì sự gắn kết gia đình, đồng thời phải phát triển sự độc lập của bản thân.		
- Bài học nhận thức và hành động: Phải duy trì sự gắn kết gia đình, đồng thời phải phát triển sự độc lập của bản thân.		
Lưu ý: Học sinh cần phân tích các dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề		
c. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.		
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu		

0,25

0,25

ĐỀ 1	
Cảm nhận về hình ảnh người lính trong hai khổ thơ đầu của bài <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>. Từ đó, liên hệ với một số tác phẩm khác cũng viết về người lính để thấy được nét gặp gỡ của các tác giả khi viết về đề tài này.	4,0
a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,5

	Xác định đúng đắn vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, hai khổ thơ cần phân tích. - Cảm nhận về hai khổ thơ: Cần thấy được: + Về đẹp của hình tượng người lính: thể hiện qua tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, coi thường gian khổ, hiểm nguy; cái nhìn lạc quan, tươi vui;... Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lính lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp và sức mạnh tinh thần lớn lao của họ. + Về đẹp của ngôn từ nghệ thuật: Hình ảnh thơ độc đáo; ngôn ngữ thơ rất gần với lời nói, có những câu như văn xuôi tạo nên giọng điệu ngang tàng, thể hiện cái hiên ngang của người lính; thể thơ tự do với số câu linh hoạt,... - Học sinh tự chọn một tác phẩm khác cũng viết về đề tài người lính (trong hoặc ngoài SGK) để liên hệ với hai khổ thơ trên. Cần nói qua về nội dung của tác phẩm được chọn, chỉ ra nét đặc sắc của các tác giả (có thể về nội dung hoặc nghệ thuật hoặc cả nội dung và nghệ thuật, tùy theo tác phẩm được chọn) khi viết về người lính. Trên cơ sở đó, khẳng định ý nghĩa của đề tài người lính và đóng góp của mỗi nhà văn khi viết về đề tài này.	3,0
	c. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0,25
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Đề 2	
	Từ những trải nghiệm trong quá trình đọc tác phẩm văn học, viết bài văn với nhan đề: “Những ngọn lửa nhóm lên từ trang sách”	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. Xác định đúng đắn vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể triển khai bài làm theo nhiều hướng khác nhau: bình luận vấn đề; phân tích một hay nhiều tác phẩm cụ thể chứng minh vấn đề; kết hợp giữa chứng minh và bình luận;... Sau đây là một hướng giải quyết đề bài:	0,5

	- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Những trải nghiệm trong quá trình đọc sẽ thấp lên trong ta những ngọn lửa - những cảm xúc mãnh liệt. Đó có thể là ngọn lửa của khát khao chiếm lĩnh tri thức; ngọn lửa của ước mơ được đến với những vùng trời mới, được sống một cuộc đời tốt đẹp hơn; ngọn lửa của những tình cảm rực cháy: yêu thương, căm ghét, xúc động, tin tưởng,... - Chứng minh bằng những trải nghiệm trong quá trình đọc tác phẩm văn học: Học sinh tự chọn phân tích một hay nhiều tác phẩm (trong hoặc ngoài SGK) để chỉ ra những ngọn lửa mà trang sách nhóm lên trong mình. Cảm nhận của học sinh cần chân thành, tinh tế, sâu sắc. Bài làm cần có lí lẽ làm sáng tỏ vấn đề chứ không chỉ dừng lại ở việc phân tích nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. - Khái quát, đánh giá, bàn luận vấn đề: Học sinh đưa ra các ý kiến, suy nghĩ khác nhau về vấn đề. Có thể là: + Chỉ những tác phẩm thực sự có giá trị mới nhóm lên ngọn lửa của những điều tốt đẹp, làm bừng sáng tâm hồn người đọc. + Tác động của văn chương thường không đến ngay lập tức sau khi đọc mà phải qua quá trình nghiền ngẫm, chiêm nghiệm. Chỉ khi người đọc có trình độ thưởng thức, có sự am hiểu văn học, tác phẩm mới có thể nhóm lửa tâm hồn họ.	
	c. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0,25
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 - 2019 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHẦN I. (6,0 ĐIỂM)

Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* là một khúc tráng ca về lao động và về thiên nhiên đất nước.

- Cho biết tên tác giả và năm sáng tác của bài thơ ấy
- Xác định các từ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên ở những câu thơ sau:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng.

Biện pháp tu từ nói quá cùng những hình ảnh giàu sức liên tưởng được sử dụng trong hai câu thơ này có tác dụng gì?

3. Ghi lại chính xác câu thơ trong một bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà em đã được học ở trong chương trình Ngữ văn Trung học Cơ sở cũng có hình ảnh con thuyền trong đêm trăng.

4. Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ hình ảnh người lao động ở khổ thơ dưới đây, trong đó sử dụng phép lặp để liên kết và câu có thành phần phụ chú (gạch dưới những từ ngữ dùng làm phép lặp và thành phần phụ chú):

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

PHẦN II. (4,0 ĐIỂM)

Sau đây là một phần trò chuyện giữa nhân vật Phan Lang và Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ):

Phan nói:

- Nhà cửa tiên nhân của nương tử, cây cối thành rừng, phần mộ tiên nhân của nương tử, có gai rộp mắt. Nương Tử dù không nghĩ đến, nhưng tiên nhân còn mong đợi nương tử thì sao?

Nghe đến đấy, Vũ Nương ứa nước mắt khóc, rồi quả quyết đổi giọng mà rằng:

- Có lẽ không thể gửi hình ảnh bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Và chẳng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cầm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

1. Phan Lang trò chuyện với Vũ Nương trong hoàn cảnh nào? Từ “tiên nhân” được nhắc tới trong lời của Phan Lang để chỉ những ai?

2. Vì sao sau khi nghe Phan Lang nói, Vũ Nương “ứa nước mắt khóc” và quả quyết “tôi tất phải tìm về có ngày”?

3. Em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về vai trò của gia đình trong cuộc sống mỗi chúng ta.

Ghi chú: Điểm phần I: 1 (0,5 điểm), 2 (1,5 điểm), 3 (0,5 điểm), 4 (3,5 điểm)

Điểm phần II: 1 (1,0 điểm), 2 (1,0 điểm), 3 (2,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1: 0,5 điểm	Tác giả: Huy Cận	0,25
	Năm sáng tác: 1958	
	Xác định đúng các từ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên trong hai câu thơ.	0,5
Câu 2:	Hiểu đúng tác dụng của biện pháp tu từ nói quá và những hình ảnh liên tưởng trong hai câu thơ: - Nhấn mạnh tầm vóc và vị thế lớn lao, tâm hồn lãng mạn, sự hòa hợp với thiên nhiên...	0,75
	- Thể hiện tình cảm của tác giả đối với người lao động, với thiên nhiên và cuộc sống mới.	0,25

Câu 3: 0,5 điểm	Ghi chính xác câu thơ: <i>Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền</i> (<i>Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền</i>)	0,5
Câu 4:	- Nội dung: biết bám sát ngữ liệu và khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật (từ ngữ, hình ảnh, cách ngắt nhịp, biện pháp tu từ...) để làm sáng tỏ hình ảnh người lao động: + Không gian, thời gian, công việc kéo lưới khi “sao mờ” + Khí thế khẩn trương, đáng vẻ khỏe khoắn. + Tâm trạng hồ hởi, tinh thần lạc quan trước thành quả lao động và sự giàu đẹp của thiên nhiên. + Thái độ trân trọng, ngợi ca của tác giả Nếu thí sinh chỉ diễn xuôi lại đoạn thơ mà không chú ý khai thác nội dung trên cơ sở các tín hiệu nghệ thuật, giám khảo không cho quá 1,0 điểm	0,5 0,75 0,5 0,25
Câu 4:	- Hình thức + Đảm bảo dung lượng, có trình tự mạch lạc, diễn đạt rõ ý; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. + Đúng đoạn văn diễn dịch (0,5 điểm); có sử dụng phép lặp để liên kết câu (0,25 điểm), đúng thành phần phụ chú (0,25 điểm).	0,5 0,5

PHẦN II (4,0 ĐIỂM)

Câu 1: 1,0 điểm	Xác định đúng: - Sau buổi tiệc ở thủy cung. - Từ “tiên nhân” trong đoạn văn chỉ: người đời trước (cha ông, tổ tiên), Trương Sinh.	0,5 0,5
Câu 2: 1,0 điểm	Giải thích được lí do: - Lời của Phan Lang chạm đến những nỗi niềm sâu kín của Vũ Nương. - Vũ Nương còn nặng lòng với trần gian, khát khao được phục hồi danh dự.	0,5 0,5
Câu 3:	- Nội dung: + Hiểu ý niệm về gia đình. + Bàn luận xác đáng về vai trò của gia đình trong cuộc sống của mỗi người (là chiếc nôi nuôi dưỡng và hình thành nhân cách; là điểm tựa, bến đỗ bình yên, nơi chấp cánh ước mơ...). + Có những liên hệ cần thiết và rút ra bài học. - Hình thức: đảm bảo dung lượng, đúng kiểu văn nghị luận, có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, có trình tự mạch lạc, diễn đạt rõ ý. Lưu ý: khuyến khích thí sinh có suy nghĩ riêng, tuy nhiên phải lí giải hợp lí, thuyết phục. Không cho điểm bài làm có suy nghĩ lệch lạc, tiêu cực.	0,25 0,75 0,5 0,5

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO 10 2018 - 2019 THANH HÓA

Câu 1: (2,0 điểm)

a. Xác định biện pháp tu từ trong phần in đậm của ngữ liệu sau:

*Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.*

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b. Viết lại câu sau bằng cách chuyển phần in đậm thành khởi ngữ:

*Anh ấy **chạy** nhanh nhất đội tuyển.*

c. Cho đoạn văn sau, tìm câu có chứa hàm ý và cho biết nội dung của hàm ý đó là gì ?

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi “Ba chất nước giùm con”, phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu hỏi của tôi, nó lại kêu lên:

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ ?

(Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng)

Câu 2: (3,0 điểm)

Gia đình luôn hiện về bên ta trên mọi nẻo đường, vực ta dậy mỗi khi vấp ngã, góp một nụ cười khi ta thành công.

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 30 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 3: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê (SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2011).

GỢI Ý GIẢI ĐỀ

Câu 1:

a) Biện pháp tu từ trong phần in đậm: so sánh “*trong như tiếng hạc*”

b) Có thể viết lại như sau: *Chạy, anh ấy nhanh nhất đội tuyển.*

c) Câu chứa hàm ý là: “- *Cơm sôi rồi, nhão bây giờ ?*”

Ý nghĩa: Cơm đã sôi rồi, con bé muốn anh Sáu chặt giùm nước để cơm khỏi nhão.

Em bé phải nói hàm ý vì trước đó đã nói thẳng ra nhưng không có hiệu quả; lần này không cần nhắc lại ý “chặt giùm nước” mà thêm vào ý giục giã: “nhão bây giờ!”.

Nhưng việc sử dụng hàm ý trong trường hợp này không có hiệu quả, vì người nghe không tiếp nhận, từ chối cộng tác bằng cách “ngồi im”, vờ như không nghe bởi vì lời nói đó không phải để nói với mình.

Câu 2: Các em có thể dựa trên những cơ sở sau để phân tích:

1. Giải thích vấn đề: “*Gia đình luôn hiện về bên ta trên mọi nẻo đường, vực ta dậy mỗi khi vấp ngã, góp một nụ cười khi ta thành công*”

⇒ Khẳng định vai trò to lớn của gia đình đối với mỗi con người.

- Gia đình là một trong ba môi trường của xã hội, quyết định trực tiếp tới mặt tự nhiên và xã hội trong mỗi con người, là nơi để các thành viên sống chân thành với nhau, san sẻ lòng yêu thương, niềm vui, là điểm dựa vững chắc nhất những lúc chúng ta gặp khó khăn, hay thất bại trong cuộc sống.

- Gia đình là những người cùng chung sống dưới một mái nhà, gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và huyết thống thường gồm có ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cái và cháu chắt.

2. Bàn luận vấn đề

* Vai trò của gia đình:

- Gia đình là nơi ta được sinh ra, được nuôi dưỡng trưởng thành.

- Gia đình là nơi đầu tiên giúp ta hình thành nhân cách.

- Gia đình là nơi bao bọc, che chở cho mỗi con người.

- Gia đình là cái nôi, là chốn bình yên cho ta trở về sau những giông bão của cuộc đời.

- Gia đình còn là nơi chia sẻ niềm vui khi ta thành công.
 - Gia đình là nguồn động lực, nguồn cổ vũ động viên giúp ta không ngừng phấn đấu.
 - Gia đình là nơi nâng đỡ, giúp ta vươn đến những ước mơ của cuộc đời.
 - Gia đình còn là hạt nhân, tế bào của xã hội.
 - Gia đình vững chắc và bình yên là nơi nuôi dưỡng những con người có ích cho xã hội.
- ⇒ Gia đình có ý nghĩa, vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc đời mỗi con người.
- * Bài học rút ra: Mỗi người con phải có trách nhiệm đối với gia đình, luôn yêu thương, kính trọng ông bà, cha mẹ, chăm sóc, phụng dưỡng khi ông bà cha mẹ già yếu.
 - * Phản đề: Bên cạnh đó vẫn có những người chưa nhận ra được ý nghĩa và có ý thức trân trọng, gìn giữ gia đình, thậm chí là có hành động đi ngược lại điều đó: bất hiếu, ngược đãi ông bà, cha mẹ, đây là hành vi đáng lên án và cần được loại bỏ.
 - * Liên hệ bản thân

Câu 3: Có thể tham khảo dàn ý sau đây:

1. Mở bài

- Truyện ngắn “Ngôi sao xa xôi” của tác giả Lê Minh Khuê ngợi ca tinh thần dũng cảm của các cô gái thanh niên xung phong, của thế hệ trẻ trong những ngày mưa bom bão đạn.
- Cô gái Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” đó là một nữ chiến sĩ thanh niên xung phong xinh đẹp, trong sáng, giàu tình cảm và dũng cảm, ngoan cường.

2. Thân bài

* *Hoàn cảnh sống và chiến đấu:* Phương Định cùng đồng đội đảm nhận một công việc đầy gian khổ, hiểm nguy trên cung đường Trường Sơn, giữa những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt.

- Xuất thân là con gái Hà Nội, Phương Định tham gia thanh niên xung phong sống giữa khối bụi Trường Sơn và bom đạn. Cô thuộc tổ trinh sát mặt đường, hàng ngày phải đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần phải phá bom.

- Không chỉ vậy, cô và tổ trinh sát còn đảm đương việc phá bom nổ chậm. Đây là nhiệm vụ đòi hỏi sự bình tĩnh, dũng cảm, quên mình của chiến sĩ vì thân chết luôn lẫn trong ruột những quả bom.

⇒ Công việc hết sức nguy hiểm, có làm bao nhiêu lần vẫn không thể quen, vẫn luôn căng thẳng đến mức “thần kinh căng như chảo... tim đập bất chấp cả nhịp điệu”.

⇒ Vậy mà, cô vẫn bám trụ 3 năm liền trên tuyến đường Trường Sơn, chứng tỏ vẻ đẹp quả cảm, ý chí kiên cường, lòng yêu nước của Phương Định.

* *Giữa chiến trường khói lửa, chị vẫn hồn nhiên, ngây thơ, trẻ con đôi khi nhay cảm, mơ mộng, thích hát.*

- Chị vẫn hay nhớ về những kỉ niệm bên mẹ trong căn gác nhỏ, nhớ về thành phố tuổi thơ.

- Là cô gái yêu đời, hồn nhiên, giàu cá tính, hay hát hay cười một mình, hay ngắm mình trong gương.

- Tự đánh giá mình là một cô gái khá, có hai bím tóc dài, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Mắt dài, màu nâu hay nheo lại như chói nắng và được các anh chiến sĩ nhận xét là “có cái nhìn sao mà xa xăm”.

- Chị có cái điệu đà của một cô gái Hà Nội nhưng đáng yêu, hồn nhiên và chân thực. Điểm xinh xắn và điệu đà được cánh pháo thủ và lái xe quan tâm, khi đó chị cảm thấy ấm lòng và tự tin hơn.

Bản chất anh hùng, nghiêm túc trong công việc, tinh thần dũng cảm, luôn có thần chết rình rập.

- Phương Định là một cô gái có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc.
- Tinh thần dũng cảm trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm, chị dũng cảm, bình tĩnh tiến đến quả bom, đằng hoàng mà bước tới cùng xới xẻ đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm trúng vào quả bom.
- Có những lúc chị nghĩ đến cái chết nhưng chỉ “mờ nhạt”, mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được chị đặt lên trên.

⇒ Ấy vậy mà Phương Định vẫn đùa vui trong gian khổ, coi thường thương tích, coi rằng công việc của mình cũng có cái thú vị riêng. Cô là biểu tượng cho vẻ đẹp của lòng quả cảm, kiên cường của thế hệ nữ thanh niên xung phong thời chống Mỹ.

** Tình cảm gắn bó với đồng chí, đồng đội.*

- Cô yêu thương, chiều chuộng Nho như một đứa em út trong nhà.
- Khi Nho bị thương, cô lo lắng, chăm sóc, cảm thấy đau như chính mình bị thương.
- Với chị Thao, Phương Định hiểu tính cách và tình cảm của chị, cô coi chị Thao như người chị cả trong gia đình.
- Khi đồng đội trên cao điểm, Phương Định ở nơi an toàn trực điện đài, mà chẳng thể yên lòng: cô gắt lên với đội trưởng, cô sốt ruột chạy ra ngoài rồi lo lắng.

⇒ Tất cả đã làm hiện lên một thế giới tâm hồn tinh tế, trong sáng, nhân hậu và vẻ đẹp nhân cách của một người thiếu nữ, sống giữa hiện thực chiến tranh khốc liệt mà vẫn tràn đầy niềm yêu thương, tin tưởng dành cho con người và cuộc sống.

** Đặc sắc nghệ thuật*

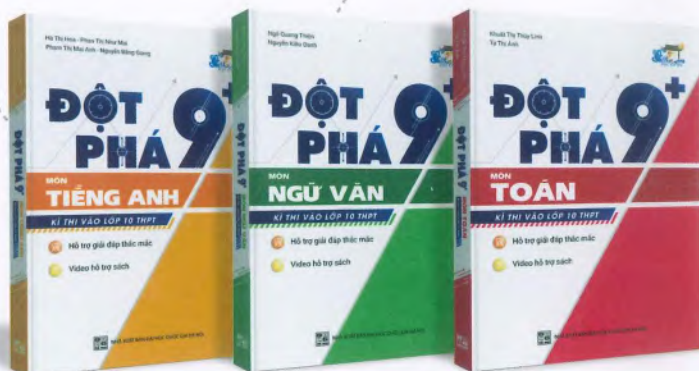
- Nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc.
- Kể chuyện sinh động.
- Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật, nhịp kể biến đổi linh hoạt.
- Lựa chọn ngôi kể phù hợp, thể hiện được những nét tinh tế, sâu sắc trong tâm hồn nhân vật.

3. Kết bài

- Với ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật sinh động, Lê Minh Khuê đã khắc họa thành công nhân vật Phương Định, người thiếu nữ Hà Nội với tâm hồn phong phú và lòng dũng cảm, tinh thần quên mình vì nhiệm vụ. Nhà văn đã góp cho văn xuôi chống Mỹ một trong những hình tượng sống động và đáng yêu nhất.

TRỌN BỘ

ĐỘT PHÁ



CCbook là thương hiệu đi đầu trong lĩnh vực phát hành sách tham khảo, luyện thi vượt cấp. Những đầu sách của CCBook được viết bởi đội ngũ thầy cô chuyên môn giỏi đầy nhiệt huyết để làm bùng cháy lên ngọn lửa đam mê học tập cho học sinh, giúp các em lĩnh hội kiến thức dễ dàng.

Dấu ấn riêng biệt về sách của CCBook

- Nội dung sách được biên soạn bám sát theo định hướng thi tuyển của các Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Các tiện ích công nghệ nhằm hỗ trợ toàn diện việc học-ôn-thi của học sinh bao gồm:
 - » Video bài giảng do tác giả trực tiếp ghi hình giúp em chữa bài khó, chỉ ra những lỗi sai cần tránh, mẹo làm bài, các phương pháp giải nhanh để tiết kiệm thời gian.
 - » Nhóm giải đáp học tập 24/7 trên Facebook gỡ rối mọi khúc mắc trong quá trình học. Chỉ cần đăng câu hỏi thầy cô sẽ giải đáp tận tình đến khi em hiểu mới thôi.

Vì nhanh nhạy trong việc nắm bắt những cải cách giáo dục cũng như xu hướng ra đề, hình thức thi và thấu hiểu được những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình ôn luyện, nên sách của CCBook luôn được độc giả quan tâm, săn đón, phản hồi tích cực.

Với tinh thần “Độc là đố” CCBook luôn nỗ lực mang đến những đầu sách chất lượng nhất giúp các em tự tin vượt cấp 9 vào 10 một cách dễ dàng nhất!

Hãy truy cập vào fanpage CCBook- Độc là đố <https://www.facebook.com/ccbook.vn/> để được tư vấn chi tiết về bộ sách.

CC
CCGROUP

Công ty cổ phần CCGroup Toàn Cầu

Địa chỉ: Số 10, Dương Quảng Hàm, P. Quan Hoa,

Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Web: ccbook.vn

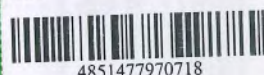
ĐT: 024.33.99.22.66

ISBN: 978-604-62-4725-8



9 786046 247258

Đột Phá 9+ Ngữ Văn: Kỳ Thi Vào Lớp 10 THPT



4851477970718

Giá: 250.000 VNĐ